

Alistair MacLean

The Guns of NAVARONE



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Alistair MacLean

The Guns of NAVARONE



Năm 1944, trong quần đảo Hy Lạp, một cuộc chiến đấu không khoan nhượng diễn ra giữa toán biệt động Anh và đội quân trú phòng tiền phương của Phát xít Đức .

Ở Navarone, quân đội Đức đã thiết lập một pháo đài thép vô cùng kiên cố để kiểm soát sự lưu thông trên eo biển trọng yếu.

Một toán biệt động Anh đã được thành lập với sứ mạng : đổ bộ lên một điểm của hòn đảo nổi tiếng bất khả xâm nhập và vô hiệu hóa hai khẩu đại bác ở Navarone. Nhóm ít người này dấn thân vào một cuộc chiến ác liệt. Họ chiến đấu đến tận cùng sức lực ...





CHƯƠNG MỘT

CHỦ NHẬT

1g – 9g

Que diêm được quẹt mạnh vào vách rỉ sét của căn nhà có mái tôn lượn sóng, kêu soẹt và bật cháy, ánh sáng lập lòe trong im lặng và bóng tối của màn đêm. Mallory đưa mắt nhìn theo ánh lửa đang được châm vào điếu thuốc nhô ra dưới hàm râu tua tủa như bàn chải đánh răng của viên thiếu tướng, rọi sáng luôn khuôn mặt bất động của một người đàn ông đứng cách đó vài phân, với tia nhìn đăm đăm, cuốn hút vào câu chuyện. Ánh lửa tắt ngúm, que diêm bị chà đạp trên cát của sân bay.

- Tôi nghe thấy họ, thiếu tướng khẽ nói. Tôi nghe họ đang tới. Trong năm phút nữa, không lâu hơn. Tối nay, trời im gió, họ sẽ hạ cánh trên đường bay số 2. Chúng ta hãy tới chờ họ trong phòng họp báo.

Ông ngưng nói, ném về phía Mallory một cái nhìn hóm hỉnh và có vẻ mỉm cười. Nhưng giọng

ông không được chút gì vui:

- Này chàng trai, hãy chế ngự nóng nảy. Chỉ thời gian ngắn nữa thôi, anh sẽ nhận tất cả những câu trả lời đang mong đợi, và tôi e rằng còn hơi sớm đấy.

Bất ngờ, viên thiếu tướng bước ra, về hướng dãy nhà to lớn lù lù ở đường chân trời đen nhạt.

Mallory nhún vai, đi theo ông nhưng không bước chậm hơn, cùng với người thứ ba của nhóm, một nhân vật béo lùn đi núng nính nhưng rất gọn. Mallory nghĩ thầm Jensen hẳn phải khổ luyện mới có được dáng đi kiểu thủy quân như thế. Ông ta ở ba mươi năm trong nghề mà, nhưng đó chưa phải là vấn đề. Với chức vụ trưởng phòng 3 đặc trách những "Điệp vụ phá hoại" (S.O.E)[1] ở Caire[2], hải quân đại tá James Jensen đã xuất sắc thành công và được tướng thưởng Huân chương Công vụ Đặc biệt của Hải quân Hoàng gia. Đa mưu, giỏi nghi binh, tài bắt chước, hóa trang như thật, đều là "nghề" của chàng. Đã từng "quậy" ở các xứ phương Đông, từ Alexandrette[3] đến Alexandrie[4], chinh phục sự nể nang của những người thợ ở các xưởng đóng tàu, cỡi lạc đà còn thành thạo hơn bọn cướp biển sa mạc, thân thể chẳng chịt những vết sẹo không ai sánh kịp kể cả bọn ăn mày ghẻ lở ở các chợ trời phương Đông. Vậy mà tối nay, Jensen chỉ là một sĩ quan hải quân giản dị với vẻ mặt không vui. Bộ quân phục hoàn toàn trắng toát từ chóp mũ xuống tới đôi giày. Chỉ có lon đại tá óng ánh trên hai cầu vai và trên vành nón.

Bước chân họ nhịp đều trên cát và sau đó nện vang rền trên xi-măng của đường ra phi đạo. Hai người đi sau hầu như mất hút bóng thiếu tướng. Mallory chợt quay sang Jensen.

- Thừa Đại tá, như vậy có nghĩa gì? Tại sao mọi việc lại bí mật? Tại sao tôi phải có mặt ở đây? Lạy Chúa tốt lành! Mới hôm nào đây người ta "bốc" tôi ra khỏi đảo Crète[5] và chỉ báo trước có tám tiếng. Họ nói tôi được đi phép một tháng, và bây giờ thì... có mặt ở đây!

- Rồi sao nữa? Jensen hỏi.

- Còn sao nữa! Chẳng có nghỉ phép gì ráo trọi! Mallory nói bằng vẻ cay đắng. Không có lấy một đêm được ngủ. Chỉ có những giờ và những giờ trong văn phòng sở chỉ huy để trả lời hàng đồng câu hỏi ngu xuẩn về leo núi Alpes[6] phía nam. Kể đó, họ lôi tôi ra khỏi giường ngủ với lệnh đi gặp Đại tá. Sau đó là những giờ xuyên qua sa mạc quỷ quái trong chiếc xe do một người Xcốt-len điên khùng vừa lái vừa hát những bài nùng nặc mùi rượu và đã hỏi tôi hàng trăm câu hỏi còn ngu xuẩn hơn nữa!

- Hẳn là một trong những nhân viên ưu tú nhất của tôi cái trang đấy. Theo tôi, đó là cuộc hành trình thú vị!

- Một trong những...

Mallory ấp úng không nói hết câu, lo lắng khi nghĩ tới những điều đã nói với viên đại úy già người Xcốt-len có râu mép lái xe.

- Tôi... tôi xin Đại tá tha lỗi. Tôi thật không ngờ...

- Dĩ nhiên, anh không được biết gì cả, Jensen ngắt lời. Tôi chỉ muốn trắc nghiệm xem anh có xứng đáng là người được chỉ định công tác này hay không. Trước khi "bốc" anh ra khỏi đảo Crète, tôi đã chắc rằng anh đủ khả năng, và qua thử thách vừa rồi, tôi lại càng thấy mình có lý. Nhưng tôi không hiểu anh nghĩ sao mà lại tin rằng được đi phép. Người ta thường hiểu sai ý tốt của cơ quan "Điệp vụ phá hoại" (S.O.E) nhưng dù sao cơ quan chúng tôi cũng không điên khùng đến nỗi trưng dụng nguyên một chiếc phi cơ cho các sĩ quan thuộc cấp nghỉ phép một tháng ở thủ đô của Ai Cập.

- Tôi cũng chưa hiểu ý Đại tá...

- Hãy kiên nhẫn, chàng trai, kiên nhẫn theo lời khuyên vừa rồi của ngài Thiếu tướng đáng kính của chúng ta. Thời gian bất tận. Chờ đợi và mãi mãi chờ đợi, đó là cuộc sống ở phương Đông.

- Tổng cộng chỉ ngủ được có bốn giờ trong ba ngày như vậy còn chưa đủ sao? Mallory lầm bầm rửa thầm... A! Họ tới rồi!

Cả hai chớp mắt liên hồi trước ánh sáng chói lóa của những đèn chiếu sáng phi đạo cho máy bay hạ cánh. Không đầy một phút, chiếc phóng pháo cơ dừng lại nặng nhọc, vụng về ngay gần họ. Thân máy bay màu xám và cánh bom lõ lõ chỗ những vết đạn kể cả đạn đại bác, một đầu cánh bị rách rời và động cơ ngoài bên trái ngưng hoạt động, dầu rỉ ra. Tấm kính của phòng lái thủng bể khoảng mười hai lỗ.

Jensen chăm chú nhìn khá lâu những lỗ thủng và những vết thương chi chít của chiếc máy bay oanh tạc bị hư hại nặng, kể đó ông lắc đầu và quay mặt đi.

- Đại úy Mallory, ông dịu dàng nói, anh than phiền chỉ được ngủ bốn tiếng, bây giờ tôi bắt đầu thấy anh là kẻ may mắn đã được ngủ trong thời buổi này.

Gian phòng họp báo ít tiện nghi và thiếu thoáng khí được chiếu sáng bởi hai bóng đèn cực mạnh, Đồ đạc chỉ gồm vài tấm bản đồ sờn rách treo tường, khoảng gần hai chục cái ghế cũ mòn và một cái bàn bằng gỗ trắng. Viên thiếu tướng ngồi ở giữa đại tá Jensen và đại úy Mallory. Cửa phòng mở và những phi công đầu tiên bước vào, chớp mắt dưới ánh sáng cao độ. Dẫn đầu đoàn là một viên phi công tóc đen, vóc người to lớn, tay trái ôm nón và bộ đồ bay. Hàng chữ "Australie"[7] màu trắng nổi bật phía trên phù hiệu bên vai bộ kaki và trên hai nắp túi ở ngực. Anh chàng nhú lông mày, im lặng ngồi xuống không cần xin phép, trước mặt ba vị sĩ quan, móc ra bao thuốc lá và quẹt diêm. Mallory lén nhìn thiếu tướng, nhưng ông có vẻ chịu đựng, giọng nói cũng thế.

- Giới thiệu với các ông: đây là Thiếu tá không quân Bill Torrance.

Và thiếu tướng nói thêm tuy hơi thừa:

- Torrance là người Úc.

Mallory có cảm tưởng ông hy vọng giải thích đôi điều về thái độ của thiếu tá Torrance...

- Torrance đã chỉ huy một phi đội tấn công Navarone. Nay Bill, các ông đây là hải quân đại tá Jensen, thuộc Hải quân Hoàng gia, và đại úy Mallory thuộc Viễn đoàn Xung kích Sa mạc[8] đều đặc biệt chú tâm đến Navarone. Thế nào Bill? Tối nay "làm ăn " ra sao?

Mallory thầm nghĩ:

"Navaron! Thì ra vì mày mà ta hiện diện ở đây" Anh chàng khá rõ về Navarone hay đúng hơn đã nghe nói đến như tất cả những ai từng phục vụ miền đông Địa Trung Hải. Nó là một pháo đài thép bất khả xâm phạm, ở ngoài khơi bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ, được bảo vệ kiên cố, theo

ước lượng, bởi một đơn vị quân trú phòng hỗn hợp Đức và Ý, được xây dựng trên một hòn đảo của biển Egée[9] nơi đó quân Đồng minh hoàn toàn không tấn công nổi.

Torrance trả lời bằng giọng chán chường, cổ chế ngự cơn phẫn nộ.

- Thừa Thiếu tướng, "làm ăn rất xấu". Thật là một mưu toan tự sát điên rồ...

Chàng chợt ngừng nói, môi mím lại, mắt nhìn những làn khói thuốc cuộn tròn vừa phà ra, rồi tiếp:

- Nhưng chúng tôi muốn trở lại đó, các bạn tôi và tôi. Chỉ một lần nữa thôi. Chúng tôi đã bàn với nhau khi trở về đây.

Phía sau chàng, tiếng xì xào tán thành của các viên phi công khác vang lên.

- Chúng tôi muốn trở lại để mang cái kẻ đùa dai nào đã vạch ra kế hoạch tấn công tự sát này, để tống hấn ra khỏi máy bay từ độ cao ba nghìn mét trên Navarone, không có dù.

- Anh giận đến thế sao Bill?

- Phải, thừa Thiếu tướng. Chúng tôi không có chút cơ hội nào để thành công. Trước hết, thời tiết cũng chống lại chúng tôi. Bọn ăn hại ở Đài Khí tượng lại nhầm lẫn hầu như là thói quen.

- Họ đã báo cho các anh là trời đẹp?

- Vâng. Trời đẹp! Giá mà bọn họ có mặt ở đấy! Torrance hần học nói. Chúng tôi đã phải xuống thấp ở độ cao bốn trăm năm mươi mét, vậy mà cũng không làm được tích sự gì. Chắc có lẽ chúng tôi phải đâm đầu sâu dưới mặt biển khoảng chín trăm mét, rồi ngóc đầu bay lên: vách đứng của núi đá vẫn che kín mục tiêu. Tôi có cảm tưởng họ đã đóng bít lỗ nòng của hai khẩu đại bác ma quỷ đó. Và rồi, chúng đã tập trung hết phân nửa lực lượng phòng không của miền nam châu Âu để bố trí dọc theo góc hẹp 50 độ này... Russ và Conroy bay chưa tới nửa đường hải cảng thì đã bị...

- Tôi biết. Tôi biết, thiếu tướng buồn bã gật đầu nói. Chúng tôi đã nhận được tin. Liên lạc vô tuyến với máy bay khá tốt... Còn Macveen thì bị bắn rơi ở phía bắc Alexandrie phải không?

- Phải. Nhưng anh ta sẽ xoay sở được. Chiến hạm "bà già" đang hoạt động ở vùng biển đó khi chúng tôi bay qua. Họ sẽ thả xuống máy xuống nước đi vớt anh ta. Mặt biển êm như hồ.

Jensen quay qua thiếu tướng.

- Xin Thiếu tướng cho phép tôi nói vài lời với thiếu tá phi công.

- Được chứ, Đại tá cứ việc hỏi.

- Chỉ một câu hỏi ngắn thôi, Jensen nói vừa mỉm cười nhìn viên phi công người Úc. Anh không muốn trở lại Navarone sao?

- Đại tá còn hỏi tôi làm gì! Torrance lau bầu.

- Tại sao vậy?

- Tại vì tôi không phải là người thích tự sát. Tại vì tôi không tin rằng chúng ta phải phung phí tính mạng các phi công một cách điên rồ. Tại vì tôi không phải là Thượng đế và tôi không thể làm phép lạ được.

Torrance nói bằng những lý lẽ có sức thuyết phục và không sao chỉ trích được.

- Vậy theo ý anh là không thể được phải không? Jensen nhấn mạnh. Vấn đề cực kỳ nan giải đấy.

- Tôi và các bạn tôi, Torrance đưa ngón tay cái chỉ những người đứng sau, chúng tôi đều nghĩ là không thể được. Có thể người ta sẽ sáng chế ra chiếc phi cơ được trang bị bằng những quả bom bay điều khiển từ xa bằng vô tuyến để giải quyết vấn đề. Điều đó tôi không biết. Nhưng tôi biết rằng với tất cả những gì chúng ta hiện có chắc chắn không tấn công nổi Navarone. Trừ phi ngài nhét đầy thuốc nổ TNT vào chiếc phi cơ và hạ lệnh cho một người trong chúng tôi húc đầu với tốc độ bốn trăm cây số giờ vào mồm của họng đại bác. Bằng cách đó, vẫn còn một cơ hội...

- Cảm ơn Thiếu tá... và cảm ơn tất cả, Jensen vừa nói vừa đứng dậy. Tôi biết các anh đã làm hết sức mình. Không ai khác có thể làm hay hơn các anh. Và tôi tiếc rằng... Thưa thiếu tướng?

- Tôi sẵn sàng chiều theo ý các ông. Thiếu tướng nói xong gật đầu ra hiệu cho viên sĩ quan thuộc Cục Tình Báo ngồi phía sau hướng dẫn Jensen và Mallory vào một phòng bên cạnh.

- Này Đại tá, Thiếu tướng nói, tôi nghĩ rằng anh phải thay đổi kế hoạch thôi.

Ông khui chai rượu vang và rót vào ba ly.

- Phi đội của Thiếu tá Bill Torrance là kỳ cựu nhất, kinh nghiệm nhất trong những phi đội của chúng ta còn lại ngày nay ở châu Phi. Họ oanh tạc các giếng dầu và coi đó như một trò đùa. Họ là phi đội duy nhất đủ khả năng thực hiện cuộc tấn công ở Navarone hồi chiều tối nay và nếu Bill nói rằng không thể được thì, hãy tin tôi đi, Đại tá Jensen, tức không thể được.

- Phải, Jensen nói, dán đôi mắt ủ rũ vào ly rượu óng ánh cầm trên tay. Phải, thưa Thiếu tướng, tôi hiểu điều đó. Tôi hầu như biết trước điều đó, nhưng tôi vẫn chưa tin lắm. Thật đáng tiếc phải mang sinh mạng mười hai phi công ra thử thách để kiểm chứng điều ấy... Bây giờ, chỉ còn duy nhất một phương án.

- Phải, chỉ còn duy nhất phương án đó, thiếu tướng nói.

Ông nâng cao ly lên, nói lớn:

- Chúc chiến dịch Khéros thành công!

- Chúc chiến dịch Khéros thành công! Đến phiên Jensen nói với vẻ u sầu.

Mallory khẩn khoản yêu cầu:

- Tôi xin các ngài, tôi hoàn toàn không hiểu gì hết... Giá mà các vị có lòng tốt cho tôi biết nhỉ?...

- Khéros, Jensen ngắt lời chàng, đó là khẩu hiệu của anh đấy, chàng trai. Thế giới là một hí trường và bây giờ thì anh bước lên sân khấu. Đừng tiếc rẻ vì anh không có mặt ở hai hồi đầu. Vai của anh không phải tầm thường. Dù anh muốn hay không muốn, anh sẽ là diễn viên chính. Khéros, hồi ba, màn tứ nhất: Đại úy Keith Mallory bước ra sân khấu.

Suốt mười phút qua, cả hai không ai nói với ai một lời. Jensen lái chiếc Humber với vẻ tự tin hàng ngày. Mallory chúi mũi trên chiếc bản đồ trải dài trên đùi, một tấm bản đồ lớn của vùng biển Egée phía nam được soi sáng bởi ánh đèn trên bảng công tắc xe hơi. Chàng chú ý đến quần đảo Sporades và Dodécanèse[10] ở phía bắc được khoanh tròn bằng viết chì đỏ. Cuối cùng chàng ngẩng đầu lên, rùng mình. Ngay cả ở Ai Cập, những đêm cuối tháng mười một này rất lạnh. Chàng nói:

- Thừa Đại tá tôi đã nắm vững.

- Tốt!

Jensen nhìn thẳng phía trước con đường xám như dải lụa uốn khúc và ánh đèn xe hơi chói lòa đang xuyên thủng màn đêm sa mạc. Chiếc xe chồm lên đoạn đường nhấp nhô khiến hai luồng đèn pha quét lên quét xuống liên hồi.

- Tốt! Jensen lập lại. Anh hãy nhìn lại bản đồ một lần nữa và cứ tưởng tượng anh đang ở Navarone. Thành phố này ở trên một cái vịnh hầu như hình tròn phía bắc hòn đảo. Hãy cho tôi biết anh thấy gì khi đứng ở đó.

Mallory mỉm cười.

- Tôi chẳng cần nhìn lại bản đồ cũng biết. Cách khoảng sáu cây số về phía đông, là bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ uốn cong về hướng bắc và hướng tây tới một điểm ở ngay phía bắc của Navarone nơi đó là một mũi nhọn trải dài khoảng mười tám cây số, ngay đầu mũi là vịnh Demirei, có phải thế không? Và thẳng theo chiều dọc là đảo Khéros. Rồi cách Navarone bốn cây số rưỡi về phía tây bắc, là đảo Maidos, hòn đầu tiên thuộc nhóm quần đảo Lérades. Chúng trải dài cũng theo hướng tây bắc, có lẽ đến bảy mươi lăm cây số.

- Chín mươi, Jensen sửa lại cho đúng. Anh có cái nhìn nhạy bén đấy, chàng trai. Anh có kinh nghiệm và dũng cảm. Không ai có thể tồn tại mười tháng ở đảo Crète nếu thiếu một trong hai đức tính này. Ngoài ra, anh còn có vài phẩm chất đặc biệt khác tôi sẽ nói sau.

Đại tá ngừng nói một lúc, thông thả lắc đầu.

- Tôi chỉ hy vọng một điều là anh gặp may mắn... Lạy chúa! Anh cần gặp may...

Mallory chờ đợi câu nói khác nhưng Jensen đang chìm đắm trong những ý nghĩ. Ba phút trôi qua, có thể là năm phút rồi, và chỉ có tiếng rú mạnh của động cơ xe, tiếng bánh cọ sát trên mặt đường. Mắt vẫn không rời khỏi mặt đường, Jensen chợt hạ thấp giọng:

- Hôm nay là thứ bảy hay sáng chủ nhật gì đó. Từ bây giờ cho đến thứ bảy tới sẽ có một ngàn hai trăm người trên đảo Khéros sẽ chết, bị thương hoặc bị bắt.

Lần đầu tiên Jensen nhìn Mallory với nụ cười mỉm thoáng trên môi, nụ cười héo hắt.

- Đại úy Mallory, anh có cảm tưởng gì khi nắm trong tay sinh mạng của một ngàn hai trăm người?

Trong nhiều giây, Mallory nhìn vẻ mặt điềm nhiên của người bạn đồng hành, rồi chàng quay mặt đi, chăm chú nhìn trên bản đồ. Một ngàn hai trăm người ở Khéros, một ngàn hai trăm người chờ chết. Khéros và Navarone. Khéros và Navarone. Chàng chợt nhớ lại bài thơ ngắn đã nghe trước đây ở một ngôi làng của những người chăn cừu gần Queenstown: "Chimborazo và Cotapaixi[11], các người đã cướp mất trái tim ta..." Khéros và Navarone cũng được xướng lên như thế như một ma lực lãng mạn xâm chiếm tâm hồn chàng trai.

- Cách đây mười tám tháng, Jensen cắt ngang im lặng, sau khi Hy Lạp thất thủ, phát xít Đức đã chiếm phần hết quần đảo Sporades, phát xít Ý làm chủ phần lớn quần đảo Dodécanèse. Sau đó, dần dần, chúng ta bắt đầu tổ chức những điệp vụ trên các lãnh thổ đó và thường được chỉ huy bởi Viễn đoàn Xung kích Sa mạc của anh hoặc bởi Cục Công tác Đặc biệt của Bộ Hải quân. Tháng chín qua, chúng ta đã chiếm lại hầu hết những đảo lớn chỉ trừ Navarone. – Đây là một vấn đề khó giải quyết vô cùng và chúng ta đành phải tránh né – Chúng ta đã nâng quân số trú phòng lên đến cấp tiểu đoàn hoặc hơn thế nữa. Vào thời điểm đó, anh còn đang "ẩn mình" trong hang động của anh trên Núi Tuyết, nhưng chắc anh cũng nhớ quân Đức đã phản ứng như thế nào.

- Rất dữ dội?

- Phải, rất dữ dội. Sự quan trọng của Thổ Nhĩ Kỳ ở khu vực này không thể được đánh giá quá

cao và họ luôn luôn sẵn sàng tạm đứng về phe Trục[12] hoặc phe Đồng minh. Phần lớn các đảo này chỉ cách bờ biển Thổ vài cây số. Đối với quân Đức cần gấp rút lấy lại lòng tin ở trong nước đó là vấn đề uy tín. Do đó, họ đã dốc hết toàn lực vào đây: quân nhảy dù, quân không vận, lữ đoàn chuyên hoạt động vùng núi, số lượng rất lớn phóng pháo cơ Stuka[13], hình như họ đã trưng dụng hết số oanh tạc cơ ở mặt trận Ý. Trong vài tuần chúng ta đã thiệt hại hơn một vạn người và mất hết những đảo đã chiếm lại, trừ Khéros.

- Và bây giờ, đến phiên Khéros?

- Phải, Jensen trả lời.

Ông rút hai điếu thuốc ra khỏi bao, giữ im lặng trong khi Mallory châm lửa xong, vất que diêm qua cửa xe, về hướng Địa Trung Hải mờ nhạt đang trải dài ra ở phía bắc, bên dưới con đường ven bãi.

- Phải, Jensen lập lại. Đối với chúng ta. Khéros coi như sẽ mất. Không còn cách nào cứu vãn nó được. Trong vùng biển Egée, quân Đức có ưu thế tuyệt đối về không quân.

- Nhưng làm thế nào Đại tá có thể chắc chắn rằng Khéros sẽ mất nội trong tuần này?

- Đây chàng trai, Jensen thở dài, ở Hy Lạp điệp viên của Đồng minh đông như tổ kiến. Chỉ ở khu vực Athènes[14] - Le Pirée[15], chúng ta có đến hơn hai trăm nhân viên.

- Hai trăm! Mallory thốt lên bằng giọng hoài nghi.

- Phải, đó là chưa đáng kể so với số lượng khổng lồ gián điệp đang hoạt động ở Caire và Alexandrie. Dù sao mọi thông tin của ta rất chính xác. Một đoàn tàu đổ bộ của Đức sẽ xuất phát từ Pirée rạng sáng thứ năm, len lỏi qua nhóm đảo Cyclades[16] và dừng lại đó ban đêm. Một tình thế lạ lùng, phải không? Đại tá vừa nói vừa mỉm cười. Ban ngày phe ta không dám chường mặt ra ngoài biển Egée vì sợ máy bay oanh tạc của địch. Quân Đức ban đêm không dám nhúc nhích. Các khu trục hạm và các trinh sát hạm cực nhanh của chúng ta nhổ neo ra khơi lúc hoàng hôn. Trước khi bình minh tới, các tàu khu trục của ta co cụm về phía nam, còn các tàu trinh sát thường lẫn trốn trong các vịnh nhỏ. Nhưng chúng ta cũng không thể ngăn cản được đoàn tàu đổ bộ của Đức trên đường đi tới Khéros. Chúng sẽ đến ngày thứ bảy hoặc chủ nhật mà tiến hành đổ bộ lên đảo đồng thời với những toán không vận. Khéros sẽ không đứng nổi

trong hai ngày.

Nghe giọng nói của Jensen, không ai mà không tin. Mallory tin lời ông ta. Suốt gần một phút, chàng nhìn các ánh sao phản chiếu trên mặt biển tăm tối và phẳng lặng, đoạn bất ngờ quay sang Jensen:

- Nhưng thưa Đại tá, còn Hải quân! Di tản sao?

- Hải quân, Jensen nói, họ đã mệt mỏi và chán chường vùng đông Địa Trung Hải và biển Egée. Họ đã tiêu hao lực lượng một cách gần như phi lý. Hai thiết giáp hạm bị bắn chìm, tám tuần dương hạm hư hại nặng, trong đó bốn chiếc bị đắm, và hơn mười hai tàu khu trục bị phá hủy. Đó là tôi chưa kể đến những cái thuyền chiến nhỏ hơn mà chúng ta đã mất. Và tất cả những cái đó chỉ để cho Bộ Tư lệnh Tối cao của chúng ta chơi trò "Ai sẽ làm vua" với Berlin^[17]. Thật là trò chơi thú vị đối với quý vị ngồi trên cao, nhưng hoàn toàn không, đối với hàng ngàn thủy thủ đắm chìm ngoài biển khơi, đối với hàng vạn lính Anh, liên quân Úc và Tân Tây Lan bị thương và chết trên những hòn đảo mà không biết tại sao.

Bàn tay Jensen xiết chặt tay lái, đôi môi mím lại trong nỗi đắng cay. Mallory ngạc nhiên, gần như hơi khó chịu trước sự xúc động mãnh liệt có vẻ bất thường của viên đại tá và chàng nghĩ chắc Jensen còn biết nhiều điều khác nhưng phải che dấu công chúng.

- Một ngàn hai trăm người? Mallory hỏi lại. Có đúng là Đại tá đã nói một ngàn hai trăm người ở Khéros.

- Phải, Jensen trả lời.

Rồi ông thở dài nói tiếp:

- Anh có lý, chàng trai. Tôi nói hơi viễn vông. Lẽ dĩ nhiên chúng ta không để bọn Đức đi qua. Hải quân phải làm hết sức mình. Nếu cần phải hy sinh thêm hai hay ba khu trục hạm nữa... Xin lỗi, chàng trai, tôi lại mê sảng rồi... Bây giờ, hãy lắng tai nghe. Phải thực hiện di tản vào ban đêm. Chúng ta không có một chút may mắn nào để thành công vào ban ngày bởi từ hai đến ba trăm phi cơ phóng pháo Stukas của Đức đang sốt ruột chờ đợi một khu trục hạm của Hải quân Hoàng gia lộ đầu ra. Phải sử dụng những tàu khu trục để di tản, bởi vì các tàu vận tải quá chậm. Và chưa chắc họ đến kịp quần đảo Lérades trước bình minh.

- Nhưng Lérades là một dãy quần đảo rất dài, các khu trục hạm sẽ không thể đi qua...

- Đi qua giữa hai trong các hòn đảo? Không thể được. Tất cả eo biển đều bị gài mìn, ngay cả tàu nhỏ nhất cũng không qua được.

- Còn eo biển giữa Maidos và Navarone cũng đầy dẫy mìn phải không, thưa Đại tá?

- À không! Ở đó nước quá sâu, quân Đức không thả thủy lôi.

- Vậy chúng ta sẽ đi đường đó chứ gì? Tôi nghĩ rằng phía bên kia là vùng biển Thổ Nhĩ Kỳ và chúng ta...

- Chúng ta sẵn sàng đi xuyên qua vùng biển Thổ Nhĩ Kỳ ngày mai giữa ban ngày, nếu xét thấy có lợi. Người Thổ và cả người Đức đều biết thế. Nhưng với điều kiện là vô hiệu hóa pháo đài thép. Vả lại, chúng ta không đi ngả eo biển Thổ Nhĩ Kỳ nhưng đi qua eo biển phía tây. Ở đó không có mìn, đoạn đường ngắn hơn và không gây rắc rối quốc tế một cách vô ích giữa chúng ta và người Thổ.

- Vô hiệu hóa pháo đài thép?

- Phải, hai khẩu đại bác ở Navarone, Jensen nói.

Ông giữ im lặng khá lâu rồi thông thả lặp lại "Hai khẩu đại bác ở Navarone", như nhắc đến một kẻ thù xưa đáng sợ.

- Hai khẩu đại bác ở Navarone khiến mọi chọn lựa của chúng ta giữa hai eo biển đều vô ích, bởi vùng hoạt động của hai khẩu lợi hại này bao quát từ eo biển Thổ qua đến eo biển phía tây. Chúng ta chỉ có thể di tản một ngàn hai trăm người ra khỏi Khéros khi đã làm câm họng hai khẩu này.

Mallory không nói gì hết. Chàng nghĩ thầm "Đây là trọng tâm của vấn đề".

Jensen tiếp tục nói, vẻ bình thản.

- Đó không phải là những khẩu đại bác bình thường. Các chuyên gia của chúng ta đánh giá rằng chúng là những khẩu đại bác xoáy nòng khoảng 228 ly. Các chiến sĩ của ta căm ghét và sợ

chúng hơn mọi thứ trên đời, bởi chúng rất khủng khiếp: quả đạn có đạn đạo rất căng và xa, bắn trúng mục tiêu với sự chính xác thần sầu. Chính hai khẩu này đã bắn chìm chiếc Sybaris của ta chỉ đúng năm phút. Sybaris là một tuần dương hạm với trọng tải mười ngàn tấn, mà chúng ta phải đến, cách đây khoảng bốn tháng, để thử lửa với bọn Đức. Tàu Sybaris bị nổ tung, chỉ có mười bảy người sống sót.

- Lạy Chúa! Tôi không biết điều ấy. Mallory ấp úng nói.

- Cách đây hai tháng, chúng tôi đã tung ra một cuộc tấn công quy mô vào Navarone, với lực lượng thủy bộ gồm toán biệt động của Hải quân Hoàng gia và Cục Công vụ đặc biệt. Chúng tôi thừa biết trước rằng khó có hy vọng vì Navarone thực tế là một núi đá vững chắc trên toàn chu vi. Nhưng biết đâu lực lượng của ta có thể làm nên chuyện.

Jensen ngừng nói khoảng một phút trước khi tiếp:

- Cuối cùng toán biệt kích của ta đã bị nghiền nát như mảnh vụn bánh mì. Hầu hết bị hạ sát. Rồi mới đây, trong vòng mười ngày qua, vì dự đoán Khéros sẽ bị tấn công, đã hai lần chúng tôi thả dù xuống Navarone những toán “chuyên phá hoại” của Cục Công vụ đặc biệt, nhưng họ đều mất tích. Và, chiều tối nay, là ván bài chót của người thua cuộc tuyệt vọng, và anh đã thấy kết quả thế nào trong phòng họp báo. Trong khi các phi công phản nộ, tôi đã ngồi lặng thinh. Chính tôi là “kẻ đùa dai” mà Torrance và các phi công khác muốn tống ra khỏi máy bay trên vùng trời Navarone. Tôi không trách cứ họ. Tôi biết không hy vọng, nhưng đành phải thử. Tôi rất ân hận.

Chiếc Humber to lớn bắt đầu giảm tốc độ, lặng lẽ lăn bánh giữa những ngôi nhà đổ nát dọc hai bên đường dẫn tới phía tây Alexandrie. Trên trời những đường sọc màu xám báo hiệu sắp hùng đông.

- Tôi không tin rằng với một cái dù, tôi có thể làm được điều gì hay, Mallory nói. Thú thật với Đại úy, tôi cũng chưa được nhìn tận mắt một cái dù nào.

- Đừng lo lắng chuyện đó, Jensen nói, anh sẽ không có cơ hội dùng dù đâu. Anh sẽ vào Navarone bằng con đường khó khăn nhất.

Một khoảng im lặng dài trôi qua, Mallory hỏi:

- Tại sao lại là tôi, thưa Đại tá?

Nụ cười mỉm của Jensen được nhìn thấy lơ mờ trong bóng tối màu xám tro. Ông quặt tay lái tránh một ổ gà lớn, đoạn cho xe chạy ngay lại.

- Sợ à? Ông hỏi.

- Chắc chắn là tôi sợ. Xin lỗi Đại tá, cách nói chuyện của Đại tá làm khiếp đảm bất cứ ai... Nhưng tôi không muốn nói thế.

- Tôi hiểu. Tôi hơi méo mó... Tại sao lại là anh? Vì anh có những đức tính đặc biệt như tôi đã nói khi nãy. Anh lại nói tiếng Hy Lạp như người Hy Lạp, nói tiếng Đức như người Đức. Anh là một chuyên gia “phá hoại” cừ khôi, một tay tổ chức hàng đầu, và mười tám tháng nguyên vẹn trên Núi Tuyết Trắng của đảo Crète chứng tỏ khả năng sinh tồn của anh trong lãnh thổ bị chiếm đóng. Chắc anh ngạc nhiên vì sao tôi nắm rõ lý lịch của anh.

- Không, tôi không ngạc nhiên, Mallory hậm hực nói. Nhưng tôi biết có ba vị sĩ quan cũng chuyên nghiệp như tôi.

- Có, Jensen không phản đối. Nhưng không có Keith Mallory thứ hai. Ai mà không nghe nói đến Keith Mallory hồi thời trước thế chiến? Một vận động viên leo núi người Tân Tây Lan giỏi nhất thế giới, nơi nào khó leo nhất hiểm trở nhất đều có dấu chân của anh, những vách đá dựng đứng, những vực thẳm sâu hoắm. Anh nên nhớ toàn bờ biển phía nam của Navarone là một vực thẳm khổng lồ, trơn nhẵn, không có một chỗ để tựa chân.

- Tôi hiểu, Mallory nói khẽ, đi vào Navarone bằng con đường khó nhất như Đại tá vừa nói.

- Thật thế. Anh chỉ huy một nhóm bốn người mà thôi. Họ đã được sàng lọc kỹ càng như sàng bắp. Mỗi người chuyên một việc. Anh sẽ gặp họ ngày mai... hay đúng hơn, trưa nay.

Cả hai ngồi im lặng bên nhau trong mười phút sau đó. Jensen quẹo sang bên phải khu các xưởng đóng tàu. Chiếc xe nhồi xóc trên con đường lát đá, băng qua quảng trường Mohammed Ali, chạy qua trước Sở Giao dịch Chứng khoán... và đi vào đường Shérif Pacha.

Mallory nhìn khuôn mặt của người đồng hành bây giờ rõ nét vì ngày đã lên.

- Chúng ta đi đâu đây, thưa Đại tá?

- Đi gặp một người duy nhất ở Trung đông này có thể giúp được anh: ông Eugène Vlachos trước đây ở Navarone.

- Đại úy Mallory, anh là một con người can đảm, Eugène Vlachos vừa đưa ngón tay nóng nẩy xoắn tít những sợi râu dài. Anh là một người can đảm và điên khùng, nhưng tôi nghĩ rằng không nên gọi một người là điên khi anh ta chỉ làm cái công việc tuân lệnh cấp trên.

Đôi mắt của Vlachos thôi nhìn tấm hình vẽ đặt trên bàn và quay sang nét mặt điềm nhiên của Jensen.

- Không còn cách nào khác sao, thưa Đại tá? Ông khẩn cầu.

Jensen chậm chạp lắc đầu.

- Chúng tôi đã thử nhiều giải pháp, nhưng tất cả đều thất bại. Chỉ còn giải pháp này là cuối cùng.

- Vậy thì anh ta phải đi đến đó?

- Thưa ngài nên nhớ có hơn một ngàn người ở Khéros.

Vlachos cúi đầu tỏ vẻ trầm lặng chấp nhận, kể đó ông khẽ mỉm cười với Mallory.

- Đại tá gọi tôi là “ngài” tôi, một người Hy Lạp đáng thương. Thật là vinh hạnh cho lão già

này biết chừng nào.

Đôi mắt mở và khuôn mặt nhăn nheo của ông dịu hẳn lại khi gợi nhớ một kỷ niệm xưa.

- Đại úy Mallory, bây giờ tôi già rồi. Tôi hiện là một người nghèo và buồn, nhưng cách đây không lâu, với thể lực và tuổi tác, tôi đã sống một cuộc đời giàu có và hạnh phúc. Tôi đã làm sở hữu chủ một trăm mẫu đất ở cái thành phố do Chúa cố ý dựng nên để ưu đãi tạo vật của Ngài, và các vị biết đấy, tôi yêu nó biết chừng nào.

Ông cười, đưa tay vuốt mái tóc hoa râm.

- Chắc các vị nói rằng: “À! Điều ấy còn tùy vào nhãn quan của mỗi người”. Đối với tôi nó là một thành phố tuyệt vời, nhưng hình như khi không có tôi, Đại tá Jensen đã gọi nó là “Khối núi đá quý quái!”

Ông già mỉm cười trước sự chưng hửng của Jensen và kết thúc:

- Nhưng cả hai chúng tôi đều gọi nó cùng một tên là Navarone.

Ngạc nhiên, Mallory quay nhìn Jensen. Đại tá gãi đầu nói:

- Gia đình của Vlachos đã sinh sống ở Navarone từ nhiều thế hệ. Cách đây mười tám tháng, chúng tôi bó buộc phải vội vã di tản ông Vlachos bởi vì quân Đức không ưa những người hợp tác với chúng tôi.

Ông già thêm vào:

- Quân Đức đã đào sẵn ba cái huyệt ở Navarone dành cho tôi và hai đứa con trai... Nhưng hãy bỏ qua chuyện của tôi. Tôi chỉ muốn cho anh biết, đại úy Mallory, rằng tôi đã sống bốn năm ở Navarone và đã trải qua bốn ngày rùng rợn để vẽ tấm bản đồ này. Anh có thể tuyệt đối tin vào những tin tức và tấm bản đồ do tôi cung cấp. Lẽ dĩ nhiên từ lúc tôi rời khỏi Navarone đã có một số điều thay đổi, nhưng cũng có cái không bao giờ thay. Những núi đồi, các vịnh, đường đèo, hang động, đường xá và nhất là núi đá nơi đặt pháo đài, đã không hề biến đổi từ bao thế kỷ.

- Thừa ngài, tôi hiểu. Mallory nói.

Chàng cẩn thận gấp tẩm bản đồ và cất vào túi áo trong.

- Với cái này, chúng tôi vẫn còn có dịp mà. Cảm ơn ngài Vlachos rất nhiều.

- Nó chẳng đáng bao nhiêu. Cầu Chúa giúp anh.

Ông già gõ nhịp trên bàn, đoạn ngược nhìn Mallory:

- Đại tá Jensen đã cho tôi biết rằng các anh nói thông thạo tiếng Hy Lạp, các anh sẽ cải trang thành những nông dân Hy Lạp và sử dụng giấy tờ giả. Rất tốt. Các anh sẽ hành động độc lập. Tôi chỉ yêu cầu các anh đừng làm liên lụy những người dân ở Navarone. Các anh phải tránh họ bằng mọi giá. Bọn Đức không biết thương xót. Nếu một người nào đó giúp các anh và bị khám phá, bọn Đức sẽ không chỉ tiêu diệt người đó mà cả làng, đàn ông, phụ nữ và trẻ em. Điều đó đã xảy ra rồi, và còn xảy ra nữa.

- Ở đảo Crète cũng đã xảy ra một vụ tương tự. Mallory nói. Chính tôi là người chứng nhân.

Vlachos tiếp:

- Và người dân ở Navarone không có kinh nghiệm cần thiết để tiến hành tốt những hoạt động du kích. Họ không có dịp để luyện tập kháng chiến bởi vì quân Đức đặc biệt kiểm soát nghiêm ngặt ở hòn đảo này.

- Tôi xin hứa với ngài, Mallory nói.

Chàng định kết thúc câu chuyện nhưng Vlachos ngắt lời.

- Hãy đợi một chút. Nếu thật sự các anh lâm vào một tình thế tuyệt vọng hoàn toàn, tôi biết hai người có thể giúp các anh. Cách phía nam pháo đài khoảng bốn cây số, ngay lối vào thung lũng, dưới bóng cây tiêu huyền thứ nhất trên quảng trường làng Margaritha, là nơi ở của một người tên Louki. Anh ta đã từng làm quản gia trong gia đình tôi từ nhiều năm. Anh ta đã giúp quân Anh, đại tá Jensen sẽ xác nhận với anh điều đó. Các anh có thể giao phó tính mạng cho anh ta và một người bạn thân tên là Panayis.

- Cảm ơn ngài, tôi sẽ ghi nhớ. Louki và Panayis, và Margaritha, cây tiêu huyền thứ nhất đầu

quảng trường làng.

- Và ngoài ra Đại úy từ chối mọi sự giúp đỡ khác sao? Ông già lo lắng hỏi. Chỉ có Louki và Panayis thôi sao?

- Ngài hãy tin lời tôi. Dù sao chúng tôi càng ít người, nguy cơ càng ít cho chúng tôi và cho cả đồng bào của Ngài.

Niềm xúc động mãnh liệt của người Hy Lạp làm Mallory ngạc nhiên.

Ông đứng dậy, bắt tay chàng.

- Ngài đừng lo lắng. Họ sẽ không gặp chúng tôi. Không ai gặp chúng tôi và chúng tôi không gặp ai. Chúng tôi chỉ cần gặp mỗi một thứ đó là: hai khẩu đại bác.

- Phải, hai khẩu đại bác, những khẩu đại bác khủng khiếp, Vlachos nói. Nhưng giả sử...

- Tôi xin ngài đừng lo. Chúng tôi sẽ không làm thiệt hại gì đến ai, đến những người dân ở đảo.

- Cầu Chúa luôn ở bên anh, ông già thì thầm. Tôi cũng ước ao có đủ sức khỏe để tháp tùng các anh.

CHƯƠNG HAI

TỐI CHỦ NHẬT

19g - 2g

- Đại úy dùng cà phê nhé?

Malory cựa mình, làu bàu và cố ra khỏi giấc ngủ say vì kiệt sức. Chàng khó nhọc ngồi nhổm

dậy, thôi dựa lưng vào thành ghế bằng kim loại, tự hỏi khi nào Không lực Hoàng gia (Royal Air Force)[18] mới quyết định làm nệm cho những ghế đáng ghét này. Bây giờ chàng đã hoàn toàn bình tĩnh nhưng mệt mỏi, đôi mắt như thường lệ liếc mặt kính đồng hồ đeo tay. Đúng bảy giờ tối. Chàng ngủ gần hai tiếng. Tại sao họ cản mình ngủ tiếp nhỉ?

- Đại úy dùng cà phê nhé? Viên xạ thủ đại liên trẻ tuổi lập lại, kiên nhẫn đứng bên chàng, tay bưng cái nắp thùng đạn dùng làm khay, trên đó để mấy tách.

- Ồ xin lỗi cậu, xin lỗi, Mallory nói.

Chàng cầm một cái tách đang bốc khói, đưa lên mũi hít hà với vẻ khoan khoái.

Viên xạ thủ trẻ mỉm cười hãnh diện:

- Thế đấy! Chúng tôi có bình lọc cà phê trong bếp mà.

- Một bình lọc cà phê! Lạy các đấng thần linh cao cả! Ôi chiến tranh tuy khắc nghiệt nhưng Không lực Hoàng gia vẫn cố khắc phục!

Chàng bắt đầu nhấm nháp cà phê với vẻ hài lòng. Chợt chàng bật dậy không màng đến những giọt nước nóng hổi bắn trên đùi, nhìn qua cửa sổ và quay lại viên xạ thủ vừa đưa ngón tay ngạc nhiên chỉ vùng đồi núi trải dài bên dưới máy bay.

- Điều gì đã xảy ra? Chàng la lên. Lẽ ra hai giờ sau khi màn đêm buông xuống chúng ta mới đến... thế nhưng bây giờ mặt trời vừa lặn! Viên phi công có...

- Thưa Đại úy, chúng ta đang ở Chypre[19], viên xạ thủ nói. Đại úy có thấy xa kia là ngọn núi Olymp[20] ở đường chân trời. Để tới đảo Castelrosso[21] chúng ta hầu như luôn luôn bay trên Chypre. Chẳng qua là để tránh bị quan sát.

- Lạy Chúa tốt lành! Cậu ta nói là để tránh bị quan sát! Ai đó nói bằng giọng Mỹ lè nhè và nặng. Người ta đã đưa chúng ta xuống một chiếc tàu nhỏ ở Alexandrie chạy hơn hai mươi dặm để che mắt không cho ai thấy chúng ta lên chiếc thủy phi cơ[22] già nua sơn màu trắng bệch này, bảo đảm một người mù đứng cách một trăm cây số còn thấy nó, nhất là khi trời sắp tối.

- Màu trắng để chống nhiệt mà, người xạ thủ nói.

- Tôi chẳng quan tâm gì đến hơi nhiệt, này cu cậu. Tôi còn khoái nóng nữa. Cái mà tôi không ưa là những quả trái phá và những viên đạn bắn thủ này có thể làm nổ tung chúng ta bất cứ lúc nào.

Anh chàng người Mỹ nói xong, ngã ngửa người xuống chiếc ghế thiếu tiện nghi, nhắm mắt và chiêm thiếp một lúc.

Người xạ thủ vừa mỉm cười với Mallory vừa nói:

- Anh ta không ưa những đồ quý này, có phải thế không Đại úy?

Mallory bật cười nhìn theo người xạ thủ đến khi anh ta khuất bóng trong buồng lái phía trước. Chàng thông thả nhâm nhi cà phê và ném một cái nhìn về phía anh chàng đang lim dim ngủ ở dãy ghế bên. Anh ta có vẻ bình thản tuyệt diệu. Đó là hạ sĩ Dusty Miller, người Mỹ, mới gia nhập binh đoàn Sa mạc. Có anh ta đi theo thật là tốt! Mallory quay nhìn những người khác gật gù hài lòng. Những người đó cũng vậy, có họ đi theo thật là quý! Mười tám tháng trải qua ở đảo Crète đã dạy cho chàng biết đo lường chính xác khả năng sống còn của từng người trong loại chiến tranh mà chàng đang phải theo đuổi này. Đại tá Jensen đã thành lập một ê-kíp tuyệt vời. Thật tình chàng cũng chưa biết rõ cá tính từng người một, nhưng chàng đã nghiên cứu hồ sơ cá nhân đầy đủ mà đại tá đã cung cấp và xác nhận họ đều là những người xứng đáng.

Tuy nhiên trường hợp của Stevens không phải là không có chút vấn đề sao? Mallory tự hỏi. Chàng nhìn dáng trẻ trung, mái tóc hoe vàng của Hải quân trung úy Andy Stevens thuộc lực lượng trù bị của Hải quân Hoàng gia. Anh ta đã được tuyển chọn vì ba lý do. Anh sẽ lái tàu đưa cả nhóm đến Navarone. Anh là một vận động viên leo núi thuộc hàng đầu, đã từng chinh phục những đỉnh cao nổi tiếng. Ngoài ra, còn nói thông thạo tiếng Hy Lạp cổ và nay. Hai mùa hè qua, anh đã từng làm hướng dẫn viên cho các du khách đến tham quan Athènes, thủ đô của Hy Lạp. Nhưng có điều anh ta quá trẻ, trẻ một cách phi lý và tuổi trẻ có thể nguy hiểm đấy. Nhất là trong loại chiến tranh gián điệp vô cùng tàn bạo này. Nguồn hứng khởi, sự hăng hái, lòng nhiệt thành của tuổi trẻ không những chưa đủ, mà còn chắc chắn tạo nên một sự bất lợi. Trong chiến tranh thâm lặng này phải có kiên nhẫn, bền bỉ, vững vàng, tinh khôn và khéo léo, đó là tất cả những đức tính mà người trẻ tuổi ít có được... Nhưng dù sao anh ta có thể có khả năng học hỏi nhanh.

Mallory lại nhìn Dusty Miller. Anh chàng này có vẻ chiến đấu lâu năm và không còn nuôi ảo tưởng. Bốn mươi tuổi đời, hạ sĩ Miller sinh trưởng ở Californie (Mỹ), mang dòng máu Ai-len ba phần và giòng máu Trung Âu một phần. Trong hai mươi lăm năm qua anh đã chiến đấu và phiêu lưu mạo hiểm nhiều gấp mười hai lần cuộc đời một người. Trước làm thợ mỏ trong một mỏ bạc ở Nevada, rồi làm thợ khoan đường hầm Canada, thợ khoan dầu ở nhiều nơi trên thế giới. Khi Hitler tấn công Ba Lan, anh ta đang ở Ả Rập Sê-út. Sau đó qua Anh Quốc, gia nhập vào Không lực Hoàng gia. Chuyển bay chiến thuật đầu tiên cũng là chuyển cuối cùng. Mười phút sau khi cất cánh khỏi sân bay Menidi gần thủ đô Ai Cập vào một đêm tháng giêng 1941, động cơ bị hỏng và máy bay đành nhục nhã đáp xuống một cánh đồng ruộng cách thủ đô vài cây số về phía bắc. Miller đã trải qua phần còn lại của mùa đông ở một nhà bếp của phi trường Menidi, trong cơn phần nộ sôi sục. Đầu tháng tư, anh ta tự động rút lui khỏi ngành hàng không mà không cho ai biết gì cả, và lang thang lên tận biên giới An-ba-ni, thì đụng đầu quân Đức. Sau này anh ta kể khi sư đoàn thiết giáp của Đức tiến sát anh chỉ còn cách hai dãy nhà thì anh đã kịp di tản lên chiếc tàu vận tải Slamát. Nhưng chiếc Slamát bị đắm và được khu trục hạm Wryneck vớt, nhưng lại đến phiên tàu khu trục bị chìm, cuối cùng anh cũng tới được Alexandrie (thành phố cảng của Ai Cập) trên một chiếc thuyền nhẹ và dài nhưng cũ kỹ với quyết tâm duy nhất là không bao giờ mạo hiểm đi trên không cũng như đi trên biển. Vài tháng sau, anh ta lại tham gia một phân đội chuyên đánh khuấy phá hậu phương của quân Đức ở Lybie.

Mallory thầm nghĩ, anh ta là mẫu người tương phản tuyệt đối với Hải quân trung úy Stevens trẻ trung, tươi tắn, phần khởi, luôn ăn mặc chỉnh tề đúng quân cách. Còn Miller thì khô cằn, gầy ốm, chịu đựng rất giỏi, và mỗi hận thù hầu như là bệnh hoạn với sự trang điểm. Ngoài ra, trái ngược với Stevens, anh ta chưa bao giờ leo núi trong cuộc đời và những tiếng Hy Lạp mà anh biết thì không bao giờ có trong tự điển, hay nói đúng hơn anh ta mù tịt ngôn ngữ này. Nhưng hai sự việc này không chút quan trọng, bởi vì Miller được chọn vì lý do duy nhất: anh ta là chuyên gia số một về chất nổ, phải nói là một vị thần thật sự về phương diện này. Bình tĩnh, chính xác, đáng sợ khi hành động, anh ta được Cơ quan Tình báo Trung đông ở Ai Cập đánh giá là kẻ phá hoại cực phách nhất miền nam Châu Âu.

Ngồi đằng sau Miller là Casey Brown. Dáng người béo lùn, da màu nâu sậm và rắn chắc. Trung sĩ điện báo viên Brown sinh trưởng ở ven bờ sông Clyde. Trong thời bình, anh ta là kỹ sư kiểm soát viên trong một xưởng đóng tàu nổi tiếng. Brown sẽ là thợ máy của chiếc tàu đưa nhóm đến Navarone và anh có nhiệm vụ luôn giữ liên lạc bằng vô tuyến với căn cứ. Thêm vào đó, anh ta còn có điểm lợi là đã từng làm chiến sĩ du kích xuất sắc thuộc Cục Công vụ Đặc

biệt, được thưởng Huân chương chiến công và nhiều huân chương khác sau hàng loạt thành tích của anh ở vùng biển Egée và ngoài khơi vùng biển Lybie.

Người thứ năm và là cuối cùng của nhóm ngồi ngay sau lưng Mallory. Chàng chẳng cần quay lại để nhìn anh ta. Chàng biết rõ anh ta còn hơn biết rõ mẹ ruột mình. Andrea đã là trung úy dưới quyền chàng trong mười tám tháng ở đảo Crète. Anh chàng Andrea to lớn này với nụ cười liên tục nhưng quá khứ thì bi thảm, đã từng lẫn trốn trong các hang động, ngủ trong các chòi bỏ hoang của những người chăn cừu, bị quân tuần tiểu và phi cơ Đức săn đuổi thường xuyên. Andrea đã trở thành một thứ "alier-ego" của chàng, có nghĩa là: "nhìn Andrea, đối với Mallory chẳng khác gì tự soi mình trong gương". Sở dĩ Andrea có mặt trong nhóm không phải tại vì anh ta là người Hy Lạp, am tường sâu sắc ngôn ngữ, phong tục và ý nghĩa của người dân ở đảo, cũng không phải vì anh ta và Mallory là đôi bạn thân hoàn toàn hiểu và hợp ý nhau. Anh ta có mặt trong nhóm độc nhất chỉ vì sự hiện diện của anh ta bao hàm ý nghĩa che chở và an toàn tuyệt đối. Với đức tính nhẫn nại vô bờ bến, ít nói, không gì lay chuyển nổi, tuy thân hình to lớn vạm vỡ nhưng lại nhanh nhẹn, mọi động tác như mèo của anh đều dẫn đến một hành động bạo lực ghê gớm. Phải nói anh ta là một cỗ máy chiến đấu hoàn hảo, một giấy bảo hiểm chống thất bại.

Đại tá Jensen có thể không thành lập nổi một nhóm nào khác khá hơn cho dù ông ta có lục lợi hết hí trường chiến tranh Địa Trung Hải, Mallory thỏa mãn nghĩ thế. Miller và Brown được gọi đến Alexandrie gần một tháng trước, Stevens được bốc đi trong lúc công tác trên chiếc tuần dương hạm và cũng khá lâu rồi. Và nếu trong vùng Núi Tuyết, bức điện do đài thu gần nhất chuyển đi không mất một tuần để vượt qua bảy mươi lăm cây số đường núi phủ đầy tuyết trắng và quấy phá liên tục bởi quân Đức, chưa kể thêm năm ngày để đi tìm Mallory và Andrea, thì chắc cả hai đã có mặt ở Alexandria sớm hơn gần hai tuần. Mallory càng thêm kính phục đại tá Jensen. Ông thật là người biết tiên liệu sự việc và minh mẫn. Ông đã chuẩn bị chu đáo cho chiến dịch này ngay cả trước khi thực hiện hai vụ nhảy dù vô ích trên Mavanore.

Bây giờ là tám giờ và bên trong máy bay hầu như hoàn toàn tối đen. Mallory đứng dậy, tiến về phía buồng lái. Viên phi công trưởng, khuôn mặt bị vây quanh bởi một đám mây khói thuốc đang uống cà phê. Người hoa tiêu phụ khẽ vẫy tay chào chàng và tiếp tục quan sát cảnh nhàm chán bên ngoài máy bay.

- Chào các vị, Mallory mỉm cười nói. Cho phép tôi vào nhé?

- Anh là khách quý có thể vào buồng chúng tôi bất cứ lúc nào, viên phi công nói.

- Tôi chỉ sợ làm phiền các vị.

Viên phi công tay cầm tách cà phê hướng về cái hộp đen to và thấp trong bóng tối lò mờ:

- "Phi công tự động" của tôi lái đấy. Một bộ máy tinh xảo và ít nhầm lẫn hơn kẻ lười biếng như tôi... Chắc Đại úy muốn hỏi điều gì?

- Vâng, tôi xin được biết những huấn thị mà ông được nhận đêm nay.

- Khi trời tối, chúng tôi sẽ thả các anh xuống đảo Castelrosso. Thú thật tôi chẳng hiểu gì hết. Cả một chiếc thủy phi cơ to lớn này chỉ để chở năm người và một ít vật dụng mang theo mà thôi. Nhất là đáp xuống Castelrosso. Nhất là trong đêm tối. Vừa qua, có một chiếc cũng đáp xuống đó, nhưng bị tai nạn. Tôi không biết tại sao có thể là gặp một chướng ngại ngầm dưới biển. Chỉ có hai người sống sót.

- Người ta đã cho tôi biết điều đó. Tôi rất tiếc, nhưng cũng chỉ biết tuân theo lệnh. Xin ông vui lòng nói với các nhân viên thuộc quyền giữ bí mật tuyệt đối về chuyến đi này.

- Tất cả chúng tôi đều bị đe dọa đưa ra tòa án binh nếu không kín miệng. Chà! Y như là một vụ kinh doanh đặc biệt.

- Phải đấy... Chúng tôi sẽ để lại trên máy bay một vài rương nhỏ. Sẽ có người đến lấy khi ông bay trở về căn cứ. Chúng tôi sẽ thay quần áo khác để đổ bộ.

- Chúc Đại úy may mắn. Dù là bí mật quốc phòng hay không bí mật, tôi nghĩ rằng Đại úy cũng cần được chúc gặp may.

Mallory tươi cười:

- Nhờ các vị mà bước đầu khởi hành của chúng tôi tốt đẹp. Mong sao việc hạ cánh được thực hiện gọn gàng, êm thấm.

- Hãy yên tâm, người anh em. Đại úy quên rằng tôi cũng có mặt trong phi cơ này sao?

Những động cơ của chiếc thủy phi cơ Sunderland nổ vang rền bên tai họ trong khi một chiếc xuồng nhỏ nhẹ nhàng ló ra khỏi bóng tối và đến cập sát vỏ máy bay sáng loáng. Không một chút thì giờ nào được mất, không một lời nói nào được phát ra, chưa đầy một phút nhóm năm người và vật liệu mang theo đã ở trong xuồng. Trong vòng một phút sau, chiếc xuồng dừng lại, cọ sát vào mũi đập đá của hòn đảo Castellosso. Hai sợi dây thừng tung xoắn tít trong màn đêm, được nắm bắt và cột nhanh nhẹn bởi những bàn tay thành thạo. Một cái thanh bằng sắt hoen rỉ ăn sâu vào vách đá nhô lên bầu trời đen chi chít sao. Khi Mallory leo tới đầu thang, một bóng đen tiến ra hỏi:

- Đại úy Mallory?

- Phải, tôi đây.

- Tôi là Đại úy Briggs thuộc lục quân. Yêu cầu Đại úy cho nhóm chờ ở đây. Đại tá muốn nhìn qua các vị.

Mallory không có cảm tình ngay với con người có cái giọng mũi và cái vẻ hách dịch đó. Chàng cảm thấy cơn giận bốc lên nhưng chàng không nói gì hết. Briggs có lẽ là loại người chỉ thích có rượu gin[23] và cái giường nằm. Sự hiện diện của nhóm chàng về khuya làm ông ta phải xa một trong hai thứ hoặc xa cả hai thứ. Ôi! Chiến tranh thật đáng ghét!

Họ trở lại trong vòng mười phút, theo sau là một bóng đen thứ ba Mallory nhìn ba người đàn ông đứng trên bờ đập đang chăm chú quan sát từng người trong nhóm. Chàng quay lại hỏi:

- Miller đâu?

- Tôi đây, xếp, Miller lằm bằm đứng lên khỏi cái bục đá dùng để cột neo. Tôi đang nghỉ xả hơi một chút sau cuộc hành trình quá vất vả.

Briggs xen vào bằng giọng hơi gay gắt:

- Khi nào các ông hoàn toàn sẵn sàng, Matthews đây sẽ dẫn các ông đến chỗ ngủ. Matthews anh phải làm theo lời Đại úy Mallory. Đó là lệnh của Đại tá.

Giọng nói của Briggs ra vẻ không cho phép ai có quyền nghi ngờ và làm trái lệnh của đại tá. Ông nói thêm:

- Và Đại úy đừng quên nhé, Đại tá đã dặn, chỉ hai giờ thôi.

- Tôi biết, tôi biết, Mallory chán nản nói. Thế nào, các chàng trai, các anh sẵn sàng chưa?

- Còn hành lý của chúng ta, thưa Đại úy? Stevens băn khoăn hỏi.

- Cứ để đây, Matthews, anh hãy chỉ đường cho chúng tôi.

Matthews tiến bước dọc theo bờ đập, kế đó bắt đầu leo những bậc thang bất tận bằng đá mòn, mọi người đi thành hàng dọc theo anh ta không một tiếng động vì đế giày đều làm bằng cao su. Lên đỉnh dốc, anh ta quẹo sang phải, theo con đường hẹp và quanh co, đi vào một hành lang, bước lên một cái thang bằng gỗ kêu ken két và mở cửa một căn phòng.

- Đại úy và các vị hãy nghỉ ở đây. Tôi sẽ chờ ở ngoài hành lang.

- Tốt hơn anh nên đợi bên dưới cầu thang, Mallory nói. Đừng khó chịu nhé, Matthews, nhưng công việc của chúng tôi đòi hỏi thế.

Mallory theo các bạn bước vào phòng và đóng cửa lại. Đó là một căn phòng nhỏ u ám bí kín bằng những tấm màn to nặng nề. Một cái bàn và nửa lô ghế choán gần hết chỗ. Trong góc xa nhất là một cái giường lò xo độc nhất kêu cọt két khi hạ sĩ Miller khoái trá nằm lên, gối đầu trên hai tay.

- Lạ nhỉ! Anh ta trầm trồ, một căn phòng khách sạn. Thật y như ở nhà. Tuy nhiên hơi ít đồ đạc.

Chợt như nghĩ ra điều gì, anh hỏi:

- Thế còn các anh sẽ nằm ở đâu?

- Chúng tôi sẽ không ngủ, Mallory trả lời khô khan. Anh cũng vậy. Chúng ta sẽ lên đường trong vòng hai tiếng. Nào, đứng dậy đi, chàng trai!

Miller rên rỉ, ngồi dậy và tò mò nhìn Andrea.

Anh chàng khổng lồ người Hy Lạp đang dò xét một cách có phương pháp căn phòng, mở các nắp tủ, lật các bức tranh, nhìn ra sau những tấm màn và dưới gầm giường.

- Anh đang làm gì thế! Miller hỏi.

- Andrea đang kiểm tra phòng có bị đặt máy nghe lén không, Mallory nói. Đó là một trong những lý do khiến tôi và Andrea còn sống sót.

Chàng thọc tay vào túi trong của chiếc áo vét lính thủy màu sậm, không lon, không phù hiệu, lấy ra một tấm sơ đồ và tấm bản đồ mà Vlachos đã vẽ cho chàng, mở ra và trải chúng trên bàn. Chàng nói:

- Tất cả các anh hãy đến đây. Tôi biết các anh muốn nổi điên vì tò mò hai tuần nay và đặt ra hàng trăm câu hỏi. Vậy thì, đây là tất cả những câu trả lời. Tôi hy vọng các anh hài lòng... Hãy để tôi giới thiệu các anh hòn đảo Navarone.

Đồng hồ của Mallory chỉ đúng mười một giờ đêm khi cuối cùng chàng gấp bản đồ và tấm sơ đồ lại. Chàng đưa cái nhìn hóm hỉnh lần lượt dạo trên bốn khuôn mặt đăm chiêu nghĩ ngợi ngồi quanh bàn.

- Thế đấy, "quý ông" đã hiểu rồi chứ? Một vở kịch tuyệt hay phải không? Nếu là một phim, có lẽ tôi đã hỏi các anh: Ai có ý kiến gì không? Nhưng ở đây miễn cái thủ tục đó bởi vì tôi không thể cung cấp cho các anh một lời giải đáp nào hết. Tất cả các anh đều biết như tôi.

- Bốn trăm mét vách núi thẳng đứng, đó là điểm hở duy nhất để lọt vào, Miller vừa nói vừa

khéo léo quần một điều thuốc dài và mỏng. Thật là điên khùng thừa xếp. Riêng tôi, tôi không có khả năng leo lên một cái thang mà không té. Thật là tự tử. Tôi dám đánh cá một ăn ngàn rằng chúng ta sẽ không tới gần hai khẩu quái ác đó bảy cây số.

- Một ăn một ngàn? Hãy cho tôi biết, Miller anh đặt bao nhiêu tiền trên số phận những người ở Khéros? Mallory hỏi.

- Những người Khéros? Tôi quên họ mất. Tôi chỉ nghĩ đến tôi và khối núi đáng nguyên rủa.

Miller nói xong, ngược nhìn thân hình to lớn của Andrea.

- Hay là Andrea sẽ công tôi nhé. Dù sao anh ta cũng thừa sức mà.

Andrea không trả lời. Đôi mắt chàng lim dim, tư tưởng có thể bay xa hàng ngàn cây số.

Stevens xen vào:

- Chúng tôi sẽ cột dây vào hai tay, hai chân anh và kéo lên, nhưng phải kiếm được một sợi dây thừng khá chắc.

Tuy nói bông đùa, những vẻ mặt của Stevens đang thể hiện nét lo lắng. Ngoài Mallory ra, chỉ còn Stevens là có khả năng đo lường những khó khăn về kỹ thuật của vách núi đá xa lạ hầu như không thể leo lên được trong bóng tối. Chàng nhìn Mallory như ngẫm hỏi: "Leo lên một mình sao, thưa Đại úy, hay là..."

- Xin lỗi quý vị, Andrea chợt thốt lên bằng giọng nghiêm nghị.

Anh ta cúi xuống viết nguệch ngoạc nhanh chóng trên một mảnh giấy.

- Tôi có kế hoạch này để leo núi. Đây là sơ đồ Đại úy thử xem có được không?

Anh ta trao tờ giấy cho Mallory. Chàng chăm chú nhìn, suy nghĩ. Không có hình vẽ nào cả mà chỉ có vồn vện hàng chữ: "Cứ tiếp tục nói chuyện bình thường".

- Tôi hiểu, Mallory cất tiếng nói. Hay lắm. Tôi thấy có khả năng đấy.

Chàng chìa tờ giấy sao cho mọi người có thể đọc được hàng chữ viết bằng nét to của Andrea. Đang khi đó thì Andrea rón rén bước tới cánh cửa.

- Hạ sĩ Miller, anh thấy kế hoạch tài tình không? Mallory giả bộ điềm nhiên chuyện trò.

- Vâng, Miller trả lời cũng bằng giọng nói tự nhiên, điều thuốc gắn trên môi, mắt nhắm một nửa để tránh khói thuốc. Tôi tin rằng phương thức này có thể giải quyết được vấn đề và cho phép tôi lên tận đỉnh một cách ngon lành.

Chàng ta nói xong bật cười không chút lo lắng, nhưng, như có phép lạ, trong lòng bàn tay trái của chàng một vật đen ngòm, hình trụ chột xuất hiện một cách kỳ ảo không biết từ lúc nào: một khẩu súng lục và chàng đang giương nòng lên vừa tầm cánh cửa.

Mọi việc xảy ra hoàn toàn đúng hai giây: Andrea một tay mở cửa, tay kia chớp nhanh một người vùng vẩy dữ dội. Chàng kéo hấn vào, đóng cửa lại không một tiếng động và nhanh như mèo. Trong một giây, kẻ nghe lén không kín đáo có nước da ngăm ngăm này trở nên bất động, mắt chớp chớp vì chưa quen với ánh sáng, đoạn bàn tay hấn dứt vào túi áo trắng.

- Coi chừng, Miller thốt lên vừa chĩa mũi súng vào người lạ.

- Đừng nóng! Mallory nhẹ nhàng gạt tay Miller.

Những người ngồi ở bàn chỉ kịp nhận thấy một ánh thép xanh lóe lên chụp xuống Andrea như tia chớp diên đại. Nhưng, không thể tin nổi, cả bàn tay và mảnh thép chột khựng lại trong khoảng không, mũi dao nhọn và sắc chỉ cách ngực Andrea hai phân. Một tiếng kêu đau đớn vang lên cùng một lúc với tiếng răng rắc của xương cổ tay gãy dưới sức bóp của bàn tay anh chàng Hy Lạp khổng lồ. Sau đó người ta thấy Andrea nhẹ nhàng dùng ngón cái và ngón trỏ kẹp lưỡi dao, cẩn thận kéo ra với vẻ âu yếm nhưng chệch bai của một người cha ngăn cản đứa con yêu quý chơi trò đại đột. Rồi mũi dao trở lại dí ngay cổ họng của người lạ mặt miền Cận đông trong khi Andrea mỉm cười nhìn đôi mắt đen đầy sợ hãi.

- Chà, Miller nói khẽ, tôi nghĩ rằng Andrea có vẻ thành thạo những trò này.

- Có lẽ, Mallory nói. Hãy cho chúng tôi nhìn rõ tù binh của anh, Andrea.

Andrea kéo tù nhân đến gần bàn, giữa ánh sáng. Người đàn ông, dáng gầy gò, vẻ tọc mạch,

đang ôm cổ tay gầy.

Mallory nói:

- Andrea, theo anh thì tên này nghe trộm ngoài cửa từ bao lâu?

- Tôi không thể nói chắc chắn, thưa Đại úy, nhưng tôi tin đã nghe một tiếng động nhỏ cách đây khoảng mười phút.

- Mười phút? Mallory lập lại.

Đoạn, chàng quay qua tù nhân:

- Anh tên gì? Anh làm gì ở đây?

Không một tiếng trả lời. Sự im lặng khó chịu bị cắt đứt bởi tiếng kêu đau đớn của tù nhân khi Andrea tát hắn.

- Đại úy hỏi mày, trả lời đi.

Người đàn ông bắt đầu nói nhanh, hai tay chỉ chỗ. Không ai hiểu hắn nói gì. Andrea chặn đứng những lời nói ào ào như thác nước của hắn bằng bàn tay trái bóp vào cổ tù nhân:

- Tôi chẳng hiểu hắn dùng ngôn ngữ gì để nói chuyện với chúng ta, Andrea nói.

- Đây anh kia, anh biết tiếng Anh không? Mallory hỏi.

Đôi mắt đen của người đàn ông tràn ngập oán hận nhưng hắn không trả lời. Andrea lại bạt tai hắn.

- Anh biết tiếng Anh không? Mallory lập lại.

- Tiếng Anh? Tiếng Anh? Người đàn ông nhại lại, nhún vai, bàn tay xò ra ngụ ý không hiểu gì hết.

- Hắn nói không biết tiếng Anh, Miller kết luận.

- Có thể là không và cũng có thể là có, Mallory bình thản nói. Có điều là hắn đã nghe lén ngoài cửa và chúng ta không thể để xảy ra nguy cơ. Biết bao nhiêu sinh mạng đang trên bàn mổ trong ván cờ này.

Sau đó giọng chàng đột nhiên đành lại:

- Andrea! Anh đang cầm dao. Hãy thanh toán nó thật nhanh và thật sạch sẽ. Đâm ngay giữa hai bả vai đây.

- Lạy Chúa! Đại úy! Đại úy không thể... Stevens hoảng hốt thốt lên vừa nhồm người dậy...

Nhưng anh ta chợt đứng lại và sững sờ nhìn tên tù nhân đang chạy trốn chết ngang qua phòng và đến ngồi bẹp dí ở một góc, mặt co giật vì khiếp đảm. Stevens ngoảnh lại, nhìn nụ cười đắc thắng của Andrea vẽ hiệu ý trên nét mặt của Brown và Miller, và chàng tự thấy xấu hổ vì quá dằn dặt.

Miller mở miệng đầu tiên:

- Thế đấy, thế đấy. Cuối cùng thì hắn ta cũng hiểu tiếng Anh.

- Có lẽ, Mallory nói. Một người không thể đứng mười phút, tai dán vào lỗ khóa nếu không hiểu một tiếng nào... Brown, anh hãy gọi Matthews.

Người lính canh tới ngay vài giây sau.

- Matthews, anh hãy mời Đại úy Briggs tới đây ngay cho tôi.

Người lính lưỡng lự.

- Đại úy Briggs đã đi nằm. Ông ta đã ra lệnh rõ ràng là cấm không ai được quấy rầy giấc ngủ của ông.

Mallory chua xót kêu lên:

- Ôi trái tim tôi cũng muốn rướm máu khi nghĩ đến giấc ngủ quý báu của ngài đại úy Briggs bị phá rầy. Tổng cộng giờ ngủ của tôi một tuần lễ qua không bằng một ngày ngủ của ngài.

Chàng ném một cái nhìn trên đồng hồ đeo tay, giọng quyết liệt.

- Chúng tôi không được phép mất thì giờ. Hãy mời ngài tới đây ngay lập tức. Hiểu chưa?

Từ nào đến giờ Miller vẫn cho là sứ mạng của nhóm, tuy có tầm quan trọng sinh tử, nhưng không thể thành công được và đồng nghĩa với tự sát, bây giờ anh ta mới hiểu tại sao anh chàng đại úy người Tân Tây Lan này được chọn làm trưởng nhóm.

Tất cả đều im lặng trong năm phút sau đó và ngẩng đầu lên khi cánh cửa bật mở. Đại úy Briggs, đầu trần, khăn choàng cổ màu trắng quấn ngang mũi và miệng cho khỏi lạnh. Màu trắng càng làm nổi bật khuôn mặt đỏ như gấc của ông mà Mallory thầm đánh giá là bởi huyết áp cao hoặc do lạm dụng rượu. Sự giận dữ làm đôi mắt xanh của ông như rực lửa và ông ta la lên:

- Đại úy Mallory! Ông hơi thái quá đấy! Tôi không phải là người trực ban của ông. Cả một ngày của tôi quá mệt mỏi tôi cần phải...

- Hãy dành mà mô tả trong bản lý lịch của Đại úy để được thăng cấp, Mallory cắt ngang bằng giọng khô khan. Ông hãy nhìn cái tên đứng trong góc kia.

- Lạy Chúa! Briggs kêu lên, Nicolai!

- Đại úy biết hẩn?

- Dĩ nhiên là tôi biết anh ta. Ở đây mọi người đều biết Nicolai, người thợ giặt ủi của chúng tôi mà.

- Chúng tôi bắt quả tang hẩn đang nghe lén ngoài cửa.

- Nicolai nghe lén! Vô lý! Tôi không tin. Hẩn ta không biết một tiếng Anh nào cả.

- Có lẽ, nhưng hẩn hiểu tiếng Anh vừa đủ tốt. Tôi chẳng muốn phí thì giờ bàn cãi vấn đề này suốt đêm. Bây giờ tôi chỉ yêu cầu ông bắt giữ ngay tên này và nhốt nó trong xà lim. Không được tiếp xúc với ai ít nhất là hết tuần tới. Đây là một việc hệ trọng, vô cùng hệ trọng. Dẫu hẩn là một gián điệp hay chỉ đơn giản là một người tò mò, hẩn cũng đã biết hơi quá nhiều. Sau đó, Đại úy muốn làm gì hẩn thì làm. Nhưng tôi khuyên Đại úy nên trục xuất hẩn khỏi đảo Castellosso này.

- Ông khuyên tôi à! Quỷ thần! ông là ai mà dám cho tôi lời khuyên hay chỉ thị, hử Đại úy Mallory?

- Vậy thì tôi khẩn khoản xin Đại úy làm việc đó như một ân huệ, Mallory nói bằng giọng mệt mỏi. Tôi không thể giải thích được, nhưng sự việc hết sức quan trọng, quan trọng khủng khiếp. Hàng trăm sinh mạng...

- Hàng trăm sinh mạng! Briggs mĩa mai lập lại. Ôi những thiên tiểu thuyết không đầu không đuôi. Tôi đề nghị với ông hãy dành mà kê khai vào bản lý lịch "hiệp sĩ" của ông.

- Tôi nghĩ rằng có thể đi gặp Đại tá chỉ huy của ông, nhưng tôi chán mất thời giờ để tường trình. Ông hãy thi hành đúng như lời tôi nói, nếu không, tối sẽ đi ra P.C[24] (Sở chỉ huy) của Hải Quân và liên lạc bằng điện đàm với Bộ Tư lệnh ở Caire. Nếu tôi làm, tôi bảo đảm ông Đại úy sẽ xuống chiếc tàu đầu tiên để về nước Anh trên boong dành cho binh nhì.

Nét mặt của Đại úy Briggs đột ngột nổi xung như thế nào thì bây giờ lại đột ngột bớt hăng và dịu hẳn xuống. Biết mình thua, ông năn nỉ:

- Thôi được, thôi được. Đại úy, khỏi cần đe dọa tôi làm chi... Nếu Đại úy cho đó là việc hệ trọng... Tôi sẽ bắt giữ hắn... Matthews, kêu lính gác vào đây!

Chiếc tàu phóng ngư lôi chúi mũi xuống nước rồi lại cất đầu lên với nhịp đều đặn và đơn điệu, đang băng băng lướt sóng. Đây là lần thứ một trăm trong đêm. Mallorry lại nhìn đồng hồ.

- Chúng ta bị trễ sao, thưa Đại úy? Stevens hỏi.

Mallory gật đầu.

- Lẽ ra chúng ta đã phải lên chiếc tàu này ngay sau khi bước ra khỏi thủy phi cơ Sunderland... Tại vì một trục trặc.

- Lại trục trặc máy móc, tôi cá với Đại úy như thế, Brown lâu bầu nói.

- Phải, rất đúng, Mallory trả lời. Tại sao anh biết?

- Ôi những loại động cơ quái ác của các tàu phóng ngư lôi nào cũng thế. Chúng cứ ồng ẹo như một ngôi sao màn bạc.

Bầu không khí im lặng ngự trị một lúc trong ca-bin bé nhỏ và tăm tối, một sự im lặng thỉnh thoảng bị cắt ngang bởi tiếng ly lách cách. Hải quân lúc nào cũng trung thành với truyền thống hiếu khách: luôn có rượu đãi khách.

Miller thắc mắc:

- Nếu chúng ta bị trễ, tại sao thuyền trưởng không cho tăng tốc độ? Người ta nói với tôi rằng loại tàu này có thể chạy từ bốn mươi đến năm mươi hải lý một giờ mà.

Stevens nói ngay, không giữ ý.

- Sao anh ngây thơ quá vậy. Chắc chưa bao giờ anh đi loại tàu cà rịch này lúc trời xấu.

Im lặng một lúc, Miller lại nói:

- Tôi biết việc này không quan hệ gì đến tôi, nhưng tôi muốn hỏi riêng Đại úy có thực hành lời đe dọa với Đại úy Briggs không?

Mallory cười.

- Đúng đấy hạ sĩ. Việc này không quan hệ gì đến anh. Nếu anh muốn biết, câu trả lời của tôi là không. Tôi không thực hành lời đe dọa bởi vì tôi không thể làm được. Tôi không được trao đầy đủ thẩm quyền, vả lại tôi cũng chẳng biết ở đảo Castellosso này liệu có đài điện đàm không.

- Tôi cũng tin Đại úy sẽ làm vậy. Lần đầu tiên, tôi bắt đầu nghĩ rằng chúng ta có cơ hội thành

công. Nhưng tôi tiếc rằng Đại úy không "dứt điểm" cái tên nghe lén khốn kiếp ấy và cả cái tên đại úy Briggs. Tôi không ưa loại người như hắn. Hắn thù ghét Đại úy lắm đấy. Lời lẽ của Đại úy đã làm tự ái và lòng kiêu hãnh của hắn bị tổn thương.

Mallory không trả lời. Chàng ngủ thiếp, cái ly uống cạn rơi khỏi ngón tay. Tiếng gầm rú ghê hồn của các động cơ lớn đang tăng công suất khi tiến vào vùng nước thanh tịnh của eo biển Rhodes[25] cũng không kéo chàng ra khỏi vực thẳm của giấc ngủ.

CHƯƠNG BA

THỨ HAI

7g - 17g

- Anh làm tôi áy náy vô cùng, anh bạn thân mến...

Điều bộ buồn rầu, viên sĩ quan cầm cây phát trần xua muỗi có cán bằng ngà voi, phẩy phẩy trên bộ quân phục thẳng tắp không chút nếp nhăn và khinh bỉ hướng mũi giày bóng loáng về phía chiếc thuyền cũ kỹ hai cột buồm đang được neo chặt vào những cọc gỗ chắn bờ đập mà họ đang đứng ở trên.

- Tôi hết sức xấu hổ. Bảo đảm với anh rằng những khách hàng của thiếu tá Rutledge và công ty này thường quen xài loại sang hơn nhiều.

Mallory cố nhin cười. Thiếu tá Rutledge thuộc trung đoàn East Kent, với giọng nói đặc biệt của miền Eton và Sandhurst[26], bộ râu mép tía đều từng ly, bộ quân phục bằng vải kaki với những đường cắt tuyệt hảo, sản phẩm của bàn tay thợ may âu phục khéo nhất xứ, không chê vào đâu được. Con người quý phái thế lại di chuyển đến những khung cảnh hoang dại của cái vịnh bé nhỏ lốm chớm đá này. Nhìn vẻ uy nghi bề vệ của ông, người ta có cảm tưởng chính cảnh vật này đã di chuyển đến chỗ ông.

- Tôi không hiểu. Thật sự, tôi không thể hiểu nổi. Trong vòng tám, chín tháng qua tôi đã cung cấp hàng cho nhiều người: thuyền chèo, xuồng máy, du thuyền, tàu đánh cá, nhưng chưa bao giờ có ai hỏi tôi chiếc tàu cũ nhất, rách nát nhất như chiếc này. Vả lại kiếm được nó đâu phải dễ. Bọn họ đều biết rằng tôi không quen giao loại hàng "dỏm" này.

- Bọn họ nào? Thừa Thiếu tá, Mallory tò mò hỏi.

-Ồ! Những người trên các hòn đảo kia kìa. Rutledge chỉ mơ hồ về phía bắc và phía tây.

- Nhưng các đảo đó đều bị quân Đức chiếm đóng.

- Đảo này rồi cũng thế. Đoàn phải di chuyển P.C (Sở chỉ huy) đến nơi nào đó...

Chợt vẻ mặt của Rutledge sáng lên.

- Đây, anh bạn. Tôi biết rõ anh cần thứ gì. Bộ Tư lệnh ở Caire đã chỉ thị cho tôi tìm cho anh một chiếc tàu nào khả dĩ tránh bị chú ý và bị soi mói. Anh nghĩ thế nào về loại tàu trinh sát nhỏ cực nhanh của Đức, tình trạng máy móc hoàn hảo. Nếu ở Anh quốc, tôi có thể bán nó với giá mười ngàn liu. Nếu anh đồng ý, tôi sẽ mang tới đây trong vòng ba mươi sáu giờ. Một trong các bạn tôi ở Bodrum sẽ...

- Bodrum? Mallory nói, tận Thổ Nhĩ Kỳ à?

- Đúng đấy. Chúng tôi phải chạy nguồn hàng ở khắp nơi.

- Dù sao cũng cảm ơn Thiếu tá. Mallory nói, nhưng chúng tôi lại cần chiếc tàu xấu xí này, và bằng mọi cách chúng tôi cũng không thể đợi lâu hơn nữa.

Rutledge đành chào thua.

- Vậy thì tùy ý anh, nhưng tôi không trách nhiệm đâu nhé. Để tôi cho hai người mang hành lý các anh xuống thuyền.

- Thiếu tá cứ để chúng tôi tự lo lấy, vì đây là loại hàng rất đặc biệt.

- Anh có lý. Người ta đặt biệt hiệu cho tôi là "Rutledge không tò mò" mà. Anh sắp khởi hành

chứ?

- Trong nửa giờ nữa, Mallory trả lời sau khi liếc nhìn đồng hồ.

- Mười phút nữa, điểm tâm trứng chiên và uống cà phê đã nhé?

Mallory nở nụ cười toe toét.

- Ồ cảm ơn Thiếu tá rất nhiều. Chúng tôi vô cùng sung sướng nhận lời mời này.

Chàng bước chậm chạp đến tận đầu bến cầu, khoan khoái hít thở không khí thơm tho của bình minh trên biển Egée. Vị mặn của biển, hương thơm dịu dàng của cây hoa kim ngân, mùi thơm nồng của cây bạc hà, tất cả thành một hợp chất làm ngây ngất, không sao định nghĩa và không sao quên được. Ở hai bên vịnh là những dốc núi thẳng phủ màu xanh tươi của các loại cây thông, cây hồ đào và cây ô rô lên đến tận các cánh đồng cỏ nơi có cơn gió hiu hiu thổi văng lại tiếng chuông lục lạc xa xa, du dương của đàn dê, thứ âm nhạc gợi nhớ quê hương, biểu tượng của hòa bình mà vùng biển Egée không còn được hưởng nữa.

Mallory buồn bã lắc đầu và bước vội tới đầu đập ở đó có các bạn đồng hành của chàng. Như thường lệ, Miller đang nằm dài ra, mũi kéo sụp xuống mi mắt để tránh ánh nắng mặt trời đang lên.

- Rất tiếc phải quấy rầy các anh, nhưng trong nửa giờ nữa chúng ta sẽ đi, trong mười phút nữa, điểm tâm. Nào tất cả đứng dậy chuẩn bị mang đồ đạc xuống thuyền. Còn anh, Trung sĩ Brown! Anh nên ghé mắt xem qua máy móc một chút.

Brown đứng dậy và nhìn với vẻ không hứng thú chiếc thuyền bị tróc sơn như con cá bị cạo vảy.

- Đại úy nói đúng, những lỗ ra mà máy móc cũng bầy nhầy như cái cái xác này thì...

Anh ta bi quan cúi đầu và nhanh nhẹn nhảy từ đập xuống tàu.

Mallory và Andrea cũng bước theo và họ đưa tay đón lấy đồ đạc do hai người khác trao xuống. Trước hết họ chất lên thuyền một cái bao đầy quần áo cũ, rồi thực phẩm, một cái nồi "nấu hỏa tốc", chất đốt, những đôi giày ủng nặng, những cuốc chim, búa, rìu và những cuộn dây

thường lõi bằng sợi kim loại để leo núi. Kế đó, họ cẩn thận đưa xuống máy vô tuyến vừa thu vừa phát, máy phát điện loại cổ điển có tay quay. Rồi đến vũ khí tự động: hai khẩu Schmeisser, hai khẩu Bren, một khẩu Mauser và một súng Colt[27]. Tiếp theo là một cái két chứa đủ thứ kỳ lạ nhưng đã được chọn lọc kỹ càng, đó là những cây đèn bấm, gương soi mặt, hai loại giấy chứng minh và điều khó tin là có cả những chai rượu vang Moselle[28].

Cuối cùng, bằng những biện pháp hết sức thận trọng, họ sắp xếp ở phía mũi thuyền hai rương gỗ, một màu xanh lá, kích thước trung bình, bao quanh bằng sợi dây đồng, một nhỏ hơn màu đen. Hòm thứ nhất đựng thuốc nổ T.N.T[29], những que nhỏ làm cốt mìn, với những quả lựu đạn, đồ mồi lửa bằng bông nhồi thuốc súng, những ống vải. Trong góc rương còn có một bao bột sa thạch, một bao thủy tinh tán nhỏ và một lọ đựng potasse. Cả ba loại này được bồi thêm vào trong trường hợp Miller có dịp trở tài gây nổ của mình. Cái hòm đen chỉ đựng những bộ phận nổ bằng điện và fulminate mỏng manh đến nỗi chỉ cần bật ra ngoài không khí và một vật nhẹ như lông gà đụng lên nó là bùng nổ ngay.

Mọi thứ được sắp đặt xong, ngay lúc đó cái đầu của Casey Brown xuất hiện ngay cửa hầm máy. Anh ta thông thả quan sát cột buồm chính ở phía trên đỉnh đầu rồi quay về phía trước nhìn cột buồm đằng mũi. Nét mặt hoàn toàn không lộ vẻ gì, anh hỏi Mallory:

- Thưa Đại úy, chúng ta có buồm cho cái cột này không?

- Tôi nghĩ là có. Tại sao thế?

- Bởi vì Thượng đế biết chúng ta sẽ cần dùng đến. Đại úy bảo tôi nhìn qua phòng máy. Không phải là một phòng máy. Đó chỉ là một kho sắt vụn hôi hám. Một mảnh sắt hoen rỉ nhất được gắn vào trục mô tơ. Và Đại úy có biết mô tơ thế nào không? Đó là loại động cơ hiệu Kelvin chế tạo cách đây khoảng ba mươi năm.

Brown lắc đầu tuyệt vọng nói tiếp:

- Động cơ đã bị rớt thành mảnh vụn cách đây nhiều năm. Tôi thấy sàn đầy dẫy những mảnh kim loại và những bộ phận rời. Tôi đã thấy ở gần Gallowgate những kho sắt vụn khác nhưng không có nơi nào cân tề như ở đây.

Mallory dịu dàng nói:

- Thiếu tá Rutledge đã xác nhận mới hôm qua đây ông còn chạy chiếc này được mà. Thôi bây giờ hãy đi ăn điểm tâm. Nhớ nhắc tôi rằng chúng ta còn phải lượm vài viên đá nặng khi trở lại.

- Những viên đá! Miller kinh hãi thốt lên. Để mang lên thuyền à?

Mallory mỉm cười gật đầu.

- Những chiếc thuyền chết bầm này đang có nguy cơ bị đắm. Miller phản đối. Tại sao lại mang đá theo để làm gì?

- Cứ đợi và các anh sẽ thấy.

Ba tiếng đồng hồ sau, Miller thấy điều đó. Chiếc thuyền vẫn đều đều tiến về phía bắc trên mặt biển êm gió, xa khỏi bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ gần một dặm trong khi Miller buồn bã cuốn chặt bộ quân phục màu xanh thành cái búi nhùi và tiếc rẻ ném nó qua khỏi mạn thuyền. Được kéo nặng bởi hòn đá lớn, nó biến mất khỏi mặt nước trong một giây. Miller nhìn ngắm mình trong tấm gương treo trên vách buồng lái. Ngoài cái thắt lưng tím và cái áo lót ngắn màu khá nhu mì, anh chàng hoàn toàn mặc màu đen. Đôi giày boots cột dây đen, cái quần đen rộng thùng thình, một cái áo sơ mi và áo vét đen, mái tóc hoe vàng cũng nhuộm đen. Anh ta rùng mình ngoảnh mặt khỏi gương vừa nói:

- Nhờ ơn Chúa, gia đình tôi không thấy tôi như thế này!

Và khi nhìn những người bạn đồng hành cùng ăn mặc giống mình bằng những mảnh vải biến chế. Miller nhún vai:

- Dù sao trông tôi còn bảnh trai hơn họ. Nhưng tại sao chúng ta lại thay đổi trang phục thế này, thưa Đại úy?

- Người ta đã cho tôi biết rằng trước đây anh ta từng khuấy phá hậu phương quân Đức, khi thì giả dạng là nông dân, khi thì cải trang thành người thợ. Bây giờ anh được biết người dân thành phố Navarone ăn mặc như thế nào.

- Nhưng tôi thắc mắc tại sao lại thay đồ hai lần: một lần trên máy bay và một lần ở đây?

- Người ta đã thấy chúng ta ở Alexandrie trong bộ quân phục kaki của Lục quân và màu trắng của Hải quân. Ở Castelrosso, chúng ta lại mặc đồng phục màu xanh. Chắc chắn thế nào cũng có gián điệp ở Alexandrie, ở Castelrosso hay ở hòn đảo mà thiếu tá Rutledge. Chúng ta phải tránh một nguy cơ bằng cách đánh lạc hướng bọn tò mò.

Miller cúi đầu và nhìn cái bao đặt trên sàn với vẻ băn khoăn. Chàng ta rút ra một trong những bộ đồ dài màu trắng và hỏi bóng gió:

- Thế còn loại quần áo này chắc để chúng ta cải trang thành những bóng ma để đi qua nghĩa địa thành phố?

- Cũng để nguy trang đây, Mallory trả lời cộc lốc, ở Navarone, có những núi khá cao phủ đầy tuyết, nếu mặc đồ trắng khi đi qua thì khó bị nhìn thấy hơn.

Kinh ngạc, Miller không nói gì nữa và đi ra nằm dài trên boong, mắt nhắm lại.

Mallory nói với Andrea:

- Đó là người biết tận dụng ánh nắng mặt trời trước khi đối đầu với vùng núi tuyết hoang vu. Ý kiến hay đấy. Có lẽ các anh cũng nên ngủ. Để tôi trực gác trong trong hai tiếng.

Chiếc thuyền tiếp tục di chuyển suốt năm giờ song song với bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ, hơi lạng qua hướng tây bắc và ít khi ra khỏi bờ hai dặm. Dưới ánh nắng dịu dịu của mặt trời tháng mười một, Mallory cảm thấy bớt căng thẳng và ấm áp. Chàng ngồi ở góc mũi thuyền và không ngừng dò xét bầu trời và đường chân trời. Ở giữa thuyền, Andrea và Miller đang ngủ. Casey Brown thì chẳng bao giờ chịu rời khỏi phòng máy. Rất hiếm khi thấy anh ta leo lên boong để thở một chút không khí trong lành, nhưng càng lúc anh ta càng bị thu hút bởi cái mô-tơ hiệu Kelvin già

nua, khi thì vô dầu nhớt, luôn chỉnh nút gió. Tuy là thợ cơ khí siêu hạng nhưng cái mô-tơ này làm anh ta khốn khổ, và rồi anh ta lại bị nhức đầu vì phòng máy quá hẹp không chút thoáng khí.

Chỉ có buồng lái là vị trí khá tốt trong chiếc thuyền nhỏ này, nơi đó hải quân trung úy Stevens quan sát bờ biển Thổ đang chậm chạp trôi qua trước mắt chàng. Cũng giống như đôi mắt của Mallory, tia nhìn của chàng luôn chuyển động nhưng không có hệ thống như cách nhìn của xếp. Chàng nhìn bờ biển rồi lại nhìn bản đồ rồi lại đối chiếu với những hòn đảo hiện ra ra phía trước mạn thuyền, bàn tay không rời khỏi cái compas. Có lúc chàng liếc nhìn trời hoặc liếc nhanh mắt về hướng chân trời. Nhưng có một cái mà mắt chàng luôn tránh, đó là tấm kiếng mờ, lấm tấm phân ruồi, được treo trong buồng lái.

Hai tay của chàng mỏi nhừ. Đã hai lần chàng đu lên xà ngang, nhưng vẫn thấy đau. Miệng vẫn khô đắng dù chàng đã nuốt nước miếng và thỉnh thoảng tu bình nước ấm đặt bên cạnh. Thêm vào đó chứng đau dạ dày cứ quặn thắt từng cơn hoặc thỉnh thoảng ống chân phải cứ tê giật liên hồi.

Hải quân trung úy Stevens sợ hãi. Chàng chưa bao giờ tham dự một điệp vụ loại này. Nhưng đó chưa phải lý do. Chàng đã biết sợ suốt cuộc đời. Ngay từ lúc mới chập choạng vào lớp một, cha của chàng, ngài hầu tước Cedric Stevens, nhà thám hiểm và leo núi nổi tiếng nhất thời đại ấy, đã ném cậu bé Stevens xuống một hồ tắm, và tuyên bố rằng đó là cách tốt nhất để học bơi lội. Chàng còn nhớ lúc ấy trong nỗi kinh hoàng tột độ, chàng cố ngoi ngóp vào bờ, mũi và miệng sặc nước, bao tử thóp lại đau đớn trong khi cha chàng và hai người anh trai lớn, vạm vỡ và cao lớn vừa cười chảy nước mắt vừa đẩy chàng xuống nước trở lại.

Trong suốt thời kỳ là học sinh trung học, biết bao lần chàng phải khốn đốn với cách giáo dục nông cuồng của cha anh. Họ là những người khỏe mạnh, tràn đầy sức sống, sùng bái môn điền kinh, nhưng họ không chịu hiểu rằng đã chắc gì thích thú khi phóng từ trên cao năm mét xuống nước, phóng ngựa qua khỏi cái rào cao, leo lên những vách núi thẳng đứng hoặc bơi một chiếc thuyền buồm giữa cơn bão tố. Tất cả những điều đó, chàng bị bó buộc phải thực hiện và rốt cuộc chỉ làm chàng căm thù những môn thể thao bạo tàn này. Cha và các anh chàng không phải là người độc ác hay ghét bỏ gì chàng, nhưng họ chỉ đơn giản là người không có học. Ngoài sự sợ hãi của thể xác, lại thêm vào sự sợ hãi không hoàn thành những bài tập điền kinh trên và trở thành trò cười cho mọi người. Chính vì muốn thắng hai cái sợ đó mà vào những năm mười bảy và hai mươi tuổi, chàng đã quyết chí miệt mài học leo núi. Cuối cùng chàng trở nên vận động

viên leo núi nổi tiếng, thu phục được sự nể nang của cha anh và họ không dám chê cười chàng nữa. Tuy nhiên cái tiềm thức sợ hãi vẫn tồn tại nơi chàng và thỉnh thoảng lại tái phát mạnh mẽ dù chàng đã cố che giấu.

Màu xanh ký diệu của biển Egée, bóng lơ mờ của những trái núi miền Anatolie[30] ở đường chân trời, sự hỗn hợp màu sắc xanh, tím và màu chàm của những hòn đảo chan hòa ánh nắng, tất cả đang uể oải diễu hành trước mắt chàng. Cơn gió nhẹ đông nam thơm tho bắt đầu làm mặt nước màu ngũ sắc gợn sóng, vẻ hiền hòa của boong tàu, tiếng phình phịch của động cơ Kelvin..., tất cả hợp thành cái gì đó bình an, nồng ấm, mãn nguyện, lững lờ và hình như người ta có cảm giác không có gì phải sợ hãi khi mà chiến tranh có vẻ xa vời trong buổi chiều hôm nay.

Tuy nhiên, có lẽ chiến tranh không xa thế đâu... Nó khiến ký ức họ phải luôn nhớ đến. Đã hai lần, một chiếc thủy phi cơ của Đức tò mò lượn qua lượn lại trên đầu họ, và một chiếc Savola với chiếc Fiat trong đoàn bay cũng đã xuống sát ném cái nhìn trên chiếc thuyền cũ kỹ, sau đó chúng lại bay lên với vẻ hài lòng. Đó là những kiểu phi cơ của Ý xuất phát từ căn cứ của Rhodes và chắc chắn là do các phi công Đức lái.

Buổi sáng nay, họ đã đi ngang cách nửa dặm, một chiếc tàu lớn mang lá cờ Đức, súng đại liên tua tủa, có cả một khẩu đại bác đẳng mũi. Rồi đầu trưa nay, một chiếc trinh sát hạm cực nhanh của Đức gầm rú vang trời khi chạy sát qua, tạo nên những làn sóng lớn làm chiếc thuyền nhỏ lắc lư. Tuy nhiên không ai có hành động ngăn cản họ. Lẽ dĩ nhiên, cả người Anh lẫn người Đức không ngần ngại gì mà không xâm phạm chủ quyền lãnh hải của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng giữa hai bên hình như có một thỏa thuận "tử tế ngầm" khi lưu thông trên vùng biển của một nước trung lập. Cả hai đều ra vẻ ta là con người lịch sự hoàn hảo, lạnh lùng không thèm đếm xỉa gì đến nhau.

Nhưng những hội ngộ tuy vô hại với tàu chiến và máy bay Đức vừa qua vẫn nhắc nhở một điều là không hề có hòa bình. Kim đồng hồ của Mallory càng lúc càng quay, họ càng nhích dần tới gần bức tường đá khổng lồ mà họ sẽ phải leo lên không đầy tám giờ nữa. Bây giờ, thẳng trước mắt họ và cách chừng năm mươi dặm, người ta có thể thấy khối núi lởm chởm của thành Navarone nổi bật trên chân trời phản chiếu như gương, đang giương những đỉnh nhọn âm u và đe dọa lên bầu trời nhuộm màu lam ngọc.

Lúc hai giờ rưỡi trưa máy thuyền chột tắt không báo trước, không húng hắng ho, không khạc nhổ. Bầu không khí im lặng bao trùm nặng trĩu, không mong đợi.

Mallory là người đầu tiên chạy tới cửa buồng máy.

- Gì thế, Brown? Chàng hỏi bằng giọng lo sợ. Chết máy à?

- Không hoàn toàn đúng vậy, Brown trả lời, đang loay hoay cúi xuống mô-tơ. Tôi vừa tắt nó đấy.

Anh ta rời máy, nhô mình lên khỏi cửa buồng, ngồi trên boong, hai chân đu đưa, mặt xanh mét, bắt đầu hà hít luồng khí mát.

- Anh có vẻ vừa trải qua một cơn kinh hoàng nhất trong đời, Mallory nói.

- Không phải thế đâu, Brown bào chữa. Suốt từ hai đến ba tiếng, tôi bị ngấm ngấm đầu độc trong cái lỗ bắn thiu này. Chỉ bây giờ tôi mới nhận ra.

Anh ta đưa tay ôm trán và rên rỉ.

- Tôi có cảm tưởng sắp vỡ sọ.

- Máy bị xì hơi à?

- Phải, nhưng hơn thế nữa. Đại úy có thấy cái ống dọc đang đội cái khối sắt lớn tròn phía trên mô-tơ không. Nó mỏng manh như tờ giấy. Lẽ ra nó bị xì từ nhiều giờ qua. Mới cách đây một phút, nó mới bị thủng một lỗ kim. Thế là khói và những ngọn lửa dài đến mười hai phân thoát ra ngoài. Tôi bắt buộc phải tắt ngay cái máy khốn kiếp này.

Mallory khẽ gật đầu ngụ ý hiểu. Chàng hỏi:

- Anh có thể sửa chữa được ngay không?

- Tuyệt đối không thể được, thưa Đại úy. Phải hàn lại thôi. Tôi tìm được vật thay thế trong đồng sắt vụn, nhưng rỉ sét kinh khủng và hầu như cũng tàn tạ gần bằng bộ phận cũ... Để tôi thử xem.

- Để tôi giúp anh ấy một tay, Miller đề nghị.

- Cảm ơn, hạ sĩ. Ngày Brown, theo anh thì phải mất bao lâu?

- Chỉ có Chúa mới biết. Hai giờ hoặc có lẽ bốn giờ. Phần lớn các con ốc và bù lon đều bị bám chặt một lớp sét, cần phải cắt hoặc cưa hoặc tìm vật thay thế.

Mallory không nói gì hết. Chàng đi xa khỏi phòng máy bằng bước chân nặng nề buồn bã, đứng đầu với Stevens vừa bước ra ngoài buồng lái và đang nghiêng mình trên hòm đựng buồm. Stevens đưa cặp mắt dò hỏi nhìn Mallory.

- Phải, anh hãy lấy buồm ra và giương lên, Brown đã nói phải mất khoảng bốn tiếng. Andrea và tôi sẽ làm hết sức mình để phụ anh.

Hai giờ sau, máy vẫn không nổ. Họ đã rời khỏi vùng biển Thổ và đang hướng về một hòn đảo lớn cách khoảng tám dặm ở phía tây tây-bắc. Bây giờ một làn gió nồng thổi qua. Phía đông, bầu trời tối sầm, báo hiệu một cơn giông đang chuẩn bị nổ ra. Với một cái buồm tam giác lớn ở đằng mũi và một lá buồm hình thang, họ không thể tiến về phía đông. Vì thế, Mallory quyết định hướng về đảo, dù sao cũng có ít cơ hội bị quan sát hơn là lênh đênh giữa biển. Chàng lo lắng khi nhìn đồng hồ, khi nhìn bờ biển an toàn Thổ Nhĩ Kỳ xa dần. Bất thành linh, chàng đồ dẫn cả người và trở mắt nhìn về phía đông.

- Andrea! Anh có thấy không...?

- Tôi thấy, thưa Đại úy. Cách ba dặm một tàu tuần tiễu đang đâm thẳng về phía chúng ta.

- Phải, thẳng về phía chúng ta. Hãy cho Miller và Brown biết. Kêu họ lên đây!

Khi mọi người đã tụ tập xong. Mallory nói:

- Chúng ta sắp bị chặn lại và lục soát. Nếu tôi không lầm, đó là chiếc tàu lớn đã vượt qua chúng ta sáng nay. Có lẽ chúng đã được điểm chỉ và đang hết sức nghi ngờ chúng ta. Nên nhớ rằng chúng không rút tay vào túi quần mà do xét chúng ta đâu, bọn chúng đều "vũ trang tận răng". Không thể có biện pháp lạng lặc. Một là chúng đâm hai là chúng ta. Chúng ta không thể sống sót một khi những vật liệu trên thuyền này bị phát hiện và, nói đến đây giọng chàng dịu xuống, dù sao chúng ta cũng không thể vất những thứ đó xuống nước được.

Chàng nhanh chóng đề ra kế hoạch. Nghiêng mình ra khỏi cửa sổ buồng lái, Stevens cảm

thấy cơn đau dạ dày cũ tái phát và máu như dồn hết lên tim. Anh ta mừng thầm nhờ vách buồng che khuất nửa thân dưới, không ai thấy chân phải của anh bắt đầu co rút. Giọng anh ta cũng lạc hẳn.

- Nhưng, thưa Đại úy...

- Có gì thế, Stevens? Mallory hỏi, tuy đang vội vã, nhưng vẫn tinh ý nhận ra vẻ xanh mét đau đớn trên khuôn mặt chàng trai trẻ.

- Đại úy không thể làm như vậy được! Đó là tàn sát, là... giết người!

- Im đi, chú bé! Miller cầu nhàu.

- Đủ rồi, hạ sĩ! Mallory khô khan ra lệnh.

Kế đó, chàng nhìn Stevens bằng con mắt lạnh lùng:

- Nay Trung úy, trong chiến tranh này, muốn thắng, chúng ta phải đặt kẻ thù vào vị trí bất lợi và không nên tạo thế cân bằng giữa ta và họ. Ta giết kẻ thù, nếu không, chúng giết ta. Chúng ta đánh chìm tàu họ, hoặc chúng ta bị chìm. Và không riêng gì chúng ta, mà cả một ngàn hai trăm người ở Khéros. Chỉ đơn giản có thế, Trung úy. Đây không phải là vấn đề lương tâm.

Trong nhiều giây, Stevens im lặng nhìn Mallory. Ngay lúc ấy, anh ta căm ghét người chỉ huy đến nỗi có thể giết chết ông ta. Chợt Stevens ý thức rằng anh ta ghét chỉ vì lý lẽ xác đáng không thể bác bỏ được của vị chỉ huy. Mallory, thần tượng của giới vận động viên trẻ leo núi người Anh thời tiền chiến, Mallory với những chiến công hiển hách đã là những tit lớn trên các tờ báo của thế giới vào những năm 1938 và 1939, Mallory nếu không gặp vận đen, đã bắt sống được Rommel[31] ngay tại Tổng hành dinh của hắn ở sa mạc, Mallory, người đã ba lần từ chối được thăng cấp tá để ở lại với đồng đội thân yêu ở đảo Crète.

Những ý kiến ấy xuyên lấn lộn qua đầu óc Stevens. Anh ta ngược mắt nhìn khuôn mặt sạm nắng hốc hác của vị chỉ huy, lông mày rậm đen như hai vạch ngang trên cặp mắt nâu, có quầng thâm, khi lạnh lùng khi chứa chan tình cảm, và bất chợt anh cảm thấy hổ thẹn.

- Tôi xin lỗi Đại úy, Stevens nói. Tôi sẽ không làm Đại úy thất vọng.

- Tôi luôn tin tưởng nơi anh, Mallory mỉm cười trả lời.

Đoạn chàng quay qua Miller và Brown:

- Hãy chuẩn bị mọi thứ cần thiết, nhưng đừng vội vã và phải kín đáo. Bọn Đức có lẽ đang quan sát chúng ta qua ống nhòm.

Chàng quay lưng đi ra đằng mũi, Andrea theo sau chàng vừa nói:

- Đại úy hơi quá cứng rắn đối với chàng trai trẻ.

- Tôi biết. Mallory trả lời. Tôi bó buộc phải làm thế.

- Đúng vậy, Andrea chậm rãi nói... Đại úy có tin rằng họ sẽ sử dụng cả đại bác để chặn chúng ta lại không?

- Có lẽ, họ không quay trở lại phía chúng ta nếu không nghi ngờ chúng ta đang trù tính điều gì mờ ám. Đã đến lúc phải sẵn sàng đối phó. Nên nhớ phải chờ hiệu lệnh của tôi đã. Các anh sẽ nghe thấy dễ dàng.

Những đợt sóng biển màu đục như kem vỗ vào mũi tàu chiến của Đức trong khi tiếng rú của động cơ diesel hùng mạnh chợt tắt, chỉ còn lại tiếng gầm gừ nho nhỏ. Bọn Đức cho tàu cập dọc bên hông chiếc thuyền nhỏ cách chừng hai mét. Ngồi trên thùng dùng để chứa cá, tay cầm kim khâu nút vào chiếc áo vét cũ đặt giữa hai chân. Mallory có thể thấy rõ sáu người mặc quân phục hải quân Đức. Một người đang ngồi sau ổ đại liên Spandau trụ trên cái kiềng ba chân, ngay đuôi khẩu đại bác. Ba người khác đứng giữa khoang, tay ai cũng lăm lăm khẩu tiểu liên. Thuyền trưởng là một viên hải quân Trung úy trẻ măng, mặt cứng rắn và lạnh như tiền, trên cổ áo gắn chữ Thập sắt, đang nhìn qua cánh cửa mở của phòng lái, và cuối cùng một cái đầu tò mò lộ lên khỏi hầm máy. Từ chỗ ngồi, Mallory không thể thấy đằng sau tàu địch che khuất bởi tấm buồm luôn luôn căng phồng, nhưng nếu như vùng sát hại của khẩu Spandau chỉ mới được một nửa tàu, chàng đoán rằng phải còn ít ra một khẩu liên thanh ở phía sau nữa.

Viên hải quân trung úy trẻ tuổi, một sản phẩm chính hiệu của chế độ Hitler, nghiêng mình ra khỏi phòng lái, bắc tay lên miệng làm loa, hô lớn!

- Hạ buồm xuống!

Mallory chột rùng mình, cứng người lại đến nỗi đâm cả kim vào lòng bàn tay mà không biết. Viên sĩ quan nói bằng tiếng Anh! Stevens quá trẻ, còn non nớt, thế nào cũng bị sa bẫy, chàng nghĩ thế.

Nhưng Stevens không bị mắc lừa. Anh ta mở cửa bước ra, đặt tay lên tai, mắt ngược nhìn trời, miệng há hốc, vẻ ngốc nghếch. Anh chàng bắt chước điệu bộ của người không hiểu gì hết, bắt chước khéo đến nỗi Mallory cảm động muốn ôm hôn lấy anh. Tóc của Stevens cũng nhuộm màu đen như tóc của Miller. Trong bộ đồ màu sậm, anh ta chẳng khác gì người ngư dân ở đảo, chậm chạp và đa nghi.

- Hả? Stevens la lên.

- Hạ buồm xuống! Chúng tôi sẽ lên khám thuyền các anh! Viên chỉ huy người Đức hét lớn, vẫn bằng tiếng Anh.

Stevens nhìn hẩn với vẻ đần độn, đoạn quay nhìn Andrea và Mallory, hai người này cũng trở bộ mặt ngớ ngẩn không hiểu gì hết. Anh ta nhún vai thất vọng:

- Tôi không hiểu tiếng Đức. Các ông không biết nói tiếng của chúng tôi sao?

Tiếng Hy Lạp phát âm rất đúng của Stevens là giọng người thủ đô Athenes chứ không phải là giọng địa phương của dân ở đảo, nhưng Mallory đoán chắc rằng tên sĩ quan Đức không thể phân biệt được. Thật thế, hẩn không nhận ra điều đó, lắc đầu với vẻ điên tiết và nói bằng tiếng Hy Lạp ngập ngừng:

- Hãy dừng tàu lại ngay. Chúng tao lên khám xét.

- Dừng tàu tôi lại à? Stevens la lên giọng bất mãn tự nhiên, theo sau là một tràng tiếng chửi giận dữ khiến tên Đức cũng chưng hửng trong giây lát. "Tại sao tao lại dừng tàu vì tội này, đồ..."

- Tội này chỉ có mười giây, tên sĩ quan cắt ngang sau khi đã lấy lại tự chủ. Nếu không, chúng tao bắn.

Stevens phác họa một cử chỉ ra vẻ nhượng nhịn, đoạn buồn bã nói với Mallory và Andrea.

- Những người thắng trận của chúng ta ra lệnh dừng tàu lại.

Họ nhanh nhẹn tháo dây thừng quần dưới chân cột buồm, Mallory kéo buồm hình tam giác ở mũi xuống, đưa hai cánh tay chụp lấy và ngồi chồm hổm về cầu nhàu gần thùng cá, nhưng thừa hiểu rằng đang bị theo dõi bởi mười hai con mắt thù nghịch. Tấm buồm phủ trên hai đầu gối, và trên hai cánh tay đang cầm chiếc áo vét cũ. Chàng cúi đầu xuống ra vẻ người bị áp bức. Lá buồm hình thang cũng nặng nề rơi xuống đột ngột. Andrea dấn lên nó, bước loạng choạng về phía sau đoạn dừng lại, bàn tay buông thõng hai bên hông.

Động cơ Diesel lại nổ giật, chọt rú mạnh lên trong khi chiếc tàu của Đức nhích tới cập sát và cọ sát vào chiếc nhỏ. Ba người lính Đức trang bị tiểu liên Schmeisser nhanh nhẹn nhảy qua tàu nhỏ, nhưng khôn khéo tránh khỏi đường bắn của hai khẩu đại liên của đồng bọn. Bây giờ Mallory mới thấy rõ khẩu đại liên ở đuôi thuyền. Một tên trong bọn chạy ngay tới phía trước và khi ngang tầm cột buồm chính, hắn quay lại giương súng uy hiếp cả nhóm, chỉ còn trừ Mallory hắn đang tin tưởng vào khẩu đại liên ở mũi tàu Đức. Mallory thầm phục sự chính xác, sự phối hợp hành động nhịp nhàng trở thành một tập quán của toán lính tuần tra.

Chàng ngẩng đầu lên, nhìn chung quanh, với điệu bộ thờ ơ của người dân quê. Casey Brown ngồi chồm hổm trên boong ngay cửa hầm máy đang gọt giữa ống hãm thanh để lắp vào mô tơ. Cách hai bước gần mũi thuyền là Dusty Miller đang chau mày chăm chú cắt cái hộp sắt, có lẽ để phụ giúp Brown sửa máy. Anh ta cầm kềm cắt sắt ở bàn tay trái nhưng Mallory biết rõ anh thuận tay phải. Cả Stevens lẫn Andrea đều không nhúc nhích. Luôn đứng bên cạnh cột buồm chính, tên lính Đức không hề chớp mắt, hai tên kia từ từ tiến về đuôi thuyền, đi ngang qua Andrea. Thái độ của chúng bớt căng thẳng, tỏ ra người làm chủ hoàn toàn tình thế, không tin rằng có bất trắc nào xảy ra.

Một cách tỉ mỉ, lạnh lùng, chính xác, khẩu Bren của Mallory dấu dưới áo vét và đóng vào buồm, khạc ngay một viên vào đúng tim của tên xạ thủ đại liên bên kia. Chàng quay khẩu trung liên đang nổ quét vào ngực tên lính đứng gần cột buồm, khiến hắn gục chết ngay. Nhưng trước khi người hắn ngã xuống boong, bốn sự việc xảy ra một lúc. Casey Brown chụp khẩu súng dấu bên cạnh bắn hạ tên xạ thủ đại liên ở đuôi thuyền khiến hắn gục ngay trên kiềng ba chân của ổ súng ngón tay còn chạm trên chân cò. Miller thấy cái hộp sắt qua hầm máy của tàu địch, Stevens ném quả lựu đạn rơi trúng buồng lái đối phương, còn Andrea bằng hai cánh tay dài rắn chắc, nhanh và chính xác như rắn mồi, cụng đầu hai tên lính Đức vũ trang tiểu liên Schmeisser

vào nhau bằng sức mạnh chết người.

Trong khoảnh khắc, cả năm người nằm rạp trên boong trong khi chiếc tàu Đức nổ tung, lửa, khói và mảnh vụn tung tóe.

Mallory nhồm dậy, chậm chạp khó nhọc, choáng váng bởi sức nổ kinh hồn vừa qua. Phản ứng của chàng là ngạc nhiên về sự hiệu quả không ngờ của khối chất nổ.

Chiếc tàu Đức đang chìm xuống và chìm thật nhanh. Quả bom do Miller chế chắc đã làm tung cả phòng máy, Mallory chỉ sợ những cột khói đen dâng cao thu hút sự chú ý của máy bay địch. Nhưng chỉ trong chốc lát, tất cả biến mất dưới mặt biển. Chợt chàng nghe tiếng nồn mửa phát ra từ buồng lái. Chàng hiểu rằng Stevens không chịu nổi cảnh tượng hãi hùng này.

Mallory quay về phía đồng đội. Brown và Miller đã đứng lên, hai mắt như bị nam châm hút trên mặt nước nơi chiếc tàu vừa đắm. Stevens đứng dựa cửa buồng lái. Anh ta không bị thương nhưng mặt xanh như tàu lá chuối, trước cái chết khủng khiếp của viên thuyền trưởng trẻ tuổi Đức, do chính quả lựu đạn của anh ném. Andrea bị một vết thương trên má, lặng lẽ nhìn hai tên lính Đức nằm dưới chân.

- Chết? Mallory khẽ hỏi.

- Phải, Andrea trả lời bằng giọng trầm trầm. Tôi đã quá mạnh tay.

- Có ai khác bị thương không. Mallory hỏi, giọng phấn khởi trở lại. Không ai cả? Hoan hô! Chúng ta chuẩn bị tiếp tục hành trình ngay. Phải đi xa khỏi đây càng sớm càng tốt. Gần bốn giờ chiều rồi. Đã đến giờ phải liên lạc bằng vô tuyến với Le Caire. Này Brown, hãy rời khỏi kho sắt phế thải của anh vài phút và thử xem có bắt được tín hiệu của họ không.

Chàng nhìn trời ngả sang màu tím xanh đe dọa cơn mưa lớn và nói tiếp:

- Có thể sẽ nghe được cả dự báo thời tiết.

Những đám mây đen hiện giờ phủ một nửa bầu trời khiến liên lạc với Le Caire thêm khó khăn, tuy nhiên họ cũng nắm bắt được một số tin tức đáng băn khoăn. Người ta báo cho họ biết cuộc tấn công của quân Đức vào Khéros sẽ sớm hơn một ngày tức diễn ra lúc tờ mờ sáng thứ sáu thay vì thứ bảy. Như vậy họ chỉ còn hơn ba ngày để hành động.

Mallory chỉ thị:

- Hãy cho họ biết chúng ta đã nhận được tin "X trừ một".

Sau đó là giọng nói vô tư của xưởng ngôn viên báo cáo cho biết buổi tối có nhiều cơn giông và mưa rào, nhiệt độ xuống thấp, tầm nhìn xa trung bình, gió thổi từ đông sang nam, sức gió cấp tám, nhưng yếu dần vào sáng sớm hôm sau.

Mallory thốt lên:

- Thật là rắc rối! Chỉ còn hơn ba ngày mà mô tơ thì hỏng, cơn bão dữ dội sắp ập đến.

Chàng chợt nghĩ đến cơn thịnh nộ đúng lý của viên thiếu tá không quân Bill Torrance sau phi vụ đột kích Navarone, khi thấy trên trời, ngay trên đỉnh đầu họ, những đám mây đen đáng sợ đang tụ tập lại.

- Có lẽ muốn gay go đấy, một giọng mũi vang lên sau lưng chàng.

- Phải, tôi cũng nghĩ thế, Mallory nói.

- Họ đã nói "sức gió cấp tám", có nghĩa gì vậy thưa Đại úy?

- Đó là sự đo lường sức gió, Mallory trả lời. Với một chiếc tàu cỡ này và nếu anh mệt mỏi, anh không bao giờ vượt qua nổi gió cấp tám.

- Lẽ ra tôi phải nghi ngờ trước chuyện này, Miller nói. Tôi đã thề không bao giờ mạo hiểm trên vùng biển quỷ quái này mà!

Anh ta đưa ngón tay cái chỉ về hướng một hòn đảo cách xa khoảng dưới ba dặm.

- Trông nó có vẻ không quyến rũ chút nào.

Ở đây thì tưởng thế, Mallory nói. Nhưng dựa trên bản đồ thì ở đó có một cái vịnh nhỏ để tránh gió và sóng.

- Chắc có người ở?

- Có thể.

- Bọn Đức?

- Có thể.

Miller thất vọng lắc đầu và bước xuống giúp Brown. Bốn mươi phút sau, trong bóng tối lờ mờ của buổi hoàng hôn và dưới cơn mưa ập xuống như thác lũ trên đầu, chiếc thuyền nhỏ thả neo ở cái vịnh nhỏ hai bên là rừng thẳm ướt đẫm, vẻ lạnh lùng thù nghịch.



CHƯƠNG BỐN

TỐI THỨ HAI

17g – 23g30

- Thật là đại dột! Mallory chưa chát nói. Hết sức đại dột! Chẳng khác gì con ruồi đến thăm cái

tổ nhận.

Chàng điên tiết và chán nản luôn miệng tự trách. Khẽ vén tấm vải dầu đang phủ trên cửa buồng lái, chàng nhìn qua màn mưa cái vịnh nhỏ đầy đá. Bây giờ thì quan sát không khó khăn gì lắm, bởi vì mưa chỉ còn rơi hạt nhỏ. Những đám mây xám và trắng rách ròi bởi cơn gió lớn nổi lên, đang nối đuôi nhau tản mát về phía chân trời. Phía tây, mặt trời đỏ ối đang dần dần chệch xuống.

Một vài tia nắng cuối cùng ráng chiếu sáng lần cuối cái tháp canh sừng sững ở đầu núi đá, trên cao ba trăm mét, nơi đó, nòng khẩu đại liên bóng loáng ló ra qua lỗ hổng của khối tường đá và lá cò thưa chũ vạn tung bay trên nóc. Tuy có vẻ lâu đời nhưng kiên cố, với vị trí hết sức thuận lợi, tháp canh oai vệ ngự trị và kiểm soát mọi đường ra vào vịnh.

Chậm rãi, hầu như là hối tiếc, Mallory đẩy tấm vải dầu lại. Mặt nghiêm nghị quay nhìn Andrea và Stevens đã trở thành những bóng mờ trong bóng hoàng hôn của cabin.

- Đại đột! Chàng lập lại. Ôi Mallory đại đột! Có thể trong hàng trăm hòn đảo gần đây chỉ có cái vịnh này bị quân Đức đặt tháp canh! Và tôi đã đại đột chọn ngay nó! Nào Stevens chúng ta thử liếc mắt trên bản đồ xem sao?

Stevens trao tấm bản đồ cho Mallory và nhìn xếp đang chăm chú điều nghiên dưới ánh sáng yếu ớt lọt qua vải dầu. Chàng ta rít một hơi thuốc lá dài và cảm thấy sự sợ hãi xưa lại xâm chiếm lấy người. Đưa mắt về phía hình thù to lớn của Andrea, tự nhiên Stevens thấy có ác cảm với anh ta một cách vô lý chỉ vì anh ta là người đầu tiên phát hiện ra hòn đảo này trước đây vài phút. Bọn chúng chắc chắn có trọng pháo trên kia, chàng nghĩ thế. Nếu không, làm sao chúng kiểm soát được vịnh. Chàng nghiêng răng đưa tay bóp chặt đùi phía trên đầu gối nhưng chân vẫn co giật. Cũng may trong bóng tối của phòng lái, không ai để ý đến chàng. Cố gắng trầm tĩnh, Stevens nói:

- Đại úy chỉ mất thời giờ với tấm bản đồ này và tự trách mình về việc thả neo ở đây. Dù muốn dù không, với sức gió này chúng ta cũng không thể cho tàu đi nơi khác nhất là đang hỏng máy.

- Đúng vậy, Mallory nói, tay xếp bản đồ lại. Ta không còn chỗ nào khác để thả neo, dù là chúng ta hay bất cứ ai cũng phải làm thế. Ở đây là chỗ lý tưởng để tránh bão và quân Đức đã

nhận biết điều đó từ rất lâu rồi. Cho nên lẽ ra tôi phải biết rằng chắc chắn chúng có một trạm gác ở đây. Nhưng bây giờ, "tách sữa đã đổ không thể vớt lên được". Này Brown!

- Có tôi đây, Brown trả lời từ hầm máy.

- Thế nào? Sữa chữa tới đâu rồi?

- Không tệ lắm đâu, thưa Đại úy.

- Phải mất bao nhiêu lâu nữa? Một giờ không?

- Vâng tôi sẽ hoàn thành trong một giờ.

Mallory nhìn ra bên ngoài, đoạn quay sang Andrea và Stevens:

- Chúng ta sẽ đi trong vòng một giờ nữa. Bóng tối sẽ bảo vệ chúng ta khỏi sự quan sát của mấy "ông bạn quý" ở trên cao kia.

- Đại úy có tin rằng họ sẽ tìm cách chặn chúng ta lại không? Steven trả lời bằng giọng có vẻ khác thường.

Hầu như chắc chắn Mallory nhận biết điều khác thường đó, nhưng chàng vẫn thản nhiên nói:

- Chẳng có lẽ họ xếp hàng trên bờ để tiếp đón chúng ta sao. Andrea, theo anh nghĩ họ có bao nhiêu người trên kia?

- Tôi đã thấy hai đứa. Có lẽ chúng có ba hoặc bốn. Andreas trả lời. Bọn Đức không phung phí người vào những trạm gác nhỏ này đâu.

- Anh có lý. Chúng tăng cường người hầu hết cho các đơn vị quân trừ phòng đóng trong làng, cách đây khoảng mười cây số theo bản đồ, về hướng tây. Không thể...

Chàng chợt ngưng bật, lặng người. Một tiếng gọi lớn như ra lệnh từ vọng tới. Tự rửa thầm vì đã lơ đãng không đặt một người trinh sát trên bờ - Chính vì sự cẩu thả đó mà có lần chàng suýt mất mạng ở đảo Crète.. Mallory vén tấm vải dầu bước chậm chạp lên boong. Chàng không mang theo vũ khí nhưng bàn tay trái cầm một chai rượu vang Moselle còn phân nửa.

Giả bộ bước đi xiêu vẹo, suýt nữa thì ngã xuống nước nếu không nắm kịp sợi dây giăng cột buồm, chàng liếc mắt nhìn về phía bóng đen đứng trên bờ không tới mười thước, tự nhủ thầm "cũng chẳng cần phải đặt người trinh sát, bởi vì chỉ có một người lính đeo súng ở vai". Chàng ngửa cổ đưa chai rượu lên miệng tu một hơi, không có gì phải vội vã.

Chàng biết cơn giận làm tím mặt gầy gò, sạm đen của tên lính Đức và tảng lờ như không biết. Chậm rãi, bằng động tác ngụ ý khinh bỉ, chàng đưa tay áo vết đen đã sờn và có tua lên lau môi, liếc nhìn kỹ tên lính Đức từ đầu tới chân trước khi hỏi:

- Ê cái anh kia muốn gì?

Trong chốc lát, chàng chột hối hận vì đã hơi quá trớn khi thấy tên lính nắm chặt báng súng. Chàng không lo cho tính mạng mình bởi vì trong hầm máy mọi tiếng động đã ngưng bật và bàn tay của Miller không bao giờ rời khỏi khẩu súng lục có gắn ông hãm thanh, lúc nào cũng sẵn sàng bắn che cho xếp. Nhưng chàng không muốn gây rắc rối nhất là trong lúc này nhất là còn khẩu đại liên ở trên cao kia đang rình rập.

Bằng một cố gắng hầu như có thể thấy được, người lính trẻ tự chủ lại. Chẳng cần phải tưởng tượng nhiều để hiểu sự do dự và phân vân đang xâm nhập vào người hắn. Đó là phản ứng mà Mallory mong đợi. Những người Hy Lạp, kể cả đang say rượu, cũng không bao giờ dám nói với người lính bảo hộ bằng cái giọng như thế, trừ phi được che chở bởi một thế lực nào đó.

- Chiếc tàu này từ đâu đến và các ông đi đâu? Người lính Đức hỏi bằng tiếng Hy Lạp bập bẹ nhưng hiểu được.

Mallory tự thiết đãi mình bằng cách uống thêm một ngụm nữa đoạn giò cao chai lên và nhìn ngắm nó với vẻ hài lòng tôn kính.

- Có một điều mà các anh, những người Đức, không biết chế tạo, đó là rượu ngon, chàng cất cao giọng nói. Tôi dám cá rằng các anh không bao giờ được thưởng thức loại hảo hạng này.

Người lính nhả mặt, lạnh lùng nói:

- Tôi hỏi ông: chiếc tàu này ở đâu đến và đi đâu?

- Đây là chiếc Aigion, Mallory ngạo mạn trả lời, có nhiệm vụ đi về phía đông đến tận

Samos[32].

- Theo lệnh ai? Người lính hỏi.

- Ngài tư lệnh ở Vathy[33] tướng Graebel. Chắc anh đã nghe tên?

Tướng Graebel tư lệnh quân nhảy dù Đức nổi tiếng là "kỹ luật thép", ai mà không biết đến, nhất là trong các vùng quần đảo này.

Dù trong bóng chiều tối, Mallory cũng thấy tên lính tái mặt. Nhưng hắn vẫn ương ngạnh.

- Có giấy tờ chứng minh không?

Mallory thở dài, quay đầu rống to:

- Andrea!

- Cái gì vậy mày? Andrea vờ nổi quạu.

Andrea đã nghe rõ từng lời đối thoại của hai người, xuất hiện ở cửa buồng lái, chai rượu cầm nghiêng đổ cả ra tay.

- Mày không thấy tao đang bận sao? Giọng anh ta lè nhè cắn nhần.

Chợt dừng lại khi thấy người lính Đức, Andrea nhúu mày giận dữ.

- Cái thằng con nít kia nó muốn gì?

- Nó muốn xem giấy phép hành nghề đánh cá của chúng ta và lệnh của tướng Graebel.

Andrea làu bàu biến mất vào trong một lúc. Một sợi dây được quăng vào bờ, kéo đuôi thuyền vào gần chỗ người lính đứng. Giấy tờ được trao cho người lính. Anh ta có vẻ hoàn toàn hài lòng, gấp lại và trao trả cho nhóm, miệng lầm bầm lời cảm ơn. Mallory có dịp nhìn kỹ người lính hơn. Hắn còn nhỏ quá, không quá mười chín tuổi, vẻ mặt chất phác khác hẳn những tên SS[34] cuồng tín của chiếc tàu bọc thép hồi chiều. Mallory không muốn phải giết hắn. Nhưng phải tìm cách dò hỏi tin tức càng nhiều càng tốt. Chàng ra hiệu cho Stevens mang lên một kết

còn sót lại vài chai rượu Moselle vừa thầm nghĩ "Đại tá Jensen thật chu đáo lo lắng cả khoản nước uống này". Đưa ngón tay chỉ bằng quơ trên đồi cao, chàng hỏi:

- Các anh có mấy người trên đó?

Ngay lập tức, người lính Đức lấy lại vẻ nghi ngờ và thù nghịch.

- Tại sao ông muốn biết?

- Chúng tôi sẽ từ Samos trở lại trong hai hoặc ba ngày nữa và thế nào chẳng có một két rượu vang Moselle khác. Tướng Graebel thường rộng rãi với chúng tôi, là những... phái viên đặc biệt của ngài mà. Trên kia, chắc các anh cũng thèm có rượu uống lắm phải không? Mỗi người sẽ được biểu đồng đều một chai. Các anh có bao nhiêu người nhỉ?

Người lính Đức yên tâm khi được Mallory cho biết sẽ còn quay lại đây nữa. Hấp dẫn bởi món quà biếu ngon tuyệt và lo ngại phản ứng của đồng đội nếu hấn từ chối, người lính dẹp ngang mọi nghi ngờ và miễn cưỡng trả lời.

- Chúng tôi chỉ có ba người.

- Vậy thì đây một, hai, ba chai. Mallory vui vẻ đếm và để chứng tỏ cho anh lính bảo hộ biết mình cũng học lóm được vài chữ tiếng Đức, chàng giơ cao chai rượu đang uống lên kêu to:

- Prosit. Auf Windersehen[\[35\]](#).

Người lính lưỡng lự một giây, hơi xấu hổ đoạn quay người lại và đi dọc theo vịnh tay ôm mấy chai rượu trước ngực.

- Chúng chỉ có ba đứa, Mallory nói, như thế càng dễ cho chúng ta...

- Hoan hô Đại úy! Stevens thốt lên, Đại úy đóng kịch quá khéo!

- Phải! Quá khéo! Đến phiên Miller cho ý kiến. Tôi chẳng hiểu hai bên nói gì, nhưng Đại úy xứng đáng đoạt giải Oscar[\[36\]](#)!

- Cám ơn, Mallory nói. Nhưng tôi e rằng lời khen ngợi của các anh hơi quá sớm... Hãy nhìn

kia!

Người lính trẻ đứng lại cách bờ vịnh khoảng hai trăm mét và sau cái giật mình kinh ngạc hấn bước qua giữa rừng cây. Một người lính khác lộ đầu ra, nói với hắn điều gì đó, tay chỉ về phía chiếc tàu đậu trong vịnh. Rồi cả hai đều biến mất.

- Chúng ta lại phải làm lại từ đầu, Mallory nói. Có điều gì đó xảy ra. Nhưng phải làm sao để đánh lạc hướng nghi ngờ của bọn chúng. Đừng cho họ có cảm tưởng chúng ta đang họp bàn âm mưu gì đó.

Miller xuống trở lại trong hầm máy với Brown, Stevens bước vào buồng lái. Mallory cố không để ý đến những người lính canh nghĩ gì. Vấn đề là phải ra khơi nhưng với điều kiện... Khẩu đại liên của chúng đừng ngăn cản... Thế thôi!

- Theo Đại úy, chuyện gì đã xảy ra? Stevens hỏi.

-Thật khá rõ ràng. Chúng đã nhận được tin, bằng cách nào tôi không thể biết. Bọn chúng chắc đã được báo động về một vụ chiếc tàu tuần tra bị mất tích, khiến mọi nghi ngờ chúng ta thêm gia tăng. Anh có nhớ tên lính khi nãy mang theo trên lưng vô tuyến và ăng-ten. Có lẽ chúng luôn giữ liên lạc với chỉ huy của chúng, bằng vô tuyến, bằng điện thoại, và chúng đều hoảng hốt về tin tức vừa nhận được.

- Vậy thì có lẽ chỉ huy của quân Đức sẽ điều một đội quân đi xét hỏi chúng ta, Miller nói bằng giọng bí mật.

Bộ óc của Mallory hoạt động nhanh chóng và chàng cảm thấy tự tin một cách lạ lùng.

- Không, Mallory nói. Sở chỉ huy của chúng cách đây mười cây số theo đường chim bay, hoặc có thể mười tám nếu đi xuyên qua núi rừng... và nhất là trong đêm tối. Họ không làm thế đâu.

- Vậy thì chúng ta phải chờ cho đến khi khẩu Spandau của chúng nhả đạn vào chúng ta sao? Stevens lại hỏi.

- Không, Mallory nói. Dù nghi ngờ, bọn Đức vẫn kiêng dè chúng ta vì tên lính trẻ thế nào cũng cho đồng đội biết rằng chúng ta có lệnh do tướng Grabebel ký. Chúng không đại dột gì mà liều lĩnh nổ súng. Tuy nhiên, có lẽ chúng đã đánh tín hiệu về Samos để xin xác minh và đang chờ đợi điện trả lời, trễ lắm là trong vòng nửa giờ.

- Nhưng ở lại đây và viết di chúc thì được ích lợi gì, Miller mỉa mai. Phải làm điều gì chứ.

- Hãy yên tâm đi, hạ sĩ. Chúng ta sẽ đắm mình trong cuộc chè chén say sưa thật vui, thật ồn ào trên boong tàu...

Đây là bài hát thứ ba của họ ngân dài từng chuỗi trong không trung. Mallory không tin rằng tiếng hát của nhóm sẽ vang lên đến tận tháp canh vì gió ngược, nhưng lối nhảy nhót, dậm chân, cụng chai nhau chắc chắn sẽ không lọt qua cặp mắt dò xét của bọn Đức trừ phi chúng mù và điếc. Thái độ của họ chắc chắn không phải là thái độ của những gián điệp khi biết bị nghi ngờ, sẽ không dễ mất thì giờ. Những người đang rình rập từ tháp canh chắc chắn cũng nghĩ thế hoặc đang phân vân bối rối.

Mallory nhìn ba người ngồi gần chàng: Miller, Stevens và Brown. Còn Andrea thì núp trong buồng lái lưng đeo súng ngắn và tay cầm bao lựu đạn.

- Bây giờ đã đến lúc đóng phim cho xứng với giải Oscar anh tặng cho tôi, Mallory nói với Miller. Chúng ta giả bộ đánh nhau.

Cả hai vừa la lối, vừa lăn xả vào nhau, tay chân dẫm đá túi bụi. Mallory vờ rú lên đau đớn ngã xuống. Miller chạy tới chụp lấy cây sào bổ xuống đầu chàng, nhưng những người khác kịp giữ tay anh ta lại và cố gắng can ra trong tiếng la ó huyên náo. Lợi dụng lúc lộn xộn, Andrea đã lặng lẽ biến mình dưới nước và lặn vào bờ.

Một phút sau, theo đúng luật giang hồ của bọm nhậu, cả hai lại làm hòa bắt tay nhau và cùng chai uống tiếp.

- Vai đóng đạt lắm, Mallory nói. Phải tặng một Oscar cho hạ sĩ Miller.

- Tôi chẳng khoái chút nào xếp ơi, Miller nói ủ rũ. Lẽ ra Đại úy phải để tôi đi cùng với Andrea. Một mình anh ta phải chọi với ba đứa trên kia nhất là bọn chúng lại đang tư thế sẵn sàng. Quỷ bắt tôi đi! Đại úy há không nói rằng sứ mạng của chúng ta rất quan trọng sao?

- Chính vì quan trọng mà tôi không phái anh đi theo Andrea. Không ai trong chúng ta được đi cả bởi vì chúng ta chỉ làm anh ta thêm vướng bận. Anh chưa hiểu Andrea đâu, anh Dusty.

Lần đầu tiên Đại úy Mallory thân mật gọi Miller bằng tên riêng khiến anh ta cảm động. Đại úy nói tiếp:

- Trong các anh chưa ai hiểu được Andrea con người khổng lồ nhưng luôn tươi cười và bông đùa. Nhưng tôi, tôi hiểu anh ấy. Trong lúc này, anh ta bước xuyên rừng như mèo, một con mèo lớn và nguy hiểm nhất. Chỉ trừ phi bọn lính gác chống cự lại, chứ Andrea không cần giết người nếu không cần thiết. Khi phái Andrea đi, tôi hoàn toàn tin tưởng chúng bị vô hiệu hóa chẳng khác gì chúng đang ngồi trên ghế điện và tôi ngồi đây bấm nút.

Năm phút trôi qua, có thể đã mười phút, những người trên thuyền vẫn say sưa ồn ào. Trời đã tối hẳn. Chiếc thuyền bắt đầu chòng chành do những đợt sóng lớn. Những cây thông trên vịnh trong bóng tối hợp thành một cái vòm đen cao lớn và tiếng gió than vãn như kinh cầu hồn xuyên qua các ngọn cây. Một đêm nặng nề như đe dọa, đầy linh cảm chẳng lành đánh thức sự sợ hãi.

Bất chợt, tiếng gọi vui vẻ của Andrea từ trên bãi như kéo họ ra khỏi cơn thôi miên và họ đều đứng bật dậy. Nụ cười của anh ta vang lên rộn rã khiến cho khu rừng như có vẻ lui lại vì thất bại. Không chờ cho đuôi thuyền tiến lại gần bờ, Andrea đã phóng mình xuống nước, bơi sải chừng mười hai cái đã chạm tay vào mạn thuyền và đu lên dễ dàng.

Vẫn luôn tươi cười, anh ta lắc người ướt nhẹp và đưa tay đón lấy chai rượu.

- Chắc khỏi cần phải hỏi anh đã giải quyết xong tháp canh chưa? Mallory mỉm cười hỏi.

- Hoàn toàn khỏi cần. Thật quá dễ. Toàn là mấy đứa nhất. Chúng cũng chẳng nhìn thấy tôi.

Andrea ngửa đầu tu một hơi và tiếp tục kể, giọng đặc thẳng:

- Bọn nhãi đang trở mắt nhìn chúng ta qua lỗ hổng của tháp canh. Tôi ra lệnh cho chúng giơ tay lên, trước súng của chúng và nhốt chúng trong một căn hầm. Sau đó, tôi phá hư khẩu đại liên Spandau của chúng. Đơn giản chỉ có thế.

Bây giờ thế là hết, Mallory buồn bã nhủ thầm. Thế là chấm dứt mọi cố gắng, mọi hy vọng, mọi sợ hãi, mọi tình cảm, mọi vui mừng. Chấm dứt với tất cả năm người ở đây và một ngàn hai trăm người ở Khéros. Trong khi chàng đưa tay chùi bọt sóng mặn chát bắn trên môi, và mở to mắt nhìn vào bóng tối thăm thẳm nơi đang tung hoành cơn giông bão, nỗi tuyệt vọng không khoan nhượng cay đắng xâm chiếm tâm hồn chàng. Tất cả đã mất, tất cả sẽ biến mất, trừ những khẩu đại bác thành Navarone. Chúng trở thành bất khả tiêu diệt. Chúng mãi mãi bị nguyên rửa, nguyên rửa!

Chiếc thuyền nhỏ đang hấp hối, kêu răng rắc khắp nơi, liên tục bị tấn công cho đến chết. Đuôi thuyền chúi xuống mặt nước, mũi thuyền điên cuồng dựng đứng lên không trung, rồi lại kinh hồn đập xuống. Những cây đà và những tấm ván mọt mõi, rạn nứt dần.

Khi này, lúc cho tàu nổ máy rời khỏi vịnh để đi theo hướng bắc, về phía Navarone, tình thế đã khá lo ngại. Thật là vô cùng khó khăn để giữ cho thuyền đi đúng hướng, bởi vì sóng đập vào thân bên phải thuyền, khiến nó chệch một góc 50 độ, nhưng lúc đó nó vẫn còn nguyên vẹn.

Nhưng bây giờ, gần nửa lô ván bắt đầu tách rời khỏi mũi. Nước dâng lên trong thuyền nhanh đến nỗi cái máy bơm bằng tay không kịp hút nước ra. Những đợt sóng quái ác cũng không còn đều đặn. Gió cũng bắt đầu nhân đôi sức mạnh, đổi hướng liên tục giữa tây nam và đông nam. Ngay lúc này, nó đang từ hướng nam thổi tới và đẩy con tàu bất trị trôi dạt mạnh mẽ về dãy núi đá của hòn đảo Navarone, dãy núi dựng đứng nhưng vô hình trong bóng tối dày đặc.

Mallory đứng thẳng người một chút, cố làm dịu cơn đau nhói ở vùng thận. Từ hơn hai giờ, chàng liên tục nhấc lên và đổ xuống biển hàng ngàn xô nước, do Miller liên tục mức đầy trong hầm tàu. Chỉ có thượng đế biết Miller cảm thấy thế nào. Việc làm của anh ta hết sức nặng nhọc, và từ nhiều giờ, anh lại đang bị say sóng. Diện mạo anh ta thật đáng sợ, như diện mạo người chết, và cái ý chí theo đuổi nỗ lực trong tình trạng này vượt qua giới hạn của anh.

Mallory ném một cái nhìn ra phía sau để xem các bạn khác ra sao. Lẽ dĩ nhiên chàng không thể không gặp Casey Brown, giam mình trong buồng máy hẹp, cũng đau khổ vì say sóng và ngoài ra còn chịu thêm cái ách nhức đầu gây nên bởi khói được lọc và thoát ra ngoài qua ống thoát hơi mới chế. Tuy nhiên, luôn nghiêng mình trên mô-tơ, anh ta không một lúc nào rời khỏi vị trí từ lúc họ ra khỏi vịnh, và anh ta chăm sóc cái mô-tơ hiệu Kelvin già yếu với vẻ trù mến tận tâm cộng với khéo léo tuyệt vời của con người hãnh diện sinh ra từ dòng dõi thợ máy. Động cơ này chỉ cần ngưng nổ một giây, thế là tai họa khủng khiếp lập tức. Khả năng còn lái được và mạng sống của năm người tùy thuộc hoàn toàn vào sức đẩy không ngừng nghỉ của chân vịt và hai ống hình trụ rỉ sét đang chăm chỉ dao động. Đó là trái tim của thuyền. Nếu nó ngừng đập, thuyền sẽ chết và tan tành trong vực thẳm đang chờ đón họ.

Ở phía trước buồng máy, Andrea đang cong lưng, hai chân soạc ra, vận dụng ống bơm liên tục, không bao giờ ngừng đầu lên, không cần biết đến độ lệch của hướng đi, không chú ý đến cơn gió rát da và bụi nước lạnh ngắt làm hai tay của anh ta sưng phồng. Không một mối, cánh tay của anh nhấc lên và hạ xuống đều như cái pít-tông. Anh ta điều khiển ống bơm từ ba giờ và có vẻ đủ sức tiếp tục mãi mãi, khiến Mallory tự hỏi sự chịu đựng dẻo dai của anh ta phải chăng là vô bờ bến.

Stevens cũng làm chàng ngạc nhiên. Suốt bốn tiếng đồng hồ, anh ta không rời tay lái là một cái thanh sắt luôn chấn động và như bướng bỉnh tìm mọi cách để thoát khỏi bàn tay đuổi sức của người thuyền trưởng trẻ tuổi. Anh ta đang làm một công việc hết sức khó khăn, đó là lái chiếc tàu bé nhỏ và bệnh hoạn này giữa cơn giông bão, và anh ta đang hoàn thành nó một cách vững vàng và đáng phục. Bụi nước quất vào mặt Mallory làm chàng mờ mắt, nhưng chàng cũng nhìn thấy được qua màn nước hai môi mím chặt của Stevens, đôi mắt quầng thâm vì thiếu ngủ và một giòng máu luôn rỉ ra từ vết thương trên thái dương. Một đợt sóng khổng lồ đã đập bẻ cửa sổ của phòng lái, dữ dội và đột ngột đến nỗi Stevens không kịp né tránh và lãnh trọn một mảnh nhọn vào thái dương phải.

Tim thất lại, Mallory quay người đưa tay đỡ lấy xô nước đầy. Chàng không biết phải dùng từ

nào để mô tả những nhân viên của chàng, vì tinh thần chàng quá mệt mỏi nhưng vả lại cũng không có đủ từ để ca ngợi họ.

Tại sao những người đang chịu trận đòn như tử này phải chết một cách phi lý? Có lẽ không cần thiết phải biện minh cho cái chết dù là cái chết không vinh quang, vô ích. Người ta không thể chết cho lý tưởng hoặc cho cái gì đó trừu tượng hay sao? Những người tử đạo đã hoàn thành được gì khi bị thiêu sống trên giàn hỏa? Nếu người ta đã sống xứng đáng thì cách chết quan trọng ra sao? Mallory ghê tởm nhớ lại những lời của đại tá Jensen về Bộ Tư lệnh Tối cao chơi trò "Ai sẽ làm Vua" với quân địch. Vậy thì họ đang ở trong cuộc của ván cờ. Những con chốt này sắp mất. Điều đó không quan trọng với họ, bởi vì họ còn hàng vạn con chốt khác để chơi.

Lần đầu tiên, Mallory nghĩ đến chính mình, không phải để than trách số phận cũng không phải để nuối tiếc đã mất tất cả. Chàng chỉ nghĩ đến vai trò làm trưởng nhóm trong cuộc viễn chinh này, đến trách nhiệm của chàng trong tình thế hiện tại. "Lỗi tại tôi, chàng tự lập lại, tất cả do lỗi của tôi. Chính tôi đã dẫn họ đến đây, buộc họ đến đây".

Dù biết rằng nếu ở lại trong vịnh, bọn Đức sẽ tiêu diệt họ trước khi trời sáng, Mallory cũng tự mắng mình đã bó buộc đồng đội đương đầu với bão tố và bây giờ chàng không thể làm khác họ, nghĩa là đồng chờ chết. Tuy nhiên, chàng là xếp và phải tìm ra một giải pháp để cứu họ, nhưng chưa tìm thấy được.

Chàng đánh rơi xô nước, bám chặt vào cột buồm để khỏi bị đợt sóng to như mái nhà đập xuống boong cuốn phăng đi, bọt nước cuộn cuộn trắng xóa, sáng ngời như có lân tinh. Chiếc thuyền nhào lộn chòng chành, nghiêng ngả, chúi xuống như trong khoảng trống, bởi không ai thấy gì hết, kể cả nơi mà đợt sóng vừa qua biến mất nhường chỗ cho đợt kế tiếp. Biển tối đen như mực trở nên vô hình, xa cách lạ lùng, nhưng đáng sợ gấp bội vì ta luôn có cảm giác nó ở gần bên có thể sờ soạng được.

Mallory nhìn xuống hầm tàu và mơ hồ nhớ rằng Miller đang lặn hụp dưới đó. Có lẽ anh ta đã chết ngộp mất. Cần phải khẩn cấp tới đó ngay. Một cơn sóng lớn hơn xô tới và tan nhanh trên boong. Chàng chột hiếu:

Gió! Gió đã bớt và đang yếu sức dần. Trong khi chàng ôm chặt cột buồm bằng hai cánh tay để chống lại đợt sóng thứ hai này, chàng nhớ lại khi xưa lúc ở trên một dãy núi cao, chàng đang

đứng dưới chân một vực thẳm trong khi gió lồng lộn tìm đường ít cản trở nhất, nên đã tung hoành dọc hai bên vách đá bên ngoài, còn chỗ chàng đứng là một cái hóc nhỏ hơn tương đối yên tĩnh. Hiện tượng này, mọi vận động viên leo núi đều biết. Ý nghĩa của hai đợt sóng khủng khiếp vừa qua và sức yếu của đợt ngọt của gió đập mạnh vào tâm trí chàng. Núi đá! Vậy thì nhóm chàng đang ở gần vách núi đá phía nam hòn đảo Navarone.

Chàng rống lên khản cả giọng vừa lao đảo chạy tới hầm máy xuyên qua màn nước.

- Tất cả hãy lui lại! Chàng hét lên. Lạy Chúa! Hãy lui lại! chúng ta sắp đâm đầu vào vách đá!

Bằng hai bước, chàng tới buồng lái. Bàn tay chàng run rẩy tìm một trái sáng.

- Núi đá, Stevens! Phải ném trái sáng lên xem nó ở đâu?

Chàng thấy Stevens gật đầu, Chàng nhìn bên ngoài tối đen như mực. Tuyệt vọng, Mallory cầm trái sáng động mạnh, chợt nó xé gió bay vút lên theo quỹ đạo hầu như ngang mặt nước. Mallory tưởng nó bị tắt, chàng giận dữ nắm chặt hai tay bắt lực. Chợt nó đụng vào vách núi, rớt trên một hòn đá lồi ra và ở bên trên mặt nước khoảng bốn mét, bốc khói và cháy ngập ngừng trong cơn mưa và bọt sóng.

Ánh sáng yếu ớt nhưng vừa đủ cho thấy dãy núi đá chỉ còn cách họ chừng bốn mươi mét. Và thẳng trước mặt họ, có lẽ cách bờ mười lăm mét, một lớp đá ngầm với những răng lởm chởm như kim nhọn đang tua tủa chờ họ.

- Anh có thể đi qua được không? Mallory hỏi Stevens.

- Cầu Chúa giúp! Tôi sẽ thử!

Anh ta nói thêm về tốc độ cần thiết, nhưng lúc ấy Mallory đã bước ra ngoài. Như mọi khi, gặp hoàn cảnh gay go, đầu óc chàng lại đối ứng nhanh như tên bắn, sáng suốt và bình tĩnh lạ thường.

Chàng lấy móc sắt, búa và sợi dây, ruột bằng kim loại đoạn quay trở lại boong trong vài giây. Hông tàu va mạnh vào một tảng đá ngầm khiến Mallory té quỵ trên hai đầu gối. Hòn đá cào rách mạn thuyền nhưng bàn tay của Stevens bẻ quặt tay lái qua một bên cho tàu lướt tới vừa hết to:

- Tất cả hãy lùi ra sau!

Mallory lão đảo trời dậy, nhanh chóng quấn sợi dây qua cổ và dưới vai trái, nhét móc câu và búa vào thắt lưng. Khoảng cách giữa tàu và vách tường dựng đứng đứng của núi đá càng lúc càng gần với tốc độ khủng khiếp. Mallory không ngừng tự nhủ "Chỉ còn một cơ hội duy nhất, là làm sao lên được mỏm đá nhô ra trên kia, tuy nhiên còn hơi xa, hầu như không thể lên tới được, nhưng dù sao nó cũng là một thử thách độc ác và cuối cùng".

Sau khi cố gắng vớt ra ngoài những vỏ xe tải cũ và tất cả những gì có thể che chở tạm cho con thuyền hấp hối, Andrea hiểu ý đặt lên vai Mallory bàn tay khích lệ:

- Mỏm đá rồi?

Mallory gật đầu, hai đầu gối hơi chùng xuống, hai chân sẵn sàng trong tư thế nhảy.

- Đại úy phải nhảy thật cao mới với tới nó được. Sau đó nhớ giữ hai chân thật cứng nhé.

Chiếc tàu đang lão đảo trên đầu sóng chường hông về phía vách núi và đang được đẩy lên cao. Không chút chậm trễ, đây là giây phút thuận lợi nhất. Mallory biết thế. Hai tay chàng quặt ra sau, hai chân nhún xuống, và như một con mèo thu người lại để rồi phóng lên không trung. Mười ngón tay của chàng bấu chặt vào bìa mỏm đá ẩm ướt. Trong giây lát, chàng treo người lơ lửng, hai tay duỗi thẳng, không thể động đậy được, rùng mình khi nghe bên dưới tiếng cột buồm gãy làm đôi.

Chậm chạp, có phương pháp của một vận động viên leo núi, chàng đưa tay sờ soạng vách đá tìm một đường nứt làm bàn đạp để leo lên. Mười lăm giây sau, chàng đã đứng trên mỏm đá rồi.

Nhanh nhẹn và an toàn, vừa cố giữ thân người được thăng bằng trên hòn đá trơn và nghiêng. Mallory đóng thật chắc một cái đinh móc vào khe đá, sau đó chàng thả đầu dây kia xuống thuyền.

Không đầy một phút trôi qua chiếc tàu sau khi va vào vách đá, chỉ còn là một cái xác ngổn ngang. Cứ trong vài giây một đợt sóng lại xô đẩy nó vào vách, những vỏ xe tải cũng không che chở nó được bao nhiêu, và cứ mỗi cú sốc, sườn tàu lại thủng, ván gỗ vỡ nát.

Ba người đang đứng gần buồng lái là phần duy nhất còn sót lại. Chỉ có ba, và bất chợt Mallory nhận ra là thiếu Casey Brown, và động cơ vẫn đang nổ. Brown vẫn cố gắng duy trì máy nổ tối đa ngay trong giây phút vỏ tàu đang tan thành mảnh vụn này. Mallory lầm bầm "Trời ơi! Anh ta điên chắc?"

Lại một đợt sóng mới đập tàu vào vách, lần này hung bạo đến nỗi buồng lái sụp đổ. Stevens bị hất văng xuống nước, thân người mềm nhũn. Anh ta sẽ chết đuối hoặc sẽ bị đợt sóng kế tiếp xô xác tàu nghiền nát người anh vào vách đá, nếu Andrea không lao theo vớt anh lên kịp.

Mallory hét lên:

- Hãy đu dây leo lên mau! Lạy Chúa! Tàu sắp chìm rồi!

Chàng thấy Andrea đang đỡ Stevens đứng dậy và thẳm thì vào tai anh ta. Stevens tuy nôn ọe ra nước và máu nhưng vẫn còn tỉnh táo. Anh ta nắm lấy sợi dây, bên dưới nhờ Andrea đẩy, bên trên Mallory với tay kéo anh lên. Cuối cùng Stevens cũng leo lên được tới nơi, lưng anh tựa vào vách núi, tay níu vào móc sắt, mệt mỏi nhưng thoát nạn.

- Miller đến phiên anh đây! Mallory la to. Nhanh lên!

Miller nhìn chàng, mỉm cười, và thay vì nắm bắt sợi dây, anh lại nói:

- Một phút, thưa xếp. Tôi quên "bàn chải đánh răng".

Anh ta chạy vào ca-bin và trở lại vài giây sau, tay ôm thùng màu xanh đựng chất nổ. Trước khi Mallory hiểu điều gì xảy ra thì thùng gỗ hai mươi lăm ký lô đã được hai tay không mệt mỏi của anh chàng khổng lồ người Hy Lạp chuyển tới tay chàng. Rồi sau đó là máy vô tuyến điện được bọc trong bao chống nước.

Mallory hét to:

- Cứ để những vật quý quái đó qua một bên. Các anh hãy leo lên ngay!

Hai cuộn dây leo núi, thùng đựng quần áo và thực phẩm lại tiếp tục được đưa lên.

- Các anh có nghe tôi nói không? Mallory giận dữ. Các anh phải leo lên ngay. Đây là lệnh! Tàu

đang chìm rồi!

Thật thế, tàu đang chìm nhanh. Nước đã tràn ngập trên mọi thứ, và Casey Brown bó buộc phải rời khỏi cái mô-tơ hiệu Kelvin đang nằm yên dưới nước.

- Tôi không nghe xếp nói gì cả, Miller chối. Vả lại tàu chưa chìm.

Nói xong, anh ta lại lặn hụp vào ca-bin.

Trong vòng ba mươi giây, cả nhóm làm việc cật lực, và toàn bộ vật liệu cần thiết được câu lên mỗm đá lồi. Khi Brown leo lên thì cả đuôi tàu đã chìm dưới biển, đến phiên Miller thì mũi thuyền là sát mặt nước, và cuối cùng khi Andrea đu lên thì hai chân chàng lơ lửng trên biển trống. Chiếc thuyền đã hoàn toàn biết mất, không để sót lại bất cứ vật gì dù là mảnh vụn, dù là một bọt khí để đánh dấu chỗ tàu vừa đắm:

Mỗm đá nhô ra không tới một mét và hai đầu thon lại. Điều tệ hại hơn là chỗ bề mặt tương đối phẳng nơi Stevens chất đồ đạc, lại nghiêng ra ngoài và trơn nhẵn. Lưng áp sát vào vách đá, Andrea và Miller phải đứng trên gót, hai bàn tay bám sát vách để giữ thăng bằng. Chưa đầy một phút, Mallory đã đóng thêm hai móc sắt khoảng năm mươi phân phía trên mỗm đá, để ràng dây làm thành đai an toàn cho cả nhóm.

Một mỗi, Miller ngồi xuống, áp ngực vào dây an toàn, rút trong túi ra một bao thuốc lá và mời mọi người, quên rằng mưa đã làm điều thuốc ướt nhẹp. Chính anh ta cũng ướt như chuột lột từ đầu đến chân, hai đầu gối rướm máu vì bờ vách nhọn hoắt và cảm thấy lạnh kinh khủng, sợi dây trước ngực gây khó thở kiệt sức sau hằng giờ mệt mỏi và say sóng. Tuy nhiên anh ta cũng thành thật thốt lên:

- Lạy Chúa! Như thế này không tuyệt hơn sao?

CHƯƠNG NĂM

ĐÊM THỨ HAI, RẠNG SÁNG THỨ BA

Chín mươi phút sau, Mallory đã chèn thân mình vào một đường rãnh dọc tự nhiên của bề mặt vách núi. Chàng đóng đinh móc dưới chân để cho thân thể đau đớn và kiệt sức được đứng nghỉ ngơi một chút. Hai phút nghỉ, chàng tự nhủ, chỉ hai phút thôi, trong khi đó Andrea đang leo lên. Sợi dây rung động mạnh. Hai bên chàng gió rít liên hồi như muốn nhổ chàng ra khỏi chỗ đứng. Mallory nghe tiếng giày của Andrea cọ sát vào vách khi anh đang cố gắng vượt lên đặt chân trên chỗ đá hơi nhô ra ngay bên dưới chàng. Đó là điểm tựa nguy hiểm nhưng phải chinh phục bằng mọi giá dù có phải rách nát hai bàn tay hay một lá toàn thân. Hai vai của Mallory đau nhói, hơi thở đứt quãng và chàng há miệng hít một hơi dài. Chàng cố quên đi những đau đớn của thể xác, quên đi nhu cầu nghỉ ngơi khẩn cấp, và chàng nghe lần này tiếng giày có lót thép của Andrea chạm hơi mạnh vào đá mặc dù tiếng gió lấn át... Phải nói với Andrea cẩn thận hơn khi leo sáu mét còn lại. "Về phần cá nhân tôi, Mallory nghĩ thầm, chẳng cần ai phải dặn dò đừng gây tiếng động". Bởi vì hai chân của chàng hiện thời không có khả năng gây tiếng động nhỏ nào. Chúng chỉ còn được quấn quanh bằng đôi vớ rách nát. Lúc này khi chàng mới leo lên chừng sáu mét đầu tiên thì chợt nhận ra rằng đôi giày leo núi khiến chàng mất hết cảm giác tiếp xúc với vách đá trong khi chàng cần phải dùng tay, dùng chân để sờ soạng, tìm ra bất cứ một điểm tựa nào dù nhỏ nhất nhưng hết sức cần thiết. Khó khăn lắm chàng mới lột được giày ra và buộc vào thắt lưng bằng chính sợi dây giày. Nhưng đang khi leo, chàng đã đánh rơi chúng xuống vực thẳm vì mặt vách sần sùi và sắc đã cứa đứt cả hai dây.

Thật là cơn ác mộng, một khổ hình khi chinh phục một đỉnh cao trong gió, mưa và bóng tối. Có lúc chàng phải đứng bằng đầu ngón chân và ngón tay để đóng hàng trăm đinh móc, cột dây vào đó rồi tiếp tục tiến lên trong bóng tối. Chàng chưa bao giờ làm thử điều đó và biết rằng sẽ không làm thử nữa trong cuộc đời, vì là sự điên rồ. Công việc này đòi hỏi toàn bộ khéo léo, can đảm, sức lực. Chàng không ngờ rằng bản thân đã có những lực dự trữ vô giới hạn như vậy. Chàng cũng không ngờ đã leo tới điểm này, và từ đây lên đến đỉnh không còn khó khăn lắm. Động cơ nào đã thúc đẩy chàng? Không phải do lòng kiêu hãnh của vận động viên số một châu Âu có khả năng đạt chiến công đó, cũng không phải vì ý thức rằng giờ tận thế của hàng ngàn người ở Khéros sắp tới. Suốt thời gian chinh phục vách đứng, đầu óc chàng hoàn toàn trống rỗng, không chút nghĩ ngợi, không chút tình cảm và chỉ leo như một cái máy.

Dễ dàng, bằng hai tay, Andrea hít lên, qua khỏi điểm nhô ra, hai chân lủng lẳng. Người anh ta cuốn đầy những cuộn dây nặng, đeo đầy móc câu, như đang đóng vai hải tặc trong một vở kịch. Bằng động tác nhanh nhẹn, anh ta leo đến chỗ Mallory, lau mồ hôi trán và mỉm cười như thường lệ.

Mallory mỉm cười lại, vừa nghĩ rằng lẽ ra Stevens phải đứng đây thay vì Andrea. Nhưng Stevens đã mất máu nhiều, không thể để anh ta mạo hiểm. Dù sao Stevens là tay leo núi giỏi nên để anh ta đi sau để cuốn dây và rút móc không để lại chút dấu vết. Đã nhiều lần, trong suốt trò đùa với tử thần này, Mallory đã phải đứng trên lưng, trên vai, trên hai lòng bàn tay và có lúc cả trên đầu Andrea, điều mà Stevens không thể chịu nổi nhưng Andrea không hề lảo đảo, đuối sức hay thối lui vài phân. Thật là một con người bất khả chiến bại và rắn chắc như núi đá. Từ lúc hoàng hôn đến giờ, Andrea đã làm việc không ngừng, hoàn thành một công việc có thể làm hai người bình thường gục chết và ngay cả bây giờ, anh ta cũng không có vẻ mệt mỏi.

Đưa tay chỉ phía trên cao đường rãnh dọc, Mallory còn thở hổn hển, nghiêng đầu nói khẽ vào tai Andrea:

- Còn sáu mét không khó đâu. Ở phía tôi có một khe nứt có thể dẫn tới đỉnh.

Andrea im lặng gật đầu. Mallory nói tiếp:

- Tốt nhất anh phải tháo giày, vào đóng móc sắt bằng tay để khỏi gây tiếng động.

- Đúng vậy, ngay cả trong đêm tối đen như thế này và ở chỗ hoang vu chỉ nghe tiếng gió mưa.

Andrea không hề hỏi chàng tại sao, anh ta luôn bổ sung thêm ý nghĩ của chàng. Cả hai đã từng sống bên nhau, hiểu nhau sâu đậm đến nỗi lời nói giữa họ với nhau thường là không cần thiết.

Mallory chờ đợi trong khi Andrea dùng tay đóng đinh vào vách, cột dây và thả xuống hàng trăm mét bên dưới nơi những người khác đứng trên mỏm đá lồi đầu tiên.

Ba mét kế tiếp khá dễ dàng. Hai lòng bàn tay và lưng áp sát vào một bên vách đường rãnh, hai chân đạp vách bên kia. Mallory nhào người lên đến chỗ khoảng cách hai vách bắt đầu khá lớn. Chàng cẩn thận găm khá cao trên đỉnh đầu một móc sắt, với hai tay đu lên, đưa hai chân

qua vách bên kia và thấy một khe hở đủ để các đầu ngón chân. Hai phút sau, bàn tay chàng bám vào bờ đất trên đỉnh vực, chàng cảm nhận đất bở ra dưới ngón tay.

Không một tiếng động, bằng những biện pháp phòng ngừa hết sức cẩn thận, chàng moi hết đất, cỏ và những hòn sỏi li ti bám trên bờ cho đến khi tay chàng đụng vào đá cứng và chắc. Chàng co đầu gối để tìm điểm tựa cuối cùng cho các ngón chân và cẩn thận ngóc đầu lên trên khỏi đỉnh vách đá, chậm chạp, từng li một. Khi đôi mắt chàng vượt lên trên bờ đất, chàng thôi cử động, soi mói đêm tối bằng thị giác lẫn thính giác. Trong suốt cuộc hành trình gian khổ này, lần đầu tiên và khác với mọi khi, chàng chợt có ý thức về sự nguy hiểm và bất lực của chàng, và chàng tự rủa thầm tại sao không mượn Miller khẩu súng có gắn ống hãm thanh.

Đường chân trời giới hạn bằng những ngọn núi cao, ở bóng tối không hoàn toàn tuyệt đối. Mallory có thể thấy được mờ mờ những hình thù, những góc, những chỗ cao, chỗ lõm và tất cả bỗng trở nên thân thiết lạ thường. Mallory nhận ra ngay cảnh vật mà ông già Vlachos đã vẽ trong bản đồ cho chàng: trước hết là dãy đất trống song song với bờ vực thẳm, kế đó là một mớ đá lớn hỗn độn, phía sau là những bờ dốc rải đầy đá nhỏ. Thật là may mắn! May mắn đầu tiên! Mallory vui mừng nghĩ. Họ đã tới thẳng đích, tới điểm cao nhất của dãy núi đá phía nam đảo Navavone, nơi duy nhất mà quân Đức không đặt lính gác bởi vì chúng biết chắc không ai có thể leo lên được bốn trăm mét bức tường đá sừng sững này.

Một cảm giác phoi phới xâm chiếm người chàng và chàng nhấc nửa người lên trên bờ, hai cánh tay soãi ra, hai lòng bàn tay úp lên trên đỉnh núi đá. Nhưng toàn thân chàng cứng lại như bị điện giật, và tim chàng bắt đầu nhịp đập đau đớn.

Một trong những hòn đá đã cử động. Cách chàng bảy hoặc tám mét, một bóng đen đang tách dần ra khỏi khối đá hỗn độn và tiến chậm đến bờ vực. Không phải là hòn đá như chàng tưởng! Chàng có thể thấy rõ đôi giày boots cao cổ, bộ quân phục Đức đằng sau tấm áo mưa, chiếc mũ sắt có vẽ hình chữ vạn! Quý bắt ông già Vlachos đi! Quý bắt đại tá Jensen đi! Ôi các "cha cố" trong Cơ quan Tình báo đã cung cấp những tin tức hết sức sai lầm và đưa nhóm chàng đến ngay miệng cọp! Và Mallory cũng không quên tự rủa mình đã quá đại dốt, vì chàng cũng đã có linh tính trước về chuyện chẳng lành này.

Trong vài giây chàng nín thở bất động. Tên lính Đức vẫn bước tới, khẩu súng carabine sẵn sàng nhả đạn, đầu hơi nghiêng, tai nghe ngóng, hình như hắn đã nghe thấy tiếng động nào đấy giữa tiếng gió và tiếng rầm rì của biển cả.

Mallory hiểu rằng nếu cứ nhô lên thế này sẽ bị bắn ngay, chàng từ từ tụt xuống lại, nhích từng phân một. Ban đêm cái nhìn bên cạnh vẫn rõ hơn cái nhìn thẳng và tên lính có thể liếc thấy bất cứ một cử động nào của chàng.

Dần dần Mallory đã tuột xuống và chỉ còn để mấy đầu ngón tay bám trên bờ vực trong khi tên lính vẫn bước tới đều đặn. Mallory dựa vào thân hình to lớn của Andrea và nghe giọng anh ta thì thầm bên tai.

- Chuyện gì vậy?

- Một tên lính gác đã nghe thấy gì đó và đang truy tìm chúng ta.

Bất chợt, chàng đẩy Andrea nép qua một bên, cả hai cùng ép sát người vào vách núi. Một ánh đèn pin chói lòa làm mờ mắt cả hai đang quen với bóng tối. Ánh đèn xuất hiện phía trên đường rãnh. Theo góc độ của tia sáng, Mallory đoán rằng tên lính Đức đang bước cách bờ vực khoảng sáu mươi phân, bởi vì trong cơn cuồng phong dữ dội như thế này, hẳn chẳng đại đột liều lĩnh đứng sát mé vực vì sợ sẩy chân rơi xuống hoặc là đất lở hoặc bất ngờ bị đánh lén.

Ánh đèn không biết thương xót đó từ từ tiến lại gần, dù ở độ nghiêng, nhưng sớm muộn gì cũng quét trúng hai người đang chơ vơ trên rãnh núi đá. Bằng một linh cảm chắc chắn, Mallory biết rằng tên lính không chỉ nghi ngờ một cách đơn giản, mà hẳn còn biết ai đó đang hiện diện và hẳn không ngừng tìm kiếm cho bằng được. Tình thế của họ tuyệt đối không có thuốc chữa.

- Một hòn đá, Andrea thì thầm, ném một hòn đá ra phía sau hẳn.

Bàn tay phải của Mallory run run nhưng thận trọng sờ soạng trên bờ đỉnh. Đất, chỉ có đất, rễ cỏ và những viên sỏi nhỏ hơn hòn bi. Nhưng, Andrea dúi vào tay chàng một vật gì đó cứng và trơn, cái móc sắt. Mallory chợt giật mình đã quên trí không nhớ rằng trong thắt lưng chàng còn đeo hai cái móc leo núi.

Bằng động tác co giật, chàng ném cái đinh móc vào màn đêm. Hai giây trôi qua, không nghe gì cả, chàng tưởng đã ném trượt, và tia sáng chỉ còn cách vài của Andrea vài phân, nhưng rồi, như một ân huệ, tiếng leng keng của móc sắt chạm vào một hòn đá vang lên. Ánh đèn chợt rung động, quét sáng bên trái, và chàng nghe bước chân tên lính chạy về phía có tiếng động. Hẳn chưa đi xa khỏi mười mét thì Andrea đã lên lên tới đỉnh và như con mèo lớn im lặng đi tìm chỗ

ình mỗi sau tảng đá gần đấy.

Tên lính Đức đứng cách bờ vực khoảng mười sáu mét. Andrea dùng cán dao đập hai tiếng vào đá. Hắn quay lại đi trở lui, đèn cuồn vung vẩy ánh đèn pin và Mallory kịp thấy vẻ mặt tái xanh, đôi mắt mở to sợ hãi tương phản lạ lùng với bộ quân phục và cái mũ sắt của đội quân nổi tiếng sắt đá. Chàng tưởng tượng tác dụng của những tiếng lách cách nổi lên từ những phía khác nhau đã tạo nên sự run sợ cho người lính miễn cưỡng phải đứng gác một mình đơn độc trên mỏm núi đá trống trải, trong màn đêm đen tối, trong cơn bão tố. Mallory cảm thấy thương xót hẳn, một người chồng, một người anh, người con yêu dấu, đang thi hành một nhiệm vụ nguy hiểm bởi vì hắn bị chỉ huy bởi những người đồng loại của hắn, và giờ đây, không đầy một phút nữa, hắn sẽ chết... Tính toán đúng thời gian và khoảng cách. Mallory ngẩng đầu kêu to:

- Cứu tôi! Cứu tôi với! Tôi sắp ngã!

Người lính chợt khựng lại, ánh đèn của hắn quét màn đêm trước khi dừng lại ngay đầu của Mallory. Hắn bất động một giây, đoạn tay trái bóp chặt gỗ che nòng súng, ngón tay trở đưa lên cò. Một tiếng hự khô khan lạnh lẽo vang đến tai Mallory và chàng hiểu mũi dao của Andrea đã đâm trúng sườn người lính.

Chàng nhìn xác chết, rồi nhìn khuôn mặt bình thản của Andrea đang chùi lưỡi dao trên bộ quân phục của người lính Đức. Anh ta chậm rãi đứng dậy, thở dài và rút dao vào trong bao.

- Thế đấy bạn Keith! Andrea chỉ gọi chàng bằng hai chữ "đại úy" khi có mặt người khác. Thế đấy, bây giờ tôi mới hiểu tại sao hải quân trung úy trẻ tuổi của chúng ta lo sợ.

- Phải, Mallory nói. Tôi cũng đã có linh cảm trước. Có quá nhiều sự trùng hợp: chiếc tàu tuần tra của Đức đến thị sát chúng ta, rồi tháp canh gây rắc rối, và bây giờ là người lính gác này.

Mallory không kèm được cơn giận, chửi đồng lên và kết luận:

- Tất cả do lỗi của đại úy Briggs ở Castelrosso. Đã tới ngày tàn cuộc đời binh nghiệp của hắn. Tôi cam nó sẽ bị lột lon nội trong tháng này. Đại tá Jensen sẽ "lo" cho hắn.

- Hắn đã thả tên gián điệp Nicolai?

- Còn ai khác có thể biết rằng chúng ta sẽ đổ bộ nơi đây, còn ai khác đã báo cho bọn Đức biết

để truy cản chúng ta?

Mallory không đợi câu trả lời của Andrea. Chàng nắm cánh tay anh ta:

- Bọn Đức không cầu thả chút nào hết. Mặc dầu cho rằng đổ bộ ở đây vào một đêm như thế này là hầu như không thể được, chúng có lẽ vẫn đặt ít nhất một tiểu đội lính gác dọc theo đỉnh núi này.

- Chắc hẳn họ có phương tiện để liên lạc với nhau, hoặc là bằng hỏa pháo?

- Không, Mallory trả lời. Hỏa pháo sẽ làm lộ vị trí của chúng. Chắc chúng có đặt điện thoại, Anh không nhớ hàng chục cây số đường điện thoại chúng đã từng mắc ở đảo Crète sao?

Andrea gật đầu, cầm lấy đèn pin của kẻ chết và bắt đầu tìm kiếm. Chưa đầy một phút sau, anh ta trở lại.

- Điện thoại ở đằng kia, bên hốc đá.

- Nếu nó reo, có lẽ tôi phải trả lời, nếu không chúng sẽ kéo đến đây thật nhanh... Và chắc hẳn sắp tới thế nào cũng có người đến thay phiên gác. Lạy Chúa, chúng ta phải làm gấp lên!

- Thế còn tên này? Andrea hỏi, chỉ tay về xác chết.

- Phải ném nó xuống biển. Chúng ta không được để lại dấu vết gì. Người ta có thể cho rằng hắn sa sẩy chân té từ trên đỉnh vực. Anh thử xem trên người hắn có giấy tờ gì có thể sử dụng được không?

- Không gì có ích bằng đôi giày boots của hắn. Anh không thể đi xa được nếu không có giày.

Năm phút sau, Mallory giật ba lần sợi dây căng dài xuống vực đến tận nhóm người của chàng ở bên dưới. Họ cũng trả lời bằng ba cái giật dây. Sau đó họ trèo lên trên đỉnh thung đựng chất nổ chung với quần áo và những đồ lặt vặt. Andrea nghiêng mình trên bờ vực, nhấc cái thùng nặng mấy chục ký lên nhẹ nhàng như kéo một con cá hương. Đột tiếp theo là máy phát điện, vũ khí và một tấm lều vải. Lần thứ ba, sợi dây lại xuống trong bóng tối và màn mưa, và một lúc sau anh chàng Hy Lạp không biết mệt lại nắm dây kéo lên, nhưng bất thành lần, anh ta kêu lên một tiếng ngạc nhiên.

- Gì thế? Mallory hỏi.

Andrea đang kéo dây lên: nó không mang gì hết ở đầu và đang đu đưa trong gió.

- Đứt à? Mallory hỏi với vẻ ngờ vực. Sợ dây có lõi bằng kim loại mà đứt sao?

- Tôi không tin thế.

Nhanh nhẹn. Andrea kéo lên mười hai thước dây còn lại. Chúng vẫn nguyên vẹn. Nhưng Andrea phát hiện ngay ra lý do:

- Các bạn thân yêu của chúng ta đã cột hơi lỏng, anh chàng thốt lên bằng giọng hơi chán chường.

Mallory định nói, nhưng lại thôi, chỉ giơ một cánh tay lên với vẻ thất vọng. Ngay lúc ấy, một tia chớp lóe lên, chẻ ra làm hai trên bầu trời đỉnh núi. Mắt họ chưa kịp mở, mũi còn đang ngửi thấy mùi lưu huỳnh khen khét thì tiếng sấm nổ vang lên ngay trên đầu như tiếng đại bác, như thách đố những chàng trai thời chinh chiến.

- Lạy Chúa! Mallory nói khẽ. Sét đánh gần quá. Chúng ta phải hành động gấp thôi! Sấm chớp kiểu này thì đỉnh núi sẽ được soi sáng như cái hội chợ. Đợt vừa rồi lẽ ra anh phải nhận cái gì?

- Thực phẩm, Andrea nhẹ nhàng trả lời. Tất cả lương thực, xoong chảo, chất đốt và cả la bàn.

Suốt khoảng mười giây, Mallory im lặng, tưởng tượng đến cuộc sống họ ra sao trên hòn đảo thù địch này mà không có lương thực, chất đốt... Bàn tay của Andrea đặt lên vai chàng và giọng anh ta dịu dàng cũng với nụ cười:

- Như thế ta đỡ xách nặng hơn, bạn Keith! Hạ sĩ Miller đang mệt mỏi, ắt hẳn hài lòng và... biết ơn thôi... Đàng nào cũng mất rồi... chỉ là chuyện nhỏ.

- Phải, dĩ nhiên, chỉ là chuyện nhỏ...

Mười lăm phút sau, dưới cơn mưa như thác nước, luôn chói lòa bởi những tia chớp hình chữ chi. Casey Brown ló đầu lên đỉnh núi. Mười lăm phút bất tận khác, đến phiên Miller, tay anh ta

sờ soạn trên bờ vực.

- Tại sao anh nhắm nghiền đôi mắt thế? Mallory hỏi.

- Tôi đã nhắm mắt từ lúc khởi hành ở dưới cho tới khi lên đến đây. Tôi sợ quá! Ở nhà tôi, mỗi lần qua đường tôi còn sợ, huống gì ở đây.

Sự sợ hãi! Sự khủng hoảng! Sự kinh hoàng! Hãy làm cái điều mà anh sợ và chắc chắn anh sẽ bóp chết cái sợ đó. Hải quân trung úy Andy Stevens luôn tự nhắc một trăm lần cái câu này mà một nhà tâm thần học đã có lần nói với chàng, và chàng đã thuộc lòng nó mãi. Dù chàng có lặp đi lặp lại: "Tôi là người can đảm, tôi chế ngự lo sợ, sự kinh hoàng này thật vô lý và ngu xuẩn...". Nhưng những móng vuốt lạnh buốt của sự sợ hãi đang bấu chặt dự dội hơn lúc nào hết vào tâm trí của chàng, tra tấn dã man cái dạ dày cực đau của chàng. Hoàn toàn tận cùng sức lực, thổn thức vì kiệt sức, chàng nhổ thêm một cái móc và vắt xuống mặt biển đang đợi chàng ở chín mươi mét bên dưới. Áp chặt người vào vách đá, chàng tiếp tục leo lên trong tuyệt vọng.

Sự sợ hãi là bạn đồng hành suốt cuộc đời chàng. Chàng đã quen với nó, nhưng chàng chưa hề thấy nó dữ dội và bóp chẹt chàng như tối nay. Tuy nhiên mặc dù tâm trí rối bời, chàng vẫn mơ hồ nhận thức rằng sự sợ hãi không phải do cuộc leo lên đỉnh cao này gây nên. Bởi vì, nếu vách núi đá này có thẳng đứng, sấm chớp, mưa lạnh buốt, bóng tối làm thành một cơn ác mộng thật sự, nhưng sự leo lên lại hoàn toàn không khó khăn về phương diện kỹ thuật. Đã có sẵn dây căng từ đỉnh xuống, chàng chỉ có việc nắm lấy nó, đi theo nó, và lần lượt rút móc sắt ra. Thế thôi! Chàng đang nôn mửa, đang bị trầy trụa khắp người, đang mệt kinh khủng, đầu đau nhức và mất nhiều máu từ vết thương trên thái dương, nhưng tối nay tinh thần của chàng còn rực sáng và chàng đủ sức vượt qua những cơn đau đón thể xác.

Andy Stevens chỉ sợ người ta biết chàng sợ. Đó là căn bệnh tâm lý khổ sở nhất của chàng. Chàng luôn muốn tỏ ra xứng đáng và được kính nể. Nhưng cả hai điều ấy đã biến mất, chàng

biết, vì các bạn chàng đã đọc được nỗi sợ hãi của chàng. Trong khi đánh chìm tàu của Đức và lúc thả neo ở vịnh dưới tháp canh, chàng đã cảm thấy Mallory và Andrea hình như đã chú ý đến cái sợ của chàng. Họ là những người đặc biệt mới gặp lần đầu nhưng chàng biết rằng không gì có thể che mắt họ. Đại úy Mallory đã viện ra một cái cớ để dẫn Andrea đi theo mở đường bởi vì đại úy biết chàng sợ. Tuy họ không nói ra, nhưng chàng vẫn đoán biết. Và chàng tự cắn giận mình, một hải quân trung úy, mà lại vô ý cột không chắc thùng lương thực và chất đốt vào dây, đến nỗi chúng rớt hết xuống biển... Sinh mạng của hơn một ngàn người Khéros lại đặt vào tay một người vụng về như chàng sao?

Đau đớn thể xác, đau đớn về tinh thần. Stevens tiếp tục leo lên trong cơn bão.

Tiếng chuông lạnh lạnh của điện thoại chọt reo lên làm Mallory tê tái cả người. Chàng đi về phía máy, nhưng được nửa đường, đột ngột dừng lại, trong khi chuông điện thoại vẫn reo liên hồi.

- Đại úy thay đổi ý định sao? Andrea hỏi.

Mallory gật đầu.

- Chúng tiếp tục gọi cho đến khi nào có người trả lời, Andrea nói. Và khi chúng không nhận được câu trả lời, chúng sẽ đến. Chúng sẽ đến nhanh và không chậm trễ.

- Tôi biết điều ấy. Chúng ta phải chấp nhận nguy cơ đó, hầu như là chắc chắn. Vấn đề là phải biết họ tới trong bao lâu nữa. Nếu trả lời điện thoại, ta khó có thể đánh lừa họ. Bọn Đức rất tinh ý. Thế nào cũng có khẩu hiệu, hoặc cách nói sao cho thích hợp. Có lẽ, người lính gác phải xưng tên họ. Bây giờ người lính Đức biến mất không để lại dấu vết, tất cả vật liệu đồ đạc và cả đồng

đội của chúng ta đã lên tới đỉnh, chỉ trừ Stevens. Nói cách khác, chúng ta đã thành công việc đổ bộ này và không ai biết chúng ta ở đây.

- Phải, Đại úy có lý, và Stevens sẽ phải lên tới trong hai hoặc ba phút. Nhưng bọn Đức cũng đang vội vã tới đây.

Điện thoại ngưng reo đột ngột như lúc bắt đầu.

- Chúng sắp tới, Andrea nói.

- Phải, mong sao Stevens lên kịp... Andrea! Anh hãy xem chừng anh ta leo lên thế nào. Còn tôi sẽ đi cho các bạn khác biết.

Mallory rời nhanh bờ vực thẳm, đúng hơn là đi khắp khiễng bởi vì đôi giày boots của người lính gác quá nhỏ và làm chàng đau chân. Chàng cố ý tránh không nghĩ đến tình trạng của đôi chân chàng sau nhiều giờ di chuyển sắp tới... Bất ngờ chàng dừng lại, cảm thấy một vật bằng thép di di vào hông chàng.

- Hãy giơ tay lên! Dusty Miller tươi cười nói bằng giọng mũi.

- Này! Đừng có đùa dai thế! Anh có nghe tiếng chuông điện thoại không?

- Có.

- Bọn Đức đang vội vã tới đây để xem tại sao người lính gác không trả lời. Anh hãy trở về vị trí và mở to mắt mà quan sát chúng nhé.

Mallory quay lại và gặp Andrea đang nằm sát mặt đất, nhìn xuống vực thẳm.

- Tôi nghe bước chân của Stevens. Anh ta leo gần tới đường rãnh.

- Tốt, hãy nói với anh ta nhanh lên đi, Mallory nói và tiếp tục đi tới chỗ Brown đang chốt. Chàng đi được tám mét thì Brown chạy vội về hướng chàng.

- Chúng đến, anh ta nói. Chúng đến rất nhanh. Những ánh đèn pin lóe lên từ nhiều hướng. Có lẽ chúng đang chạy và có ít nhất là bốn hoặc năm đũa.

- Cách bao xa?

- Một trăm mét không xa hơn.

- Anh hãy đi kêu Miller tới đây ngay.

Mallory quay trở lại chỗ Andrea ở. Ít nhất là năm đứa, có thể nhiều hơn nữa. Chúng sẽ có mặt ở đây trong năm phút nữa là tối đa. Steven lên chưa? Anh có thấy anh ta không?

- Tôi thấy anh ta đang rời đường rãnh.

Một ánh chớp kèm theo tiếng sấm nổ khiến chàng không nghe hết câu nói của Andrea, nhưng tia chớp khiến chàng thấy Stevens đang đu dây leo lên với vẻ chậm chạp lạ lùng, ở khoảng cách giữa mỏm đá lồi và chân đường rãnh.

- Lạy Chúa! Mallory thốt lên. Anh ta làm sao vậy? Leo kiểu này phải mất cả ngày mới tới đích! Stevens! Stevens!

Nhưng Stevens có vẻ không nghe tiếng chàng.

- Anh ấy sắp nguy mất. Andrea lo lắng nói. Ngay cả đầu, cũng không ngẩng lên.. Khi một vận động viên không ngẩng đầu lên là đồng nghĩa với thất bại. Để tôi xuống giúp anh ta.

- Không, Mallory nói. Tôi không muốn phải mất cả hai. Hãy ở lại đây... Anh ta làm sao thế?

Brown hỗn hển chạy tới gần Mallory.

- Nhanh lên, Đại úy! Bọn chúng tới rất gần.

- Anh hãy quay trở về vị trí với Miller và sẵn sàng yểm trợ chúng tôi, Mallory ra lệnh.

Chàng quay xuống gọi Stevens bằng sự tuyệt vọng bi thảm đến nỗi Stevens chột ngẩng đầu lên và để tay trên tai ra vẻ chú ý nghe.

- Bọn Đức tới, Mallory la nhỏ. Hãy leo lên tới chân rãnh và núp ở đó, đừng gây một tiếng động nào. Hiểu chưa?

Stevens giơ một tay lên, ngụ ý hiểu và lại tiếp tục leo lên nhưng bằng những động tác mỗi lúc chậm và vụng về hơn.

- Anh có tin rằng Stevens sẽ hiểu thật sự không? Andrea không yên tâm hỏi.

- Tôi tin... tôi không biết!

Chàng gặp ánh sáng của một đèn pin lóe lên và đang rơi vào những tảng đá cách bên trái chàng khoảng hai mươi lăm mét. Nắm cánh tay Andrea, chàng thì thầm:

- Chúng ta phải rút dây lên ngay. Dù sao bên dưới đường rãnh cũng còn một cái đinh móc cho Stevens đứng. Chúng ta hãy đi khỏi đây ngay.

Bằng một động tác hết sức tỉ mỉ tránh không làm rơi một hòn sỏi nhỏ nào. Mallory và Andrea nhẹ nhàng rời khỏi vực. Đã hai lần, ánh đèn quét về phía hai người, nhưng họ đều kịp áp sát mặt đất né tránh. Cuối cùng họ cũng men tới chỗ núp của Miller và Brown.

Bên trái họ, nhiều ánh đèn lóe sáng, những tiếng nói vang lên chỉ cách mười lăm mét. Miller nói khẽ:

- Chúng đang tìm tên lính canh giữa những đồng đá này. Chúng ta hãy lui xa hơn nữa.

- Anh có lý, Mallory trả lời. Hãy mang theo đồ đạc. Và nếu chúng phát hiện ra Stevens ở bên dưới vực, chúng ta đành phải nổ súng để cứu anh ấy...

Stevens đã nghe tiếng gọi của Mallory nhưng chàng không hiểu Mallory nói gì. Chẳng phải tại vì chàng quá khiếp đảm nên không hiểu, bởi vì chàng không còn sợ nữa. Sự sợ hãi ẩn náu trong tinh thần, nhưng tinh thần chàng không còn hoạt động nữa mà càng lúc càng bị tê liệt. Lúc này, đầu chàng đã va mạnh vào một tảng đá nhọn làm thủng một lỗ ngay thái dương. Máu

túa ra từ đó và sức lực từ bỏ chàng dần, chàng không hiểu Mallory nói gì. Chàng chỉ biết rằng "đang leo và như thế phải tiếp tục leo tới đỉnh". Chàng đã khắc ghi câu nói đó từ lúc còn thơ ấu do cha và các anh nghiêm khắc truyền lại.

Bây giờ thì chàng đang đứng trong đường rãnh, đứng trên cái đỉnh móc mà Mallory đã nện chặt giữa khe đá. Chàng bám tay hai bên vách và ngẩng đầu nhìn lên khe hở phía trên. Chỉ còn hơn ba mét. Chàng nghe những tiếng nói, và mơ hồ thắc mắc vì sao đồng đội không có một hành động nào để giúp chàng, và họ lại còn rút dây nữa. Sao thế? Hay là họ muốn thử thách chàng? Điều đó chẳng quan trọng. Chàng phải lên tới đỉnh.

Stevens đã leo tới đỉnh, và như Mallory trước đó, chàng moi hết đất và đá lở, để bám tay vào đá vững chắc, đồng thời tìm một điểm tựa cho các ngón chân và rướn người lên.

Stevens thấy những ánh đèn ngang dọc, nghe những tiếng nói lạnh lùng. Trong chốc lát, màn sương trong óc chàng tan biến đi nhường chỗ cho đợt sóng sợ hãi tràn ngập. Chàng chợt hiểu những giọng nói đó là của kẻ thù và chắc họ đã giết chết các bạn của chàng. Stevens biết rằng thế là hết, bây giờ chàng chỉ còn một mình.

Rồi màn sương lại bao trùm những ý nghĩ của chàng. Chỉ còn lại mệt mỏi và thất vọng. Dần dần những ngón tay Stevens rời khỏi chỗ bám, miễn cưỡng như những ngón tay của một người chết đuối dần đang buông tay khỏi tấm ván. Chàng không cảm thấy sợ nữa, chỉ thấy đầu óc lạnh lùng trống vắng vô cùng, trong khi hai tay chàng trượt xuống, và thân người như một hòn đá khô khan rơi xuống chân đường rãnh, cách đỉnh núi sáu mét.

Tự chàng cũng không gây một tiếng động nào: không một tiếng kêu thoát ra từ miệng, bởi vì chàng bất tỉnh cũng một lúc với đau đớn, nhưng những người bạn của chàng núp sau những tảng đá đang lắng tai, nghe rõ tiếng xương gãy kêu rắc như một cành cây khô mùa đông.



CHƯƠNG SÁU

RẠNG SÁNG THỨ BA

2g - 6g

Toán tuần tiểu của Đức, y như dự đoán của Mallory, đã chứng tỏ có tài năng, tận tâm và rất chuyên chú vào công việc. Không những thế, viên trung sĩ chỉ huy trẻ tuổi lại là người giàu óc tưởng tượng, điều càng thêm nguy hiểm đối với nhóm người của Mallory.

Họ chỉ có bốn người, đi giày cao cổ, cả nón lẫn áo khoác ngoài đều rằn ri, lốm đốm màu xanh lá, xám và nâu. Việc đầu tiên là họ tìm chỗ đặt máy điện thoại và bắt liên lạc ngay với căn cứ. Kế đó, viên trung sĩ trẻ tuổi cho hai người đi khám xét dọc theo núi đá một trăm mét trong khi hắn và người lính còn lại đi lục soát giữa những tảng đá song song với bờ vực.

Sự tìm tòi của họ rất chậm rãi và tỉ mỉ, nhưng hai người không đi sâu vào lòng đất phía trong. Viên trung sĩ có lý khi nghĩ rằng nếu người lính gác buồn ngủ hay bị bệnh bất ngờ, anh ta chẳng bao giờ mạo hiểm đi xa những khối đá này. Nhờ đó mà Mallory và các bạn chàng may mắn ở ngoài vòng khám xét.

Mallory có lý do để sợ. Bọn Đức xử trí công việc rất có phương pháp và họ đang thị sát ven bờ vực thẳm. Bất ngờ, viên trung sĩ và ba người lính đi theo sau, đều dừng lại. Hắn kêu lên một tiếng ngạc nhiên, cúi xuống, khuôn mặt và đèn bấm chỉ cách mặt đất vài phân. Có lẽ hắn đã khám phá ra vết dây xoi trên đất mềm.

Lặng lẽ, Mallory và ba người bạn tự động đồng loạt đứng lên, súng vẫn tì trên các khe đá. Không ai tin rằng Stevens đang bị thương nặng hoặc chết ở dưới vực. Chỉ cần một khẩu súng của toán lính Đức quay về phía họ, thì cả bốn đều không tránh khỏi.

Viên trung sĩ bây giờ đang nằm sấp xuống mặt đất, được một người lính nắm chặt hai chân, hắn rọi đèn bấm vào bên trong đường rãnh. Mười lăm giây trôi qua, người ta chỉ nghe có tiếng gió than vãn và tiếng mưa sột soạt trên cỏ ngắn. Đoạn viên trung sĩ đứng dậy, lắc đầu:

- Đích thị là thằng Ehrich đáng thương hắn nói, giọng pha lẫn tức giận và thương xót. Tôi dặn dò nó chớ có đi quá gần bờ vực, vậy mà...

Viên trung sĩ lui vài bước và nhìn dấu vết trên đất.

- Chắc là vết gót chân nó bị trượt, hắn nói, hay là viết báng súng Carabine.

- Trung sĩ có nghĩ rằng nó chết không? Một người lính trẻ măng bồn chồn hỏi.

- Thật khó mà kết luận... Anh hãy nhìn thử coi.

Do dự một chút, người lính trẻ nằm trên đất và ném một cái nhìn cẩn thận xuống vực thẳm.

Mallory hỏi nhỏ vào tai Miller:

- Hồi nãy, trước lúc anh leo lên đây, Stevens có mặc bộ đồ màu đen không?

- Có, hình như có, hạ sĩ Miller trả lời... À không tôi lầm... Cả hai chúng tôi đều mặc áo choàng ngụy trang bên ngoài.

Áo choàng đi mưa của lính Đức hao hao giống áo choàng của nhóm này, và Mallory nhẹ nhõm nhớ rằng mái tóc của người lính Đức bị giết màu đen như mái tóc nhuộm thuốc của

Stevens. Có lẽ người ta không thấy gì hết ngoài bóng người co quắp dưới chiếc áo choàng và cái đầu chìm đắm trong bóng tối. Sự nhìn lầm của viên trung sĩ là tất nhiên, là không tránh khỏi.

Người lính trẻ thận trọng, đứng dậy:

- Trung sĩ nói đúng, chính là Ehrich. Tôi nghĩ rằng hắn còn sống. Tôi thấy áo choàng của hắn hơi rung động. Chắc không phải tại gió.

Mallory cảm thấy bàn tay to lớn của Andrea siết chặt cánh tay chàng, và nỗi vui mừng khi biết Stevens còn sống tràn ngập lòng chàng.

Chàng biết Andrea đang quay lại thì thầm tin mừng này vào tai hai người kia. Nỗi vui của chàng khi biết Stevens còn sống, chắc chắn trên phương diện nào đó sẽ không được cấp trên tán thành. Chàng hiểu điều đó, Stevens đã hoàn thành nhiệm vụ thuyền trưởng đưa cả nhóm đến đảo Navarone và cả nhiệm vụ vận động viên leo núi, tuy rằng có phần nào hạn chế. Bây giờ anh ta chỉ còn là kẻ tật nguyền, một chướng ngại cho những người còn lại, và gây khó khăn cho cơ may thành công của họ. Đối với một viên Tư lệnh Tối cao, họ chỉ là những con chốt. Con nào hết tác dụng, què quặt thì chỉ gây rối loạn cho bàn cờ. Và con chốt bị thương nếu biết tự trọng thì nên tự sát để những người khác được rảnh tay. Mallory siết chặt hai nắm đấm lại, thề rằng sẽ làm sao cho chàng thanh niên trẻ tuổi này được sống và trở về nhà. Chàng nguyện rửa chiến tranh với những đòi hỏi vô nhân đạo... Stevens chỉ là một cậu bé, một cậu bé ngã đau và sợ hãi, nhưng can đảm nhất.

Viên trung sĩ ra hàng loạt lệnh cho những người của hắn, bằng một giọng nói nhanh và đầy quả quyết: một y sĩ, những thanh gỗ để tháo xương gãy, cái cáng, dây thừng, đinh móc... Đã được huấn luyện kỹ, có phương pháp, hắn không quên gì hết. Mallory lo lắng chờ xem có bao nhiêu người ở lại canh chừng, bởi vì nhóm chàng bắt buộc phải tiêu diệt những người đó thật nhanh để cứu Stevens, và như thế trước sự mất mát liên tục về nhân mạng, bọn Đức sẽ biết có sự đổ bộ của nhóm chàng trên đảo.

Viên trung sĩ giải quyết dứt khoát Mallory vấn đề phức tạp đang làm chàng rối trí, nhờ tính cứng rắn như sắt đá không gì lay chuyển của người chỉ huy trong quân đội Đức. Khi một người hỏi hắn:

- Còn anh chàng Ehrich khốn khổ này. Trung sĩ có cho người ở lại canh chừng không?

- Để làm gì? Ai giúp gì được hắn? viên trung sĩ bực dọc trả lời. Nếu hắn ta động dậy và rơi xuống thì cứ rơi, dù chúng ta có đứng ở đây một trăm người thì cũng làm được gì? Hãy đi đi và nhớ đừng quên những thứ mà tôi đã dặn.

Ba người lính quay lưng không nói một lời đi vội vã về hướng đông. Viên trung sĩ nấn ná lại một chút để gọi điện thoại báo cáo vắn tắt cho ai đó ở đầu dây, sau đó hắn đi về hướng ngược chiều với đồng đội, có lẽ để kiểm tra chốt gác kế tiếp. Mallory còn nghe tiếng giày của hắn nện thành thịch trên sỏi đá. Sau khi sắp đặt Miller và Brown ở lại canh chừng, Mallory và Andrea leo xuống đường rãnh.

Vết thương ở đầu của Stevens vẫn tiếp tục ra máu. Anh nằm co dúm người lại, mê man. Phía dưới đầu gối phải, ống quyển nhô lên cao và hướng ra ngoài làm thành một góc khá lớn với tảng đá. Đứng xoạc chân hai bên thành vách, thân người được Andrea giữ chặt, bằng những động tác vô cùng nhẹ nhàng, Mallory khẽ nâng ống chân gãy của nạn nhân. Cả hai lần, dù đang mê man, Stevens cũng rên lên vì đau đớn. Mallory nghiêng rằng, hết sức cẩn thận vén ống quần của Stevens lên. Chàng rùng mình, chợt nhắm nghiền đôi mắt lại khi trông thấy xương ống quyển màu trắng gãy đôi và lòi ra ngoài xuyên qua da thịt màu tím ngắt.

- Gãy nặng lắm, chàng làm bầm.

Những ngón tay chàng vuốt nhẹ nhàng xuống đến cổ giày của nạn nhân và chợt la lên:

- Lạy Chúa! Phía trên mắt cá chân cũng bị gãy. Chúng ta không làm được gì cho người bạn khốn khổ này. Trước hết phải đưa anh ta lên đỉnh... Nhưng làm sao đây?

Chàng ngược mắt nhìn những vách đá thẳng đứng sừng sững phía trên chàng.

- Để tôi cõng anh ta lên, Andrea sốt sắng nói, tuyệt nhiên không nghĩ gì đây là một việc làm quá sức người. Anh cứ giúp tôi nâng anh ấy lên và cột vào lưng tôi.

- Sao? Cột anh ta vào lưng anh với cái chân gãy lủng lảng ở đầu da thịt rách nát? Mallory phản đối, anh ta sẽ chết nếu phải chịu hình phạt như thế.

- Anh ta sẽ chết nếu chúng ta không làm thế, Andrea nói.

- Anh có lý? Chúng ta đành làm vậy thôi.

Mallory leo xuống thấp, một chân chàng móc vào khe đá bên dưới nạn nhân khoảng một mét tám mươi, chàng quấn hai vòng dây qua người Stevens và ngược về phía Andrea, hỏi:

- Sẵn sàng chưa, Andrea?

- Sẵn sàng, Anh chàng Hy Lạp trả lời.

Andrea cúi xuống, hai tay xốc nách Stevens và nhấc lên từ từ trong khi Mallory từ dưới đẩy lên. Hai ba tiếng "A!" đau đớn thốt ra từ cửa miệng nạn nhân trước khi Andrea đã ôm chặt anh ta trong đôi cánh tay rắn chắc. Vài giây sau, Mallory đã lên tới. Chàng khéo léo cột hai tay của Stevens. Đầu nạn nhân lơ lửng giữa hai tay của Andrea, máu vẫn tuôn trào trên khuôn mặt bất động, hòa lẫn với thuốc màu đen nhuộm trên tóc bị nước mưa hòa tan. Mallory phẫn nộ nguyên rủa: "Thuốc nhuộm dỏm! Đại tá Jensen chưa biết chuyện này! Người ta có thể mất mạng như chơi vì loại thuốc kém phẩm chất này".

Andrea mất không đầy ba mươi giây để lên tới đỉnh. Thêm một trọng lượng bảy mươi ký lô vẫn không cản trở bước đi thần tốc thường ngày của anh ta. Tuy nhiên, trong lúc leo lên, khi vừa ra khỏi đường rãnh chật hẹp, ống chân gầy của Stevens chạm vào đá khiến nạn nhân kêu lên một tiếng xé gan làm tim hai người thất lại.

Khoảnh khắc sau, Andrea đã đứng trên đỉnh vực và Mallory khẩn trương cắt đứt dây nối hai người.

- Anh hãy đặt Stevens nằm ở một chỗ bằng phẳng và kín đáo, Mallory nói nhỏ, tôi sẽ đến sau.

Andrea tiếp tục bế xốc nạn nhân, đi sâu vào bên trong vùng đất soai soải. Mallory đứng lại, vánh tai nghe ngóng xung quanh. Chàng không nghe gì khác ngoài tiếng gió rên rĩ, tiếng mưa rơi, và một lớp tuyết mỏng đang phủ xuống. Chàng bỗng nổi cơn thịnh nộ với chính mình khi nhớ ra rằng còn sót lại một cái đỉnh móc dưới đường rãnh.

Chàng lại leo xuống vực, hoàn toàn xóa đi dấu vết còn lại của cuộc đổ bộ này, và chưa đầy mười phút sau cuộn dây ướm trên vai, chàng đi theo Miller và Brown vào một cái hốc đá tối tăm. Stevens được đặt nằm vào bên trong, dưới một tảng đá lớn, trên tấm vải dầu, và một cái

áo mưa phủ lên người anh ta. Andrea đã vén quần anh ta lên quá trên đầu gối và vừa lột vừa cắt chiếc giày boots nặng nề khỏi bàn chân bị thương.

- Lạy Chúa tốt lành! Miller thì thầm, quỳ xuống bên nạn nhân. Vết thương nặng này thế nào cũng gây biến chứng! Chúng ta phải lo ngay cho anh ta, không được để chậm trễ chút nào. Anh bạn trẻ này đang là đối tượng của thần chết.

- Tôi biết. Chúng ta phải cứu anh ta. Hãy xem vết gãy của nạn nhân! Mallory nói và ngồi sụp xuống.

Bằng động tác nóng nảy, Miller gạt chàng qua một bên.

- Hãy để tôi điều trị cho anh ta, thưa Đại úy, Miller nói bằng giọng như ra lệnh khiến Mallory cũng phải làm thinh. Hãy đưa tôi hộp cứu thương, nhanh lên, và tháo bọc lều ra.

- Anh chắc chắn biết mình phải làm gì chứ? Mallory hỏi, đúng ra vì muốn biết chứ không phải vì nghi ngờ khả năng của anh ta.

- Đại úy, Miller nhẹ nhàng nói, suốt cuộc đời tôi đã từng lao động dưới mỏ, ở các đường hầm và chế tạo chất nổ. Đó là những công việc nguy hiểm. Đã có hàng trăm người bị tai nạn, gãy tay, gãy chân và tôi đã điều trị cho phần đông những người đó...

- À ra thế! Mallory thốt lên.

- Việc đầu tiên, Miller nói, vừa nhanh chóng chọn lựa những thứ cần thiết trong hộp thuốc cứu thương dưới ánh đèn bấm, việc đầu tiên và cần thiết là phải chích cho anh ta một mũi mox-phin, nếu không anh ta sẽ chết vì đau đớn. Kế đó, phải có chỗ cho anh ta ẩn náu, quần áo khô, hơi nóng..

- Nhưng, lạy Chúa, kiếm ở đâu bây giờ?

Mallory nhớ lại rằng chính Stevens đã sơ ý cột không chặt, làm rơi cả lương thực và chất đốt xuống vực.

- Tôi không biết ở đâu, Miller nói, nhưng chúng ta phải kiếm ra. Với một cái chân trong tình trạng này, và trời ướt như chuột lột, anh ta chắc chắn sẽ bị sưng phổi. Và rồi, cần phải rắc

Sulfamide vào chỗ hai đầu xương gãy này, chỉ cần nhiễm trùng một chút là anh ta chết ngay.

Mallory nhận thấy Miller cũng run lên vì lạnh, hai hàm răng lập cập nhưng không vì thế mà anh ta làm việc cầu thả. Quần áo của Miller ướt sũng và Mallory ngạc nhiên tự hỏi sao anh ta lại ướt cả người như thế khi mỗi người đều mặc áo mưa.

- Anh hãy băng bó cho Stevens, tôi sẽ tìm chỗ trú ẩn thích hợp cho nạn nhân, Mallory nói vì nghĩ rằng trên núi lửa xưa này, thế nào mà chẳng tìm được một cái hang đá.

Vào lúc này, chàng nhận thấy vẻ mặt xám ngắt vì kiệt sức và bệnh hoạn của Casey Brown, hậu quả của sự nhiễm độc oxyt Cabon dưới hầm máy. Anh ta lão đảo đứng dậy vạy chuẩn bị đi.

- Anh đi đâu, Brown?

- Đi mang đồ đạc còn lại tới đây, thưa Đại úy.

- Anh còn đủ sức không? Anh có vẻ không được khỏe.

- Tôi mệt lắm, thưa Đại úy. Nhưng tôi kính phục Đại úy vì Đại úy vất vả hơn tôi nhiều.

- Nào! Chúng ta cùng đi.

Trong mười phút sau, bầu không khí im lặng chỉ bị cắt ngang bởi những tiếng thì thầm của Miller và Andrea, và tiếng rên của người bị thương, nhưng chất Moọc-phin có tác dụng ngay và Miller có thể làm việc nhanh. Andrea đã căng một tấm vải dầu phía trên đầu họ, để ngăn tuyết rơi và để ánh sáng của đèn bấm không lọt ra ngoài. Cuối cùng, chân của Steven được băng bó và được nẹp cứng bằng cọc lều. Miller đứng dậy, lưng đau nhói.

- Nhờ ơn Chúa, tôi đã làm xong. Miller mệt mỏi nói. Tôi cũng cảm thấy đau bằng chàng trai này... Này Andrea! Tôi nghe có tiếng động.

- Brown đấy, Andrea cười nói.

- Sao anh biết là Brown?

- Brown cũng khá cẩn thận, nhưng vì anh ta đang mệt nên không thể đi nhẹ được. Tôi, người

ta gọi tôi là con mèo lớn, vậy mà tôi còn thua Đại úy. Ở đảo Crète, người ta đặt biệt hiệu cho đại úy Mallory là con ma. Chỉ khi nào Mallory đụng vai anh, anh mới biết có sự hiện diện của anh ta.

Brown đi tới bằng bước chân lão đảo của người đuối sức.

- Thế nào, Casey, Miller hỏi, còn đủ sức không?

- Chưa biết lắm, Brown trả lời vừa cảm ơn Andrea đã phụ bỏ cái thùng chất nổ trên lưng xuống.

- Còn gì nữa không?

- Hết rồi. Bọn Đức đã trở lại. Đại úy đang ở gần bờ vực để dò xem họ nói gì khi thấy xác người dưới đường rãnh biển mất. Đại úy dặn chúng ta phải leo lên sườn núi bên phải ngay.

Brown đưa ngón tay chỉ một khối núi đồ sộ đầy đe dọa và nói thêm:

- Đại úy sẽ đến chỗ chúng ta trong mười lăm phút nữa. Đại úy dặn để lại thùng chất nổ và cái bao này ở đây. Đại úy sẽ tới lấy.

Miller nhìn Stevens nằm dài dưới những tấm vải dầu ướt, đoạn ngược nhìn Andrea:

- Tôi sợ không thể được...

- Được chứ! Được chứ! Andrea vừa nói vừa cúi xuống. Anh ta bọc tấm vải dầu và bế xốc lên nhẹ nhàng như không có gì bên trong.

- Để tôi đi trước, Miller đề nghị và vác lên vai máy phát điện và một số bao vải.

Miller bước chập choạng vì phải gánh nặng, quên đi sự yếu đuối của mình. Chàng nói:

- Tôi đi trước để chọn đường nào dễ cho anh và Stevens... còn sau này, chắc anh phải công luôn cả tôi nữa...

Mallory đã tính sai thời gian chàng phải tới chỗ các bạn. Đã hơn một giờ trôi qua, từ lúc

Brown đi khỏi, chàng vẫn ở lại với thùng đồ ba mươi ký trên lưng.

Toán lính tuần tra Đức quay trở lại đỉnh núi với mục đích là trục kéo người lính Đức bị tai nạn lên. Sau khi hấn mất tích khỏi đường rãnh của vách núi, họ lại lục xét chung quanh một lần nữa, và với sự tỉ mỉ, chậm rãi khiến Mallory phải điên ruột. Chàng lo lắng khi nghe một người lính đề nghị xuống xem xét đường rãnh, như thế chúng sẽ phát hiện ra dấu đinh móc vào vách đá. Nhưng may mắn thay, không ai trong toán tuần tiểu mao hiểm làm việc đó. Họ bàn với nhau rằng chắc người lính gác đã rớt xuống biển và đã chết. Không còn cách nào cứu chữa! Sau một hồi khám xét không có kết quả, họ bàn cãi với nhau rất lâu về những việc phải làm. Cuối cùng, họ chẳng làm gì cả. Họ đặt một người lính gác khác, những người còn lại mang dụng cụ cấp cứu trở về.

Sau khi đi qua những đồng đá ở dưới chân núi bên phải, Mallory tiến vào một vùng rải rác đá sỏi. Chàng vượt qua một cái đồi nhỏ thì nghe có tiếng thì thầm và thấy một tia sáng yếu ớt sau tấm vải dầu phủ từ trên vách một hòn đá lớn xuống.

Miller giật mình khi cảm thấy một bàn tay đặt trên vai. Chàng mới rút súng ra nửa bao thì nhận ra Mallory.

Mallory đặt thùng đồ nặng trên vai xuống, thở phào và khi nhìn thấy Andrea cười, chàng hỏi:

- Có gì vui vậy?

- Tôi đã nói với Miller rằng chỉ khi nào Đại úy vỗ vai, anh ta mới biết là Đại úy đã tới. Vậy mà anh ta không tin.

- Đại úy làm tôi hết hồn! Lẽ ra Đại úy chẳng hắng hay làm một tiếng động nào đó, Miller nói. Sau bốn mươi tám tiếng, thần kinh tôi căng thẳng quá rồi.

Mallory sắp trả lời thì chàng thấy vẻ mặt xanh xao của một khuôn mặt gối đầu trên một cái túi nhỏ, và dưới khăn băng quấn qua trán, đôi mắt đang mở to nhìn chàng. Mallory quỳ xuống vừa hỏi vừa mỉm cười với Stevens.

- Thế nào Andy? Anh tỉnh lại rồi chứ? Anh thấy trong người thế nào?

Kẻ bị thương khốn khổ, đôi môi ứa ra máu mấp máy mỉm cười lại với chàng.

- Tôi không đau lắm đâu, Đại úy. Tôi hoàn toàn ân hận về tình trạng bi đát này. Thật là ngu xuẩn.

- Không phải ngu xuẩn đâu, Mallory chậm rãi nói, biết rằng mọi người đang nghe chàng. Phải nói là một trọng tội. Tội ác và điên khùng này không thể tha thứ được, chính tôi là kẻ tội phạm. Tôi biết anh mất nhiều máu khi ở trên tàu, nhưng tôi không ngờ tới những vết thương sâu hoắm ở thái dương anh. Anh có biết đồng đội đã trách tôi điều gì khi họ leo lên đến đỉnh vực không? Và họ có lý. Lẽ ra tôi không nên chỉ định anh đi sau chót, vì tình trạng sức khỏe của anh. Tôi thật điên rồ. Lẽ ra chúng tôi phải buộc dây kéo anh lên như kéo Miller và Brown... Hãy tha thứ cho tôi, Andy Stevens.

Stevens cử động khó khăn, vẻ sung sướng pha lẫn bối rối hiện lên trên khuôn mặt trắng nhợt của chàng.

- Tôi xin Đại úy đừng nói thế.

Stevens ngưng nói, nhắm nghiền mắt, cắn răng, trong khi cơn đau nhức dữ dội xuất phát từ ống chân phải lan khắp người chàng.

- Cuộc leo núi vừa rồi hoàn toàn không mang lại vinh dự cho tôi. Tôi thấy sợ, sợ kinh khủng, trong đời tôi chưa bao giờ sợ như vậy.

Mallory thật sự sửng sốt. Chàng mỉm cười nói với Stevens:

- Bây giờ tôi mới biết anh chưa quen với trò chơi chết người này. Thế anh tưởng tôi vừa cười vừa hát khi leo lên đỉnh này sao? Có lẽ anh cho rằng tôi không sợ. Nói thật với anh tôi rất sợ, ngay cả Andrea cũng thế.

- Andrea! Stevens cười nói.

Nhưng anh ta kêu lên một tiếng, nụ cười làm nhăn da mặt và làm anh đau. Tuy nhiên Stevens gắng gượng nói tiếp, giọng khàn khàn.

- Andrea sợ à? Tôi không tin!

- Andrea đã sợ, anh chàng khổng lồ người Hy Lạp dịu dàng cất tiếng nói. Tôi luôn luôn sợ, và nhờ đó tôi sống dai. Và nếu những người khác đã chết là bởi vì họ không sợ bằng tôi. Tất cả mọi người đều can đảm và đều sợ. Người mà thiên hạ gọi là can đảm cũng biết sợ, chỉ khác là anh ta can đảm nhiều hơn những người khác năm phút. Đôi khi nhiều hơn mười phút hoặc hai mươi, hoặc thời gian nào đó đối với người bệnh, người bị thương phải chinh phục một đỉnh cao như anh.

Stevens không nói gì hết. Đầu chàng gục trên ngực, và chàng chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc, bình an với chính mình như thế này. Chàng biết Andrea nói thật. Anh ta muốn nói với chàng nữa, nhưng chàng không còn đủ sức nghe.

- Trung úy đừng nói chuyện nữa, Miller khuyên nhủ. Trung úy cố gắng ngủ đi.

Stevens ngạc nhiên nhìn Miller.

- Hãy làm những điều thầy thuốc của anh yêu cầu, Mallory giải thích. Chính Miller đã điều trị cho anh đấy.

- Ồ! Tôi không biết. Cám ơn Miller nhiều. Chắc khó khăn lắm phải không?

- Với một người có kinh nghiệm như tôi thì không khó đâu, Miller nói dối để bệnh nhân yên tâm.

Miller quay sang đại úy trưởng nhóm:

- Đại úy hãy để Andrea giúp đỡ bệnh nhân nằm xuống ngủ.

Sau khi đi ra khỏi lều, Miller nói tiếp:

- Phải có lửa và quần áo khô cho Stevens. Mạch đập khoảng 140 và sốt đến 41 độ. Anh ta lâm nguy từng phút.

- Tôi biết, nhưng không có hy vọng tìm chất đốt trên hòn núi tuyết ma quỷ này. Chúng ta thử vào lều tìm trong đồng quần áo xem có cái nào khô không.

Họ gặp hai người kia, Mallory nói:

- Vì chúng ta sẽ trải qua đêm ở đây, hãy cố gắng làm sao cho được tiện nghi bao nhiêu hay bấy nhiêu.

- Đại úy... Miller ngáp ngừng và trao đổi cái nhìn với Brown và Stevens chưa ngủ.

- Gì vậy Miller? Mallory hỏi.

- Chúng tôi có tin buồn báo cho Đại úy. Lẽ ra khi nãy chúng tôi phải báo cho Đại úy ngay. Xác tên lính Đức mà Đại úy và Andrea đã ném xuống vực, và tưởng nó mất tích trên dưới biển, nhưng không, nó lại vất tòn ten trên tảng đá ngầm cách bờ biển mười mét. Đã bốn lần tôi bơi ra định đẩy nó xuống, nhưng những đợt sóng dữ dội cứ đẩy tôi vào vách núi.

- Bây giờ tôi hiểu tại sao mình mấy anh ướt đầm dù có áo mưa, Mallory nói khẽ. Trời sắp sáng trong ba, bốn tiếng nữa. Bọn Đức sẽ thấy xác nó. Họ sẽ bơi xuống ra xem xét và sẽ biết sự hiện diện của chúng ta trên hòn đảo này.

- Tại sao? Stevens hỏi. Chính bọn Đức đã cho rằng nó sẩy chân rơi xuống vực mà?

- Chúng tôi quên nói với các anh rằng Andrea đã đâm nó chết. Họ sẽ khám phá ra khi xét nghiệm tử thi. Chúng tôi phải rời khỏi đây ngay bây giờ.

Những giờ kế tiếp là những giờ đen tối của cơn ác mộng, những giờ bất tận của những bước đi lảo đảo xuyên qua vùng núi tuyết, còng dưới những thùng đồ nặng, tàn nhẫn đối với những người đuối sức, đói khát, tay chân rã rời.

Thế nào quân Đức cũng dự đoán rằng nhóm của chúng sẽ xâm nhập vào khu vực trung tâm hòn đảo, do đó thay vì đi thẳng lên hướng bắc, Mallory cho nhóm vòng theo hướng tây bắc. Không la bàn, không trăng sao để định hướng nhưng Mallory căn cứ vào vách núi và tấm bản đồ của Vlachos để mò mẫm tiến bước trong đêm tối. Một thời gian sau, chàng chắc chắn rằng đã đi vòng núi và men theo một đường đèo nhỏ để xâm nhập vào nội địa hòn đảo Navarone.

Trong lúc này, kẻ thù tệ hại nhất của họ là tuyết. Mưa tuyết đang quay cuồng chung quanh, thấm vào giày, vào áo quần, vào mắt, vào tai, vào miệng và làm tê cứng cả người họ. Tất cả đều khổ sở, nhưng Stevens khổ hơn hết. Chàng lại mê man vài phút sau khi khởi hành từ chỗ ẩn náu đầu tiên. Đã hai lần, Andrea ngừng lại bắt mạch cho nạn nhân vì sợ anh ta chết, nhưng

những ngón tay của Andrea tê cóng không thể cảm nhận được gì hết. Chàng lại tiếp tục đi, bỗng trên tay thân thể bất động của chàng trai trẻ.

Vào khoảng năm giờ sáng, khi họ vượt qua một vách núi sừng sững trên đèo, Mallory hạ lệnh cho cả nhóm buộc dây vào người nhau. Họ leo theo hàng dọc, Mallory đi đầu, kế đó là Andrea cõng Stevens, rồi đến hai người còn lại. Phải mất hai mươi phút sau để vượt qua sườn núi cheo leo này. Tiếp theo, họ đến vùng đất bằng phẳng và hướng về thung lũng của ngọn đồi bên kia.

Họ tới hang đá lúc rạng đông. Ông già Vlachos đã nói rằng phía nam đảo Navarone chỉ chút động đá.

Họ chọn một cái hang đá vừa đủ chỗ cho mọi người. Lối ra vào được phủ bằng tấm lều giăng bằng những hòn đá lớn, Miller và Andrea lột đồ ướt của Stevens ra và đặt anh ta nằm trong một cái túi ngủ có dây kéo. Họ cho Stevens hóp vài giọt cồn và gối đầu bị thương của anh ta lên xấp quần áo khô. Kế đó, cả bốn người còn lại nằm lăn quay ra đất ướt và ngủ mê mết, cố quên đi cái lạnh và cái đói.

CHƯƠNG BẢY

THỨ BA

15g - 19g

Ánh sáng mặt trời phân tán một tia sáng yếu ớt qua những đám mây và sương giá. Khi Andrea vén lều, ném một cái nhìn thận trọng ra bên ngoài thì mặt trời đang thấp dần về phía tây.

Trong vài giây, chàng đứng hầu như bất động sau tấm lều vải, làm vài động tác co giãn bắp thịt đau nhức và đôi mắt làm quen với màu tuyết trắng chói chang bên ngoài. Kế đó, không một tiếng động, chàng rời khỏi hang, leo lên một cái dốc và quan sát cảnh vật.

Bên dưới chàng, một thung lũng lớn trải dài xa xa khá cân đối giữa hai vách núi thẳng đứng ở phía bắc. Đỉnh nhọn bị mây che phủ của trái núi khổng lồ bên phải chắc là ngọn Kostos, ngọn núi cao nhất ở Navarone. Đêm qua họ đã đi qua sườn phía tây của nó. Ở hướng đông, hướng đối diện, cách khoảng bảy cây số, khối núi thứ ba thấp hơn, soai soải xuống vùng đồng bằng ở đông bắc Navarone. Cách khoảng sáu cây số về phía đông đông bắc, ở chỗ khá trũng, tụ tập những mái nhà bằng phẳng ẩn mình sau những rặng đồi phủ đầy tuyết, bên ngoài lác đác vài căn chòi của những người chăn cừu. Có lẽ đó là làng Margaritha.

Vừa điều nghiên địa hình của thung lũng, vừa soi mói nhìn từng góc cạnh ở đó nguy hiểm có thể xuất phát bất cứ lúc nào, Andrea đang tìm hiểu lý do của một âm thanh nhỏ cách đây hai phút đã kéo chàng ra khỏi giấc ngủ. Sau đó chàng lại nghe ba lần liên tiếp một tiếng còi lạnh lạnh, ngắn gọn và ngắt lịm dưới chân núi Kostos. Tiếng dội cuối cùng của âm thanh còn rung nhẹ trong không khí khi Andrea quay trở lại động đá.

Chưa đầy ba mươi giây, Andrea đã trở lại vị trí quan sát, tay cầm ống nhòm hiệu Zeiss-Ikon của Mallory. Cảm tưởng ban đầu của chàng thật chính xác: hai mươi lăm, có thể là ba mươi lính Đức, đi thành một hàng không đều, theo sườn núi Kostos, xem xét kỹ lưỡng từng chỗ trũng, từng đồng đá. Tuy mặc đồng phục trắng, nhưng cũng dễ phân biệt được họ, dù ở khoảng cách ba cây số. Qua ống nhòm, Andrea thấy những mũi nhọn đen sì của ski trượt tuyết nổi trên nền tuyết trắng. Cả người lẫn ski lượn qua lượn lại trên sườn dốc rải rác những cụm đá. Thỉnh thoảng một người đi ở giữa đưa cao cây gậy leo núi lên chỉ chỗ như để ra lệnh và để phối hợp hành động của những người trong toán. Có lẽ chính hấn thổi còi, Andrea nghĩ.

- Andrea! Mallory từ cửa hang gọi khẽ. Có gì trục trặc không?

Andrea quay lại, đưa một ngón tay lên môi. Đi cà nhắc, mỗi bước cảm thấy đau nhói, Mallory tiến lại, những ngón chân bị trầy trụa, dán dính lại với nhau bằng lớp máu đông, vẫn còn nằm kẹt trong đôi giày của người lính gác Đức và Mallory chưa dám tháo ra.

Chàng nằm phục trên tuyết bên cạnh Andrea và hỏi:

- Có người?

- Phải, loại tồi nhất, Andrea nói nhỏ. Anh hãy nhìn kia, Keith.

Andrea trao ống nhòm cho Mallory và chỉ tay về phía sườn đồi dưới chân núi Kostos vừa nói thêm:

- Ông bạn đại tá Jensen của anh không bao giờ nói đến bọn “sơn binh” này. Chúng là những toán lính Đức leo núi giỏi, trượt tuyết giỏi, thiện chiến, chuyên săn người trên đỉnh núi tuyết. Thật là rắc rối!

Mallory quan sát toán lính qua ống nhòm, gật đầu nói:

- Bọn chúng đang săn tìm chúng ta. Việc làm của chúng hết sức tỉ mỉ, không bỏ sót một hốc đá nào. Người Đức đã biết chúng ta đổ bộ lên Navarone và họ đang truy lùng gắt gao. Việc khám phá ra chúng ta chỉ còn là vấn đề thời gian.

- Một giờ, một giờ rưỡi nữa thôi, Andrea nói. Chúng sẽ tới đây trước khi mặt trời lặn. Chúng ta không thể bỏ lại Stevens, và chúng ta cũng không thể mang anh ta rời khỏi đây, bởi vì anh ta sẽ chết mất.

- Chúng ta sẽ rời khỏi đây ngay, Mallory nói bằng giọng cương quyết. Nếu ở lại sẽ chết cả nhóm trong cái hang quỷ này.

- Phải nghĩ đến quyền lợi của đa số, có phải thế không Keith? Đại tá Jensen đã từng nhắc nhở anh mà.

- Tôi đồng quan điểm với Jensen. Vấn đề là một ngàn hai trăm người chứ không phải một người. Chúng ta phải nghĩ đến đa số, Mallory kết luận với giọng âu sầu.

- Phải, tôi hiểu. Nhưng anh đừng quá lo lắng vô ích. Nào, chúng là cùng báo tin xấu này cho các bạn, Andrea mỉm cười nói.

Khi cả hai bước vào trong hang đá, Miller đang cúi xuống trên vết thương ở chân bệnh nhân dưới ánh đèn bấm, hỏi bằng giọng lo lắng:

- Khi nào các anh mới có biện pháp để cứu chàng trai này? Cái túi ngủ này tưởng không thấm nước lại hoàn toàn ướt, khiến bệnh nhân của tôi bị tê cóng. Anh ta cần một căn phòng ấm áp, nước uống nóng nếu không sẽ chết mất. Trong một bệnh viện đầy đủ tiện nghi, chưa chắc anh ta đã qua khỏi, huống chi nằm trong cái tủ lạnh đáng ghét này.

Miller không nói quá đáng. Tuyết tan rả vào dọc hai bên vách phủ đầy rêu khiến nước đọng lại bên trong hang thiếu ánh sáng và thoáng khí làm lạnh kinh khủng.

- Anh ta có lẽ sẽ được nằm bệnh viện sớm hơn anh nghĩ. Mallory vừa nói vừa nhìn người bệnh đang ngủ. Chân anh ta thế nào?

- Tình trạng càng lúc càng xấu hơn. Tôi vừa mới rắc thêm sulfamide và thay băng cho anh ta. Khả năng tôi chỉ làm được thế, và chỉ mất thì giờ... À mà Đại úy vừa nói gì đến bệnh viện? Chắc Đại úy nói giỡn chơi?

- Không phải giỡn chơi đâu, mà là một trong những điều tệ hại nhất. Quân Đức đang lục xét vùng này và đang tiến về phía chúng ta. Thế nào chúng ta cũng bị lộ.

Miller thóa mạ:

- Trong bao lâu nữa, thưa Đại úy?

- Một giờ, hoặc hơn một chút.

- Và chúng ta sẽ làm gì cho Stevens? Để anh ta ở lại đây chăng? Dù sao đây cũng là chỗ tạm thời khá nhất cho bệnh nhân.

Chúng ta sẽ mang theo Stevens, Mallory quyết định.

- Chúng ta sẽ mang Stevens theo, Miller lập lại. Chúng ta sẽ kéo lê anh ta cho đến chết, điều ấy không lâu đâu, rồi bỏ xác anh ta trên tuyết một cách đơn giản vậy sao?

- Phải đấy Miller. Stevens đã biết quá nhiều. Người Đức có lẽ đoán biết tại sao chúng ta tới đây, nhưng họ không biết chúng ta sẽ đột nhập bằng cách nào vào pháo đài và khi nào hải quân đến. Nhưng Stevens biết rất rõ điều này. Người Đức sẽ làm cho anh ta nói. Chất scopolamine làm bất cứ ai cũng phải nói.

- Scopolamine? Họ sử dụng cả với người sắp chết sao?

- Tại sao không? Trường hợp tôi, tôi cũng làm như họ. Thử tưởng tượng anh là chỉ huy của

quân Đức ở hòn đảo này và nếu anh biết rằng hai khẩu đại bác của anh và hầu hết số quân đóng ở pháo đài có nguy cơ nổ tung bất cứ lúc nào, anh cũng làm như thế. Lẽ dĩ nhiên, cả anh và tôi đều không thích điều đó.

Mallory quay sang Casey Brown vừa mới thức và đang run lạnh vì quần áo ướt.

- Brown, anh cảm thấy thế nào?

- Không tệ lắm, thưa Đại úy. Có gì rắc rối chẳng?

- Phải, rắc rối lớn. Một toán tuần tiễu Đức đang tới đây. Chúng ta phải đi trước nửa giờ. Bây giờ là bốn giờ chiều. Anh có hy vọng liên lạc được với Caire bằng vô tuyến không?

- Chỉ có Thượng đế mới biết, Brown trả lời. Từ trận bão hôm qua và suốt cuộc leo núi, máy móc bị va chạm nhiều, để tôi thử xem.

- Tốt! Chú ý đừng để ăng ten lên cao quá bờ dốc.

Lúc bước ra khỏi hang đá, Mallory bất thành linh dừng lại khi nhìn thấy Andrea đang ngồi trên một tảng đá ngay lối ra vào. Anh ta vừa gắn xong ống kính viễn vọng vào khẩu súng trường Mauser 7 ly 62 và bọc toàn bộ vào cái bao trắng.

Andrea mỉm cười với Mallory, đứng dậy lấy túi đạn và ba mươi giây sau, anh ta đã mặc bộ đồ leo núi, trắng toát từ mũ trùm đầu đến gót giày. Tay cầm khẩu Mauser, anh ta nói:

- Tôi đi dạo một chút, Keith, và với sự cho phép của anh.

Mallory gật đầu, hiểu ý định của Andrea. Chàng cảm thấy biết ơn anh chàng Hy Lạp này. Khi này chàng đã nhấn mạnh với Miller phải kéo Stevens theo nhóm cho đến khi anh ta chết. Chàng giả bộ lạnh lùng nhưng thực sự che đậy nỗi đắng cay và đau đớn, bởi vì nhiệm vụ trưởng đoàn buộc chàng phải quyết định như thế, nhưng bây giờ không cần thiết nữa.

- Tôi xin lỗi vì có hành động không được minh bạch này, Andrea nói, nửa dầy vò, nửa tươi cười. Tôi nghĩ rằng anh hiểu tôi. Đây là giải pháp tốt nhất, có phải thế không?

- Phải, đó là cách duy nhất, Mallory trả lời. Anh định đánh lạc hướng chúng?

- Không còn cách nào khác. Chúng trượt tuyết bằng Ski nên sẽ đuổi kịp tôi trong vài phút nếu tôi xuống thung lũng. Tôi sẽ không thể trở về trước trời tối. Các anh vẫn ở đây chứ?

- Vài người trong chúng ta sẽ ở lại đây. Riêng tôi cũng tìm cách xuống làng tối nay để tìm thực phẩm và chất đốt.

- Dĩ nhiên. Chúng ta phải làm hết sức mình cho Stevens. Anh ta còn quá trẻ, hầu như một đứa con nít...Tôi sẽ trở về khoảng bảy giờ tối.

Bầu trời đã ngả sang màu xám, những đám mây âm u báo trước cơn mưa tuyết. Gió nổi lên, Mallory rùng mình, nắm bàn tay to lớn của anh chàng Hy Lạp:

- Andrea, hãy cẩn thận. Cầu Chúa giúp anh.

- Đừng quá lo lắng cho tôi, Andrea nhẹ nhàng nói vừa rút tay ra khỏi tay chàng. Nếu anh cầu Chúa, hãy cầu hồn cho bọn Đức đáng thương sắp đụng độ với tôi.

Vài giây sau khi Andrea đi khỏi, Mallory đứng im, lưỡng lự ở lối ra vào cửa động, đoạn chàng quay vào, tới ngồi sụp bên Stevens. Được đỡ ngồi dậy bởi hai cánh tay của Miller, đôi mắt lơ đãng, mất thần, chàng trai trẻ có khuôn mặt xanh xao đến nỗi Mallory cảm thấy tim mình đau nhói. Để che giấu nỗi xúc động của mình, chàng cố mỉm cười.

- Thế nào? Anh cảm thấy đỡ hơn không? Andy Stevens.

- Lạnh lắm, Stevens trả lời và cố mỉm cười lại.

- Còn cái chân?

- Nó cũng bị đông lại. Nhưng dù sao, tôi cảm thấy bớt đau.

- Đông lại! Miller bắt chước giọng người y sĩ bị chạm tự ái. Đông lại! Thật là bạc bẽo! Trong cái “phòng của bệnh viện hạng nhất” này!

Một nụ cười ngẩn ngơ trên đôi môi Stevens. Chàng cúi xuống nhìn rất lâu trên đôi chân mình, đoạn ngẩng đầu lên nhìn Mallory.

- Đại úy! Stevens nói bằng giọng dịu dàng và tỉnh táo, xin các bạn đừng giấu tôi nữa. Tôi không muốn là gánh nặng cho mọi người và...

- Không! Chúng tôi không bao giờ bỏ rơi anh, Mallory cắt ngang. Không bao giờ để anh chết vì lạnh hay bị bọn Đức bắt. Đừng nghĩ ngợi nữa cậu bé. Chúng tôi biết cách vừa lo cho anh vừa lo cho hai khẩu đại bác phù thủy kia.

- Nhưng, thưa Đại úy...

Miller xen vào:

- Đây, Trung úy Stevens, anh đừng lo lắng gì cả. Với tư cách là thầy thuốc, tôi phải theo bệnh nhân cho tới khi anh ta bình phục và tôi thực hiện điều ấy ngay cả khi chúng ta chẳng may nằm trong nhà tù của bọn Đức.

- Thôi đủ rồi! Mallory nói. Vấn đề đã được giải quyết xong.

Chàng cúi xuống, tháo dây giày vừa nói với Miller:

- Đây Miller, khi nào anh khoe khoang xong cái “tài” làm y sĩ của anh, hãy liếc nhìn giùm bàn chân tôi. Tôi e rằng đôi giày boots của người lính gác không làm vừa ý mấy ngón chân tôi chút nào cả!

Một khắc sau, Miller đã băng bó xong vết thương ở đầu ngón chân phải của Mallory. Anh ta đứng dậy và hãnh diện ngắm “tác phẩm” của mình.

- Thật là tuyệt, Miller thật là tuyệt! Mallory hài lòng lắm lắm. Còn hơn cả bệnh viện nổi tiếng John Hopkins ở Baltimore...[\[37\]](#)

Chàng chợt ngưng nói, nhú mày nhìn bàn chân bó một lớp vải băng dày cộm:

- Đây! Tôi tự hỏi... Không biết làm thế nào để dứt bàn chân này vô giày lại.

Thật vậy sau khi đi đôi vớ len còn ướt và xỏ thử chân vào giày, chàng lắc đầu. Đoạn chàng lật đế giày của người lính Đức lên xem:

- Giày số bảy! Nhỏ quá!

- Số chín kia! Stevens chột nói, tay chỉ về phía đôi giày mình, mà một chiếc đã bị Andrea dùng dao chẻ hai lúc rút chân bị thương của chàng ra. Đại úy có thể khâu lại chỗ cắt đó để sử dụng. Đôi giày đó không còn giúp ích gì cho tôi được nữa. Đừng do dự nữa, Đại úy.

Nói đến đây, Steven cười và cố nén cơn đau, hít một hơi dài và tiếp tục giọng chua chát:

- Có lẽ đây là đóng góp lần đầu và cũng là lần cuối của tôi cho một cuộc viễn chinh này. Đại úy nghĩ rằng người ta sẽ thưởng cho tôi loại huy chương nào?

Mallory cầm lấy đôi giày, lặng lẽ nhìn Stevens, đoạn chàng quay lại khi nghe bước chân lão đảo của Brown. Anh ta khệ nệ đặt máy điện đàm có ăng ten trên đất, rút trong túi ra một hộp thuốc lá, nhưng bàn tay tê cóng lại vụng về làm rớt xuống bùn. Anh tức quá, dấm hai tay lạnh buốt vào ngực, không buồn lượm hộp thuốc nữa và nặng nề ngồi phịch xuống một hòn đá, vẻ uể oải, lạnh run và thảm não.

Mallory mời điều thuốc, trao cho Brown và hỏi:

- Anh có bắt được liên lạc với caire không?

- Chính họ đã tìm mọi cách để bắt liên lạc với chúng ta. Tôi nghe họ yếu lắm và ngược lại họ cũng chẳng nghe rõ chúng ta, có lẽ tại ngọn núi cao đáng nguyên rủa này.

- Có lẽ. Và anh đã bắt được tin gì?

- Chẳng có tin gì cả. Họ chỉ than phiền về sự im lặng quá lâu của chúng ta. Họ nói kể từ bây giờ, cứ bốn tiếng đồng hồ họ gọi lại một lần, bất kể chúng ta ở đâu có nghe được hay không. Họ lặp lại mười lần câu đó.

Mallory phấn khởi nói:

- Dù sao đó cũng là niềm an ủi của chúng ta. Thật là thú vị khi biết họ luôn hướng về chúng ta, dù chỉ là một nâng đỡ về tinh thần. Bọn chó săn Đức sẽ phải điên tiết khi biết được điều này... À, mà trước lúc trở lại đây, anh có quan sát chúng không?

- Tôi nghe tiếng chúng, tên sĩ quan đã hô to những khẩu lệnh.

Brown nói xong, tự động đi lấy súng, mở khá an toàn vừa thêm:

- Có lẽ bây giờ họ còn cách chúng ta không trên ngàn thước.

Toán tuần tra của Đức, đang đi sát lại gần nhau và chỉ cách hang đá chừng bảy trăm năm mươi mét. Viên trung úy Đức, chỉ huy toán tuần tiểu nhận thấy bên cánh phải hàng quân di chuyển hơi chậm vì vượt qua nhưng dốc núi phía nam lởm chởm đá. Nóng nảy, viên trung úy đưa còi lên miệng thổi ba tiếng để hối thúc binh lính di chuyển theo đúng đội hình. Hai tiếng còi đầu lạnh lạnh trên núi tuyết, nhưng tiếng thứ ba vừa thổi lên đã tắc nghẹn, dư âm yếu dần, kèm theo một tiếng kêu đau đớn. Mặt co dúm, toàn thân cứng đờ, hấn ngã sấp xuống tuyết. Viên trung sĩ to béo trượt kề bên, há hốc miệng và ngã lăn đùng trên xác viên sĩ quan chỉ huy, tai còn nghe tiếng “cắc cụp” của khẩu Mauser trước khi tắt thở.

Trên sườn phía tây của đỉnh Kostos, từ trên cao, khẩu súng đặt giữa hai tảng đá theo hình chữ V. Andrea tiếp tục bóp cò, liên tiếp bắn thêm ba phát vào đám lính nhốn nháo bên dưới. Chàng bình thản vô cùng.

Chàng chậm rãi điều chỉnh cho nòng hạ thấp và nhìn qua màn khói súng đang treo lơ lửng trong khí lạnh chiều tà. Bọn địch đã biến mất ngay, nhưng chúng vẫn ở đó, núp sau những tảng đá hoặc vùi mình trong đồng tuyết, nguy hiểm hơn bao giờ hết. Andrea thừa biết rằng quân Đức sẽ chỉnh đốn lại đội hình ngay sau cái chết của viên trung úy, và chúng lăn xả vào cuộc truy lùng kẻ bí mật bắn trên sườn núi, bởi vì ở Âu châu này chưa có đội quân nào lì lợm có tiếng bằng Tiểu đoàn “Quân trượt tuyết” chuyên đánh trên những đỉnh cao băng giá này.

Một tràng súng liên thanh tự động làm nẩy tung nhưng cụm tuyết bám trên vách đá phía đầu Andrea khiến chàng phải nằm bẹp dí xuống. Thật đúng như chàng dự đoán: bọn Đức áp dụng chiến thuật bộ binh cổ điển, khẩu trung liên khạc đạn yểm trợ cho toán lính khác tiến lên, đoạn chúng dừng lại bố trí rồi lại tiếp tục tiến dưới hỏa lực bắn che của đồng đội. Andrea nhanh chóng nạp đạn vào khẩu Mauser và vẫn trong tư thế nằm sấp, chàng bò sang bên phải phía sau dây đá thấp trải dài khoảng mười lăm mét. Khi tới đầu dây, chàng kéo mũ trùm đầu sụp sát mí lông mày và phóng cái nhìn thận trọng ra bên ngoài.

Một loại đạn khác ghim vào ngay vách đá chỗ chàng mới rời khỏi, và lúc đó khoảng sáu người, mỗi bên ba người, rời vị trí chạy dọc theo sườn núi, hướng về phía chàng, chạy được một quãng học lại nằm sấp xuống. Những con chồn thuộc tiểu đoàn leo núi tuyết này không mạo hiểm tấn công trực diện. Họ dàn thành hình quả trám, như cái lưới liềm bọc đối thủ vào giữa. Andrea đã quen sử dụng đội hình này nên chàng phá nó cũng dễ dàng. Chàng đã cẩn thận chọn địa điểm bố trí thích hợp, đằng sau chàng có một hành lang cho phép chàng thoát nhanh ra. Nhưng có điều chàng không ngờ là về hướng tây, đỉnh của quả trám lại di chuyển chuyển đến đúng hang đá nơi đồng đội chàng đang ẩn núp.

Andrea quay lưng lại và nhìn bầu trời đang tối sầm. Quân Đức lại bắt đầu nổ súng và áp dụng lần thứ hai lối bắn bao che nhau để tiến lên. Andrea không chần chừ nữa. Chàng lui ra sau các tảng đá vừa giương khẩu Mauser bắn không cần nhắm về phía dưới chân dốc vừa chạy ngược lên dây đá ở trên cách ít nhất ba mươi mét. Chạy được mười sáu mét, cũng chưa có viên đạn nào đuổi theo, chàng chột vấp ngã trên một đồng đá vụn và trơn. Như một con mèo, chàng lại tung người lên chạy và phóng cả ngực lẫn bụng xuống nơi ẩn núp mới.

Trong mười giây, Andrea lấy lại hơi thở nạp đạn, và bắt đầu bắn vài viên phủ đầu đối phương. Khẩu Mauser lại hết đạn ngưng bật, vô ích trong tay chàng, và từ bên dưới, quân Đức lại nổ súng, những viên đạn rít trên đầu chàng, làm tung tóe tuyết vào mắt mũi chàng.

Nhưng hoàng hôn đã phủ xuống ngọn núi. Và Andrea chỉ còn là vết mờ lay động. Vả lại bắn chính xác từ dưới lên luôn khó khăn hơn. Do đó, quân Đức áp dụng lối bắn tập trung vào một điểm. Không lưỡng lự, Andrea tiếp tục vọt lên trên nhưng chạy theo độ nghiêng hẳn qua bên, khi tới một chỗ trũng chàng lao người xuống.

Nằm ngửa người ra, trên chỗ trũng, chàng lấy trong túi ra một cái kiếng nhỏ, qua đó chàng thấy trước hết hai tên lính Đức, rồi ba, rồi nửa tiểu đội vừa chạy lên đỉnh núi vừa bắn vu vơ.

Mỉm cười nhẹ nhõm, Andrea bỏ gương xuống. Chàng lại uể oải nạp đạn vào khẩu Mauser.

- Đại úy, Miller cất tiếng than vãn.

- Gì vậy?

- Đại úy, khi còn ở ghế nhà trường phổ thông, Đại úy có bao giờ đọc truyện nói về những người bị lạc trong cơn bão tuyết, họ cứ đi vòng vòng ngày này qua ngày khác?

- Có! Tôi có nhớ một cuốn tiểu thuyết mô tả cảnh này, Mallory vừa trả lời vừa phủi tuyết bám trên mặt và trên cổ.

- Những người đó cứ đi vòng vòng cho đến chết phải không? Miller cố hỏi.

- Ồ! Đủ rồi! Mallory nổi quạu. Anh cứ lo chuyện không đâu. Chúng ta làm sao đi vòng vòng được bởi vì chúng ta không ngưng đi xuống, anh không thấy sao? Bộ anh tưởng chúng ta đang đi trên cầu thang hình tròn ốc à?

Dù đi đôi giày rộng của Stevens, chàng vẫn cảm thấy hai bàn chân đau đến phát ghét.

Hai người tiếp tục bước giữa cơn mưa tuyết. Andrea đã đánh lạc hướng toán tuần tra của Đức. Mallory không tính tới cơn mưa tuyết dày đặc và liên tục này lúc chàng có dự định xuống làng Margaritha để tìm chất đốt và thực phẩm. Dù thế nào đi nữa, quyết định của chàng cũng không thay đổi, bởi vì tình trạng của Stevens đang suy yếu trầm trọng. Rất cần có hơi nóng và thức uống cho bệnh nhân.

Những đám mây lớn che khuất mặt trăng lẫn các vì sao. Cách ba mét họ không thấy gì cả,

thêm vào sự mất mát la bàn khiến tình thế thêm tệ hại. Tuy nhiên, Mallory không tin là không tìm ra được làng: chỉ cần đi xuống tận giòng nước chảy qua thung lũng, kể đó đi theo giòng về hướng bắc đến làng Margarita, nhưng nếu tuyết cứ tiếp tục rơi như thế này, họ ít cơ may tìm đường trở về hang đá...

Mallory cố nén kêu lên trong khi hai bàn tay của Miller nắm chặt cánh tay chàng và kéo chàng nằm xuống.

Chàng tự trách quá lơ đãng, và chàng nhận thấy qua tấm màn tuyết trắng, một vật đen, to và thấp, rất gần họ.

- Một cái chòi, chàng nói vào tai của Miller, lòng vui mừng nghĩ rằng đang ở gần làng Margarita.

Nhưng Miller vẫn xiết chặt tay chàng và thì thầm:

- Hình như tôi nghe có tiếng nói, Đại úy.

- Anh chắc không?

- Tôi không thể chắc chắn điều gì hết. Quý bắt tôi đi! Từ một giờ nay, đầu óc tôi toàn tưởng những chuyện đầu đầu. Dù sao, tôi tin rằng đã nghe một tiếng động.

- Ta thử đi xem, Mallory nói. Có lẽ không phải bọn Đức. Bọn chúng đang lùng sục trên đỉnh Kostos. Còn những người chần cừ chỉ sử dụng chòi vào mùa hè.

Miller mở khóa an toàn khẩu súng Colt và tiến về chòi.

Một phút sau, họ đã ở trong chòi, cánh cửa khép lại sau họ. Mallory vội đèn bấm vào khắp xó xỉnh nhưng chỉ thấy ngoài cái vách phen bằng gỗ, chỉ có một cái bếp bễ nát trên đó để cái đèn đã rỉ sét. Căn phòng hoàn toàn trống vắng, cửa sổ cũng không có.

Mallory quan sát cái đèn.

- Đèn này không xài từ mấy tuần nay, nhưng vẫn còn dầu.

Chàng chột giật mình, nhẹ nhàng đặt đèn xuống chỗ cũ, tiến lại gần Miller nói khẽ:

- Có người! Hãy đưa tôi khẩu súng của anh và cứ tiếp tục lớn tiếng nói chuyện.

- Sự việc ở Castelrosso lặp lại lần thứ hai. Miller nói lớn một mình. Tôi cá với anh lần này không phải là người Cận Đông mà là người Trung Hoa.

Chỉ còn Miller một mình trong chòi, Mallory tay cầm khẩu súng có gắn ống hãm thanh, đã lên ra bên ngoài. Chàng đi vòng quanh bờ vách, chột một bóng đen từ trong bóng tối nhảy xổ ra, tay cầm gậy giơ lên, Mallory nhanh nhẹn né khỏi khúc cây giáng xuống, tay chàng đâm mạnh vào bụng đối phương. Người lạ mặt kêu lên một tiếng, ngã quỵ, miệng rên rĩ.

Mallory nhìn cây gậy thô sơ và cái túi vải hoàn toàn không có vẻ gì nhà binh đeo trên lưng người đàn ông. Ba mươi giây trôi qua, cái bóng đen vẫn nằm yên trên đất. Tưởng hấn giả vờ, chàng bồi thêm cú đá vào đầu gối phải của đối phương. Đó là một đòn tra tấn cổ điển, có tác dụng làm đau cấp thời. Tuy nhiên, bóng đen vẫn bất động.

Chàng cúi xuống bế xốc người lạ mặt lên vai bước vào chòi.

- Ai vậy, Đại úy?

- Tôi cũng không biết. Chỉ toàn xương và da! Hãy đóng cửa lại, Miller. Và chúng ta thử xem tù nhân của chúng ta là ai.

CHƯƠNG TÁM

THỨ BA

19g – 0g15

Hai phút trôi qua, người lạ mặt bắt đầu cử động, rên rỉ và ngồi dậy, Mallory phải đưa tay đỡ cho nạn nhân khỏi ngã xuống lại trong khi anh ta lắc đầu, hai mắt nhắm nghiền như để làm giảm cơn choáng váng. Cuối cùng, anh ta mở mắt lại, nhìn lần lượt Mallory và Miller dưới ánh đèn dầu yếu ớt vừa mới được thắp lên. Hai má đã dần dần lấy lại sắc hồng, anh ta quắc mắt, hàm râu đen dựng lên, vẻ giận dữ:

- Các anh là ai? Người lạ mặt hỏi bằng tiếng Anh pha giọng nước ngoài.

- Tôi rất tiếc, nhưng anh càng biết ít về chúng tôi càng có lợi cho anh, Mallory mỉm cười nói khéo, tránh không làm mất lòng người đối thoại. Anh cảm thấy đỡ đau chưa?

Người lạ mặt xoa nắn bụng và nhắc chân lên với vẻ đau đớn.

- Anh đánh tôi mạnh quá!

- Tôi bắt buộc phải làm thế.

Và vừa chỉ cây gậy nằm dưới đất, Mallory vừa nói.

- Anh đã định phang tôi một gậy, theo anh tôi phải đứng im chịu đựng và cảm ơn anh sao?

- Anh khôì hài lắm... A! Đầu gối tôi đau quá!

- Hãy nói về cây côn này đã. Tại sao anh lại cố tình hại tôi?

- Tôi định đánh anh bất tỉnh để xem anh là ai, vì anh có thể là người thuộc tiểu đoàn leo núi tuyết của Đức... Tại sao đầu gối tôi lại sưng thế này?

- Ồ! Chắc nó va chạm vào đâu đó khi ngã xuống, Mallory nói dối thật trơn tru. Hãy cho tôi biết anh làm gì ở đây?

- Anh là ai? Người lạ hỏi lại.

Miller đằng hắng, nhìn đồng hồ tay nói xen vào:

- Thật là thú vị! Nên nhớ anh là tù nhân của chúng tôi! Hãy để tôi khám xét anh đã!

Thật lạ lùng, người lạ vẫn ngồi yên không hề có cử chỉ phản đối.

- Thực phẩm! Miller reo lên. Thật là tuyệt! Thịt gà hầm, bánh mì, pho mát, cả rượu nữa!

Tiếng reo, Miller đóng túi lại, tò mò nhìn người lạ mặt.

- Thật kỳ cục khi có ý nghĩ đi cắm trại giờ này!

- Ủa! Một người Mỹ! Anh ta thốt lên.

- Anh muốn nói gì, Miller hỏi bằng vẻ nghi ngờ.

- Tôi đoán chẳng sai! Nhưng... Hãy nhìn kia! Người lạ mặt hất hàm về phía cửa chòi.

Một người cao lớn đội mũ trùm đầu đang đứng trên ngưỡng cửa, tay cầm khẩu súng ngắn.

- Đứng bắn! Panayis! Chàng thanh niên ra lệnh nhanh bằng tiếng Hy Lạp. Tôi hầu như chắc chắn họ là người chúng ta tìm kiếm.

Panayis! Một cảm giác nhẹ nhõm xâm nhập vào người Mallory; Panayis là tên một trong hai người mà ông già Vlachos đã giới thiệu cho chàng.

- Tình thế đã thay đổi phải không? Người lạ mỉm cười nói với Mallory. Bây giờ các anh là tù nhân của chúng tôi. Tôi hỏi lại: các anh là ai?

- S.O.E[38]. Mallory trả lời không lưỡng lự.

- Có phải đại tá Jensen đã phái các anh tới đây?

Mallory thở dài, ngồi bệt xuống, dựa lưng vào vách phen.

- Chúng ta gặp bạn hữu rồi, Miller!

Đoạn chàng quay sang người lạ:

- Chắc anh là Louki, nhà ở dưới bóng cây tiêu huyền thứ nhất, trên quảng trường của làng Margaritha .

Nét mặt rạng rỡ người lạ chào chàng và xòe bàn tay ra:

- Louki này sẵn sàng phục vụ các anh!

- Còn anh kia, lẽ dĩ nhiên là Panayis?

Anh chàng cao lớn đứng trên ngưỡng cửa, vẻ trầm ngâm, khẽ gật đầu, không cười không nói gì hết.

- Đúng thế! Louki và Panayis? Louki vui vẻ nói. Ở Caire và Alexandrie, người ta biết đến chúng tôi sao?

- Dĩ nhiên! Mallory nói. Người ta đã hết lời khen ngợi các anh. Sự giúp đỡ của các anh đối với quân Đồng minh thật là quý báu!

- Và chúng tôi sẽ còn tiếp tục, Louki nói. Nào, chúng ta đừng mất thì giờ, bọn Đức đang ở trên núi. Các anh cần thứ gì?

- Thực phẩm, càng gấp càng tốt.

- Có ngay! Louki hãnh diện chỉ túi vải. Chúng tôi đã lên đường cốt để mang đến cho các anh những thứ này.

- Làm thế nào các anh biết được chúng tôi ở đâu? Làm sao các anh biết được chúng tôi đã đổ bộ lên đảo? Mallory ngạc nhiên hỏi.

- Từ lúc rạng đông quân đội Đức đã đi qua làng Margaritha, hướng về phía nam và những hòn núi. Cả buổi sáng, họ đã lục soát, con đường đèo phía đông ngọn Kostos. Chúng tôi biết rằng có người đổ bộ và quân Đức đang truy lùng họ. Chúng tôi biết rằng bọn Đức đang chốt chặn hai đầu con đường bờ biển, phía nam của đỉnh núi đá. Do đó, các anh có lẽ đã đến bằng ngọn đèo phía đông, điều mà họ không ngờ tới. Cho nên, chúng tôi đã lên đường tìm kiếm các anh.

- Nhưng anh chẳng bao giờ tìm ra chúng tôi được đâu...

- Có chứ! Louki nói với vẻ chắc chắn tuyệt đối. Panayis và tôi, chúng tôi biết từng ngọn cỏ ở Navarone này.

Louki chột rùng mình:

- Sao các anh lại đổ bộ vào lúc thời tiết quá xấu như thế này?

- Chúng tôi không thể chọn một ngày nào khác, Mallory trả lời.

- Đêm qua, phải! Không ai có thể ngờ các anh đổ bộ lúc trời mưa bão. Không ai có thể nghe tiếng máy bay và cũng không tin các anh dám nhảy dù xuống...

Miller cắt ngang lời của Louki:

- Chúng tôi đã từ biển tới. Chúng tôi đã leo qua vách núi đá phía nam.

- Đừng đùa anh bạn! Không thể được! Louki thốt lên, hoàn toàn không tin.

- Tuy nhiên đó là sự thật, Miller nói tiếp. Anh có thường đọc báo không?

- Dĩ nhiên là có. Bộ anh tưởng tôi là kẻ thất học sao?

- Vậy thì có lẽ anh còn nhớ bản tin về những cuộc thám hiểm Himalaya[\[39\]](#) hồi trước chiến tranh và có lẽ cả trăm lần anh thấy chân dung của Mallory trên báo chí. Tuy nhiên, hồi anh ta trông đẹp trai hơn bây giờ, Miller vừa nói vừa chỉ khuôn mặt râu ria không cạo của người chỉ huy. Trước mắt anh ta là Keith Mallory người Tân Tây Lan vận động viên leo núi số một của thế giới.

Như một luồng điện giật, Louki tươi cười, mọi nghi ngờ xóa sạch, tiến tới nắm tay Mallory vẻ say mê.

- Lạy Chúa! Tôi đã nhận ra anh! Nhưng anh bạn người Mỹ nói đúng, anh cần phải cạo râu, nếu không trông anh có vẻ già hơn trên ảnh.

- Thật ra, tôi cũng cảm thấy già đi nhiều, Mallory nói. A! Tôi giới thiệu với anh đây là hạ sĩ Miller, người Mỹ.

- Anh ta cũng là một vận động viên leo núi nổi tiếng? Louki hỏi với vẻ thích thú.

- Lối leo núi của anh ta chưa hề có ai thực hiện, Mallory thành thật nói, vẻ khô khan.

Đoạn sau khi liếc đồng hồ, chàng tiếp.

- Còn có những người khác đang đợi trên núi. Chúng tôi cần sự giúp đỡ và ngay bây giờ. Các anh có biết rằng nếu giúp chúng tôi các anh sẽ gặp nguy hiểm không?

- Hiểm nguy? Louki và Panayis, những con cáo già của Navarone sợ hiểm nguy. Không bao giờ? Louki nói bằng vẻ khinh khi. Nào! Bây giờ chúng ta hãy mang thực phẩm này lên núi cho các bạn chúng ta.

- Khoan đã, Mallory đặt tay lên vai Louki đang chuẩn bị đeo túi vải. Chúng tôi cần một cái lò, chất đốt, băng cá nhân và thuốc thang, bởi vì một người bạn chúng tôi bị thương nặng đến nỗi chúng tôi không chắc cứu sống được anh ta.

- Panayis! Hãy quay về làng! Louki ra lệnh bằng tiếng Hy Lạp.

Louki nhanh chóng cắt nghĩa cho Panayis những gì anh ta phải làm và cho biết vị trí của hang đá để anh ta quay trở lại. Sau khi biết chắc Panayis nắm vững mọi chi tiết, Louki quay hỏi Mallory:

- Đại úy có chắc chắn trở về lại hang đá mà không lạc đường?

- Nói thật, tôi cũng không chắc.

- Vậy thì để tôi cùng đi với Đại úy. Bởi vì tôi tính... Đại úy hiểu chứ, Panayis phải mang quá nặng, tôi đã dặn anh ta phải mang theo chăn nệm cho người bệnh.

- Để tôi đi với anh ta, Miller tình nguyện.

Louki thông dịch đề nghị của Miller cho Panayis, người trầm ngâm không nói một tiếng nào, có lẽ tại vì anh ta không biết tiếng Anh. Nhưng khi biết có Miller đi theo, anh ta xỏ một tràng tiếng Hy Lạp, phản đối kịch liệt, nói rằng Miller chỉ làm vướng chân anh ta. Louki phải giải thích cho Panayis hiểu rằng đó là một vinh dự cho anh ta được đi gần Miller, một vận động

viên leo núi nổi tiếng người Mỹ. Panayis đành chấp nhận.

Mallory mỉm cười tinh quái nói nhỏ với Miller.

- Anh ta bị “khích tướng”. Anh ta sẽ chứng minh rằng một người dân ở Navarone này leo núi không kém gì một vận động viên nổi tiếng.

-Ồ! Lạy Chúa! Chỉ khổ cho tôi! Miller than thở.

Một cơn gió lạnh càng lúc càng mạnh quất vào mặt họ, làm chảy cả nước mắt. Lại thêm trận mưa tuyết vừa rơi vừa tan ra, thấm vào tận bên trong quần áo, làm họ ướt và lạnh cóng. Tuyết phủ thành một lớp dày dưới bước chân của họ. Tầm quan sát bị che khuất: một màn bông tuyết trắng và xám trùm lên họ. Không vì thế mà đi chậm lại, Louki vẫn tiến băng băng trên sườn núi theo đường xiên, với vẻ đầy tự tin của một người quá quen thuộc lối đi như đi trong vườn nhà.

Uyển chuyển và không mệt mỏi như một con dê miền núi, lưỡi anh ta không thua gì đôi chân nhanh nhẹn. Louki nói huyền thuyên, lòng tràn ngập nỗi vui được trở lại hoạt động chống quân thù. Anh ta kể cho Mallory nghe về ba cuộc tấn công mới đây vào hòn đảo Navarone, về thất bại đẫm máu. Quân Đức đã biết trước, không biết do ai cung cấp nguồn tin, và chúng đã huy động toàn bộ lực lượng phòng thủ đập tan mọi cuộc tấn công của toán biệt động thuộc Cục Công vụ Đặc biệt. Còn hai đại đội nhảy dù đã nhảy ngay vào cái bẫy của quân Đức. Louki cũng suýt mất mạng qua hai cuộc đột kích đó. Riêng Panayis bị quân Đức bắt vì tình nghi anh là gián điệp. Đã hai lần bị giam suốt đêm trong pháo đài, anh ta có thể mô tả chính xác vị trí hai khẩu đại bác, trại lính, nơi ở của sĩ quan, đài chỉ huy, kho đạn, tua bin phát điện.

Mallory khẽ huýt gió hài lòng, đó là điều chàng rất mong được biết.

- Bạn Panayis của anh thật là cừ khôi, Mallory nói. Hãy cho tôi nghe thêm những mẩu chuyện về anh ta.

- Tôi biết nói gì đây? Anh ta may mắn như quý, can đảm một cách điên cuồng và con sư tử còn có thể ở chung với con cừu, chứ Panayis không bao giờ thờ chung cùng không khí với quân Đức. Có điều tôi cảm ơn Thượng đế đã không cho tôi với anh ta là người Đức trên hòn đảo này. Anh ta giết người không run tay ban đêm, bằng dao đâm sau lưng – Louki làm dấu thánh giá – Hai bàn tay anh ta đầm máu quân Đức.

- Lẽ ra anh phải biết nhiều điều khác về anh ta. Dù sao hai anh đã sống cả cuộc đời trong hòn đảo nhỏ này.

- Không, Đại úy lầm rồi. Tôi đã ở nhiều năm ở nước ngoài để giúp ông Vlachos là một công chức cao cấp rất quan trọng.

- Ông Vlachos là lãnh sự. Tôi biết ông ta.

- Đại úy biết ông Vlachos! Louki thốt lên vui sướng. Thật là tuyệt!

- Chúng tay hãy nói về Panayis, Mallory khẽ nói.

- À phải! Khi tôi trở về hòn đảo này sau một thời gian vắng mặt, Panayis không còn ở đây nữa. Cha anh ta chết, mẹ tái giá và Panayis đã bỏ sang đảo Crète sinh sống với cha vợ và hai em gái cùng cha khác mẹ. Sau đó, cha vợ anh bị quân Đức giết. Panayis với chiếc thuyền đánh cá nhỏ đã giúp đỡ nhiều gián điệp Đồng minh trốn thoát khỏi sự săn lùng của mật vụ Đức. Cuối cùng Panayis cũng bị quân Đức bắt. Chúng đã treo anh ta lơ lửng trên quảng trường làng, và đã đánh anh ta cho đến khi lòi cả xương và mặc anh ta nằm hấp hối. Chúng đã đốt cả làng và tàn sát những người trong gia đình anh. Về phần Panayis, ban đêm bạn bè tới cắt dây trói cho anh ta và đưa anh ta lên núi ở đó cho đến khi bình phục. Anh ta bền bỉ hơn cả mắt cây minh quyết. Anh ta đã trở lại Navarone, trong chiếc xuồng chèo nhỏ, bơi từ đảo này qua đảo kia. Anh ta không bao giờ cho biết lý do tại sao trở lại. Tôi nghĩ rằng anh ta thích sát hại bọn Đức ngay trên quê hương của mình. Đối với anh ta, thức ăn, giấc ngủ, ánh mặt trời, gái đẹp, rượu ngon, chẳng có ý nghĩa gì cả. Anh ta chỉ sống để giết, tiếp tục giết và còn giết nữa. Anh ta vâng lời tôi bởi vì tôi là quản gia của gia đình Vlachos nhưng ngay cả tôi, tôi cũng sợ anh ta.

Louki dừng lại, hít không khí, phải tuyết bám đầy trên đôi giày, đi rẽ sang một bên không chút do dự.

- Chỉ còn hơn một trăm sáu mươi mét. Tôi rất mong đến chỗ các bạn, Louki nói.

- Tôi cũng thế, Mallory vừa nói vừa trù mến nghĩ đến đồng đội đang chờ trong hang đá tồi tàn.

Chợt cả hai đứng lại, lắng tai nghe, nhìn nhau, hơi nghiêng đầu về một bên.

- Anh cũng nghe chứ? Mallory thì thầm.

- Tôi đây, một giọng nói trầm trầm vang lên.

Mallory quay người lại và thấy thân hình to lớn của Andrea xuất hiện qua màn tuyết.

- Một chiếc xe bò của người bán sữa đi trên đường lát gạch đá còn ít gây tiếng động hơn hai anh, Andrea nói. Cũng may tiếng gió tuyết át hẳn tiếng nói của các bạn.

- Làm thế nào mà anh lại ở đây? Mallory hỏi.

- Tôi đi tìm củi để đốt. Ban nãy lúc hoàng hôn tôi ở trên cao ngọn Kostos để đánh lạc hướng bọn Đức. Tôi để ý thấy một cái chòi cũ kỹ không xa đây bao nhiêu.

- Anh không lầm đâu, Louki nói. Đó là cái chòi của già Leri. Ông ta là người chăn dê. Chúng tôi đã nhắc nhở ông già cẩn thận, nhưng ông chẳng nghe ai. Ông chỉ thích nói chuyện với đàn dê. Cuối cùng ông lão bị chết vì tuyết lở.

- Cái chòi sẽ cung cấp củi cho chúng ta tối nay. Andrea nói, kể đó anh huýt gió hai tiếng, một tiếng huýt gió tương tự đáp lại, và Casey Brown chờ đón họ ngay lối vào hang đá.

Một luồng gió mạnh thổi vụt qua làm tắt ngọn đèn dầu, làm hang đá lại đắm chìm trong

bóng tôi. Louki lại thấp lần thứ hai, và trong ánh sáng le lói, Mallory lần đầu tiên nhìn rõ mặt Louki. Anh ta đã cởi bỏ áo choàng chỉ còn mặc một chiếc áo vét xanh dương đậm, có đường viền đen và bó sát vào thân hình bé nhỏ nhưng rắn chắc, bằng cái thắt lưng to màu đỏ sẫm. Khuôn mặt sạm đen của anh mỉm cười, hàm râu đen và đẹp vĩnh viễn như lá cò. Nhưng, Mallory chợt nhận thật se lòng khi nhận thấy vẻ buồn bã và mệt mỏi trên đôi mắt ướm và viền quanh bằng một lớp da đầy vết nhăn.

Nằm dài trong túi ngủ, Stevens, hơi thở nhanh và khàn khàn, từ chối không chịu ăn uống gì cả và bây giờ anh ta ngủ chập chờn. Anh ta có vẻ không đau nữa, Mallory nghĩ thầm đó là một dấu hiệu không tốt và chàng mong Miller sớm về đến.

Còn sót lại một tí vụn bánh mì, Casey Brown pha hóp rượu vào uống hết. Anh đứng lên và bước ra ngoài nhìn tuyết rơi. Anh rung mình vì lạnh, lật tấm vải lều, nhắc máy vô tuyến điện lên vai, cầm theo một cuộn dây, một đèn bấm và một tấm vải dầu. Mallory nhìn đồng hồ: 0g kém 15, sắp tới giờ liên lạc với Caire.

- Anh định bắt liên lạc với họ à? Tôi hết có can đảm ra ngoài trời lạnh nữa rồi!

- Tôi cũng vậy, Brown nói. Nhưng phải thử liên lạc xem sao. Ban đêm dễ thu hơn. Tôi sẽ lên chỗ khá cao để tránh chướng ngại do ngọn núi đáng ghét này, chứ ban ngày mà làm thế, bọn Đức sẽ phát hiện ngay

- Anh có lý, Mallory nói. Nhưng phải cẩn thận đấy nhé!

- Đại úy đừng quá lo cho tôi. Tôi không để xảy ra chuyện gì hết.

Brown nói xong, bước ra ngoài.

- Đây các bạn! Nếu Brown có can đảm đương đầu với thời tiết này, Mallory nói, chúng ta cũng có thể khoác áo choàng đi dạo một chút. Tôi cần một người đi với tôi đến chòi của già Leri để lấy củi.

Andrea và Louki cùng đứng dậy một lúc, nhưng Mallory lắc đầu:

- Chỉ cần một người thôi. Tôi nghĩ rằng một người nên ở lại gần Stevens.

- Anh ta đang ngủ say, Andrea nói. Đừng lo có điều gì xảy ra cho anh ấy bởi vì chúng ta chỉ vắng mặt trong thời gian ngắn.

- Nhưng lỡ anh ta bị rơi vào tay quân Đức. Chúng sẽ buộc anh ta khai, chẳng phải lỗi anh ta, nhưng chúng sẽ khai thác được.

- Các anh cứ bận tâm những chuyện không đâu. Louki xen vào. Tôi bảo đảm bọn Đức đang ở xa đây.

Mallory do dự, đoạn mỉm cười.

- Các anh có lý. Tôi lo sợ viễn vông.

Chàng cúi xuống, khẽ lay Stevens. Chàng trai rên rĩ và từ từ mở mắt.

- Chúng tôi đi kiểm củi đốt, Mallory nói. Chúng tôi sẽ trở về ngay trong vài phút. Anh không sợ phải ở một mình chứ?

- Dĩ nhiên là không. Chuyện gì có thể xảy ra? Các anh cứ để cho tôi một khẩu súng lục và tắt đèn đi. Nhớ khi trở về đừng quên gọi trước khi vào nhé.

Họ phải mất mười phút để kiểm ra cái chòi đổ nát của ông già chăn dê, năm phút để Andrea tháo cánh cửa khỏi bản lề rỉ sét, đập ra từng mảnh để dễ cầm tay, kể cả gỗ đóng vách và cái bàn, và cuối cùng mười phút để trở lại hang đá, vai chất đầy gỗ nặng trĩu.

Trong hang chỗ bệnh nhân nằm, chỉ còn túi ngủ trống rỗng, Andy Stevens đã biến mất.

CHƯƠNG CHÍN

ĐÊM THỨ BA, RẠNG SÁNG THỨ TƯ

- Như thế có nghĩa là anh ta không ngủ, Andrea khẽ nói.

- Chắc chắn vậy, Mallory đồng tình gật đầu. Anh ta đã nghe những gì tôi nói. Stevens biết chúng ta đã quá vất vả vì anh ta. Vì tự ái, anh ta không muốn phải làm phiền chúng ta hoài.

- Thật không khó đoán tại sao anh ta bỏ đi, Andrea cho ý kiến. Chúng ta chỉ đi vắng có hai mươi phút, trong thời gian đó, anh ta không thể lết xa khỏi đây bốn mươi mét. Chúng ta chỉ cần đi tìm quanh quần đây thôi.

Thật vậy, họ tìm thấy Stevens trong vòng ba phút. Dưới ánh đèn pin, Andrea thấy một vết máu rỉ dài trên nền trắng cho đến chỗ Stevens đang vùi đầu vào đồng tuyết. Anh ta ngất đi vì lạnh và đau đớn.

Đưa Stevens trở về lại hang đá, Mallory cho anh ta hớp một ngụm rượu mạnh. Stevens sặc sụa và nhổ ra gần hết, Andrea giúp Mallory cột chặt lại thanh cây tháp chân gãy, cầm máu cho bệnh nhân và đặt anh ta nằm vào đồng quần áo khô. Chàng không thể làm gì khác hơn trong khi chờ Miller và Panayis từ làng trở về. Phải nhìn nhận rằng ngoài Dusty Miller ra, không ai có thể làm gì được để cứu chàng thanh niên khốn khổ này.

Ở gần lối ra vào, Louki đã đốt lửa bằng củi khô cháy dòn dã nhưng ít khói. Hơi ấm lan tràn tức thì, nhưng làm tuyết tan nhanh và chẳng mấy chốc trong hang biến thành cái đầm lầy nhỏ. Đó là sự bất lợi nhưng đối với họ, đặc ân được sưởi ấm lần đầu tiên kể từ ba mươi tiếng, phải được trả giá tối thiểu bằng bất lợi đó.

Dựa lưng vào vách đá, Mallory cảm thấy thân thể được thư giãn và cảm giác buồn ngủ dâng lên nhưng ngay lúc ấy Brown bước vào. Anh ta có vẻ lạnh cóng và thất vọng. Mallory trao cho Brown cái bầu rượu retsimo, một loại rượu của Hy Lạp pha lẫn với nhựa cây. Chàng nói:

- Hãy nuốt ngay, đừng ngậm. Nó đắng lắm.

Chàng chỉ máy vô tuyến:

- Không bắt được sao?

- Ngược lại, Brown trả lời, cả ta lẫn họ đều nghe nhau rất rõ.

- Và họ chắc hài lòng vì nhận được tin của chúng ta?

- Họ không nói thế. Họ ra lệnh cho tôi im. Họ báo cho biết bọn Đức đã thiết lập những trạm nghe lén trong vòng hai tuần nay tại vùng này.

Mallory hồi tưởng lại cuộc sống du mục, nay trốn chỗ này mai trốn chỗ khác của Andrea và chàng trên núi tuyết trắng của đảo Crète mà nguyên nhân cũng bởi những trạm nghe lén này của địch quân.

- Thôi nào! Chàng nói, trong một hòn đảo như thế này, nhỏ như cái đĩa ăn súp, họ nhắm mắt cũng tìm ra chỗ chúng ta, đâu cần phải đặt những trạm đó. Anh có nghe nói gì về những trạm tự động này không, Louki?

- Ồ chưa bao giờ. Tôi cũng chưa biết nó như thế nào.

- Điều đó không quan trọng, dù sao bây giờ anh biết cũng đã trễ rồi. Brown, anh hãy cho biết những tin tức còn lại.

- Hạm đội đổ bộ của Đức gồm những tàu lớn dài và những trinh sát hạm cực nhanh, đã khởi hành sáng nay từ Pirée, khoảng bốn giờ sáng. Bộ Tư lệnh của chúng ta ở Caire cho rằng chúng sẽ lần trốn đâu đó ở quần đảo Cyclades ban đêm.

- Bộ Tư lệnh thông minh dữ ha! Thử hỏi ngoài Cyclades ra, chúng còn chỗ nào để trốn? Dù sao, biết tin chúng sắp hành động, cũng thú vị phải không? Hết rồi hả, Brown?

Brown gật đầu.

- Vậy thì, cảm ơn anh đã chịu khó ra ngoài trong khi thời tiết như thế này. Bây giờ tốt nhất là anh nên ngủ và dự trữ giấc ngủ thật nhiều, bởi vì theo ý kiến của Louki, chúng ta sẽ xuống làng Margaritha trước khi trời sáng và sẽ lần trốn ở đó suốt ngày. Nhà anh ta có cái giếng bỏ hoang

rất thích hợp cho cả nhóm. Rồi sau đó tối mai chúng ta sẽ lên vào thành Navarone.

Mallory nhìn Brown nằm dài bên Stevens, đoạn liếc Louki.

- Đại úy có vẻ lo lắng, anh chàng nhỏ người nói, giọng hơi khó chịu. Đại úy không vừa ý với kế hoạch của tôi đề ra sao?

- Tôi rất tán thành kế hoạch của anh, Mallory nói. Điều làm tôi lo lắng là cái thùng mà anh đang ngồi lên trên. Nó chứa đủ thuốc nổ có thể làm nổ tung một thiết giáp hạm trong khi anh chỉ ngồi cách ngọn lửa có một mét. Trong hang này bắt đầu nóng và ẩm ướt rồi đấy.

- Chúng ta hãy cho thùng này ra ngoài. Louki nói vừa nhanh nhẹn nhồm dậy, trừ phi nó bị ướt...

- Nó có thể để lâu mười năm trong nước mặn mà không sao cả. Nhưng trong cái thùng gỗ gần Andrea đựng chứa đựng những bộ phận nổ có thể bị hư hại vì ẩm ướt. Chúng ta nên cho hết ra ngoài và đặt lên trên một tấm vải chống nước.

- Louki này có ý kiến tốt hơn! Căn chòi của già Leri! Chúng ta có thể tới đó lấy khi nào cần, và nếu vì lý do nào đó phải rời khỏi đây ngay, chúng ta cũng khỏi phải lo lắng.

Mallory chưa kịp có ý kiến gì, Louki đã ráng sức nhắc bổng cái thùng lên, lão đảo dưới trọng tải và tiến ra cửa hang.

- Hãy cho phép tôi, Andrea vừa nói vừa nhắc thùng gỗ khỏi vai Louki.

- Không, không! Louki tỏ vẻ chạnh tự ái. Tôi có thể vác nó dễ dàng mà. Có gì đâu!

- Phải, nhưng vì thùng thuốc nổ đòi hỏi một cách khiêng đặc biệt mà tôi đã được huấn luyện.

- Vậy sao? Tôi đâu có biết. Thôi để tôi đảm nhiệm thùng đựng bộ phận nổ này.

Mallory nhìn đồng hồ: một giờ đúng. Miller và Panayis không thể chậm trễ hơn. Gió đã bớt và tuyết không rơi nữa. Đi bộ sẽ dễ dàng nhưng bắt buộc phải để lại dấu chân. Thật là phiền, những dấu chân này, nhưng không đến nỗi bất hạnh: vì cả nhóm sẽ ra đi trước lúc rạng đông và sẽ tới thung lũng nơi đó không còn tuyết nữa.

Mallory lạnh run vì quần áo ướt. Chàng ném thêm một nắm củi khô vào ngọn lửa sắp tàn. Nó lại bùng sáng thật mau và hang đá tràn ngập ánh sáng. Brown đã ngủ. Stevens đang nằm nghiêng không cử động, hơi thở nhanh và ngắn. Anh ta chỉ chờ chết.

Andrea vào Louki trở về năm phút sau, kể đó là Miller và Panayis. Chết đầy trên vai và trên lưng đủ thứ đồ đạc, Miller bước vào chân đi không vững và lăn kềnh ra gần đồng lửa. Anh ta có vẻ tận cùng hơi sức.

- Thế nào Miller, mọi việc ổn cả chứ? Mallory hóm hỉnh hỏi. Tôi hy vọng rằng Panayis theo kịp bước chân anh.

Miller hình như không nghe, đôi mắt anh ta nhìn chăm chặp ngọn lửa, đang tập trung chú ý.

- Lạy Chúa! Cuối cùng anh ta thốt lên. Tôi đã phải mang trên lưng một cái lò và khá nhiều dầu đủ để nấu nước tắm cho một con voi, và bây giờ đến đây thì các anh đã có lửa rồi.

- Bình tĩnh đi nào! Mallory vừa nói vừa trao cho anh ta bầu rượu.

Vài hớp đủ làm cho Miller hồi phục, và anh ta lại trở nên vui vẻ. Andrea đã mở tung gói chăn nệm để lo chỗ nằm cho Stevens.

- Còn thực phẩm? Mallory hỏi.

- Cái đó khỏi lo, chúng tôi mang về dồi dào. Anh chàng Panayis này thật tuyệt vời. Chúng ta có bánh mì, rượu nho, pho mát bằng sữa dê, xúc xích ướp tỏi, gạo.

- Gạo nữa? Mallory ngạc nhiên hỏi lại. Nhưng làm sao kiếm được trong hòn đảo này hiện nay?

- Panayis có khả năng làm việc ấy, Miller nói. Anh ta lấy mọi thứ từ nhà bếp của viên đại úy Đức, tên gọi là Skoda.

- Viên đại úy Đức? Các anh đùa hoài.

- Đó là sự thật trăm phần trăm! Các anh biết không? Miller khốn khổ này đứng chờ ở cửa sau, hai đầu gối run lập cập, luôn trong tư thế sẵn sàng bỏ chạy bất cứ lúc nào, trong khi đó Panayis chôm đồ trong nhà bếp. Chà! Anh chàng đó mà qua bên Mỹ làm găng tơ thì mau phát lăm! Trong vòng mười phút, không những anh ta đã vét sạch tủ đồ ăn của đại úy Skoda mà còn “mượn” cái bao để đựng “chiến lợi phẩm” nữa.

- Nhưng còn lính gác?

- Tôi nghĩ chắc họ được lệnh đi ra ngoài. Anh chàng Panayis này cam như hến, vả lại nếu anh ta nói tôi cũng không hiểu. Theo tôi thì tất cả bọn Đức trên hòn đảo này đang được lệnh truy tìm chúng ta.

- Đi và về mà không gặp một ai, thật là quá giỏi, Miller.

- Không, chúng tôi có gặp hai người bạn của Panayis, đúng hơn là anh ta chạy theo họ. Hình như họ đã mách cho anh ta một nguồn tin. Anh ta có vẻ lo lắng và cố gắng diễn tả cho tôi nghe, nhưng tôi và anh ta không cùng một tần số, nên chẳng hiểu gì cả.

Ở phía bên kia, Panayis đang nói nhỏ và nhanh với Louki

- Có gì thế, Louki? Mallory hỏi.

- Chúng tôi phải đi ngay, Louki vừa nói vừa bứt râu vẻ giận dữ. Panayis muốn đi ngay. Anh ta vừa cho biết bọn Đức có ý định khám xét làng từng nhà một đêm nay, vào khoảng bốn giờ sáng. Có lẽ họ tin rằng các anh ẩn núp ở đó. Nhưng nếu họ khám phá ra tôi và Panayis không có nhà, họ sẽ nghi ngờ chúng tôi.

- Dĩ nhiên, Mallory nói, các anh không nên liều lĩnh. Các anh vẫn có thể trở về kịp trong một giờ nữa. Nhưng trước hết, hãy cho chúng tôi biết sơ đồ của pháo đài Navarone.

Chàng rút từ trong túi ra tấm bản đồ do ông Eugène Vlachos vẽ và quay sang hỏi Panayis.

- Hình như anh biết rõ pháo đài như Louki biết rõ vườn rau của anh ta. Tuy tôi cũng biết khá nhiều về pháo đài, nhưng tôi cần anh mô tả những chi tiết liên quan đến nó như kho đạn, hai khẩu đại bác, nơi đặt máy phát điện, trại lính, sự canh gác và đổi phiên gác, lối thoát, hệ thống báo động, kể cả những xó xỉnh nào tối nhất... Bất cứ chi tiết nào anh biết, hãy cho chúng tôi biết vì một chi tiết nhỏ có thể cứu hàng ngàn sinh mạng.

- Nhưng Đại úy dự định đột nhập vào pháo đài bằng cách nào? Louki hỏi.

- Tôi cũng chưa biết. Tôi chỉ có thể quyết định được sau khi đã xem xét pháo đài.

Andrea nhìn Mallory, đoạn quay mặt đi. Họ đã hoàn toàn sẵn sàng kế hoạch để đột nhập vào pháo đài. Nhưng đó là nền tảng toàn bộ vấn đề, và Mallory nghĩ rằng bí mật này chỉ có năm người trong nhóm biết thôi.

Trong gần bốn mươi lăm phút, Mallory và ba người Hy Lạp nghiêng đầu trên tấm bản đồ, dưới ánh sáng của ngọn lửa. Mallory đối chiếu lại những điều đã biết trước và ghi nhận các tin tức mới mà Panayis cung cấp, và anh ta đã cung cấp rất nhiều. Thật khó mà tưởng tượng nổi một người có thể ghi nhận được nhiều điều đến thế trong khi anh ta chỉ được hai lần quan sát pháo đài trong bóng tối. Cái năng khiếu quan sát của anh ta thật đáng phục và Mallory tự nói rằng có lẽ do lòng căm ghét bọn Đức đã khiến anh ta khắc ghi mọi chi tiết này vào trong ký ức rõ ràng như chụp ảnh, Mallory lại càng cảm thấy tin tưởng thêm vào sự thành công.

Tiếng nói chuyện trong hang đá đánh thức Casey Brown. Cảm thấy hơi nóng nực bởi sự hiện diện của bảy người trong hang thiếu thoáng khí, anh ta bước ra ngoài. Nhưng chưa được ba mươi giây Brown đã quay lại, hoảng hốt:

- Tất cả hãy im lặng. Có cái gì động dậy trên sườn đồi, tôi đã nghe hai lần.

Panayis thốt ra một tiếng chửi và biến mất ra khỏi hang, tay cầm dao sáng ngời, không ai kịp nói lời nào. Andrea đứng dậy đi theo sau, nhưng Mallory chặn lại nói:

- Hãy ở yên chỗ, Andrea! Anh bạn Panayis của chúng ta hơi vội. Có thể không là gì hết... hoặc là...

Stevens bắt đầu nói mê sảng.

- Các anh không có cách nào cho bệnh nhân im lặng được sao? Mallory nói.

Nhưng Andrea đã tới ngồi kế bên Stevens, nhẹ nhàng đặt tay trên trán bệnh nhân và nói với anh ta những lời dịu dàng. Như bị thôi miên, Stevens dần dần thôi nói mê. Chợt anh ta mở mắt thức dậy, hoàn toàn tỉnh táo.

Vài giây sau, Panayis trở lại và ngồi sụp xuống gần đồng lửa.

- Không có ai cả, anh ta nói. Tôi chỉ thấy vài con dê ở dưới chân đồi. Chỉ có thế!

Mallory phiên dịch câu nói của anh ta cho Miller và Brown nghe. Nhưng Brown phản đối:

- Tôi không tin đó là những con dê. Một tiếng động hoàn toàn khác hẳn.

- Để tôi đi xem sao, Andrea nói, nhưng tôi nghĩ rằng Panayis không lầm đâu.

Trong vòng ba phút, Andrea quay trở lại.

- Panayis có lý. Tôi chẳng thấy gì cả, lẫn người và dê.

- Brown! Có lẽ anh đã nghe tiếng động do đàn dê gây nên, Mallory cho ý kiến. Tuy nhiên, tuyết đã ngừng rơi và gió đã dịu, có thể thung lũng sẽ lơ nhố các toán tuần tiểu Đức. Đã đến lúc các anh phải đi, Louki và Panayis. Hãy cẩn thận và nếu có ai tìm cách ngăn cản, cứ nổ súng. Vì dù sao, người ta cũng tưởng các anh là chúng tôi.

- Đại úy khỏi cần khuyên, chúng tôi cũng làm thế, Louki nói. Panayis đây chỉ chờ có cơ hội để giết quân thù.

- Thôi được, Mallory kết luận. Tôi rất ân hận vì tôi đã lôi kéo các anh vào những hoạt động của chúng tôi, nhưng bây giờ dù sao các anh cũng đã ở đây, tôi thành thật cảm ơn các anh ngàn lần về những gì các anh đã làm vì chúng tôi. Hẹn gặp nhau lại lúc sáu giờ rưỡi sáng.

- Phải, sáu giờ rưỡi sáng, trong rừng cây ô-liu ở ven bờ sông. Chúng tôi sẽ chờ các anh ở đó.

Hai phút sau, hai người dân thành Navarone đã lên đường trở về làng Margaritha. Trong

hang đá, chỉ còn tiếng tí tách của ngọn lửa đang hấp hối. Brown đã ra bên ngoài để trực gác và Stevens lại chìm đắm trong giấc ngủ. Miller tiến lại gần Mallory, chìa cho chàng xem một mẫu băng dính đầy máu

- Đại úy thử ngửi xem, anh ta nói.

Mallory hơi nghiêng mình nhìn vào tấm vải băng và lùi lại nhăn nhó:

-Ồ khiếp quá! Thế là thế nào?

- Vết thương đã thối rữa, Miller vừa nói vừa vất băng vào lửa và nó bùng lên như một đám cháy. Anh ta chắc chắn không thoát khỏi chết. Tôi chỉ mất thì giờ.

CHƯƠNG MƯỜI

RẠNG SÁNG THỨ TƯ

4g – 6g

Quân Đức đột nhập vào hang đá lúc bốn giờ sáng trong khi Mallory và đồng đội đang ngon giấc. Nửa mê nửa tỉnh, thân thể mệt mỏi, cả toán không có chút cơ may nào để chống lại. Kế hoạch, sự đo lường thời gian và hành động của quân Đức phối hợp rất ăn khớp và hoàn hảo. Cả toán biệt động Anh đều bị hoàn toàn bất ngờ.

Andrea là người đầu tiên thức giấc. Một tiếng động nhỏ đã đánh thức anh ta và bằng một tập quán tự nhiên, vừa chống khuỷu tay ngồi dậy, tay kia đã nhẹ nhàng nhưng chớp nhoáng duỗi ra chụp lấy khẩu Mauser. Nhưng ánh sáng chói lòa của cây đèn bấm cực mạnh đã làm mờ mắt Andrea và bàn tay anh khựng lại như bị điện giật trước khi người đàn ông cầm đèn bấm phát âm bằng tiếng Anh hết sức chính xác, giọng lạnh lùng, đầy vẻ đe dọa:

- Tất cả hãy ở yên một chỗ! Bất cứ một hành vi chống cự nào nhỏ nhất, chúng tôi sẽ bắn

ngay!

Một ánh đèn thứ hai, rồi ánh đèn thứ ba lóe sáng lên, chẳng mấy chốc, cả hang đá tràn ngập ánh sáng. Mallory nhận thấy ở cửa hang những bóng đen lăm lăm các khẩu súng tự động.

- Hai tay đưa lên đầu và quay lưng vào tường! Một giọng nói đánh thép ra lệnh như bó buộc phải chấp hành ngay.

Cũng giọng nói đó lại vang lên:

- Này trung sĩ, hãy nhìn bọn chúng kia. Vẻ mặt của chúng hoàn toàn lạnh như tiền, mắt không chớp. Thật là một lũ nguy hiểm. Bọn Anh biết tuyển chọn những tên giết người này!

Mallory cảm thấy ngụp lặn trong cay đắng vì thất bại. Chàng cố tìm hiểu lý do tại sao lại xảy ra điều tệ hại này, nhưng rồi chàng lại giận dữ xua đuổi ý nghĩ đó. Bây giờ phải tập trung mọi trí tuệ. Hy vọng nhất định chưa tắt khi mà Andrea còn đó. Chàng tự hỏi Casey Brown có thấy hoặc nghe bọn Đức tới không, và điều gì đã xảy ra cho anh ta. Có lẽ anh ta vẫn chưa bị bắt.

- Các anh làm thế nào mà khám phá ra được chúng tôi? Mallory bình tĩnh hỏi.

- Chỉ có bọn ngu ngốc như các ông mới đốt củi cây đỗ tùng, viên sĩ quan nói bằng vẻ khinh miệt. Chúng tôi đã ở suốt ngày và đêm trên núi Kostos. Người chết còn ngửi thấy mùi cây đỗ tùng hướng gì chúng tôi.

- Trên núi Kostos? Miller hỏi lại. Làm thế nào mà...

- Đủ rồi! viên sĩ quan lạnh lùng nói. Và quay về phía người lính đứng phía sau, hấn sửa bằng tiếng Đức:

- Hãy giật tấm vải che cửa xuống và cho bố trí dọc hai bên.

Quay lại các tù nhân, hấn ra lệnh:

- Cả ba hãy bước ra, và coi chừng đấy, những người lính của tôi đang cầu Chúa cho họ có cơ để nổ súng vào các ông, bọn giết người dơ bẩn!

Giọng hắn đờm đầy vẻ hận thù và khinh bỉ.

Thong thả, hai tay vẫn để yên trên đầu, ba tù nhân uể oải bước đi. Mallory mới đi được một bước thì giọng nói của viên sĩ quan chặn đứng chàng lại:

- Ai nằm kia? Hắn hỏi vừa rọi đèn về phía thân thể bất động của Stevens.

- Các anh chẳng có gì phải sợ anh ta. Mallory nói. Anh ta thuộc nhóm chúng tôi, nhưng bị thương rất nặng. Anh ta đang hấp hối.

- Để xem, viên sĩ quan nói. Các tù nhân đứng lui lại áp lưng vào vách.

Ba tù nhân lặng lẽ lui lại phía sau Stevens. Viên sĩ quan thay khẩu tiểu liên bằng khẩu súng lục, tay cầm đèn, tay cầm súng lom khom bước tới, cố ý không cản trở đường bắn của hai tên thuộc hạ đi kèm phía sau. Tất cả phối hợp một cách nhịp nhàng với vẻ thành thạo nhà nghề khiến tim của Mallory se thắt lại.

Bất chợt, viên sĩ quan dùng tay cầm súng hất cái mền ra. Thân thể người bệnh co giật và tiếng rên đau đớn thoát ra từ cửa miệng. Hắn lạnh lùng cúi xuống nhìn vẻ mặt hốc hác, gầy còm, co rúm vì đau đớn của người sắp chết. Vừa liếc nhìn, hắn vừa nhăn mặt vẻ ghê tởm khi ngửi thấy mùi thối thối xông ra nồng nặc.

Nhẹ nhàng đẩy mền lại cho bệnh nhân, hắn nói giọng trầm trầm:

- Các ông nói đúng. Dù sao chúng tôi không phải loại người man rợ. Tôi không thêm chấp người sắp chết. Hãy để anh ta nằm đây. Còn ba người kia, bước ra ngoài.

Tuyết đã ngừng rơi, các vì sao bắt đầu lấp lánh trên bầu trời đã bớt mây. Gió cũng đã yếu đi và ấm áp hơn. Mallory nghĩ rằng đến lúc giữa trưa, tuyết sẽ tan hẳn. Chàng nhìn xung quanh. Không có dấu vết gì về Casey Brown. Chàng bắt đầu hy vọng trung sĩ Brown dù sao cũng đã được đánh giá rất cao trong chiến dịch này. Anh ta đã hai lần được tặng thưởng huân chương rất cao quý nhưng không bao giờ người ta thấy anh đeo. Anh ta còn là một chiến sĩ du kích nổi tiếng... và dù sao trong hoàn cảnh này, anh ta không lúc nào rời khỏi khẩu tiểu liên...

Như đoán biết ý của chàng, viên sĩ quan Đức hỏi, giọng nhạo báng:

- Có lẽ ông đang tự hỏi người bạn đứng gác đâu? Đừng lo gì cả, hỡi người Anh, bạn của ông đang ở vị trí gác, không xa đây, và ngủ ngon lành. Phải nói là ngủ rất mê mết.

- Các anh đã giết anh ta? Mallory hỏi, hai tay xiết chặt lại.

- Tôi không biết. Nhưng thật quá dễ nếu muốn giết hắn ta. Một người của tôi nằm trên một chỗ trống và giả vờ rên rỉ. Bạn của ông như tên ngu đần đã đến xem sự gì xảy ra. Thế là một người khác của tôi đã chờ sẵn, tay cầm nòng súng giơ lên bổ báng xuống đầu hắn. Phải công nhận báng súng là một cái chày hết sức hữu hiệu, tôi bảo đảm với anh thế.

Mallory thầm nghĩ "Caesey Brown bị rơi vào bẫy này là lẽ đương nhiên. Bởi vì anh ta không muốn trở thành khôի hài khi trở về hang la lên "chó sói" mà chưa có kiểm chứng lại".

Mallory bất chợt nghĩ rằng cách đây vài giờ Brown có nghe một tiếng động, nhưng chàng lại xua đuổi ý nghĩ đó. Panayis đã đi kiểm tra lại và anh ta không thể lầm, và ngay cả Andrea cũng chưa bao giờ lầm lẫn.

- Bây giờ các anh dẫn chúng tôi đi đâu, chàng hỏi viên sĩ quan.

- Đi ra làng Margaritha và sẽ đi ngay. Nhưng trước hết một câu hỏi đã.

Viên chỉ huy Đức tiến sát lại gần chàng đứng ngay trước mặt, khẩu súng lục dí vào ngực chàng, tay kia đu đưa sợi dây buộc cây đèn bấm đã tắt.

- Ta chỉ hỏi một câu ngắn, người Anh kia: chất nổ dẫu đâu?

- Chất nổ? Chất nổ nào? Mallory nhú mày hỏi lại vẻ hoang mang.

Nhưng Mallory lão đảo, ngã quỵ xuống đất sau khi cây đèn bấm ở đầu sợi dây đang quay vòng vòng chợt đập mạnh vào mặt chàng. Choáng váng, chàng lắc đầu và gượng đứng dậy.

- Chất nổ? Viên sĩ quan Đức vẫn hỏi bằng giọng mềm mỏng, vừa quay vòng cây đèn. Ta hỏi chất nổ để đâu?

- Tôi chẳng hiểu anh nói gì cả.

Mallory khạc cái răng vừa bị đánh gãy xuống đất khinh bỉ nói tiếp:

- Người Đức đối xử với tù binh như thế sao?

Một lần nữa cây đèn lại đập vào mặt chàng, ngay bên dưới thái dương, và chàng lại gục trên tuyết, hai mắt mờ đi, cơn đau đón hoành hành.

- Cuộc chiến tranh của chúng tôi là có chính nghĩa! Viên sĩ quan thốt lên, cố đè nén cơn giận dữ. Chúng tôi chiến đấu phù hợp với những quy ước Genève^[40]. Nhưng quy ước này chỉ dành cho chiến sĩ hai bên, chứ không dành cho bọn gián điệp bẩn thỉu.

- Chúng tôi không phải là gián điệp, Mallory cãi lại, đầu nhức nhối như bị chẻ làm hai.

- Nếu các ông là chiến sĩ, vậy thì quân phục các ông đâu? Tôi đã nói mà, các ông chỉ là những tên gián điệp đáng ghê tởm, chỉ biết đâm lén sau lưng và cắt cổ họng người ta trong đêm.

Giọng nói của viên sĩ quan run lên vì phẫn nộ và khinh miệt.

- Ai cắt cổ họng người khác? Anh nói gì vậy? Mallory hỏi, vẻ chưng hửng.

- Một người lính của chúng tôi đã bị các ông cắt họng. Anh ta chỉ là một chiến sĩ thông tin vô hại, đúng hơn là một cậu bé, tay không cầm súng. Chúng tôi đã kiếm ra xác anh ta cách đây mới một giờ...

Hắn ngưng nói khi thấy hai người đang đi lên. Mallory rửa thầm điều không may đã xui khiến người lính đụng đầu với Panayis chứ không ai khác... Chàng tê tái cả lòng khi thấy Brown đang cong lưng bước lên đồi, mũi nhọn của lưỡi lê do một người lính Đức cầm súng đi sau, thúc vào lưng anh. Bên má trái của Brown bê bết máu từ trên thái dương chảy xuống.

- Tất cả ngồi im trên tuyết! Viên sĩ quan hạ lệnh.

Đoạn, hắn quay sang bọn lính:

- Trói chúng lại!

- Chắc các anh định xử tử chúng tôi ngay bây giờ? Mallory bình thản hỏi.

Mallory rất cần biết điều đó. Họ biết rằng sẽ chết, nhưng thà chết trong tư thế đứng dậy chiến đấu. Nhưng nếu bọn Đức chưa xử bắn họ, tốt nhất nên đợi dịp thuận tiện để thoát thân, chứ bây giờ mà chống cự lại là tự sát.

- Chưa đâu, vô phước cho các ông! Viên sĩ quan nói. Chỉ huy của tôi ở Magaritha, đại úy Skoda muốn gặp các ông trước. Có lẽ các ông muốn được xử tử ngay bây giờ. Nhưng đừng lo, cuộc hành hình không hoãn lâu đâu. Các ông sẽ bị xử bắn hoặc treo cổ trước khi mặt trời lặn. Ở Navarone, chúng tôi có thói quen giết quách bọn gián điệp. Không ai thêm giam giữ bọn nhơ bẩn thiếu tư cách chiến sĩ như các ông.

- Nhưng thưa ngài Đại úy! Andrea vừa hoảng hốt vừa kêu lên vừa tiến tới một bước, hai tay giơ lên vẻ cầu khẩn.

- Không phải Đại úy, mà là Trung úy, Viên sĩ quan chính lại. Trung úy Turzig đang nghe đây. Anh muốn gì, hờ cái anh to lớn kia?

Hắn nói bằng tiếng Hy Lạp giọng miệt thị.

- Ngài Trung úy đã nói chúng tôi là gián điệp. Tôi không phải là gián điệp! Trước chúa, tôi xin thề rằng tôi không phải là gián điệp! Tôi không thuộc bọn này!

Hai mắt Andrea mở trừng trừng, chàng nói nhanh đến nỗi giọng chàng trở nên cuống quýt, miệng thở hổn hển, giữa hai câu lại há ra.

- Tôi chỉ là một người dân quê Hy Lạp, một người Hy Lạp đáng thương. Bọn họ đã cưỡng bức tôi đi theo để làm thông dịch viên. Tôi thề với Trung úy điều đó! Tôi xin thề!

- Đồ phản bội hèn nhát! Miller hét lên.

Nhưng, ngay lập tức, Miller bị một báng súng đập vào lưng ngay vùng thận. Anh ta té chúi mũi xuống đất, và hiểu rằng Andrea đang đóng kịch, anh giờ nắm đầm ra đe dọa.

- Đồ cái thằng Hy Lạp giả dối! Mày phải trả một giá rất đắt! Đồ con heo!

Nói đến đây Miller rú lên, gục hẳn xuống: chiếc giày boots nặng nề của người lính đã dẫm mạnh xuống đầu anh ta, trúng ngay phía sau tai.

Mallory không nói gì hết. Chàng cũng không liếc nhìn Miller. Chàng biết đang bị viên trung úy quan sát, hai bàn tay bắt lực của chàng nắm chặt lại, chàng nhìn thẳng Andrea và tuy chưa hiểu rõ ý định của anh ta, nhưng tia mắt chàng ngụ ý gửi gắm vận mệnh của nhóm vào anh ta.

Trung úy Turzig lẩm bẩm: “Bọn vô lại đang lục đục với nhau”.

Mallory hy vọng giọng nói của viên trung úy toát ra vẻ do dự, hay một nghi ngờ nào đó, nhưng hẳn ta thật đáo đả, không lộ vẻ gì hết.

- Này người Hy Lạp! Trường hợp của anh chẳng có gì là đáng kêu oan cả. Số phận của anh được gắn liền với số phận của những tên sát nhân này. Trồng cây nào, ăn quả nấy. Nhưng với thân người to lớn của anh, chúng tôi phải chọn cái cột treo cổ nào thật chắc.

- Không, không, không! Andrea kinh hoàng rú lên thảm thiết. Những gì tôi nói với ngài Trung úy đều là sự thật. Tôi không thuộc bọn chúng! Tôi xin thề trước Chúa!

Hai tay tuyệt vọng của chàng van lạy rồi rít.

- Tại sao tôi lại chết vì tội của người khác? Tôi đâu muốn đi theo chúng. Tôi không phải là lính!

- Tôi thấy điều đó. Turzig khô khan cắt lời. Anh là một con quỷ da dầy đang phủ trên bộ xương run rẩy chết nhát!

Hắn nhìn Mallory, rồi nhìn Miller đang nằm sấp trên đồng tuyết, và nói:

- Chẳng hiểu sao đồng đội anh lại chọn anh làm bạn đồng hành.

- Tôi có thể khai hết cho ngài Trung úy! Andrea cố gắng bằng mọi cách tạo lợi thế cho mình bởi vì anh cảm thấy sự nghi ngờ đã bắt đầu nhen nhúm vào đầu viên sĩ quan Đức. Tôi không phải là bạn của bọn Đồng minh... Tôi sẽ chứng minh điều ấy...

- Đồ Judas bán Chúa! Mallory vừa chửi vừa chồm tới định đánh Andrea, nhưng hai người lính lực lưỡng đã giữ chặt chàng lại.

Chàng cố vùng vẫy, hai mắt trợn trừng nhìn Andrea, đe dọa:

- Nếu mày dám mở miệng, tao hứa sẽ cho mày qua bên kia thế giới...

- Câm miệng lại hết! Turzig lạnh lùng ra lệnh. Tôi chán nghe lời cãi vã của các anh và vở bi hành kịch rẻ tiền này. Anh còn nói thêm một tiếng, tôi sẽ cho anh gục trên tuyết như bạn của anh.

Nói xong, hắn nhìn chăm chặp Mallory, đoạn quay sang Andrea:

- Tôi không hứa gì hết. Nhưng tôi sẽ nghe những gì anh nói.

Tuy nhiên hắn không dấu được vẻ khinh bỉ đối với loại người phản bội như Andrea.

- Tôi để tùy ngài Trung úy phán xét, Andrea vừa nói vừa lộ vẻ nhẹ nhõm, và hy vọng. Bọn người kia không phải là những người lính bình thường. Chúng là người của Cục Công vụ Đặc biệt!

- Anh hãy nói điều gì mà tự tôi không thể đoán ra được. Nếu anh chỉ tiết lộ được có thể thì...

- Dạ chưa hết! Andrea giơ tay lên. Bọn chúng thuộc loại điệp viên thượng thặng, chúng đã được chuyên chở bằng máy bay từ Alexandrie đến Castelrosso. Ngay đêm đó, chúng đã rời khỏi đảo Castelrosso bằng một chiếc thuyền có gắn mô-tơ.

- Một chiếc tàu phóng ngư lôi. Turzig sửa lại. Chúng tôi đã biết điều ấy. Hãy tiếp tục.

- Dĩ nhiên, thưa ngài Trung úy, dĩ nhiên.

Andrea cố che dấu nỗi vui mừng. Đây là đoạn mấu chốt của vở kịch. Chàng đoán rằng Nicolai đã báo cáo cho quân Đức, nhưng cũng may hắn nghĩ rằng không cần thiết phải đề cập đến sự hiện diện của một người Hy Lạp to lớn trong nhóm. Nếu hắn ta không quên điều ấy, vở kịch của chàng hoàn toàn không có tác dụng. Chàng lại khai tiếp:

- Chiếc tàu phóng ngư lôi đã đổ bộ xuống một hòn đảo nào đó ở vịnh phía bắc đảo Rhodes, tôi cũng không biết rõ. Bọn họ đã ăn cắp một chiếc thuyền máy và vượt biển Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng trên đường đi, họ đã gặp một tàu tuần tiểu của Đức và đã đánh chìm chiếc tàu này. Lúc

ấy, tôi và các con trai tôi đang ở trong ghe đánh cá của chúng tôi cách đó nửa dặm.

- Làm thế nào bọn chúng lại đánh đắm được một chiếc tàu lớn như thế? Turzig hỏi, và điều lạ lùng, hẳn coi chuyện đó là bình thường.

- Ồ! Bọn chúng giả bộ làm những người ngư phủ hiền lành như tôi. Trước đó, gia đình tôi cũng bị toán tuần tiểu xét hỏi và khi thấy chúng tôi là người lương thiện, người ta đã để chúng tôi đi. Sau đó, tàu tuần tiểu cặp sát chiếc tàu cũ kỹ của bọn người này. Bất thành linh, tôi nghe tiếng súng nổ từ hai bên, hai cái thùng nhỏ được ném qua hăm máy tàu tuần tiểu và pouf! Sau một tiếng nổ kinh hồn, nó biến mất, Andrea kết luận với vẻ bi thảm.

- Hèn chi chúng tôi đã tự hỏi... Turzig lẩm bẩm... Bây giờ, hãy kể tiếp đi.

- Ngài đã tự hỏi chi hả?

Cặp mắt của viên trung úy lộ vẻ khó chịu, và Andrea vội vàng kể tiếp:

- Người thông dịch của họ đã bị giết chết trong cuộc chạm súng với tàu tuần tiểu. Bọn họ đã đánh lừa cho tôi nói tiếng Anh, tôi đã sống nhiều năm ở Chypre nên biết ngôn ngữ ngày. Thế là, họ bắt cóc tôi và để các con tôi ở lại.

- Nhưng tại sao họ lại cần phiên dịch? Turzig hỏi với vẻ ngờ vực. Có rất nhiều sĩ quan Anh thông thạo tiếng Hy Lạp mà.

- Nhưng trường hợp này lại khác, rồi trung úy sẽ thấy. Họ đã cưỡng bức tôi lên tàu họ. Mô tơ của họ bị trục trặc và tôi không hiểu điều gì đã xảy ra sau đó vì tôi bị nhốt trong hầm tàu. Tôi cho rằng bọn họ lạc vào một cái vịnh và họ đang lo sửa máy. Rồi kể đó họ nhậ nhệt ồn ào. Ngài Trung úy không tin sao, những người có sứ mạng đặc biệt này lại có thể say mèm, ẩu đả nhau... và rồi cuối cùng bọn họ lại tiếp tục lên đường.

- Ngược lại, tôi tin chứ, Turzig nói vừa thông thả gật đầu. Tôi tin anh nói đúng.

- Ồ! Thật vậy sao ngài trung úy! Rồi sau đó chúng tôi bị một trận bão khủng khiếp. Tàu bị bể thành mảnh vụn khi đập vào vách núi đá phía nam hòn đảo này, và chúng tôi đã leo lên...

- Đủ rồi! Turzig nói, hai mắt long lanh ngờ vực. Suýt nữa thì tôi tin anh! Tôi tin anh vì chúng

tôi đã nắm bắt nhiều nguồn tin chính xác và những gì anh đã nói đều ăn khớp với sự thật. Nhưng bây giờ thì không. Anh thông minh, anh chàng khổng lồ, nhưng vẫn còn ngốc. Anh đã quên hoặc có lẽ anh không biết rằng chúng tôi đây thuộc tiểu đoàn quân leo núi tuyết số một của Đại Đức Quốc. Chúng tôi hiểu biết về các đỉnh cao hơn hẳn mọi đội quân khác trên thế giới này. Riêng cá nhân tôi, tôi đã từng chinh phục các đỉnh cao ở núi Alpes[\[41\]](#) và cả ở Transylvanie[\[42\]](#) và tôi cam đoan với anh rằng vách núi đá phía nam là bất khả chinh phục. Đó là điều không thể được!

- Có lẽ với ngài Trung úy thì không được, Andrea buồn bã lắc đầu nói. Nhưng bọn Đồng minh đáng nguyên rủa này cuối cùng cũng thắng các ngài. Bọn họ hết sức quỷ quyệt, hết sức ma đầu!

- Anh hãy giải thích rõ hơn, Turzig hạ lệnh khô khan.

- Phe Đồng minh biết rằng vách núi đá này không thể leo lên được, rằng các ngài không bao giờ nghĩ có người dám đổ bộ lên đảo bằng con đường này. Do đó họ có quyết định phải thực hiện điều bất ngờ đó. Họ đã kiếm được một người để chỉ huy cuộc viễn chinh này. Người đó không biết tiếng Hy Lạp, nhưng điều đó không quan trọng, bởi vì phe Đồng minh chỉ cần một người biết leo núi giỏi, do đó họ đã chọn một vận động viên nổi tiếng nhất thời đại. Ngài Trung úy là vận động viên leo núi, vậy thì ngài phải biết người ấy. Tên anh ta là Mallory... Keith Mallory, người Tân Tây Lan.

Turzig reo lên một tiếng thán phục, bật đèn pin lên, và tiến tới hai bước, rọi đèn gần như vào mắt của Mallory.

Trong gần mười giây, hắn nhìn thẳng vào mặt vận động viên người Tân Tây Lan đang nhăn nhó, chớp mắt liên hồi vì ánh đèn chói, đoạn hắn hạ tay cầm đèn xuống, lẩm bẩm:

- Đúng Mallory! Keith Mallory? Lẽ dĩ nhiên tôi biết anh ta. Trong đơn vị tôi, không ai mà không nghe nói đến anh ta. Lẽ ra tôi phải nhận ra anh ta ngay.

Hắn đứng lặng yên vài phút, mũi giày bên phải di vào đồng tuyết mềm, đầu cúi xuống. Chợt hắn ngẩng đầu lên nói:

- Trước chiến tranh, và ngay cả trong không khí thù địch, tôi sẽ vô cùng hãnh diện được quen biết anh, được gặp anh. Nhưng không phải ở đây vào lúc này. Lạy Chúa! Tại sao người

Anh không phải người nào khác đi mà lại Mallory?

Hắn tiếc rẻ lưỡng lự, có vẻ như muốn nói tiếp, nhưng sau đó thay đổi ý kiến, hắn quay sang Andrea.

- Xin lỗi nhé anh chàng khổng lồ. Anh nói rất thật. Hãy tiếp tục đi.

- Vâng, vâng. Andrea nói, vẻ mặt hớn hở. Bọn họ đã chinh phục vách núi đá phía nam Navarone, tuy rằng chàng trai trẻ nằm trong hang đá kia bị trọng thương. Sau đó họ đã thanh toán người lính gác trên đỉnh núi. Chính Mallory đã giết anh ta. Nhưng phải công nhận hắn giết người đúng luật chiến tranh. Sau đó, tôi phải đi theo họ suốt đêm băng qua núi và họ đã khám phá ra hang đá này trước bình minh, ai cũng hầu như tàn lực vì đói và lạnh.

- Và từ đó, không còn gì xảy ra nữa sao?

- Ngược lại có chứ, Andrea nói, mừng thầm vì đã độc quyền khai thác sự chú ý của viên chỉ huy Đức. Có hai người lạ mặt đến gặp họ. Tôi không biết hai người đó vì chúng luôn che mặt và tôi cũng chẳng biết chúng từ đâu tới.

- Anh thú nhận điều đó là tốt. Tôi cũng đoán biết có ai đó từ làng lên đây, vì tôi nhận ra trong hang đá có cái bếp lò của Đại úy Skoda.

- Thật vậy sao? Andrea nói, hai lông mày dựng ngược lên, vẻ ngạc nhiên. Tôi không biết điều ấy. À! Bọn họ nói chuyện với nhau khá lâu, và...

- Thế anh có nghe được chút gì họ nói không? Turzig cắt ngang lời chàng.

Câu hỏi của hắn được đặt ra tự nhiên và vô tình đến nỗi Mallory nín thở, thầm phục sự khôn khéo của viên sĩ quan Đức. Andrea có thể bất ngờ rơi vào bẫy, nhưng Andrea không bị rơi.

- Tôi nghe chúng nói gì không à? Andrea nói, mắt ngược lên trời vẻ mệt mỏi. Lạy Chúa! Tôi đã nói với ngài Trung úy biết bao nhiêu lần rằng tôi là người phiên dịch mà. Chúng chỉ có thể nói chuyện với nhau qua tôi. Lẽ dĩ nhiên tôi biết chúng nói gì. Chúng bàn với nhau sẽ làm nổ tung hai khẩu đại bác.

- Tôi cũng đoán biết chúng đến đây không phải để nghỉ mát. Turzig nói:

- À? Nhưng Ngài Trung úy đâu biết rằng chúng có sơ đồ của pháo đài. Ngài đâu biết rằng Khéros sẽ bị người Đức tấn công vào sáng thứ bảy. Ngài đâu biết rằng các tàu khu trục của Hải quân Hoàng gia sẽ đi qua eo biển Maidos vào tối thứ bảy sau khi hai khẩu đại bác ở Navarone này bị vô hiệu hóa. Ngài đâu biết rằng...

- Thôi đủ rồi!

Trung úy Turzig vỗ hai tay vào nhau, khuôn mặt rạng rỡ vì sung sướng.

- Hải quân Hoàng gia hả? Thật là nguồn tin tuyệt diệu đáng giá vô cùng! Thật tuyệt! Đó chính là điều chúng tôi rất muốn biết. Hãy giữ bí mật đó để tiết lộ cho Đại úy Skoda và cho ngài Tư lệnh pháo đài Navarone. Bây giờ chúng ta phải đi. A! Còn một điều nữa: chất nổ đâu?

Andrea duỗi thẳng hai tay, lòng bàn tay ngửa lên, và trả lời giọng buồn bã:

- Than ôi! Thưa ngài Trung úy, tôi thật tình không biết điều đó. Hình như họ đã mang cất giấu, viện có rằng trong hang quá nóng nực. Tôi cho rằng họ đã cất giấu đâu đó ở phía bên kia.

Andrea vừa nói vừa chỉ về phía đối diện với căn chòi của già Leri. Chàng nói thêm:

- Nhưng tôi không chắc, bởi vì bọn họ chẳng bao giờ cho tôi biết điều này.Ồ! Bọn Anh lúc nào cũng thế, họ luôn đa nghi, chẳng tin vào ai cả.

Turzig nhìn Andrea với vẻ chán ghét.

- Hơn lúc nào hết tôi chỉ muốn thấy anh bị treo cổ tòn ten trên cây cao nhất ở Navarone. Nhưng ngài Tư lệnh của chúng tôi là người biết điều, ngài luôn thưởng cho những kẻ điếm chí. Có lẽ anh còn được sống thêm khá lâu nữa để tiếp tục phản bội các bạn anh.

- Cám ơn! Cám ơn ngài Trung úy! Tôi biết rằng ngài là con người vô tư công bằng. Tôi hứa rằng...

- Thôi câm miệng đi, Turzig khinh bỉ quát.

Kể đó, hần thôi nói tiếng Hy Lạp, quay sang nói bằng tiếng Đức:

- Trung sĩ, hãy trói chặt bọn này lại, và đừng quên cả gã Hy Lạp to lớn này. Chút nữa chúng ta sẽ mở trói cho nó, để nó cống tên bị thương về đồn. Hãy để lại một người gác, còn tất cả đi theo tôi để tìm chỗ cất giấu chất nổ.

- Chúng ta không thể bắt một tên trong bọn khai ra chỗ cất giấu sao? Viên trung sĩ đề nghị.

- Tên có thể khai ra việc ấy đã nói hết những gì nó biết. Còn mấy tên kia, chúng ta chỉ thêm mất thì giờ.

Hắn quay sang Mallory, nhẹ nhàng gật đầu chào và nói bằng tiếng Anh:

- Một sự xét đoán lầm, thưa ông Mallory. Tất cả chúng tôi đều quá mệt rồi. Tôi hầu như rất ân hận đã đánh ông.

Nói xong, hắn quay phắt người lại và trèo nhanh lên sườn dốc theo sau là toán lính. Chỉ còn một người lại để canh giữ tù nhân.

Đã mười lần, Mallory ráng giựt đứt sợi dây trói quặt hai tay chàng ra sau lưng và đã mười lần, chàng đành thừa nhận mọi nỗ lực đều vô ích. Cho dù chàng có vặn vẹo cả người, tuyết vẫn thấm ướt quần áo, làm chàng lạnh đến tận xương tủy. Chàng tự hỏi Turzig và toán lính của hắn ta có dự định đi tìm chất nổ suốt đêm không. Họ đã đi từ hơn nửa giờ.

Chàng nằm nghiêng trên nệm tuyết và nhìn Andrea đang ngồi ngay trước mặt chàng. Lúc này, khi người lính gác ra lệnh cho mọi người ngồi xuống, chàng thấy Andrea có thử một động tác để tự mở trói, nhưng sợi dây càng ăn sâu vào cổ tay anh ta gần như muốn biến mất trong

da thịt. Từ lúc đó, anh ta hoàn toàn ngồi im, chỉ nhìn người lính gác bằng cặp mắt ra vẻ phần nộ của người cảm thấy bị đối xử bất công. Lần thử đầu tiên để bứt dây trói không thành công, đối với Andrea là đủ rồi. Trung úy Turzig là người có óc quan sát tinh tế. Nếu cổ tay của Andrea mà sưng phồng hay rách da, rướm máu thì không hợp chút nào với nhân vật hèn nhát mà anh ta đang thủ vai.

"Con người của Andrea là một sự sáng tạo tuyệt vời Mallory thầm nghĩ. Anh ta có tài ứng biến với tình hình như thi sĩ xuất khẩu thành thơ".

Andrea đã khai nhiều sự việc thật và có thể kiểm chứng được đến nỗi phần còn lại được tin dễ dàng. Anh ta đã không tiết lộ những gì mà người Đức chưa khám phá ra, trừ chiến dịch di tản khỏi Khéros của Hải quân Hoàng gia. Anh ta đã xác nhận ngày di tản là thứ bảy – Ngày do Hải quân đại tá Jensen ấn định đầu tiên – và sự việc này ăn khớp với những nguồn tin giả tạo do Cơ quan Tình báo Đức thu lượm được, và nếu Andrea không đề cập đến các khu trục hạm của Anh, anh ta sẽ không dễ gì thuyết phục được viên sĩ quan Đức.

Đưa mắt sang hai người khác, Mallory thấy Brown và Miller ngồi cúi nhìn trên tuyết. Thỉnh thoảng lắc lư đầu lăm lăm máu. Tình trạng của họ khá dễ hiểu bởi vì Mallory cũng cảm thấy nguyên một bên mặt của chàng đau buốt. Chàng tự hỏi Andy Stevens hiện giờ ra sao. Quay mặt nhìn về phía hang đá, bất giác chàng giật mình kinh hãi.

Thong thả, làm ra vẻ thản nhiên, chàng quay lại nhìn đồng đội và trong chốc lát, dùng cái nhìn trên người lính gác, đang ngồi trên máy vô tuyến của Brown, ngón tay không lúc nào rời khỏi cò khẩu Schmeisser. Lạy Chúa! Mong sao người lính Đức đừng quay nhìn hang đá!

Andy Stevens đang bò ra khỏi hang. Dù dưới ánh sáng yếu ớt của các vì sao, mỗi một cử động của anh ta đều được thấy rõ mồn một. Anh ta đang bò bằng ngực và bụng, nhích lên từng phân một, kéo lê đằng sau cái chân gãy. Hai bàn tay để dưới vai, cổ rướn người lên, rồi lại gục đầu trên tuyết ướt, mệt lả vì đau đớn và quá cố sức. Cảnh tượng này làm chàng đau đớn như xé ruột, Mallory biết rằng đầu óc Stevens đang rất sáng suốt vì anh ta đã phủ lên vai và lưng một tấm vải trắng để ngụy trang, phù hợp với màu tuyết, và tay đang cầm cái móc leo núi. Có thể anh ta đã nghe, ít ra là một phần, cuộc đối thoại giữa Turzig với các tù nhân. Trong hang đá, vẫn còn hai, ba khẩu súng. Stevens có thể sử dụng vũ khí để bắn chết dễ dàng người lính gác. Nhưng anh ta có lẽ đã nghĩ rằng tiếng súng nổ vào lúc này chỉ làm cho toán lính Đức quay trở lại thật nhanh trước khi anh ta kịp bò ra ngoài hang để cắt đứt dây trói cho đồng đội.

Stevens chỉ còn cách bò bốn mét. Ở chỗ trũng mà họ đang ngồi, chỉ nghe tiếng thì thầm của gió nam và Mallory hiểu rằng cho dù Stevens bò trên tuyết mềm, người lính gác vẫn nghe được tiếng động nếu anh ta lết tới hơn nữa.

Mallory gục đầu xuống và bắt đầu ho rũ rượi, ho liên tục. Người lính Đức thoát đầu chừng hững nhìn chàng, và sau cùng hắn ta nổi giận:

- Này cái anh kia! Anh hãy thôi ho đi! Hắn ra lệnh.

- Làm sao tôi tự ngăn tôi được, Mallory vừa lắp bắp vừa ho dữ dội hơn nữa. Đó là lỗi chỉ huy của anh đã làm tôi gãy mấy cái răng. Máu cứ trào vô cổ họng làm sao tôi không sặc được!

Mallory vẫn ráng ho lớn để lấn át tiếng động do Stevens gây ra. Bây giờ thì anh ta chỉ còn cách họ không tới ba mét, nhưng lực dự trữ của anh ta cũng vừa cạn. Anh ta không nhấc nổi cánh tay dài hơn nữa và chỉ bò lên được vừa đúng vài phân đáng thương. Trong nửa phút, Stevens nằm yên bất động và Mallory đã ngỡ anh ta ngắt xỉu, nhưng rồi anh ta lại tiếp tục, lần này, cố gắng nhàoai thẳng cánh tay tới. Nhưng thân hình vừa mới lắc lư thì lại nặng nề ngã quy xuống. Mallory ho lớn, nhưng trễ rồi người lính gác đã nghe. Hắn nhóm người dậy, chĩa ngay họng súng vào thân thể nằm sóng xoài hầu như dưới chân hắn. Khi nhận ra người bị thương, tên lính Đức hạ thấp nòng xuống.

- Ủa! hắn nhẹ nhàng lắm bầm, con chim non đã rời khỏi tổ! Ôi con chim bé bỏng khốn khổ!

Mallory rùng mình khi thấy khẩu súng tự động sẵn sàng nhả đạn lên đầu hoàn toàn không kháng cự của Stevens, nhưng may thay đó chỉ là phản xạ tự nhiên của người lính gác. Hắn ta cúi xuống, rút cái móc sắt leo núi rời khỏi bàn tay đe dọa yếu ớt của người sắp chết. và quăng nó ra xa khỏi thung lũng. Tiếp theo, hắn cẩn thận nâng vai Stevens dậy, đặt đầu anh ta gối trên tấm vải trắng mà người bị thương dùng để ngụy trang, khẽ lắc đầu như thông cảm, và quay về ngồi trên máy vô tuyến.

Đại úy Skoda là một con người nhỏ thó, ốm, khoảng ba mươi lăm đến bốn mươi tuổi, ăn mặc rất tươi tắn, vẻ mặt nhu nhược nhưng bản chất thâm hiểm. Cái cổ ốm tong teo của ông ta nhô lên trên hai vai đầy cộm của bộ quân phục và kết thúc bằng cái đầu tròn xoe và nhỏ đến nực cười. Khi đôi môi nhợt nhạt của ông ta hé mở mỉm cười, hàm răng trắng dần lộ ra. Nhưng nụ

cười thay vì làm mặt tươi lên, lại chỉ làm rõ nét màu da vàng bệnh hoạn, trên đó nổi lên cái mũi điều hâu và hai gò má cao nhô nheo bởi vết sẹo dài, vết thương lâu đời gây ra bởi một nhát kiếm, cắt má trái của ông ra làm hai, từ lông mày xuống đến tận cằm. Dù ông ta mỉm cười hay không, hai mắt sâu vẫn luôn luôn trầm lặng, đen và không mấy may lộ vẻ gì. Ngay lúc sáng sớm này – chưa sáu giờ - đại úy Skoda đã ăn mặc chỉnh tề, râu mới cạo, tóc rẽ thẳng và vuốt dầu. Ông ta ngồi sau một cái bàn – đồ đặc duy nhất của phòng trực – chỉ thấy nửa người trên, tuy nhiên cũng dễ đoán rằng quần ông ta ủi thẳng nếp và đôi giày bóng lộn không chệ vào đâu được.

Đại úy Skoda mỉm cười hài lòng sau khi trung úy Turzig kết thúc phần báo cáo. Ngồi dựa lưng vào ghế bành, hai khuỷu tay chống trên thành ghế, những ngón tay gầy rạc đan chéo vào nhau để dưới cằm, đại úy Skoda rảo cái nhìn lạnh lùng bao quát từ người lính đứng gần cửa đến hai người lính đứng sau lưng hàng tù nhân bị trói chặt hai tay và Andrea ngồi trên ghế băng sau khi đã đặt Stevens nằm trên đó.

- Việc làm của các anh thật tuyệt diệu. Trung úy Turzig! Thật hết sức hữu hiệu!

Sau khi nhìn những khuôn mặt bê bối máu của các tù nhân và Stevens hầu như đã tỉnh nằm dài trên ghế băng, ông ta lại mỉm cười hỏi:

- Chắc thế nào cũng gặp chút rắc rối, phải không? Turzig? Bọn tù nhân này đâu dễ gì chịu khuất phục?

- Chúng hoàn toàn không kháng cự, Turzig trả lời khô khan.

Giọng của hắn, thái độ của hắn lúc nào cũng nghiêm túc, nhưng đôi mắt luôn rục lên sự thù nghịch tiềm ẩn. Turzig nói thêm:

- Lính của tôi có lẽ hơi quá mạnh tay. Chúng tôi không muốn phạm bất cứ lỗi lầm nhỏ nhất nào.

- Thật hoàn hảo! Trung úy thật hoàn hảo! Skoda lẩm bẩm. Đúng vậy, bọn chúng là những con người nguy hiểm và không nên để xảy ra nguy cơ nào với bọn này.

Hắn ta xô ghế đứng dậy, đi vòng quanh bàn và dừng lại trước mặt Andrea:

- Nhưng trừ tên này ra phải không Trung úy?

- Tên ấy chỉ nguy hiểm đối với đồng bọn nó, Turzig trả lời. Như tôi đã nói với Đại úy: nó sẵn sàng phản bội cả mẹ nó để bảo toàn sinh mạng của chính mình.

- Và hẳn ta tự nhận là bạn cả chúng ta hả? Skoda hỏi vừa trầm ngâm suy nghĩ. Hẳn tự cho người thuộc phe ta à?

Skoda nhẹ nhàng giơ một bàn tay lên và tát mạnh vào má Andrea. Chiếc nhẫn to có khắc hình trên mặt, đeo ở ngón tay giữa làm sưng da anh chàng Hy Lạp.

Andrea kinh hãi la lên vì đau đớn, bàn tay úp trên má đang rỉ máu. Anh ta đập tay vào tường run rẩy, cánh tay phải giơ cao khỏi đầu để che đôn.

- Muốn giúp việc cho quân lực của nền Đệ tam Đại Đức Quốc, phải nếm thử một đòn để đời, Skoda lẩm bẩm. Anh không lầm, Trung úy. Hẳn là một tên chết nhất. Phản ứng hèn hạ của hẳn khi bị đánh là một chứng cứ hiển nhiên. Thật lạ lùng, hầu như những người to con đều thường chết nhất như thế. Phải chăng là luật bù trừ, tôi tự hỏi?... Này anh bạn! Anh tên gì?

- Papagos, Andrea lầu nhàu.

Anh ta rút bàn tay trên má xuống, xòe ra nhìn, hai mắt mở to sợ hãi khi thấy dính máu và cuống cuồng chùi tay vào gấu quần.

- Anh không thích nhìn thấy máu hả, Papagos? Skoda hỏi vừa qua sát Andrea với vẻ thích thú. Nhất là là máu của anh?

Vài giây trôi qua trước khi Andrea ngẩng phắt đầu lên, bộ mặt to lớn của anh ta mếu máo muốn khóc.

- Tôi chỉ là một người đánh cá đáng thương, thưa ngài Đại úy! Ngài chế nhạo tôi và nói rằng tôi không thích máu. Phải đúng vậy: Tôi không thích khổ đau, không thích chiến tranh. Tôi không muốn tham gia chút nào hết!

Hai nắm tay của anh ta đưa lên vẻ cầu khẩn, giọng anh ta trĩu tình như ngâm thơ ca, Andrea đóng vai nhục hình tuyệt đến nỗi Mallory cũng suýt tin lời anh ta.

- Tại sao người ta không để tôi yên? Andrea tiếp tục giọng bi ai. Chúa biết tôi đâu phải là người hiểu chiến.

- Tất cả mọi người ở đây đều biết rõ anh ta là chết nhất, Skoda vừa nói vừa ngậm ông tẩu bằng ngọc bích. Anh nói anh là người đánh cá hả? Tiếp tục đi...

- Nó là tên phản bội hèn nhất! Mallory lên tiếng cắt ngang vì nhận thấy Skoda chú ý hơi nhiều đến Andrea.

Skoda quay người lại ngay, và đi tới đứng trước mặt Mallory hẩn dò xét chàng từ trên xuống dưới với vẻ nhạo báng.

- Thế nào, thần tượng Keith Mallory! Một nhân vật khác hẳn với anh chàng to lớn và chết nhất kia. Anh cấp bậc gì nhỉ, Mallory?

- Đại úy, chàng trả lời cộc lốc.

- Đại úy Keith Mallory, vận động viên leo núi số một của thời đại, thần tượng của châu Âu thời tiền chiến, kẻ chiến thắng những đỉnh cao bất khả xâm phạm trên thế giới... Bây giờ hẩn ta phải kết thúc số phận bi thảm vậy sao? Tôi không tin rằng hậu thế sẽ xếp cuộc leo lên đỉnh cao cuối cùng sắp tới vào một trong những thành tích xuất sắc nhất đời anh, bởi vì anh chỉ cần leo có mười bậc là đến giàn treo cổ của pháo đài Navarone này. Thật chẳng thú vị gì, phải không Đại úy Mallory?

- Ngay tôi cũng chưa hề nghĩ đến điều đó, Mallory nhã nhặn trả lời. Điều mà tôi bận tâm nhất hiện nay là khuôn mặt của Đại úy. Tôi hình như chắc chắn rằng đã gặp ở đâu rồi...

- Thật vậy sao? Skoda thốt lên vẻ thích thú. Chắc là trên dãy núi Alpes bernoises^[43]. Vâng! Trước chiến tranh, tôi cũng là vận động viên...

- A! Tôi nhớ ra rồi! Mallory la lên, cắt ngang lời viên sĩ quan Đức. Chàng biết đang chơi trò mạo hiểm, nhưng cần phải làm cho hẩn quên khai thác Andrea để chú ý đến chàng. Chàng nói tiếp:

- Cách đây ba tháng, trong vườn sở thú ở Caire có một con điều hâu gốc từ châu Phi, một con

điều hâu già rồi và chỉ chuyên ăn mồi, và nó y hệt ngài, cũng cái cổ gầy, cái mũi cong, và cả cái đầu sói nữa...

- Mallory chợt ngưng bật và lui lại né tránh cú đâm như trời giáng của Skoda vào mặt chàng. Mặt hấn xanh như tàu lá chuối, hai hàm răng nghiêng lại như điên dại. Con thịnh nộ làm hấn đâm trật, nên mất thăng bằng té sấp xuống miệng kêu lên một tiếng đau đớn trong khi chiếc giày bột nặng nề của Mallory giơ lên để tự vệ nhưng thực ra cốt để chắn ngang đầu gối hấn. Skoda lồm cồm đứng dậy nhanh như mèo, bước tới một bước và lại lặn bụng ra đất, ôm ống quyển bị thương.

Sau một thoáng im lặng, Skoda khó nhọc trỗi dậy, tay vịn vào thành bàn. Hơi thở dồn dập, vết theo trên má ửng đỏ, đôi môi trắng bệch. Hấn không nhìn ai, cả Mallory lẫn người khác, nhưng chậm chạp, một cách nhất quyết, trong sự im lặng ngộp thở, hấn lết ra sau bàn, bàn tay thọc vào ngăn kéo.

Hoàn toàn đứng bất động, Mallory lặng lẽ nhìn hấn và tự nguyện rửa sự đại dột của mình. Chàng hơi quá trớn. Chàng tin chắc và tất cả những chứng nhân của cảnh tượng này cũng đều tin chắc rằng đại úy Skoda sẽ bắn chết chàng. Nhưng Mallory biết mình sẽ không chết. Chỉ có Skoda và Andrea sẽ chết: Skoda vì lưỡi dao của Andrea phóng ra và Andrea vì lãnh trọn một băng đạn của những người lính gác, bởi vì Andrea không còn vũ khí nào khác ngoài con dao giấu trong người. Đồ ngu! Đồ ngu! Mallory tự rửa mình. Chàng hơi quay đầu, liếc nhìn tên lính Đức đứng ngay cửa gần chàng nhất. Tuy nhiên hấn cách chàng từ một mét sáu mươi đến một mét tám mươi. Chàng chưa lao người hết khoảng cách thì khẩu Schmeisser của tên lính Đức đã bắn nát người chàng. Nhưng trước tình thế này, đành phải thử, đành phải liều hành động, để triệt bớt nguy hiểm cho Andrea.

Skoda lấy khẩu súng từ ngăn kéo ra. Một khẩu súng nhỏ tự động bằng kim loại màu xanh, một loại đồ chơi giết người phù hợp với khổ người của hấn ta. Không vội vã, hấn mở chốt an toàn, xem xét ổ đạn còn đạn không, và nhìn Mallory, cặp mắt vẫn luôn lạnh lùng, hoàn toàn không lộ vẻ gì. Mallory ném một cái nhìn sang Andrea và hơi nghiêng người sẵn sàng tư thế lao vào tên lính Đức đứng sau. Đã đến lúc rồi, chàng tự rồi, đã đến lúc những người quá đổi ngu dần như Keith Mallory phải chết... Nhưng, bất thành linh chàng bớt căng thẳng, Andrea cũng vậy, bàn tay to lớn của anh ta cũng từ cổ buông xuống và không cầm dao.

Một cuộc dằng co quyết liệt ở sau bàn: Turzig đang đè chặt bàn tay cầm súng của Skoda lên

trên bàn giấy.

- Đừng thế, Đại úy! Lạy Chúa! Đại úy đừng làm thế! Turzig khẩn cầu.

- Bỏ tay ra, Skoda vừa nói vừa đăm đăm nhìn Mallory bằng đôi mắt đục ngầu. Bỏ tay ra... Nếu anh không muốn chịu chung số phận với tên Mallory kia.

- Đại úy không thể giết hẳn được! Turzig nhấn mạnh. Lệnh của ngài Tư lệnh rất rõ ràng. Ngài muốn chúng ta phải giao tù nhân sống.

- Thì cứ báo cáo hẳn ta bị bắn chết vì bỏ chạy.

- Không, không thể được. Chúng ta không thể giết tất cả tù nhân được, và những đứa còn lại sẽ khai hết về hành động của Đại úy. Ngài Tư lệnh đã chỉ thị chúng ta phải giao tù nhân sống, nhưng ngài không nói rõ trong tình trạng nào... Vì thế chúng ta khó cưỡng bức đại úy Mallory khai ra.

- Sao? Anh nói sao? Skoda thốt lên và đã lấy lại sự tự chủ. Trung úy quá sốt sắng. Trung úy đánh giá tôi hơi thấp. Thật ra tôi chỉ muốn dọa nạt Mallory để hắn khai ra hết. Bây giờ, Trung úy can thiệp làm hỏng cả kế hoạch của tôi rồi.

Hắn tiếp tục mỉm cười, nói bằng giọng vui tươi, nhưng Mallory không tin lời hắn. Chàng bất giác biết ơn viên trung úy trẻ tuổi thuộc Tiểu đoàn Quân trượt tuyết. Nhờ hắn mà chàng còn sống. Thật dễ dàng mẫn phục và coi một người như Turzig là bạn nếu không có cuộc chiến tranh bắn thủ và phi lý này do Đức Quốc Xã gây ra.

Skoda đặt khẩu súng lên bàn và lại bước tới đứng trước mặt Mallory, hai hàm răng trắng bóng loáng dưới ánh sáng những bóng đèn trần.

- Đùa nhau thế đủ rồi, phải không Đại úy Mallory?

Mallory nhìn hắn ta, đoạn im lặng quay nhìn chỗ khác. Căn phòng nhỏ này thật nóng nực và ngột thở. Chàng chột rùng mình vì câu nói đầy hàm ý của Đại úy Skoda.

- Thế nào, thế nào, bây giờ chúng ta bớt lảm lời với nhau rồi phải không, anh bạn Mallory.

Đại úy Skoda khẽ ngâm nga một câu hát, bất chợt ông nở một nụ cười hỏi:

- Chất nổ để đâu?

- Chất nổ? Tôi không hiểu ông muốn nói gì? Mallory nói.

- A! Vậy thì anh bạn đây biết chứ? Hắn vừa hỏi vừa đứng trước mặt Miller.

- Dĩ nhiên, tôi nhớ ra rồi, Miller trả lời. Đại úy Mallory của tôi đã làm.

- Tốt! Anh là người biết điều đấy. Skoda dịu giọng với Miller. Hãy nói đi anh bạn.

- Đại úy Mallory thường không chú đến chi tiết. Miller nói. Ngày hôm đó cũng có mặt tôi ở đấy. Phải gọi nó là con kền kền mới đúng.

Nụ cười của Skoda tắt ngay trong một giây, rồi lại xuất hiện trên đôi môi thâm hiểm.

- Thật là những người rất, rất tinh khôn. Anh không nhận thấy sao, Turzig? Bọn Anh biết chọn những diễn viên hài hước thượng hạng. Cứ để cho chúng cười bao nhiêu tùy thích cho đến khi cái thòng lọng xiết chặt quanh cổ.

Hắn nhìn Casey Brown và hỏi:

- Có lẽ anh...

- Tại sao Đại úy không chơi môn nhảy xa lấy đà nhỉ? Brown lẩm bẩm.

- Môn nhảy xa lấy đà? Tôi chẳng hiểu ý tên này muốn nói gì, nhưng tôi thừa biết nó ngụ ý mỉa mai.

Hắn mở hộp thuốc lấy ra một điếu, kẹp ở giữa hai ngón tay, vể trềm ngâm:

- Bọn người này thực cứng đầu, phải không Trung úy Turzig?

- Đại úy không bắt chúng nói được đâu. Turzig nói với sự quả quyết.

- Có lẽ không, tuy nhiên tôi sẽ bằng mọi cách bắt chúng khai ra và chỉ trong năm phút nữa

thôi.

Hắn quay về bàn ngồi, ấn nút. Trong khi chờ đợi, hắn đặt điều thuốc vào cái tẩu bằng ngọc thạch, mỗi động tác kể cả hai chân mang giày boots sáng loáng đan chéo lại nhau, đều toát lên vẻ kiêu kỳ ngạo mạn.

Chợt cánh cửa bên hông mở ra và hai người đang bị một mũi súng thúc vào lưng đẩy vào, chúi mũi trong phòng. Mallory nín thở, những móng tay chàng bấu chặt vào da bàn tay. Louki và Panayis! Louki và Panayis hai tay bị trói quặt ra sau, người lấm đầy máu. Louki bị một nhát lưỡi lê phía trên mắt, Panayis bị một vết thương trên đầu. Cả hai đều mặc áo sơ mi. Louki không còn mang chiếc áo vét có đường viền tuyệt đẹp và thắt lưng màu đỏ nữa. Anh ta trông có vẻ thảm hại, nhưng đỏ mặt vì giận, hàm râu dựng lên. Mallory giả vờ nhìn họ như người xa lạ.

- Thế nào, Đại úy Mallory, Skoda nói. Bộ anh không có lời nào chào hỏi các bạn cũ sao? Không à? Có lẽ sự hiện diện của họ ở đây làm anh bối rối? Anh không ngờ gặp lại họ quá sớm phải không?

- Tôi chưa hề quen biết những người này trong đời tôi, Mallory nói.

Tia nhìn của chàng bất chợt dừng nhằm Panayis và cặp mắt đen thù hằn của anh ta khiến chàng cảm thấy rùng mình.

- Dĩ nhiên, Skoda thở dài mỉa mai. Trí nhớ con người ta thường ngắn ngủi.

Skoda đang thích thú với vở kịch của mình trong đó hắn ta đóng vai con mèo đang vờn con chuột.

- Bây giờ đã đến lúc cho quý vị giải trí một chút, hắn vừa nói vừa bước tới gần ghế băng nơi Stevens đang nằm dài.

Trước khi mọi người có thể đoán được ý định của Skoda, thì hắn đã lật tung cái mền, bàn tay phải của hắn gõ mạnh vào cái chân gãy của Stevens, ngay dưới đầu gối.

Toàn thân người khốn khổ giật nảy lên như bị điện giật, nhưng không một tiếng la. Hoàn toàn tự chủ, Stevens cắn môi chịu đựng, quyết không kêu đau, máu ứa ra hai bên mép.

- Đại úy Skoda, ông không nên làm thế! Mallory cất giọng trầm trầm nhưng chứa đựng một sức mạnh ghê hồn, trông bầu không khí ngột thở này. Ông sẽ chết vì làm thế, Đại úy Skoda.

- Thật sao? Tôi sẽ chết? Vậy thì tôi muốn chết lần nữa!

Nói xong hắn ta lại đập mạnh vào chân gầy của người bị thương không chút phản ứng nào.

- Chà, cái tên trẻ tuổi này thật là rất gan lì... nhưng trái tim của người Anh chắc phải biết xúc động chứ. Đại úy Mallory? Tất cả các anh chỉ có đúng năm giây để khai hết sự thật, nếu không tôi sẽ tháo tung cái miếng gỗ thập xương này ra...

Hắn vừa nói vừa thò tay xuống tận mắt cá chân của Stevens...

Andrea tiến tới hai bước, và chỉ còn cách Skoda một mét, anh ta chợt lão đảo rống lên:

- Hãy cho tôi ra ngoài! Hãy để tôi ra! Andrea vừa thở hổn hển vừa đưa một tay lên cổ họng, một tay ôm bụng. Tôi không chịu nổi cảnh này! Không khí! Tôi cần không khí!

- Ổ không đâu! Anh bạn Papagos thân mến. Anh hãy ở lại đây để thưởng thức màn hấp dẫn này... Này hạ sĩ! Mau lên! Thằng chết nhát này sắp ngất xỉu! Hãy mang nó ra ngoài trước khi nó ngã vào người tôi! Đại úy Skoda ra lệnh khi thấy hai mắt của Andrea trợn ngược lên chỉ còn có tròng trắng.

Hai người lính Đức vội vã chấp hành mệnh lệnh. Mallory thoáng đọc trên mắt của Louki vẻ khinh bỉ vì anh chàng không hiểu ý định của Andrea. Chàng liếc mắt qua hai bạn đồng đội: Miller hơi nháy mắt và Brown hơi gật đầu. Hai người lính Đức tiến tới sau lưng Andrea, choàng cánh tay người sắp ngất xỉu lên vai chúng. Mallory liếc nhìn tên lính gác đứng gần chàng, bây giờ chỉ còn không tới một mét hai mươi, và hắn ta đang thu hút vào cảnh tượng anh chàng Hy Lạp không lồ đang lão đảo. Dễ quá! Hết sức dễ!

Như bị thôi miên, Mallory liếc nhìn hai cánh tay của Andrea đang trượt trên vai hai người lính, bàn tay anh ta dừng ngay cổ họ, hai lòng bàn tay úp vào. Trong chớp mắt, Mallory nhảy bổ ra phía sau, húc toàn bộ đầu và hai vai rắn chắc vào bụng đối thủ, chỉ cách mở ác vài phân. Một tiếng kêu đau đớn, tiếp theo một tiếng ngã khô khan trên sàn gỗ của căn phòng và Mallory biết chắc tên lính Đức đã bất tỉnh.

Cũng ngay lúc đó, chàng nghe một tiếng bốp vang lên từ hai cái đầu cụng vào nhau. Còn Miller và Brown đồng nhảy xô lên đè tên lính gác sau lưng và vô hiệu hóa nó. Sau khi đập đầu hai tên lính vào nhau, Andrea nhanh tay chụp lấy khẩu Schmeisser của một tên và nhanh như chớp, anh ta đã chĩa vào ngực Đại úy Skoda.

Chợt tiếng súng nổ vang lên... Andrea bắn liên tiếp ba phát vào ngay tim Skoda. Cả thân người hắn như bị thổi tung vào vách, đứng sững sờ trong vài giây, rồi gục xuống kéo ngã theo chiếc ghế băng, hai mắt hắn mở to, lạnh lùng, trống vắng như lúc còn sống.

Andrea hướng khẩu Schmeisser uy hiếp Turzig và viên trung sĩ, vừa cắt dây mở trói cho Mallory.

- Đại úy hãy cầm khẩu súng này thay tôi!

Mallory xoa bóp hai bàn tay tê cứng và súng phòng, gật đầu cầm lấy súng không nói một lời. Chỉ ba bước Andrea đã đứng nép bên cánh cửa vừa ra hiệu cho Mallory đứng xa tầm bắn từ bên ngoài.

Chợt cánh cửa mở ra, Andrea chỉ thấy đầu mũi súng đen ngòm chĩa vào.

- Trung úy Turzig! Có chuyện gì vậy? Ai bắn đó?

Nhưng giọng nói chuyển sang tiếng kêu đau đớn khi Andrea đá mạnh cánh cửa vào người lính mới tới, đồng thời một tay chàng dúi hấn gục xuống sàn, mắt liếc ra bên ngoài dãy trại lính. Sau một giây quan sát, Andrea đóng cửa lại và gài chặt bên trong.

- Chẳng còn ai ở bên ngoài, thưa Đại úy, chỉ có mỗi tên này.

- Tốt lắm! anh hãy cắt dây trói cho các bạn chúng ta Andrea!

Mallory quay nhìn Louki và mỉm cười khi thấy anh chàng ngó ngán ra, mãi hồi sau anh ta mới hiểu.

- Bọn lính ngủ ở đâu, Louki?

- Trong dãy nhà giữa trại.

- Ở giữa trại?

- Phải, đây là trại lính hoàn toàn rào xung quanh bằng kẽm gai cao đến ba thước.

- Còn lối ra vào?

- Chỉ có một lối duy nhất với hai người lính gác.

- Tốt! Bây giờ tất cả hãy vào phòng bên! Không, Trung úy Turzig ở lại đây! Mời anh ngồi vào bàn giấy, Mallory vừa nói vừa chỉ tay vào ghế bành. Thế nào cũng có người đến đây. Anh cứ nói rằng chính anh đã giết một người trong các tù nhân vì đã chống cự lại. Kế đó, anh hạ lệnh cho hai người lính gác ngoài cổng vào đây.

Turzig không trả lời. Hắn nhìn thẳng phía trước không để ý gì đến Andrea đang đi ngang qua, hai tay lôi cổ áo hai người lính gác bất tỉnh kéo lê họ vào phòng bên. Đoạn Turzig gượng cười, miệng hơi méo xệch.

- Tôi rất tiếc phải làm anh thất vọng. Đại úy Mallory. Đã quá nhiều điều thua thiệt xảy ra chỉ vì sự ngu dốt mù quáng của tôi. Tôi không thể làm theo lời anh được.

- Andrea! Mallory khẽ gọi. Hình như có bóng người đang tới. Phòng bên có lối ra không?

Andrea gật đầu.

- Anh hãy ra ngoài nhớ mang theo dao găm! Nếu viên trung úy này...

Nhưng Andrea đã lặng lẽ biến mình ra khỏi cửa hông như cái bóng.

- Bây giờ Trung úy phải làm như lời tôi đã nói. Mallory hạ giọng.

Chàng đứng trên ngưỡng cửa ăn thông với phòng bên, từ đó có thể quan sát cửa chính, nòng súng của chàng chĩa về phía Turzig.

- Nếu Trung úy không làm theo lời tôi, Andrea sẽ giết người mới tới, rồi giết Trung úy và những người lính đang bất tỉnh ở đây. Sau đó chúng tôi sẽ thanh toán luôn cả lính gác cổng. Sẽ

có chín người chết vô ích, vì chúng tôi phải thoát ra khỏi đây bằng mọi cách. Chín người chết, Trung úy nhớ đấy, chỉ vì sự tự ái vụn vặt của Trung úy.

Mallory nói những câu trên hoàn toàn bằng tiếng Đức chính xác và tuyệt hảo, và chàng vui mừng khi thấy vai của Turzig hơi chùn xuống, vẻ thất vọng. Hắn ta cứ đinh ninh chàng không hiểu tiếng Đức và bây giờ hắn biết hắn đã thua.

Cánh cửa đột ngột mở ra một người lính thở hổn hển hỏi lớn:

- Thưa Trung úy! Chúng tôi đã nghe tiếng súng nổ.

- Không có gì cả! Turzig vừa nói vừa giả bộ tìm vật gì trong hộc bàn để có cớ cho sự hiện diện một mình trong phòng. Một trong những tù nhân của chúng ta định tẩu thoát... Chúng ta đã bắn...

- Có cần phải kêu y sĩ đến không, thưa Trung úy?

- Khỏi cần, hắn chết rồi. Các anh sẽ lo chôn cất hắn trong buổi sáng nay. À! Trong khi chờ đợi, hãy gọi hai người lính gác ngoài cổng vào đây một phút cho tôi. Còn anh, hãy trở về phòng đi!

- Tôi có cần phải gọi hai người gác thế không, Trung úy?

- Khỏi cần, Turzig nói, vẻ hơi mất kiên nhẫn. Tôi chỉ gặp họ một phút thôi. Nhanh lên đi!

Chờ cho tiếng bước chân của viên trung sĩ xa dần, trung úy Turzig ngẩng nhìn Mallory.

- Thế nào?

- Thật hoàn hảo! Thành thật xin lỗi Trung úy nhé, Mallory nói. Thật tình tôi không muốn đối xử như thế với một người khả kính như Trung úy.

Đoạn, chàng quay qua Andrea vừa mới bước vào:

- Hãy gọi Louki và Panayis xem có đường dây điện thoại trong các phòng này không. Nếu có hãy nói họ cứ phá hỏng hết, kể cả những máy thu. Sau đó anh trở về đây lo giùm tôi hai người

lính gác ngoài cổng sắp vào tới theo lệnh của Trung úy Turzig.

Turzig đưa mắt nhìn theo lưng to lớn của Andrea và nói không lộ vẻ gì cay đắng hay hận thù nữa:

- Đại úy Skoda đã nói đúng. Tôi còn nhiều điều phải học hỏi. Anh chàng khổng lồ kia đã hoàn toàn lừa phỉnh được tôi.

- Trung úy không phải người đầu tiên. Anh ta đã lừa nhiều người rồi, nhưng dù sao Trung úy cũng là người may mắn nhất.

- Bởi vì tôi còn sống?

- Phải! Bởi vì anh còn sống.

Chưa đầy mười phút sau, hai người lính gác ngoài cổng cùng chịu chung số phận với đồng bọn trong phòng bên, bị tước vũ khí, nhét giẻ vào miệng và trói gô lại một cách nhanh chóng, hoàn toàn không gây tiếng động khiến viên sĩ quan Đức cũng phải thán phục. Turzig cũng bị trói tay chân ngồi trong một góc nhưng miệng còn để hở. Hắn nhìn nhận:

- Bây giờ mới hiểu tại sao phe Đồng minh đã chọn các anh thực hiện sứ mạng này, Đại úy Mallory. Nếu ai đó có thể thành công được người đó phải là anh. Nhưng anh không đạt được vinh quang này đâu! Điều không thể được vẫn là không thể được! Tuy nhiên anh có trong tay một ê-kíp tuyệt vời.

- Chúng tôi xoàng xĩnh lắm, Mallory khiêm tốn nói.

Chàng đưa mắt nhìn lần cuối căn phòng, đoạn mỉm cười hỏi Stevens:

- Anh sẵn sàng đủ sức cho cuộc viễn du mới chứ, chàng trai trẻ? Anh thấy không, công việc của chúng ta chẳng nhàm chán chút nào cả!

- Tôi luôn sẵn sàng khi nào Đại úy cần. Stevens trả lời.

Nằm dài trên một cái cáng mà Louki vừa may mắn kiếm được. Stevens thở dài khoan khoái. Louki bông đùa:

- Giường nằm hạng nhất này mới thích hợp cho một sĩ quan. Kể ra cũng khá sang đối với cuộc hành trình dài này!

- Thôi nào, chúng ta đi. Mallory ra lệnh. À, một câu hỏi cuối cùng. Đài vô tuyến của trại đặt tại đâu, Trung úy Turzig?

- Để các anh phá hủy nó à?

- Đúng thế.

- Tôi không rõ.

- Nhưng nếu tôi hăm dọa sẽ cho một phát đạn vào đầu Trung úy?

- Đại úy sẽ không bao giờ làm vậy. Turzig điềm tĩnh nói. Có thể trong hoàn cảnh nào khác, Đại úy sẽ giết tôi như giết một con ruồi. Nhưng tôi biết Đại úy không thể giết người với lý do người ấy từ chối cung cấp một tin tức.

- Trung úy thông minh lắm. Thôi được! Điều ấy cũng không hệ trọng gì lắm. Tôi rất ân hận bó buộc phải làm tất cả những việc vừa qua vì sinh mạng cả nhóm chúng tôi. Tôi hy vọng rồi đây chúng ta sẽ không có dịp đối đầu với nhau trong cuộc chiến tranh này nữa. Còn sau đó, khi cuộc chiến đã chấm dứt, biết đâu có một ngày nào đó chúng ta cùng sánh vai chinh phục một đỉnh cao...

Chàng ra hiệu cho Louki nhét giẻ bịt miệng Turzig, xong tất cả rời khỏi căn phòng. Hai phút sau, họ đã ra khỏi trại lính và tiến về khu rừng cây ô liu ở phía nam làng Margaritha.

Bình minh cũng bắt đầu lộ dạng trên đỉnh Kostos. Gió từ phương nam thổi tới và gió trên núi bắt đầu tan nhanh.



CHƯƠNG MƯỜI MỘT

THỨ TƯ

14g - 16g

Suốt cả ngày, Mallory và đồng đội lẩn trốn trong khu rừng cây mình quyết rậm rạp. Cây nào cũng to lớn cần cỗi và nhiều mắt, bám trên sườn núi trái đầy đá nhỏ, soai soải xuống tận nơi mà Louki gọi là “Sân chơi của Quỷ”. Chỗ ẩn núp tầm thường và thiếu tiện nghi lại được điểm lợi về mặt sau, luôn có gió hiu hiu từ bờ biển phía nam thổi qua và một cái nhìn bao quát trên biển Egée lấp lánh ánh mặt trời dưới bầu trời không mây.

Xa xa, bên trái, dãy quần đảo Lérades chìm đắm trong màu xanh, màu chàm và màu tím trộn lẫn và mờ nhạt dần tận chân trời. Gần nhất là hòn đảo Maidos, gần đến nỗi người ta có thể thấy lác đác những ngôi nhà của dân chài. Eo biển hẹp ngăn cách biển Maidos và đảo Navarone sẽ là đường di tản của hạm đội Hải quân Hoàng gia vào ngày mốt. Bên phải, xa hơn nữa, là bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ uốn cong theo hình cây mã tấu về hướng bắc và phía tây. Phía bắc nhô ra mũi

nhọn của vịnh Demirci lờm chờm những tảng đá lớn nhưng xen lẫn những vịnh nhỏ toàn cát trắng. Qua khỏi mũi nhọn Demirci, xa xa kia trong nền trời tím tím là hòn đảo Khéros đang mơ mộng trên sóng nước.

Thật là một cảnh bao quát tuyệt đẹp, nhưng Mallory chỉ liếc qua vẻ đẹp này khi đến phiên chàng trực gác. Ngồi dựa lưng vào một gốc cây, hai mắt chàng cứ dán chặt vào pháo đài, mục tiêu mà nhóm chàng có nhiệm vụ phá hủy.

Thành phố Navarone có khoảng từ bốn đến năm ngàn dân, Mallory ước lượng như thế, và co cụm phần lớn dọc theo hải cảng hình vòng cung khép lại gần như một vòng tròn chỉ để hở một eo nhỏ phía tây bắc, đó là cửa ngõ trọng yếu của pháo đài nơi sừng sững các đài hải đăng, nơi đặt các dàn súng cối và các ổ súng đại liên. Rừng cây minh quyết chỉ cách cảng có bốn cây số, nên mỗi chi tiết, mỗi con đường, mỗi dinh thự, mỗi tàu bè trong vịnh đều được thấy rõ qua ống nhòm và Mallory nghiền ngẫm kỹ những chi tiết đó đến thuộc lòng. Chàng khắc sâu trong óc địa thế ở phía tây hải cảng bên dưới khu rừng, những con đường bụi bặm dẫn xuống tận biển, dốc đứng hiểm trở ở mặt phía nam, nơi đó những con đường song song với bờ biển đi vào thành phố cổ, còn ở phía đông, những dãy núi đá loang lổ những hố bom mới đây do phi đội của thiếu tá Torrance ném, thì dựng đứng trên cao mặt biển bốn mươi lăm mét. Pháo đài Navarone được đặt sâu bên trong lòng vách, chi chít những hệ thống đường ngầm tối tân nhất, bên trên lẫn bên ngoài đều được bảo vệ chặt chẽ bằng những dây súng phòng không, những đài ra đa, những trại lính với những tòa nhà bê tông dày đặc và thấp.

Pháo đài này là cái gai đối với quân đồng minh từ mười tháng nay. Nó kiểm soát mọi hoạt động lưu thông trên biển trong vòng tam giác năm ngàn cây số vuông, giữa quần đảo Lérades và bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ.

Bây giờ thấy nó, Mallory mới hiểu. Pháo đài không thể tấn công bằng đường bộ, cũng không thể bằng đường hàng không và Mallory nhận thức rằng thật là điều điên rồ khi gửi phi đội cừ khôi của Torrance đến đây trong khi hai khẩu đại bác nằm sâu bên trong vách núi, che chở bên trên bằng lớp núi dày và cong, như lưới liềm, lại được bảo vệ vững vàng bởi hàng trăm khẩu phòng không. Càng không thể tấn công pháo đài bằng đường biển nếu không muốn nát thịt với hai khẩu đại bác, đó là chưa kể đến hai trăm máy bay oanh tạc của Đức luôn sẵn sàng cất cánh lên bầu trời đại dương. Đại tá Jensen đã có lý: chỉ còn có điệp vụ phá hoại may ra hy vọng, một hy vọng mỏng manh, hầu như là tự sát, nhưng dù sao cũng là hy vọng. Và Mallory hiểu rằng không thể làm khác hơn.

Chàng bỏ ống nhòm xuống, dụi mắt cho đỡ mỏi, và suy nghĩ mông lung. Bây giờ thì chàng hài lòng đã biết chính xác mục tiêu phải đương đầu, và làm quen từ xa với địa thế của thành Navarone. Vị trí mà nhóm biệt động đang ở có thể nói là điểm duy nhất để tránh mọi hiểm nguy cấp thời.

Chính Louki đã hướng dẫn nhóm chàng đến đây, sau khi đi theo thượng lưu con sông gần Margaritha để Andrea có thì giờ tới chòi của già Leri thu hồi lại chất nổ, đồng thời để biết chắc không bị theo dõi, trước khi tiến vào khu rừng rậm này.

Mallory quay lại nhìn đồng đội. Anh chàng Louki nhỏ con đang ngủ, dựa lưng giữa hai thân cây và không hề cựa quậy suốt trong năm tiếng đồng hồ. Dẫu Mallory đang rất mệt, chàng cũng không nỡ đánh thức Louki dậy, kể cả Panayis. Nhưng Panayis vừa mở mắt ra đã tỉnh táo ngay. Thật là một con người nguy hiểm, đáng sợ. Mallory chỉ hiểu anh ta phần nào qua lời kể của Louki, nhưng chàng cũng không muốn biết nhiều hơn nữa.

Phía trên dốc cao, Andrea đã dùng những cành cây đan thành cái giường kê giữa hai thân cây lớn cho Stevens nằm. Bệnh nhân vẫn mở to mắt. Anh ta chưa ngủ lại từ lúc toán tuần tra của Turzig đột nhập vào hang đá cho đến lúc cả nhóm thoát ra khỏi doanh trại quân Đức đóng ở làng Margaritha. Hình như Stevens không cần ngủ nữa và cố dồn nén cơn buồn ngủ. Chân của anh đã bốc mùi hôi thối dữ dội. Mallory và Miller đã băng bó lại vết thương cho anh ta ngay sau khi họ vừa tới đây.

Mallory lại đưa ống nhòm lên mắt định quan sát thành Navarone một lần nữa, nhưng chàng lại đưa xuống ngay khi cảm thấy có ai đụng vào cánh tay chàng. Đó là Panayis, vẻ bối rối, lo sợ và cả giận dữ.

- Máy giờ rồi? Anh ta hỏi nhỏ bằng tiếng Hy Lạp, giọng hơi rít lên thật hợp với bản tính bí ẩn của con người anh ta.

- Hai giờ rưỡi, khoảng đó, Mallory nói. Anh có vẻ giận dữ, tại sao vậy, Panayis?

- Lẽ ra Đại úy phải đánh thức tôi dậy sớm hơn! Đã qua vài giờ rồi! Lẽ ra đã đến phiên tôi gác.

Mallory nghĩ thầm “hèn chi mà anh ta không giận”. Chàng mỉm cười nói:

- Đêm qua anh không được ngủ. Tôi thật không công bình nếu...

- Nhưng đến phiên tôi gác mà!

- Thôi được, tùy anh vậy.

Mallory biết rõ lòng kiêu hãnh của người dân trên đảo nên chàng thôi bàn cãi.

- Không có anh và Louki, chúng tôi chẳng làm nên trò trống gì cả. Để tôi cùng gác với anh một chút cho vui.

- A! Chính vì thế mà Đại úy cứ để tôi ngủ quên, Panayis trách móc. Đại úy không tin tưởng tôi...

- Ồ! Lạy chúa! ... Mallory vội bào chữa.

Đoạn chàng trấn tĩnh, mỉm cười nói tiếp:

- Lẽ dĩ nhiên, chúng tôi phải tin tưởng vào anh. Dù sao tôi cũng sẽ ngủ một chút và anh có lòng tốt tạo cho tôi dịp này. Trong hai giờ nữa anh nhớ đánh thức tôi dậy nhé!

- Vâng! Vâng! Tôi không quên đâu! Panayis hứa, mặt lộ vẻ vui mừng.

Mallory đi ra nằm chỗ giữa rừng. Trong vài phút, chàng nhìn Panayis đi qua đi lại, kể đó sau khi thấy anh ta nhẹ nhàng leo lên một cành cây cho dễ quan sát xung quanh, chàng nhắm mắt ngủ thiếp đi.

- Đại úy Mallory! Đại úy Mallory! Hãy thức dậy mau!

Bị lắc mạnh bên vai, Mallory mở choàng mắt ra. Panayis đang cúi xuống nhìn chàng, vẻ mặt trầm ngâm tràn đầy sợ hãi.

- Chuyện gì vậy, Panayis?

- Máy bay! Có một phi đội đang trên đường tới đây.

- Máy bay? Máy bay nào?

- Tôi không biết. Chúng còn xa.

- Chúng từ hướng nào đến?

- Từ hướng bắc.

Chàng cùng với Panayis chạy ra tận bìa rừng và Mallory nhận ra ngay những chiếc phóng pháo cơ Stuka mà đôi cánh phản chiếu như gương dưới ánh nắng mặt trời ban trưa. Chúng bay thành hai hàng, mỗi hàng bốn chiếc, bay trên độ cao không quá bảy trăm năm mươi mét, và chỉ còn cách bìa rừng có bốn cây số.

- Hãy chạy đi, Đại úy Mallory! Chúng ta không còn thời gian đâu! Panayis vừa nói vừa kéo tay áo chàng. Chúng ta phải vào sâu bên trong, đến tận “Sân chơi của Quỷ” ngay bây giờ!

- Nhưng tại sao? Mallory ngạc nhiên hỏi. Đã chắc gì các máy bay đó đến đây vì chúng ta! Làm sao lại có thể như vậy được khi mà không ai biết chúng ta đang ở đây?

- Nhưng tôi biết chắc chúng tới đây vì chúng ta, Đại úy đừng hỏi làm sao tôi biết điều ấy, bởi vì chính tôi cũng không biết gì hết. Louki sẽ nói với Đại úy rằng Panayis biết những điều ấy.

Mallory sững sờ một giây, chẳng hiểu anh ta nói gì cả. Nhưng nhìn vẻ nghiêm túc, dáng điệu thành khẩn hoàn toàn và nhịp điệu dồn dập của những lời nói làm chàng bất giác liên tưởng đến tiếng nổ dòn của khẩu súng liên thanh, khiến cán cân nghiêng về phía bản năng hơn về lý trí. Hầu như chẳng hiểu tại sao và chẳng rõ vì lý do gì, Mallory bất chợt vùng chạy, lao đảo vấp ngã mấy lần trên những hòn đá trơn. Chàng tới chỗ nghỉ của đồng đội.

- Tất cả hãy đi ra bìa rừng! Mallory la lên. Nhanh lên! Và hãy núp ở đấy! Có lẽ chúng ta sẽ phải đi qua núi kia.

Chàng chỉ tay về một khe nhỏ cách đó khoảng chừng ba mươi mét và thầm cảm ơn Louki đã chọn cho nhóm một chỗ ẩn núp có lối thoát khá tiện lợi.

- Hãy chờ lệnh tôi đã, Andrea!

Andrea đã bế xốc cả người bị thương lẫn mùng mền trong hai tay.

- Có chuyện gì vậy, Đại úy? Miller hỏi. Tôi không thấy gì hết.

- Nếu anh thôi nói một chút, anh sẽ nghe thấy, Mallory nói. Hay tốt hơn, hãy nhìn về phía

bên kia.

Nằm sắp cách bìa rừng bốn mét, Miller ngẩng đầu lên nhìn trời và nhận ra ngay các máy bay oanh tạc.

- Phóng pháo cơ Stuka! Không có lý nào, Đại úy!

- Có chứ! Đại tá Jensen đã cho tôi biết rằng quân Đức đã điều từ mặt trận Ý về đây hơn hai trăm máy bay Stuka để tung vào mặt trận Egée và bảo vệ pháo đài Navarone.

- Nhưng chúng đến đâu phải vì chúng ta, Miller phản đối.

- Tôi e rằng vì chúng ta đấy. Tôi cho rằng Panayis nói đúng, Mallory.

- Nhưng chúng sẽ bay qua luôn nếu không thấy chúng ta.

- Không, chúng không qua luôn đâu. Hãy quan sát kỹ chiếc đi đầu.

Trong lúc Mallory nói những lời này, từ trên cao, viên chỉ huy phi đội đã cho chiếc phóng pháo cơ của mình nghiêng đôi cánh trút hai trái bom đen sì xuống.

- Không ai được bắn trả lại! Tất cả để hai tay trên đầu và cúi xuống! Mallory ra lệnh.

Trong phút chốc... ầm! ầm! Hơn mười hai quả bom đã được ném xuống liên tiếp trúng ngay giữa rừng, làm các thân cây đổ nhào xuống. Bom lửa! Chiếc Stuka chưa bay lên cao thì toàn khu rừng khô cằn, già nua đã bùng cháy dữ dội.

- Chúng muốn thiêu sống chúng ta hoặc ít ra cũng phun khói để chúng ta chạy ra ngoài đồng trống, Mallory nói. Nếu còn ở lại đây chúng ta sẽ chết cháy hết.

Chàng cố nhìn lên trên núi cao, nhưng khói đen dày đặc đã bao trùm xung quanh.

- Tất cả hãy đi ngay! Mallory hét lớn. Đi dọc theo bìa rừng mười lăm mét đến đồng đá kia, rồi sau đó men theo khe núi đi thẳng, không được dừng lại bất cứ ở đâu trong một trăm mét đầu. Andrea đi trước dẫn đường! Panayis đâu?

Không có tiếng trả lời.

- Panayis! Mallory gọi đến khản cả giọng, Panayis!

- Có lẽ anh ta quay lại để tìm gì đó, Miller nói, để tôi đi...

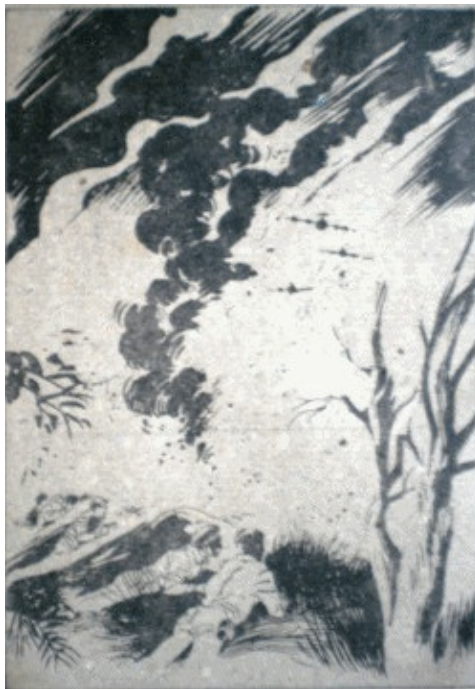
- Không! Cứ thẳng tiến! Mallory giận dữ. Nếu xảy ra chuyện gì cho Stevens, anh sẽ biết tay tôi...

Nhưng Miller ngoan ngoãn đã chạy theo sau Andrea và đồng đội. Họ vừa lão đảo vừa ho sặc sụa.

Mallory lưỡng lự trong hai giây, đoạn chàng bước xuống dốc về phía trung tâm khu rừng. Có lẽ Panayis đã quay trở lại đó tìm vật gì để quên và anh ta lại không hiểu tiếng Anh. Mallory vừa đi chưa được bốn bước đã phải đưa tay lên che mặt khỏi sức nóng như thiêu đốt. Panayis không thể nào ở trong cái lò lửa đó được. Không ai có thể sống sót trong đó dù là một giây. Hồn hển, tóc cháy xém, quần áo cũng bị cháy. Mallory chạy ngược lên dốc, vấp vào các thân cây ngã xuống nhiều lần.

Chàng chạy tới bìa rừng phía đông. Không có ai cả. Chàng trở lại phía bên kia, về hướng đồng đá, hầu như hoàn toàn bị mờ mắt, hơi nóng cấu xé hai buồng phổi và cổ họng, chàng tự nhủ chỉ còn cách duy nhất là tự cứu mình thoát ra khỏi nơi đây. Chàng nghe lửa cháy rộ bốn bề, và tiếng hú khủng khiếp của một chiếc phóng pháo cơ vừa lao xuống bồi thêm hai quả bom lửa. Tuyệt vọng, chàng chạy vội tới phía trước, trên những đồng đá trơn và ngã quỵ xuống. Bị thương hay không, chẳng cần biết! Chàng lại trỗi dậy và lết hai chân rã rời leo lên dốc. Những tiếng động cơ máy bay nổ vang rền như sấm, lại thêm một phi đội Stuka tham gia tấn công. Phía trước chàng, một quả bom vừa nổ, hơi nóng hất chàng xuống đất. Chàng lồm cồm bò dậy vừa nguyên rủa: “Điên quá! Dại quá! Mình đã ra lệnh cho đồng đội đi vào chỗ chết! Một đứa trẻ năm tuổi cũng phải hiểu rằng bọn Đức đâu cần oanh tạc khu rừng. Chúng chỉ cần oanh tạc khoảng trống giữa núi đá và bìa rừng vì chúng dư biết các con mồi đang bò ra đấy”.

Lại một tiếng nổ, chàng có cảm giác đất sụp dưới chân. Một bàn tay khổng lồ chụp lấy chàng và chàng đắm chìm trong bóng tối.



CHƯƠNG MƯỜI HAI

THỨ TƯ

16g - 18g

Đã gần chục lần, Mallory cố ra khỏi cơn mê. Có lúc chàng hơi hồi tỉnh nhưng rồi lại đắm chìm trong màn tối. Trong những giây phút hồi tỉnh ngắn ngủi, chàng tự nhủ: “Tôi đang mơ, một cơn mơ khủng khiếp. Tôi chỉ cần mở được mắt ra, ác mộng sẽ biến mất, nhưng tôi không thể nào mở mắt được”.

Một lần nữa chàng lại cố nhấc đôi mi nặng trĩu lên nhưng không thành công, chàng vẫn tiếp tục mở, chàng lắc đầu tuyệt vọng, và nghe văng vẳng bên tai một tiếng reo:

- A! Một dấu hiệu còn sống! Một lần nữa viên y sĩ Miller kỳ cựu này lại chiến thắng!

Một khoảng im lặng trong đó nhận thức mỗi lúc mỗi rõ ràng tiếng động cơ máy bay đã giảm và làn khói cay còn nồng nặc trên mắt mũi chàng. Kế đó, một cánh tay choàng qua cổ chàng đồng thời tiếng nói của Miller thì thầm bên tai:

- Đại úy hãy uống một chút rượu này.

Mallory cầm lấy cổ chai mát rượu, ngẩng đầu lên tu một hơi. Nhưng ngay tức thì, chàng ngồi dậy, vừa ho vừa khạc, trong khi rượu Ouzo đặc sản của người Hy Lạp, ngấm dần vào cơ thể. Chàng định mở miệng nói nhưng cổ họng chỉ phát ra được vài âm thanh không rõ. Chàng nhướng mắt nhìn bóng người ngồi bên.

Miller đang ngấm nhìn chàng, vẻ hài lòng.

- Đại úy thấy không? Như tôi đã nói, không có rượu nào sánh bằng. Chỉ vài hớp là tỉnh dậy ngay. Tôi chưa hề thấy bệnh nhân nào bình phục mau như Đại úy.

- Quý thần! Anh định làm gì vậy? Mallory hỏi. Đầu độc tôi à? Anh hành nghề y sĩ vậy sao?

- Đại úy cứ lựa chọn đi, Miller cắt lời chàng, hoặc uống thứ rượu này hoặc bị cú sốc khác còn nặng hơn gấp mấy lần trong mười lăm phút nữa khi bọn Đức tới đây.

- Chúng đã đi rồi mà, tôi không còn nghe tiếng máy bay Stuka.

- Nhưng bọn khác từ thành phố đổ bộ xuống. Louki vừa thông báo cho chúng ta biết rằng gần một chục chiếc xe bọc thép và hai xe vận tải chở đầy súng cối đang di chuyển đến đây.

- Tôi hiểu rồi, Mallory nói.

Mallory quay nhìn ra ngoài và thấy một vệt nắng chói khúc quanh của vách đá. Thì ra đây là một hang đá hay đúng hơn là một đường hầm. Chàng nhớ lời Louki đã nói rằng “Sân chơi của Quỷ” đầy đầy những động đá, Mallory mỉm cười vì khi này chàng cứ ngỡ mình bị mù mắt.

- Lại thêm rắc rối nữa phải không Miller? Cảm ơn anh đã làm cho tôi hồi phục.

- Tôi rất ân hận, Miller nói. Lẽ ra chúng tôi phải cống Đại úy đến chỗ xa hơn, nhưng hầu như không có ai còn đủ sức. Casey Brown và Panayis cũng đều bị thương.

- Cả hai à? Có nặng không?

- Không nặng lắm đâu, nhưng nếu họ còn phải tiếp tục bò lê trên đoạn đường chông gai của xứ này thì tôi e họ không chịu nổi.

- Anh chưa cho tôi biết vì sao họ bị thương.

- Cả hai đều bị miếng bom, đúng ngay đùi trái, bên trên đầu gối một chút. May mắn là không bị gãy xương hay đứt gân. Tôi vừa mới băng bó cho Brown.

- Còn Panayis?

- Anh ấy tự chữa lấy vết thương của mình, Miller nói. Thật là một người kỳ dị. Anh ta không muốn tôi nhìn thấy chân của anh ta, chứ đừng nói gì đến băng bó. Tôi nghĩ rằng anh ta sẵn sàng đâm chết tôi nếu tôi cứ bướng bỉnh đụng vào vết thương của anh ta.

- Tốt nhất cứ để anh ta làm theo ý riêng, Mallory khuyên. Tâm lý của một số người dân đảo là thế, họ có những điều kỳ, kể cả tin dị đoan. Nhưng dù sao anh ta còn sống là tốt rồi. Có điều tôi không hiểu bằng cách nào Panayis tới đây được, trong khi tôi lại lao vào lửa để kiếm anh ta.

- Sau khi Đại úy ra lệnh, anh ta là người đầu tiên đi cùng với Brown. Có lẽ vì khói bom nên Đại úy không thấy.

- Còn tôi, bằng cách nào tôi đã tới được đây? Mallory hỏi.

- Anh chàng khổng lồ kia một lần nữa lại ra tay cứu người bị nạn, Miller vừa nói vừa đưa ngón tay cái ra chỉ bóng người to lớn đứng gần cửa hang. Tôi định đi theo Andrea, nhưng anh ta không cho, viện lẽ không muốn khi trở về phải cõng theo cả anh và tôi.

- Cảm ơn Andrea, Mallory nói.

- Cảm ơn! Miller thốt lên bất mãn. Người ta cứu sống Đại úy và Đại úy chỉ biết nói có hai chữ “cảm ơn” thôi sao.

- Giữa chúng tôi, những lời lẽ hoa mỹ không cần thiết nữa. À, còn Stevens thế nào?

- Anh ấy vẫn còn thở.

Mallory nhú mào:

- Anh ta đã qua được cơn nguy kịch rồi chứ?

- Không, trái lại, vết độc đã lan tràn khắp chân. Anh ta sẽ chết trước khi mặt trời lặn. Chỉ có Chúa mới cứu anh ta được.

- Tôi cũng linh cảm thế, Mallory nói khẽ vừa đứng dậy cầm lấy súng. Nào! Chúng ta lại tiếp tục thanh toán nốt công việc còn lại.

- Tôi, tôi chỉ biết có giết sập cầu hoặc phá hỏng máy xe, Miller nói. Chiến thuật và chiến lược vượt ngoài tầm hiểu biết của tôi. Nhưng tôi mơ hồ có cảm tưởng bọn Đức đang chơi trò tự sát nếu tiếp tục dàn đội hình tiến tới như thế kia.

- Tôi cũng đồng ý kiến với anh, Mallory nói.

Núp sau những tảng đá ở lối ra vào gần thung lũng, chàng nhìn những tên lính Đức đang đi trên sườn núi trơ trụi vì trận bom vừa rồi.

- Tại sao thế Đại úy? Chúng đâu phải dại gì mà mạo hiểm vào chỗ chết thế kia.

- Có lẽ chúng không còn cách nào khác. Louki thật khéo chọn địa điểm này. Với vị trí này bọn Đức chỉ tấn công được chúng ta ở mặt trước, còn mặt sau phải mất một tuần lễ để đi vòng qua các chướng ngại của “Sân chơi của Quỷ” đằng sau chúng ta. Trong hai giờ nữa, mặt trời sẽ lặn và chúng không thể nào chiến thắng chúng ta trong bóng tối được. Tôi nghĩ rằng qua cuộc tẩu thoát của chúng ta khỏi trại giam vừa qua, viên Tư lệnh thành Navarone này thế nào cũng bị thượng cấp khiển trách nặng nề. Đã có quá nhiều điều xảy ra và chúng không thể để xảy ra nguy cơ cho hai khẩu đại bác của chúng, cũng như không cho phép người Anh di tản khỏi Khéros ngay trước mắt chúng.

- Tại sao vậy? Hòn đảo này chỉ là một khối đá vô ích.

- Người Đức không muốn mất mặt với người Thổ Nhĩ Kỳ, Mallory tiếp tục cho ý kiến. Sự quan trọng về chiến lược của quần đảo Sporades này, thật ra chẳng có nghĩa lý gì, nhưng rất quan trọng về mặt chính trị, Hitler đang cần có một Đồng minh mới trong khu vực này. Vì thế, hẳn ta không ngần ngại tung vào đây hàng ngàn quân thiện chiến và hàng trăm phóng pháo cơ Stuka. Mục đích của Hitler là muốn thuyết phục người Thổ Nhĩ Kỳ bỏ chính sách trung lập của mình để về phe với hắn.

- Hấp dẫn dữ ha! Miller nói. Và cuối cùng thì sao?

- Có gì đâu. Bộ chỉ huy của chúng ở Navarone này không ngần ngại nường thêm từ ba đến bốn chục quân thiện chiến cốt làm sao tiêu diệt chúng ta... Cứ để bọn chúng tiến tới thêm một trăm mét nữa, Louki và tôi bắn ngay giữa hàng quân. Còn anh và Andrea bắn hai bên cánh.

- Tôi chẳng thích thú gì với trò bắn giết này, Miller nói.

- Thế anh tưởng tôi thích thú lắm sao, Mallory nói. Tôi đâu muốn tàn sát họ, vì họ cũng là

người bị bó buộc cầm súng hoàn thành một nhiệm vụ nào đó. Nhưng nếu chúng ta không giết họ, họ sẽ giết chúng ta.

Chàng ngưng nói, chỉ tay về phía biển láng như sa tanh nơi đó, ở chân trời, đảo Khéros đang lốm đốm vàng bởi mặt trời chiều tà.

- Anh nghĩ sao về một ngàn hai trăm người ở Khéros.

- Tôi hiểu, tôi hiểu rồi, Đại úy. Miller vừa nói, vừa kéo mũ len sụp xuống trán và hướng cặp mắt buồn về phía sườn núi và hỏi tiếp: khi nào thì bắt đầu cuộc tàn sát tập thể?

- Hãy để chúng tiến thêm một trăm mét nữa, như tôi đã nói.

Miller nhìn những khẩu súng dựng trên đường ven biển, đằng sau hai xe tải và hỏi:

- Hai khẩu súng kia đều là súng cối?

- Phải!

- Tại sao họ chưa sử dụng?

- Họ sẽ sử dụng sau khi chúng ta bắn và để lộ mục tiêu.

- Cầu Chúa che chở chúng ta! Miller lẩm bẩm.

- Và che chở từng phút giây, Mallory hạ thấp giọng. Tôi mong sao anh bạn Turzig của chúng ta đừng có mặt trong toán quân kia.

Chàng định đưa tay ra cầm ống nhòm, nhưng Andrea đã nắm lấy cổ tay chàng và nói:

- Ở địa vị tôi, tôi sẽ không sử dụng ống nhòm nữa. Nó đã hại chúng ta một lần. Tôi đã suy nghĩ nát óc để tìm hiểu cuộc oanh tạc vừa rồi. Chính tại ống nhòm này! Đại úy biết chứ! Hai thấu kính phản chiếu ánh sáng mặt trời...

- Đúng vậy! Đúng vậy! Mallory gật đầu. Tôi tự hỏi... Ai đã vô ý thế? Chỉ cần một tia sáng lóe lên là bọn Đức biết chúng ta đang ở đâu. Phải, có lẽ tại tôi... Cuộc oanh tạc vừa rồi đã bắt đầu sau phiên tôi trực gác... và Panayis thì lại không có ống nhòm. Tại lỗi tôi cả, Andrea.

- Tôi không tin, Andrea nói bằng giọng quả quyết, Đại úy không thể phạm sai lầm như thế...

- Không, tôi e rằng sẽ phạm. Thôi được chúng ta sẽ bàn lại vấn đề này sau.

Toán lính Đức sắp tiến ra khỏi phạm vi đồi trọc.

- Chúng đã tới khá sát rồi. Nhớ đấy! tôi và Louki bắn ở giữa, còn hai anh bắn hai bên. Trong khi chàng nói, ba người bạn đã đặt súng vào giữa các khe đá và các ngón tay chuẩn bị bóp cò.

Giọng chàng rắn chắc vang lên:

- Bắn!

Với bốn khẩu súng tự động – hai khẩu Bren và hai khẩu Schmeisser 9 ly – không phải là cuộc chiến quy mô nhưng cũng để tàn sát những người đang đi trên đồi trọc không một bóng cây, hốc đá để ẩn núp. Những thân người ngã xuống giã giụa, một vài người khác còn sống nằm im chỗ không dám nhúc nhích.

- Chúng còn lại khoảng tám, chín tên, và chúng đang cố ẩn núp sau những hòn đá chỉ to bằng quả cam... Chúng ta tiêu diệt nốt nhé? Miller hỏi.

- Chúng ta tiêu diệt nốt, Mallory trả lời. Chúng sẽ không...

Nhưng Mallory chợt giật mình, nằm rạp xuống trong khi một tràng đạn bắn trúng vào những tảng đá nơi họ ẩn núp.

- Chúng sẽ không... à? Miller mĩa mai hỏi, vừa đặt lại nòng súng qua khe đá, nhưng Mallory đã ngăn lại, kéo anh ta lui ra sau.

- Không phải bọn trên đồi! Hãy lắng nghe!

Thêm một tràng đạn, rồi một tràng nữa, Mallory cảm thấy tóc gáy dựng đứng lên.

- Đại liên Spandau. Chỉ cần nghe nó một lần là cả đời người ta sẽ không quên. Chúng đặt đại liên từ sườn núi bên kia. Nhưng tôi chỉ sợ hai khẩu cối kia.

- Tôi lại không, Miller nói. Chúng chưa bắn súng cối đâu.

- Chính vì thế mà tôi lo sợ... Anh nghĩ thế nào Andrea?

- Cũng nghĩ như Đại úy thôi. Chúng đang chờ. “Sân chơi của Quỷ” là một địa điểm hiểm trở như mê hồn trận, chúng đang bắn như người mù.

- Chúng không đợi lâu đâu. Những “con mắt” của chúng tới kìa, Mallory vừa nói vừa chỉ tay

về hướng bắc.

Thoạt đầu chỉ là những chấm nhỏ, rồi to dần. Những chiếc máy bay trinh sát! Chúng đang bay cao bốn trăm năm mươi mét trên mặt biển Egée, Mallory ngạc nhiên quay sang Andrea:

- Tôi có mơ không? Chàng hỏi. Có phải chiếc đi đầu là chiếc PZL không?

- Phải đấy, Andrea lắm bầm, PZL là loại máy bay trinh sát của Ba Lan khá xưa rồi. Còn chiếc thứ hai là loại trinh sát hiệu Bréguet của Pháp... Bọn Đức đã sử dụng cả những máy bay của các nước bị chiếm đóng.

- A! Chúng phát hiện ra địa điểm ẩn núp của chúng ta rồi. Chúng đang lượn vòng trên đầu chúng ta, Mallory kêu lên.

- Đại úy! Chúng ta hãy rời khỏi chỗ này ngay nếu không muốn tan xương với hai khẩu súng cối.

Cả một buổi chiều diễn ra trò chơi cút bắt trong thung lũng, giữa những đồng đá của “Sân chơi của Quỷ”.

Hai máy bay trinh sát điều khiển trò chơi. Từ trên cao chúng ghi nhận từng động tác của nhóm biệt động và báo cho lực lượng truy kích bên dưới biết. Vì thế khi Mallory và đồng đội đã rút sang chỗ khác, thì bọn Đức đã nhanh chóng lần ra ngay. Sau đó, hai chiếc máy bay trinh sát hiện đại hơn đến để thay thế cho chiếc PZL và Bréguet vì, theo như Andrea nói, hai chiếc cũ chỉ bay lâu được hơn một giờ mà thôi.

Mallory cảm thấy như đang ở giữa búa và đe. Đã nhiều lần, chàng và các bạn cố tiến lên thật nhanh để tăng khoảng cách giữa họ và kẻ thù, dưới sự hướng dẫn của Louki.

Còn nửa giờ mặt trời mới lặn, họ đang men theo con đường trũng dưới thung lũng và dừng tạm ở địa điểm có một vách đá nhô ra, nơi đường rãnh rẽ làm hai, một về hướng bắc một quẹo sang phải. Mặt trời đang xuống dần ở chân trời, và rừng cây bắt đầu trở nên âm u hơn. Máy bay khó trinh sát họ được, nhưng toán lính Đức vẫn bám chặt phía sau, với quyết tâm trả thù cho đồng bọn bị tàn sát trên sườn đồi khi nãy. Mallory và các bạn đã đuổi sức sau những ngày dồn dập biến cố, nhưng toán lính Đức vẫn luôn sung sức, chưa cần phải tiêu hao đến lực dự trữ.

Qua khỏi khúc quanh của đường rãnh, Mallory mệt mỏi ngã người xuống đất nhưng vẫn trong tư thế bố trí. Chàng quay đầu nhìn đồng đội, họ đều có vẻ thảm hại. Panayis và Brown thì

bị thương, cố lết theo đoàn. Lần đầu tiên kể từ lúc khởi hành làm nhiệm vụ từ Alexandrie, Casey Brown mới lộ vẻ cau có, ít chú ý và lạnh lùng. Mallory đã hạ lệnh cho anh ta bỏ lại máy vô tuyến nặng nề đeo trên vai, nhưng anh ta thô bạo từ chối tuân lệnh chàng. Louki thì không có thể lực như mọi người, nhưng vẫn can đảm và luôn mỉm cười tuy đôi mắt buồn bã. Miller cũng mệt như Mallory, nhưng vẫn còn có khả năng chịu đựng lâu hơn nữa. Stevens vẫn tỉnh và mỗi lúc một nhợt nhạt như xác chết. Về phần Andrea có nhiệm vụ bồng người bị thương, anh luôn tỏ ra dẻo dai và không hề nản lòng.

Mallory rút điều thuốc từ trong túi ra, định đưa lên môi, nhưng chợt nhớ rằng hai chiếc máy bay vẫn còn quần trên không, chàng lại ném đi, uể oải, đưa mắt nhìn về hướng bắc, chợt chàng lặng đi. Con đường rãnh trở nên lớn hơn, hoàn toàn thẳng và khá dài. Từ chỗ đứng ở đây chàng vẫn thấy nó chắn ngang bởi một vách núi thẳng đứng.

- Louki! Mallory nhồm dậy, quên cả mệt. Anh có biết chúng ta đang ở đâu không? Anh có biết rõ địa điểm này không?

- Nhưng tôi biết chắc mà, Louki trả lời hơi khó chịu vì bị nghi ngờ. Tôi đã nói với Đại úy rằng tôi và Panayis hồi còn nhỏ đã...

- Nhưng chỗ này là hẻm cụt! Mallory phản đối. Chúng ta bị dồn vào đường cùng, không lối thoát.

Louki mỉm cười:

- Đại úy không tin Louki này sao? Panayis và tôi đã đi quan sát vùng này suốt buổi trưa. Dọc theo vách núi kia có rất nhiều đường hầm. Một trong những đường hầm đó sẽ trở ra một thung lũng khác, dẫn chúng ta vòng ra con đường ven biển, phía sau bọn Đức.

- Tôi hiểu, tôi hiểu, Mallory thở phào. Và thung lũng dẫn đến điểm nào ở bờ biển.

- Ngay trước mặt eo biển Maidos.

- Cách thành phố bao nhiêu xa?

- Từ tám đến mười cây số, không xa hơn.

- Rất tốt! Rất tốt! và anh chắc chắn không đi nhầm hang chứ?

- Tôi nhắm mắt đi cũng không nhầm, Louki trả lời với vẻ tự tin.

Bất ngờ, Mallory vấp ngã, chàng nhảy sang một bên để tránh đụng phải Stevens đang nằm gần đó. Trong lúc sơ ý, chàng đứng ở vị trí hơi lộ ra ngoài, khiến quân Đức vừa bám sát theo sau trông thấy, liền nã ngay một tràng súng liên thanh về phía chàng. Một viên đạn suốt qua vai làm rách áo và suốt da Mallory. Miller quì xuống xem xét ngay vết thương cho vị chỉ huy của mình.

- Tôi thật vô ý quá, Mallory tự nguyên rủa. Tôi không ngờ chúng ở gần quá.

Chàng bình tĩnh thốt lên những lời này. Chàng biết rằng nếu khẩu súng kia chỉ nhích sang vài ly, chàng chỉ còn là cái xác không hồn.

- Đại úy cảm thấy đỡ chưa? Miller hỏi.

- Cũng may chỉ rách da thôi, Mallory vui vẻ trả lời.

Chàng trỗi dậy lượm lấy súng.

- Nào! Chúng ta lại tiếp tục đi! Từ đây đến đường hầm bao nhiêu xa, Louki?

Louki chợt ấp úng, nụ cười đã tắt, tay bút cầm:

- Đường hầm... đường hầm ở khá xa, tận đầu vách núi kia.

- Tận đầu vách núi kia? Mallory hỏi lại.

Louki gật đầu về khốn khổ, hai mắt cúi gằm xuống đất.

- Tôi rất ân hận, thưa Đại úy. Thật là điều khủng khiếp. Tôi không ngờ bọn Đức đang ở gần chúng ta đến thế.

- Không phải lỗi của anh, Mallory nói, động lòng trước nỗi thất vọng của anh chàng nhỏ bé. Chính tôi cũng ngỡ chúng còn ở xa.

Stevens nắm tay Mallory hỏi:

- Tôi không hiểu lý do tại sao các anh lo sợ?

- Thật dễ hiểu thôi, Stevens. Từ đây đến vách núi kia còn bảy trăm năm mươi mét. Đường đi thì trơn trượt, không có chỗ ẩn nấp. Trong khi đó, bọn Đức chỉ còn cách chúng ta khoảng ba trăm mét. Chúng ta đi chưa được nửa đường thì bọn Đức đã có mặt ở đây, và hai khẩu đại liên Spandau của chúng sẽ quét sạch chúng ta.

- Nhưng tại sao Đại úy lại không bố trí hai người ở đây chặn quân Đức để những người khác rút.

- Rồi sau đó hai người ở lại sẽ rút lui bằng cách nào? Mallory hỏi vặn.

- Tôi hiểu Đại úy muốn nói gì. Tôi không nghĩ đến điều ấy, Stevens nói rất nhỏ. Thật là một vấn đề nan giải.

- Lẽ ra chẳng có vấn đề nào cả, Louki tuyên bố. Lỗi ở tôi tất cả! Tôi thật không đáng sống!

Louki định đưa súng lên tự sát, nhưng Miller đã nổi giận, giật mạnh khẩu Bren của Louki rớt xuống đất:

- Anh không được làm thế! Đại úy đã nói không phải lỗi của anh.

Trong giây lát, Louki giận dữ nhìn Miller đoạn anh buồn bã quay đầu đi và gần như muốn khóc. Mallory hơi ngạc nhiên vì tính hung hăng khác với bình thường của Miller. Chàng chợt nhận ra rằng từ một giờ nay, Miller có vẻ trầm ngâm suy nghĩ điều gì đó. Tại sao vậy?... Chàng

sẽ tìm hiểu vấn đề này sau.

- Tại sao chúng ta không cố thủ tại đây cho đến khi trời thật tối hẳn, rồi sau đó chúng ta sẽ lợi dụng bóng tối để rút qua đường hầm bên kia? Casey Brown cho ý kiến.

- Không ích lợi gì, Mallory lắc đầu, bởi vì đêm nay có trăng sớm và trên trời không có một tí mây nào cả. Họ sẽ thấy chúng ta như ban ngày. Và điều quan trọng này nữa là ngay hôm nay chúng ta phải bằng mọi cách xâm nhập vào thành phố sau khi mặt trời lặn và trước giờ giới nghiêm. Đó là cơ hội cuối cùng của chúng ta.

Nửa phút im lặng, chợt tất cả giật nảy mình khi nghe Andy Stevens cất tiếng nói dịu dàng:

- Louki không có lỗi, các bạn biết đấy.

Giọng anh ta yếu ớt, nhưng chứa đựng vẻ cương quyết khiến mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía anh ta. Stevens chống người trên khuỷu tay, khẩu Bren của Louki cầm ở tay. Mọi người đang mải mê bàn cãi nên không biết Stevens đã nhào người tới lượm khẩu súng của Louki từ lúc nào.

- Mọi sự sẽ hết sức đơn giản, Stevens tiếp tục nói. Chân tôi đã hoàn toàn bị làm độc, lên tận trên đầu gối phải không Đại úy?

Mallory không nói gì hết. Chàng không biết phải trả lời ra sao. Miller đưa mắt ra hiệu cho chàng nói “không”.

- Có đúng vết độc đã lan quá trên đầu gối tôi, phải không Đại úy? Stevens hỏi lại vẻ kiên nhẫn lạ lùng.

Bất chợt Mallory trả lời:

- Phải, đúng vậy.

Miller nhìn chàng với vẻ lo sợ.

- Cảm ơn Đại úy, cảm ơn nhiều, Stevens nói. Chẳng cần nói nhiều các bạn cũng biết nếu tôi ở lại sẽ có lợi vô cùng.

Stevens mỉm cười với vẻ mãn nguyện và với quyền lực của người hoàn toàn làm chủ tình thế.

- Đã đến lúc tôi phải làm cái gì cho xứng đáng. Tôi yêu cầu các bạn đừng bận tâm nữa. Hãy để lại đây cho tôi hai hộp đạn, hai hoặc ba trái lựu đạn và các bạn hãy đi đi.

- Tôi thà bị đày đoạ còn hơn làm vậy! Miller la lên và anh ta tới gần Stevens nhưng chợt dừng lại. Khẩu Bren của Stevens đã dí vào ngực anh ta.

- Nếu anh bước tới nữa, tôi bắn, Stevens điềm tĩnh nói.

Miller im lặng nhìn Stevens rất lâu, đoạn anh ta gục xuống đất nức nở.

- Tôi sẽ bắn nếu ai cản trở tôi, Stevens nói. Vĩnh biệt! Tôi cảm ơn tất cả các bạn...

Một phút trôi qua trong sự im lặng lạ lùng. Miller trỗi dậy, tấm thân tiều tụy trong bộ đồ rách rưới, mặt âu sầu:

- Tạm biệt anh bạn trẻ... Có lẽ cuối cùng thì tôi cũng chưa phải là y sĩ giỏi.

Miller nắm tay Stevens, nhìn rất lâu khuôn mặt hốc hác của viên trung úy trẻ tuổi, định nói điều gì nhưng lại thôi.

- Tạm biệt, Miller lăm bắm và quay lưng bước đi nặng nề.

Từng người một chào vĩnh biệt Andy Stevens, trừ Andrea nghiêng mình nói nhỏ vào tai người sắp chết, Stevens mỉm cười, gật đầu với vẻ tán thành.

Ngước mắt nhìn Mallory, Stevens mỉm cười nói:

- Cảm ơn Đại úy. Cảm ơn Đại úy đã hết lòng chăm sóc cho tôi. Đại úy và Andrea, Đại úy hiểu chứ...

- Anh... anh có cảm thấy thoải mái không? Stevens?

Nhưng rồi Mallory lại tự trách “Lạy Chúa! Tôi nói thế thật vụng về!”

- Andy Stevens, tôi không thể...

- Đã đến lúc Đại úy phải đi cho kịp. Những người khác đang chờ Đại úy. Trước khi đi, tôi chỉ yêu cầu Đại úy mời cho tôi liều thuốc.

Trong vòng năm phút, Mallory đã bắt kịp những người khác và chưa đầy một khắc sau họ đã tới đường hầm ăn thông ra bờ biển. Họ đứng lặng một lúc trước đường hầm, nghe những tiếng

súng nổ liên hồi ở phía bên kia thung lũng, nơi Andy Stevens bố trí.

Andy Stevens ở lại, nằm sấp, và đang chăm chú nhìn về hướng bờ dốc của đường rãnh đang tối dần. Chàng không cảm thấy đau nữa. Chàng rít một hơi thuốc dài và mỉm cười tra băng đạn mới vào khẩu Bren. Lần đầu tiên trong cuộc đời, chàng sung sướng và hài lòng. Chàng cảm thấy tâm hồn bình yên lạ thường. Chàng không còn sợ nữa.



CHƯƠNG MƯỜI BA

CHIỀU TỐI THỨ TƯ

18g - 19g15

Đúng bốn mươi phút sau, Mallory và các bạn đã vào trung tâm thành Navarone, chỉ còn cách các cửa của pháo đài không tới bốn mươi mét.

Mallory nhìn pháo đài kiên cố, đồ sộ, với những cửa vòng cung xây bằng đá lớn. Đã hơn mười lần, chàng lúc lắc đầu cố trấn áp sự ngờ vực và ngạc nhiên không tin rằng mình đạt đến

đích hoặc gần đến đích. Ít ra thời vận của chàng và các bạn đã bắt đầu thay đổi, sau khi bị biết bao điều rủi ro theo đuổi từ lúc đổ bộ lên đảo. Từ lúc họ rời khỏi thung lũng tối tăm nơi đó Andy Stevens chịu hy sinh ở lại bắn chặn quân Đức, cho đến khi họ đến ngôi nhà cổ, đổ nát ở quảng trường chính của thành Navarone, mọi sự đều diễn tiến nhanh chóng, dễ dàng đến nỗi họ cũng không hiểu và không tin hoàn toàn vào điều may mắn đó.

Vả lại, mười lăm phút sau khi chia tay Stevens để đi theo đường trũng đến tận hang đá không phải là không khó khăn. Lúc họ sắp bước vào hang, Panayis đã quỵ xuống vì hết chịu nổi vết thương ở chân. Có thể anh ta đau vì vết thương do anh ta tự băng bó lấy một cách thô vụng. Ngày đã xuống và bóng tối che khuất vẻ nhẵn nhụi của anh. Panayis xin được ở lại cửa hang để bắn chặn quân Đức viện lẽ rằng bọn chúng sẽ bắn hạ Stevens và chẳng bao lâu cũng sẽ tới kịp hang đá. Nhưng Mallory dứt khoát không đồng ý, vì theo chàng quân Đức khó nhận ra được đường hầm nào nhóm của chàng đi qua trong khoảng hai chục đường hầm của núi đá. Panayis đành phải vâng lời và anh ta không tỏ ý gì khi Miller và Andrea phải đỡ anh ta đi khập khiễng trong hang. Mallory nhận thấy anh ta cũng bớt đi cà nhắc hơn, có lẽ anh ta hiểu rằng sau khi viện lý do đau chân để ở lại tàn sát thêm một vài tên lính Đức, nhưng không được chấp thuận, anh ta đành phải làm giống mọi người.

Họ ra khỏi đường hầm và bắt đầu bước xuống thung lũng rải rác những chòm cây, về hướng biển lấp lánh trong đêm tối. Chợt Louki nghe một tiếng động. Anh ta vội dơ tay ra hiệu cho mọi người im lặng. Đến phiên Mallory nghe một tiếng kêu tắc nghẹn trong cổ họng từ đằng sau. Chàng quay trở lại vài bước và bắt gặp Panayis nằm mê man trên đất. Miller có nhiệm vụ đỡ anh ta đi, phân bua với Mallory:

- Lúc dừng lại đột ngột, tôi lỡ đụng nhằm chân đau của anh ta khiến anh ta ngã, đầu đập xuống.

Mallory hơi có ý nghi ngờ vực anh chàng Panayis say máu này muốn tìm ra một cái cớ tai nạn để ở lại giết thêm vài tên lính Đức cho hả dạ. Chàng cúi xuống và thấy anh ta thật sự bị một vết rách nhỏ trên đầu.

Toán lính Đức đâu ngờ nhóm chàng đã ra đến tận đây. Tất cả đều leo lên dốc để vào sâu trong thung lũng truy kích nhóm chàng. Chỉ còn để lại trên con đường ven biển hai chiếc xe tải và hai người lính gác có lẽ là tài xế. Cả hai người này đều bị nhóm chàng bất thần tấn công lột quân phục trói chặt, bịt giẻ vào miệng và bị giấu sau một bụi rậm. Sau đó, cả nhóm đều leo lên xe của quân Đức, rồ ga tiến về thành Navarone.

Đoạn đường tới Navarone thật đơn giản lạ lùng và họ không gặp một cản trở nào. Ngồi kế Mallory trên ca bin, Louki cũng mặc quân phục Đức như chàng và đang cầm lái với vẻ tự chủ hiếm thấy trong một hòn đảo nhỏ này nhưng Mallory chợt nhớ rằng xưa kia anh ta đã từng làm tài xế cho viên lãnh sự Eugène Vlachos.

Họ chỉ phải mất mười hai phút để tới trung tâm thành phố. Khi còn cách thành phố ba cây số họ đã gặp khoảng hai chục lính Đức đi bộ ngược chiều. Louki đã cho xe giảm tốc độ để chúng khỏi sinh nghi, nhưng anh ta bật đèn pha sáng chói, cốt làm chói mắt chúng và bóp còi inh ỏi, trong khi Mallory thò đầu qua cánh cửa xe bên phải quát tháo bằng tiếng Đức, ra lệnh cho chúng nép vào lề. Viên trung sĩ chỉ huy đã đứng nghiêm chào chàng và hối thúc toán lính dạt sang một bên.

Sau đó Louki cho xe chạy qua một khu vực toàn những vườn rau bao bọc xung quanh bởi những bức tường cao. Kế đó họ chạy giữa một nhà thờ theo lối kiến trúc cổ và một tu viện chính thống giáo quét vôi trắng. Cuối cùng xe họ nhồi xóc trên một con đường lát đá của thành phố cổ, thiếu ánh sáng, hẹp và lên dốc liên tục. Louki chợt cho xe dừng lại trong một hẻm tối, hoàn toàn không một bóng người dù còn một giờ nữa mới tới giờ giới nghiêm. Bên cạnh họ là một cầu thang xây bằng đá trắng, không có lan can, song song với tường nhà, tận cùng bằng một ô vuông có cửa sắt chạm trổ kiểu Ả rập.

Panayis, vẫn còn choáng váng vì cú đau vừa qua, hướng dẫn cả nhóm lên cầu thang đi xuyên qua căn nhà có vẻ quen thuộc với anh ta, đi ngang một cái sân tối, đến tận một căn nhà cổ mà giờ đây họ đang bố trí ở đó.

Louki đã cho xe phóng đi ngay sau khi mọi người sắp bước lên cầu thang. Mallory cũng không hiểu ý định của anh ta.

Qua một lỗ hổng của bức tường, Mallory chăm chú nhìn ngắm cánh cửa của pháo đài cách đó không xa. Chàng cầu mong Louki không gặp điều gì nguy hiểm. Sự hiện diện của Louki rất cần thiết cho nhóm biệt động, vì anh ta vừa có năng lực vừa hiểu biết rất rõ từng địa điểm ở thành Navarone này. Ngoài ra, Mallory cảm thấy yêu mến anh ta do tính tình dễ thương, hăng say, tận tâm, luôn sẵn sàng giúp đỡ, và nhất là sự quên mình hoàn toàn. Thật là một con người xứng đáng được yêu mến. “Nhưng còn Panayis, Mallory thầm nghĩ và tự trách mình, tại sao mình ít ưu ái đến anh ta vậy? Cho dù anh ta có khó chịu hay ít cởi mở, đâu phải lỗi của anh ta”. Dù sao anh ta cũng đóng góp công sức đâu thua gì Louki. Tuy nhiên anh ta không có tình người nồng nhiệt như Louki và lại ít thông minh, thiếu khả năng nắm bắt tình hình.

Panayis dẫn cả nhóm vào căn nhà bỏ hoang này, bởi vì từ khi quân Đức tiến chiếm thành phố, một số dân thành thị đã về làng Margaritha, hoặc những làng lân cận vì họ không muốn ở gần pháo đài, nơi bị quấy nhiễu thường xuyên bởi những toán tuần tiễu.

Mallory rất hài lòng với vị trí tiếp cận này. Khi tới giờ hành động, họ chỉ có vài mét để vào bên trong pháo đài. Và cho dù viên tư lệnh pháo đài luôn luôn có biện pháp đề phòng mọi bất trắc, nhưng chắc hẳn ta không bao giờ tin rằng một nhóm người phá hoại lại dám cả gan trái nguyên ngày ở sát bờ tường pháo đài.

Mallory giật mình khi cảm thấy có người đụng vào vai mình. Quay lại, chàng thấy Miller tay cầm một chai rượu mới khai.

- Đại úy nên ăn một chút. Để tôi canh chừng chỗ này cho.

- Anh nói đúng đấy Miller. Cảm ơn anh.

Chàng mò mẫm đi về cuối phòng. Để tránh mọi nguy cơ họ không dám thắp sáng căn phòng. Andrea đã lấy đồ ăn trong túi ra và phân phối khẩu phần cho từng người. Sau khi dùng bữa xong, Mallory bắt đầu trình bày kế hoạch đột nhập vào bên trong pháo đài. Chàng không cần phải hạ thấp giọng: hai khung cửa dẹt ở nhà lân cận chuyển động không ngừng suốt buổi chiều tối nay, vì dù sao trong thành phố này cũng còn không ít những người dân kiếm sống bằng các nghề tiểu công nghiệp.

Mọi người có vẻ hiểu rõ kế hoạch của chàng đề ra vì không ai thắc mắc gì cả. Mallory kết luận:

- Bây giờ là cơ hội đầu tiên và cũng là cuối cùng cho các bạn được ngủ để lấy sức. Mỗi phiên gác hai giờ, tôi gác giờ đầu.

- Một mình sao? Miller nhẹ nhàng hỏi. Tại sao chúng ta không gác hai người một lúc, một người ở mặt trước, một người ở mặt sau. Ngoài ra, tất cả chúng ta đều kiệt sức, một người gác có thể ngủ gật.

Anh ta nói bằng giọng lo lắng đến nỗi Mallory cũng bật cười nói đùa:

- Đừng sợ Miller. Chúng ta sẽ đứng gác gần cửa sổ này. Người nào ngủ gật sẽ rơi xuống đường, và bảo đảm sẽ tỉnh dậy ngay. Bây giờ tôi gác đầu tiên, sau đó là anh, rồi tới Panayis, Casey và cuối cùng là Andrea.

Miller dúi vào tay chàng một vật cứng và Mallory nhận ngay ra khẩu súng ngắn tự động có gắn ống hãm thanh, vật yêu quý nhất của Miller.

- Kẻ nào tò mò đến đây, Đại úy cứ tặng cho nó một viên mà không sợ đánh thức cả thành phố này dậy, Miller nói.

Một thời gian ngắn sau, trừ người gác gần cửa sổ, mọi người đều lăn ra đất ngủ say.

Gần ba phút sau, Mallory giật mình nhưng vẫn không rời chỗ gác khi nghe một tiếng động nhỏ bên ngoài, phía sau căn nhà. Khung cửa dật ở nhà bên đã ngưng hoạt động, trả lại sự im lặng tuyệt đối. Tiếng động lập lại: có người gõ nhẹ cánh cửa hành lang ở cuối căn phòng.

- Đại úy cứ ở đấy! Để tôi lo! Có thể là Louki!

Andrea thì thầm. Một lần nữa Mallory cảm thấy hài lòng về người cộng sự viên tuyệt hảo của mình. Một tiếng động dù nhỏ cũng đủ đánh thức anh ta ra khỏi giấc ngủ say nhất. Nhưng ngược lại, một cơn giông bão dữ dội lại không tài nào làm anh ta thức dậy được.

Không ai khác ngoài Louki. Anh chàng nhỏ người này đã trở về, thở hổn hển nhưng nét mặt rạng rỡ. Anh ta uống một hớp rượu do Andrea đưa mời.

- Tôi rất mừng gặp lại anh! Mallory thành thật nói. Mọi việc diễn tiến thế nào? Có ai theo dõi anh không?

- Không có ai nhìn thấy tôi ngay cả trong đêm trăng sáng, chứ đừng nói chi đến việc theo dõi được tôi! Không! Không! Tôi biết Đại úy lo lắng cho tôi. Suốt đoạn đường trở về đây tôi chỉ chạy.

- Suốt đoạn đường? Nhưng từ đâu chứ? Mallory hỏi.

- Từ lâu đài cổ Vygos. Cách đây ba cây số về phía đông.

- Nhưng anh đã làm gì ở đó?

- Sau khi rời khỏi đây, tôi đã suy nghĩ: Nơi con người tôi, suy nghĩ là một thói quen, tôi vẫn suy nghĩ luôn. Tôi nghĩ rằng quân Đức đang truy kích chúng ta trong “Sân chơi của Quỷ” sẽ phát hiện ra chiếc xe bị mất và biết chúng ta không còn ở đó nữa.

- Đúng thế!

- Lúc ấy chúng sẽ nói với nhau rằng: “Bọn biệt động Anh này sẽ không có thời gian trốn tránh lâu đâu”. Chúng sẽ tìm mọi cách ngăn chặn các ngã đường dẫn đến thành phố... Đại úy nghe kịp tôi nói chứ?

- Tôi đang cố nghe anh đây.

- Nhưng trước hết, Louki nói tiếp, chúng sẽ kiểm tra xem chúng ta đã đột nhập vào thành phố hay chưa, bằng cách sẽ tiến hành lục soát tỉ mỉ từng khu vực.

- Tôi nghĩ rằng Louki có lý đấy, Andrea! Mallory nói.

- Tôi đồng quan điểm với anh, Andrea nói. Có lẽ chúng ta sẽ phải ẩn núp hoặc trên mái...

- Tôi đã dự phòng mọi tình thế! Louki cắt ngang lời Andrea. Tôi cảm thấy mưa sắp rơi. Mặt trăng sẽ bị mây che phủ và lúc đó, chúng ta có thể di chuyển mà không gặp nguy hiểm... Còn chiếc xe, Đại úy không thắc mắc tôi đã làm gì à?

- Tôi cũng không nghĩ đến nữa, Mallory thú nhận. Anh đã làm gì?

- Tôi đã lái xe tới lâu đài Vygots. Tôi hút hết xăng ra và tưới lên xe rồi châm quẹt! Không may vì đứng quá gần, nên bây giờ tôi không còn sợi lông mày nào cả. Thật đáng tiếc! Một chiếc xe tốt thế mà cháy bùng lên...

- Tại sao anh lại làm thế? Mallory ngạc nhiên hỏi.

- Đơn giản thôi, Louki trả lời. Vào giờ này, quân Đức ở “Sân chơi của Quỷ” phải biết rằng xe chúng đã bị mất. Từ xa chúng thấy ngọn lửa dâng cao, liền kéo nhau chạy về phía lâu đài Vygots. Chúng phải chờ lửa tắt để nhận ra rằng không có xác người nào trên xe. Chúng khám xét lâu đài, khám xét chung quanh và không thấy gì hết. Lúc đó quân Đức mới kết luận rằng chúng ta ở trong thành phố. Thế là chúng tiến hành lục soát thành phố, nhưng lúc đó mưa bắt đầu rơi, trăng bị che khuất, chất nổ đã được giấu kín và chúng ta đã đi.

- Đi đâu? Mallory hỏi.

- Đi tới lâu đài Vygots, vì quân Đức sẽ không tìm ta ở đó nữa.

Mallory lặng thinh nhìn Louki. Một hồi sau, Chàng quay sang Andrea:

- Cho tới bây giờ đại tá Jensen mới phạm phải một lỗi lầm mà thôi. Lẽ ra ông ta phải chọn Louki chỉ huy cuộc viễn chinh này mới đúng. Nhưng thôi, dù sao có Louki ở bên cạnh, chúng ta

đầu thể thất bại được, phải không Andrea?

Mallory nhẹ nhàng đặt túi vải trên mái nhà bằng đất nện, nhổm người dậy và soi mới nhìn quang cảnh trong đêm tối vừa đưa tay lên mí mắt để che mưa. Ngay cả đang ở trên mái nhà gần pháo đài nhất, họ vẫn còn quá thấp so với bức tường pháo đài vươn lên cao sáu mét quá đầu họ. Bóng tối che khuất những mũi sắt nhọn tua tủa nhô ra từ đỉnh.

- Pháo đài đấy, Miller. Chúng ta sẽ quăng móc câu lên, và anh chỉ có việc đu dây lên tới đỉnh.
- Lạy Chúa! Và tôi sẽ chịu rách nát hết người vì những vòng kẽm gai xoắn tít thế kia sao?
- Nếu cần thì anh cứ bó người trong tấm lều vải cho khỏi đứt da, Mallory nói.
- Da tôi nhạy cảm lắm, Đại úy. Và không thua gì tấm nệm lò xo.
- Tùy anh xoay sở lấy, Mallory vẫn thản nhiên.

Louki đã ước tính rằng quân Đức sẽ mất ít nhất một giờ để lục soát khu vực phía bắc thành phố, như thế cho phép anh ta và Andrea có thì giờ đánh lạc hướng chúng.

- Nhanh lên, Mallory nói, chúng ta hãy giấu vật liệu nổ ở đây. Hãy moi chỗ đất này lên, đặt các túi vải xuống, lấp đất lại như cũ và đi khỏi nơi đây ngay.

Miller quỳ xuống mở túi vải ra, chợt anh ta lộ vẻ tức giận:

- Lạ quá!... Hãy đợi một chút! Anh ta nói bằng giọng khác thường.
- Có chuyện gì vậy, Miller?

Miller không trả lời ngay. Hai tay anh ta sờ soạng trong bao. Kế đó anh ta ngẩng đầu lên, giọng đầy vẻ phẫn nộ làm Mallory sửng sốt.

- Mìn nổ không có trong bao!

- Sao thế! Mallory thốt lên và đến phiên chàng thò tay lục lọi trong bao một lần nữa. Không có lý nào, Miller! Chính anh tự tay soạn túi vải này mà!

- Đúng vậy Đại úy, Miller chưa chát trả lời. Và sau đó, một tên tồi bại nào đó đã lén mở túi vải của tôi ra...

- Vô lý quá! Hoàn toàn vô lý, Miller! Chính mắt tôi thấy tự tay anh cột túi vải này sáng nay ở trong rừng và từ lúc đó, Louki đeo nó thường xuyên. Tôi hoàn toàn phó thác tính mạng của tôi cho Louki mà.

- Tôi cũng vậy thưa Đại úy.

- Có lẽ cả hai chúng ta đều lầm lẫn, Mallory bình tĩnh nói. Có thể anh đã quên để mìn nổ chậm vào bao. Bởi vì cả anh và tôi, chúng ta đều quá đuối sức rồi.

Miller nhìn Mallory bằng vẻ lạ lùng, không nói gì trong một phút đoạn nhìn nhận:

- Lỗi ở tôi, Đại úy. Tôi đã lầm, lầm lẫn một cách quá quắt.

- Anh nói thế có nghĩa gì? Xem nào, chính tôi cũng có mặt lúc đó mà.

Mallory chợt im lặng, nhồm người lên chăm chú nhìn vào bóng tối của phía nam quảng trường nơi đó vừa vang lên tiếng súng nổ. Mallory hoàn toàn bất động, hai nắm tay xiết lại. Đã hơn mười phút trôi qua kể từ lúc Panayis dẫn Andrea và Brown đến lâu đài Vygots. Bây giờ đúng ra cả ba phải đi xa rồi và hầu như chắc chắn thế. Còn Louki thì không thể nào có mặt ở nơi có tiếng súng nổ. Chàng đã dặn anh ta khá rõ ràng: giấu xong phần còn lại của thuốc nổ TNT dưới đất của mái nhà, xong rồi chờ chàng và Miller ở đấy để cùng đi về lâu đài Vygots. Chắc có điều gì trở ngại, hay là anh ta là nạn nhân của một cái bẫy. Nhưng bẫy nào?

Bất thành linh, một tràng súng liên thanh chấm dứt mọi suy nghĩ của chàng. Tiếp theo một tràng khác nhỏ hơn. Rồi cả hai khẩu súng đều im tiếng. Mallory không chần chờ gì nữa.

- Miller, hãy gom đồ lại, chàng nói khẽ. Chúng ta mang đồ đi. Chắc chắn có điều gì đó xảy ra.

Chưa đầy ba mươi giây, họ đã cắt dây và chất nổ vào lại trong bao và đeo vào lưng.

Cả hai lom khom cúi gập người lại, cẩn thận không gây tiếng động nào, chạy trên mái nhà để trở lại căn nhà cũ, nơi họ đã ẩn núp từ đầu tối và cũng là nơi hẹn với Louki. Họ chạy được vài mét, chợt thấy một bóng đen ló ra trên mái nhà. Nhưng không phải Louki, vì bóng người này

cao hơn. Trên đà chạy, vẫn không hãm tốc độ, Mallory húc mạnh toàn thân chín mươi ký lô của mình vào bóng đen, khiến hắn quỵ ngay xuống.

Trong chớp mắt hai bàn tay rắn chắc của Miller đã vòng quanh cổ hắn và từ từ xiết mạnh.

Chắc chắn hắn sẽ chết nếu Mallory không cúi xuống nhìn khuôn mặt co dúm, hai mắt gằn lòi ra ngoài và nhận ra Panayis.

- Hãy buông tay ra, Miller! Lạy Chúa! Chàng run giọng nói.

Miller tỏ vẻ không nghe. Lạnh lùng, đầu cúi xuống thấp hơn, anh ta tiếp tục xiết mạnh cổ của nạn nhân bằng sự chậm rãi im lặng nhưng điên dại.

- Panayis đấy! Đồ ngốc! Mallory nói to vào tai Miller.

Vừa nói chàng vừa hết sức giật mạnh đôi tay của Miller ra khỏi cổ của người đang nằm dưới, hai chân đang đập liên hồi trên mái nhà.

Bất chợt Miller ra vẻ hiểu, thả hai tay ra, và vẫn ở tư thế quỳ, dăm dăm nhìn nạn nhân đang nằm dưới chân.

- Anh điên sao Miller? Mallory bức tức hỏi. Anh có điếc không? Hay mù? Hay cả hai?

- Vâng có thể tôi điếc hoặc mù. Miller thản nhiên trả lời. Tôi xin lỗi Đại úy.

- Tại sao anh lại xin lỗi tôi, Mallory vừa nói vừa nhìn Panayis lồm cồm ngồi dậy và đang đưa tay xoa nắn cổ, mũi phập phồng hít thở. Anh hãy xin lỗi nạn nhân của anh kìa

- Hãy tạm gác lại những lời xin lỗi. Miller nói, Đại úy cứ hỏi anh ta điều gì đã xảy ra cho Louki?

Mallory hỏi Panayis bằng tiếng Hy Lạp, lắng nghe câu trả lời hỗn hển của Panayis vì còn thở khó khăn.

Miller nhận thấy hai vai của viên chỉ huy người Tân Tây Lan chùn hẳn xuống một cách thảm hại. Không nhin được Miller hỏi:

- Đại úy? Điều gì đã xảy ra thế? Louki có gặp tai họa gì không?

- Có. Mallory trả lời bằng giọng ủ rũ. Các bạn của chúng ta chỉ mới đi tới con đường hẻm

phía sau nhà thì đụng phải quân tuần tiểu Đức, Louki đã tìm cách đẩy lui chúng, nhưng bị một tên bắn trúng ngực. Andrea đã bắn chết tên kia và cõng Louki chạy đi. Panayis nói rằng chắc Louki không thoát chết.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

TỐI THỨ TƯ

19g15 – 20g

Ba người ra khỏi thành phố không gặp khó khăn gì và đi bằng cánh đồng hướng thẳng về lâu đài Vygos, cố ý tránh đường cái. Mưa bắt đầu to, đất trở nên lầy lội, nhất là những thửa ruộng mới cày. Xa xa họ đã gặp trong màn mưa tòa lâu đài nổi lên, chỉ cách thành phố hơn một cây số theo đường chim bay, chứ không đến nỗi như Louki đã phóng đại. Khi đi ngang qua một cái chòi bỏ hoang, Miller đề nghị:

- Tôi hết sức rồi Đại úy. Có lẽ “kẻ già” này đang “xuống dốc” và thấy hai chân mình bắt đầu lung lay rồi. Chúng ta nghỉ chân vài phút trong căn chòi kia và hút một điếu thuốc được không Đại úy?

Mallory nhìn Miller ngạc nhiên và đành miễn cưỡng gật đầu. Đây là lần đầu tiên chàng mới thấy Miller nản lòng như thế.

Cả ba người vào trong chòi, Mallory tựa lưng vào vách nghỉ trong khi Miller vẫn loay hoay với cái túi vải.

- Này Miller, anh làm gì thế kia? Qua cách nói của anh khi nãy, tôi tưởng anh mệt sắp ngất tới nơi rồi chứ.

- Đó chỉ là một cái cớ để giữ chân Đại úy một chút. Tôi cần nói chuyện nghiêm túc với Đại úy.

- Anh cứ nói! Mallory càng lúc càng ngạc nhiên.

- Bây giờ tôi chắc chắn rằng có kẻ đã lên làm hư những đồ nghề của tôi, chẳng hạn như quả mìn này, kim đồng hồ vẫn quay, nhưng công tắc nổ đã bị bẻ cong ra sau, đến nỗi đồng hồ có quay cả năm nó cũng không phát ra một tia lửa nào chứ đừng nói đến nổ.

- Nhưng tại sao vậy?

- Và đây là tang vật thứ hai, Miller vẫn tiếp tục nói, phớt lờ câu hỏi của Mallory.

Anh ta mở cái hộp đựng bộ phận nổ, nhấc nó lên khỏi tấm đệm mút bao bọc bên ngoài.

- Đại úy biết không, chỉ cần cho vào đây sáu mươi gram “Fulminate mercure” là đủ làm đi đứt mấy ngón tay của người cầm.

Nói xong, Miller thả vật nguy hiểm đó xuống đất và Mallory do phản ứng tự nhiên, kinh hãi lùi lại trong khi Miller dẫm giầy lên nó. Không một tiếng nổ!

- Tôi cá với Đại úy rằng tất cả bộ phận nổ đều trống rỗng, Miller nói. Và bây giờ tôi chỉ cho Đại úy thấy một tên phản bội, tàn bạo và đáng ghê tởm nhất mà tôi chưa từng thấy.

Miller đã thò tay vào túi rút ra khẩu súng hãm thanh, chĩa ngay vào ngực Panayis.

- Quỷ thần anh làm gì vậy Miller? Anh điên rồi hả?

Mallory tiến tới, nửa giận dữ, nửa kinh ngạc, nhưng cánh tay rắn chắc của Miller cứng như thanh sắt đã chặn chàng lại.

- Tại sao anh lại có hành động phi lý thế? Panayis không hiểu tiếng Anh.

- A! Đại úy tưởng thế sao? Vậy chứ tại sao hắn ta bỏ chạy ra ngoài hang đá trong nháy mắt sau khi Casey Brown vào báo đã nghe một tiếng động bên ngoài? Và tại sao hắn ta là người đầu tiên rời khỏi khu rừng cây minh quyết nếu không hiểu lệnh của Đại úy bằng tiếng Anh? Hãy lột áo vét của anh ra, Giu-đa phản trắc, nếu không tôi bắn gãy tay đấy. Tôi cho anh hai giây.

Mallory định chụp sau lưng Miller để vật anh ta xuống đất, nhưng chàng chưa kịp phác họa một cử chỉ nào thì chợt nhận thấy vẻ mặt khủng khiếp của Panayis: hai hàm răng nhe ra, hai mắt rực lửa. Anh ta lộ vẻ dữ tợn, hung ác đến nỗi Mallory phải rùng mình. Bất thành linh Panayis nhăn mặt đau đớn khi viên đạn từ nòng súng của Miller xoáy thủng cánh tay hắn.

- Hai giây nữa! Lần này tôi bắn vào tay trái của anh đấy!

Nhưng Panayis đã lột áo vét ra, hai mắt hận thù nhìn chòng chọc khuôn mặt thần nhiên của Miller. Mallory nhìn Panayis, rồi nhìn Miller, và rùng mình.

- Quay lưng lại, Miller ra lệnh, tay cầm súng vẫn bất động.

Panayis từ từ quay lại, Miller tiến tới nắm cổ áo sơ mi đen kéo mạnh xuống.

- Đẩy! đẩy! Có ai ngờ! Đại úy có nhớ Louki đã nói đây là người đã bị quân Đức treo lên giữa làng, đánh lòi cả xương sườn trắng phếu. Bây giờ Đại úy hãy nhìn xem lưng của anh ta mịn màng thế nào.

Dưới ánh đèn dầu của căn chòi, Mallory nhìn, nhưng không nói gì hết. Đầu óc của chàng như quay cuồng, hoang mang đến cực độ. Không một vết sẹo hay dấu vết gì trên làn da nâu bóng.

- Bây giờ vén ống quần bên trái lên! Giu-đa bán Chúa! Anh chỉ có hai giây để thi hành.

Panayis vâng lời, hai mắt vẫn tràn đầy oán hận.

- Kéo cao lên nữa! Và bây giờ tháo băng ra!

Vài giây trôi qua, Miller lúc lắc đầu mĩa mai:

- Chà vết thương ghê gớm quá phải không Đại úy?

- Tôi bắt đầu hiểu, Mallory nói.

- Đùi Panayis vẫn trơn tru, không một chút sây sát nào.

- Ít nhất là có bốn lý do, Miller nói, để kết luận đây là một tên phản bội dê hèn và bẩn thỉu nhất. Hắn ta đã giả vờ bị thương ở chân để ở lại phía sau trong hang đá, trong khi bốn người chúng ta bắn chặn bọn Đức trên sườn đồi trọc.

- Tại sao vậy? Hay là hắn ta sợ...

- Hắn không sợ gì hết. Hắn ta ở lại phía sau để viết một tờ giấy và đặt ở một nơi cho bọn Đức dễ thấy. Có lẽ hắn đã điềm chỉ cho bọn Đức biết lối ra của chúng ta để chúng chuẩn bị đón tiếp. Đại úy còn nhớ lúc trước khi vào đường hầm, tên này viện cớ đau chân xin ở lại bắn quân Đức không.

- Anh muốn nói là hắn ở lại để chỉ cho quân Đức biết con đường hầm chúng ta đi.

- Đúng vậy. Nhưng cũng may Đại úy không cho phép hắn. Lúc đó, tuy chưa có bằng chứng rõ rệt, nhưng mỗi ngò vực của tôi càng gia tăng, và để tránh những nguy cơ khác tôi vờ vấp ngã để tống cho hắn một cú mê man lúc ra đến con đường ven biển.
- Tôi hiểu, Mallory nói. Lẽ ra anh phải báo cáo cho tôi ngay sự ngò vực của anh.
- Tôi đã có ý định nhưng chưa có cơ hội đấy thôi. Cách đây nửa tiếng, khi tiếng súng nổ, tôi đã định nói hết cho Đại úy.
- Nhưng anh đã bắt đầu nghi ngờ sự phản bội của hắn ta như thế nào? Mallory hỏi.
- Cây đỗ tùng, Miller trả lời vẫn tắt. Đại úy có nhớ khi viên trung úy Đức Turzig bắt chúng ta ở hang đá đã cho biết là nhờ mùi hương của cây đỗ tùng.
- Nhưng thực ra chúng ta đã đốt củi cây đỗ tùng mà.
- Dĩ nhiên. Nhưng Turzig nói hắn ta ngửi mùi từ trên đỉnh Kostos... đang khi đó thì cả ngày gió thổi nghịch hướng.
- Lạy Chúa! Mallory lẩm bẩm. Đúng vậy! Vậy mà lúc đó tôi không nghĩ ra!
- Tuy nhiên bọn Đức vẫn biết chắc chúng ta ở đâu. Khi tôi và Panayis xuống làng Margaritha lấy thực phẩm, lúc trở về Panayis chạy theo hai người bạn của hắn. Hai người bạn! Phải hai người bạn “Đức” của hắn đã được thông báo tỉ mỉ về vị trí dừng chân của chúng ta. Và còn chuyện thực phẩm lấy từ nhà bếp của Đại úy Skoda, chính viên chỉ huy Đức đã cho phép hắn vơ vét bất cứ thứ gì kể cả, nếu cần, lấy luôn va ly của ông ấy mang lên cho chúng ta.
- Nhưng sau này hắn ta đã giết một người lính Đức khi trở về làng.
- Phải, chính Panayis đã giết. Đối với hắn thì giết người như ăn cơm bữa. Dù sao hôm đó hắn đi với Louki. Hắn giết tên lính Đức để Louki càng thêm tin tưởng hắn và sau này hắn chẳng ngần ngại đổ thừa cho Louki giết. Đại úy còn nhớ, khi hắn bị bắt chung với Louki và bị điệu vào văn phòng của Đại úy Skoda, lúc ấy đầu hắn bê bết máu.
- Phải, đúng vậy. Mallory nói.
- Đại úy có biết gì không? Đó là sốt cà chua loại hảo hạng, có thể cũng xuất xứ từ nhà bếp của viên chỉ huy Đức.
- Cũng may mà Louki chứ không phải hắn biết chỗ chúng ta dấu chất nổ... Tôi thấy làm lạ

sao hắn không hỏi dò Louki nhỉ?

- Bởi vì hắn tưởng Louki không biết. Ngoài ra hắn còn biết sử dụng tấm kính phản chiếu ánh sáng để làm lộ vị trí cho máy bay Stuka đến oanh tạc chúng ta. Đang khi đó, Đại úy cứ tự nhận là lỗi tại ống nhòm của mình. Và sáng nay, hắn ta đã thọc tay vào túi xách của tôi. Chẳng hiểu sao hắn không cụt tay khi sờ vào chất nổ fulminate nhỉ? Có lẽ hắn đã được huấn luyện khá kỹ về môn này.

- Đó là lẽ đương nhiên, Mallory nói. Nếu hắn ta không học cách phá hoại, bọn Đức đâu thêm thu nhận hắn làm gián điệp.

- Theo tôi nghĩ, Louki chưa chết đâu, mà vẫn còn nguyên vẹn. Có lẽ cả nhóm đã đến lâu đài Vygos rồi. Tên Panayis khôn lanh này đã lên đi báo cho quân Đức đến bắt các bạn ta ở lâu đài, rồi sau đó bày kế cho bọn Đức giả bộ bắn vài tràng đạn để chúng ta hoang mang trở lại căn nhà này trong khi Panayis rình trên mái dùng đèn hiệu báo cho bọn Đức tới bắt nốt chúng ta. Nhưng hắn không ngờ Louki đã ấn định điểm hẹn với chúng ta trên mái, chứ không phải bên trong ngôi nhà này. Tôi dám chắc rằng trong túi áo vét của hắn có cây đèn bấm.

Mallory lượm áo vét của Panayis lên xem và nói:

- Phải, anh ta có một cây đèn bấm.

Miller đốt một điếu thuốc, đoan nhìn Panayis:

- Anh có cảm nghĩ gì khi biết mình sắp chết? Đã biết bao người bất hạnh vì anh. Họ đã chết vì cứ tưởng anh là bạn tốt.

Panayis không nói gì hết. Hắn nắm chặt vết thương ở cánh tay. Bất động, luôn nhe răng ra gầm gừ, hắn như muốn ăn tươi nuốt sống Miller.

- Kẻ tử tội không có gì để nói, Miller uể oải tuyên bố. Lẽ ra tôi phải giải thích nhiều lời về vai trò của tôi vừa là quan tòa, công tố viên và đao phủ, nhưng tôi nghĩ không cần thiết. Đã có quá nhiều người chết, dưới bàn tay độc ác của anh. Bây giờ tôi sẽ giết anh, Panayis. Anh có trần trối gì không?

Điều mà hắn không nói, thì cặp mắt đầy hận thù, giận dữ của hắn đã nói thay. Miller khẽ gạt đầu, cẩn thận nhắm ngay tim Panayis, bắn hai phát và thối tắt đèn trước khi xác nạn nhân gục xuống.

- Andrea, tôi e rằng không mở ra nổi! Louki vừa nói vừa thất vọng lắc đầu. Nút thắt chặt quá!

Andrea lăn người qua một bên, ngồi dậy và tìm mọi cách vùng ra khỏi lớp dây trói tay và chân chàng. Bọn Đức thật quý quyết: dây trói đều thấm nước nên không sao bứt được.

Mới đây hai phút, Andrea đã vặn vẹo mọi cách để dùng những đầu ngón tay thép của mình mở dây trói cổ tay cho Louki. Nhưng bây giờ, với thể lực yếu đuối Louki không sao dùng tay mở nổi dây trói cho Andrea.

- Chúng ta cố tìm thử một cách nào khác, Andrea nói.

Chàng đưa mắt nhìn khắp căn phòng dưới ánh sáng đèn dầu đặt gần chấn song sắt. Ánh đèn vàng yếu ớt vì chỉ đủ cho thấy Casey Brown ngồi dựa góc đối diện, cũng bị trói gô như chàng. Andrea chưa xót nghĩ thẳm đây là lần bị bắt thứ hai trong cuộc viễn chinh này. Bọn Đức đã đột nhập bất ngờ vào phòng vài giây sau khi Casey Brown vừa mới liên lạc bằng vô tuyến với Le Caire xong. Chúng hành động hết sức bất ngờ khiến cả chàng và hai người bạn không kịp trở tay. Toán tuần tiễu đã tìm đúng căn phòng của nhóm chàng ẩn náu. Viên chỉ huy toán lính Đức còn tuyên bố thẳng thừng giờ cáo chung của chàng và các bạn đã đến. Hắn chẳng cần dè dặt mà tiết lộ luôn vai trò gián điệp của Panayis và hắn đoán chắc rằng giờ này Mallory và Miller cũng chịu chung số phận với bọn chàng. Dù sao ý nghĩ thất bại hoàn toàn cũng không chi phối được Andrea.

Chàng quan sát rất kỹ xung quanh: những bức tường, nền nhà bằng đá, những cánh cửa bằng song sắt nặng nề của lâu đài Vygots.

Ánh sáng! Andrea quay lại nhìn ngọn đèn dầu.

- Louki, chàng nói khẽ, anh có thể tới gần ngọn đèn được không?

- Tôi nghĩ rằng... được.

- Hãy tháo cái bóng bằng thủy tinh, nhớ xé một miếng vải áo lót tay cho khỏi bóng. Đập khế trên đất cái bóng đèn bó trong vải, và lấy mảnh thủy tinh bể cửa đứt dây trói cho tôi.

Louki gật đầu ra vẻ hiểu. Hai chân vẫn còn bị trói, nhưng hai tay đã được tự do, anh ta lết từ từ tới gần cái đèn, thò tay ra định lấy cái bóng, nhưng chợt dừng lại, bàn tay cách bóng chỉ vài phân. Một nòng súng trường Mauser thò qua song sắt chìa vào đầu anh ta. Người lính gác giận dữ la hét điều gì đó nhưng Louki không hiểu.

- Hãy trở lại đây Louki, Andrea nói nhỏ. Người quản lý của chúng ta không hài lòng.

Louki vâng lời ngay. Người lính Đức còn lăm bắm vài câu sau khi đã rút nòng súng ra khỏi song sắt, nhưng hắn chợt lộ vẻ lo lắng và bỏ đi khá nhanh.

- Hắn sao vậy? Casey Brown hỏi. Hình như hắn ta có vẻ bối rối.

- Phải đấy, Andrea nói, hắn vừa phát hiện ra rằng hai tay Louki đã được tự do.

- Tại sao hắn không cột lại?

- Có lẽ hắn sợ chúng ta giăng bẫy chăng, nên hắn chạy đi kêu đồng bọn tới.

Hầu như tức thì, hai người lính mặc quân phục Đức chạy tới ngay. Họ mở cửa sắt kêu kéo kẹt. Dáng điệu thật đáng sợ với đôi giày boots cao cổ và vũ khí lăm lăm trên tay. Họ đứng im một chút để hai mắt làm quen với bóng tối căn phòng. Kế đó, một người nói:

- Thật là kinh khủng, Đại úy. Các bạn ta bị trói như gà.

Một thoáng im lặng ngột vực, đoạn cả ba tù nhân cùng nhồm dậy. Brown là người lên tiếng đầu tiên.

- Thật là đúng lúc! Tôi cứ ngỡ hai anh không bao giờ tới đây được nữa.

- Tôi cũng nghĩ rằng Đại úy và Miller chắc đã bị bắt, Andrea nói. Không ngờ cả hai đều lành mạnh.

- Phải, Mallory nói. Cũng nhờ Miller sớm nghi ngờ Panayis, nên chúng tôi không bị rơi vào bẫy của anh ta.

- Panayis hả? Hắn đâu. Louki hỏi.

- Panayis hả? Miller trả lời một cách qua loa. Hẳn ta bị tai nạn, chúng tôi đành để lại đằng sau.

Miller cẩn thận cắt đứt dây trói cho Brown. Phía bên kia, Mallory mở trói cho Andrea vừa kể vắn tắt cho anh ta nghe những diễn biến vừa qua, chàng quay sang nói với mọi người:

- Tôi và Miller đã dễ dàng đánh gục hai người lính gác, bởi vì chúng không ngờ có người đến giải cứu các tù nhân, nên chúng canh gác không được chặt cho lắm. Nhưng bây giờ chúng ta phải rời khỏi lâu đài này càng nhanh càng tốt... Louki, anh khoẻ rồi chứ?

- Đại úy, tôi rất buồn khi biết một trong những đồng bào tôi đã làm gián điệp...

- Thôi chuyện này sẽ bàn sau, Mallory nói. Các bạn hãy đi theo tôi! Sớm muộn gì bọn Đức cũng trở lại đây khi bắt hụt tôi và Miller.

Chàng ngưng nói khi gặp trong một góc nhà những mảnh vụn của máy phát điện và máy vô tuyến của Casey Brown.

- Chúng đã phá vỡ không nương tay, Mallory nói bằng giọng cay đắng.

- Lạy Chúa như vậy càng đỡ cho tôi! Đại úy không thấy cái lưng của tôi đã còng vì cái máy phát điện đó sao?

- Đại úy! Brown thốt lên vừa nắm cánh tay của Mallory, cử chỉ của anh ta khác thường so với mọi khi khiến Mallory hồi hộp. Tôi sắp báo cáo cho Đại úy một tin hết sức quan trọng. Đại úy phải nghe tôi!

- Tôi nghe anh nói đây, Brown.

- Khi này tôi đã bắt liên lạc được với Le Caire. Chúng tôi nghe nhau rất rõ. Chính đại tá Jensen ở đầu máy. Ông ta nổi giận vì suốt ngày ngóng chờ tin tức của chúng ta. Tôi đã cho ông ta biết rằng Đại úy đang ở trước pháo đài và trong khoảng một giờ nữa sẽ đột nhập vào bên trong. Đại tá nói rằng ông rất vui mừng vì tin tức đầy hứa hẹn này. Đại tá nói rằng tình báo Anh đã thu lượm những nguồn tin sai lầm. Hạm đội của Đức không cần trốn tránh ban đêm trong quần đảo Cyclades nữa, nhưng chúng đã được hộ tống mạnh mẽ bởi những tàu trinh sát và lực lượng máy bay đông đảo chưa từng thấy ở Địa Trung Hải để tiến thẳng về Khéros. Chúng sẽ đổ bộ lên Khéros sáng mai lúc bình minh. Đại tá nói rằng các tàu khu trục của ta đã án binh bất động, ở phía nam suốt cả ngày và đã bắt đầu nhổ neo lên đường lúc hoàng hôn xuống. Hiện nay

họ đang chờ lệnh của đại tá Jensen để mạo hiểm đi vào eo biển Maidos. Tôi đã báo cáo với đại tá rằng chúng ta có thể gặp khó khăn, nhưng đại tá đã cắt ngang lời tôi và nhấn mạnh rằng “Không có khó khăn gì cả nếu Đại úy Mallory và Miller đã vào được bên trong pháo đài” và ngoài ra không vì một khó khăn nào mà quên đi sinh mạng của một ngàn hai trăm binh sĩ sắp di tản khỏi Khéros.

Brown nói đến đây thì im bật, mắt cúi xuống đất vẻ khốn khổ.

- Cứ tiếp tục đi, Mallory lăm bắm, mặt tái mét.

- Chỉ có thể, thưa Đại úy. Các tàu khu trục của ta sẽ đi qua eo biển Maidos lúc mười hai giờ đêm nay.

Mallory ném một cái nhìn lên đồng hồ tay và nói, hai nắm đấm xiết chặt lại:

- Chỉ còn hơn bốn tiếng! Lạy Chúa! Họ sẽ đi qua eo biển ngay giữa đêm nay! Hai khẩu đại bác đang chờ họ! Phải bằng mọi cách phá hủy hai khẩu lợi hại này trước nửa đêm! Cầu Chúa che chở cho họ! Cầu Chúa che chở cho họ!

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

TỐI THỨ TƯ

20g – 21g15

Đồng hồ của Mallory chỉ tám giờ ba mươi tối. Còn đúng nửa tiếng nữa là giới nghiêm. Mallory nằm rạp trên mái nhà, sau một bức tường thấp tiếp cận với những bức tường cao hơn của pháo đài. Chàng hồi hộp vô cùng. Chỉ cần một người lính gác nào đó có đèn bấm, đi tuần trên con đường ven bờ tường bên trong, tò mò nhìn xuống, là chàng và các bạn sẽ bị phát giác ngay. Nếu ánh đèn pin quét xuống, chàng và Dusty Miller nằm phía sau, đang ôm cái bình ắc quy to của chiếc xe tải, sẽ không tài nào tránh khỏi. Cách đó hai mái nhà Brown và Louki đang lo thắt sợi dây thành nhiều nút khoảng cách đều nhau và cột cái móc sắt vào đầu một cây sào bằng tre, mà họ đã nhổ từ một hàng rào khi từ lâu đài Vygots trở về đây, trong khi một đoàn ba

chiếc xe tải chở đầy lính Đức gầm rú tiến về hướng lâu đài.

Tám giờ ba mươi phút! Trời ơi! Andrea làm gì ở đằng kia lâu thế? Mallory sốt ruột tự hỏi nhưng chàng tự trấn an ngay. Andrea không bao giờ hoang phí một giây. Tốc độ là chính yếu, nhưng hấp tấp có thể là điều bất hạnh. Chàng và các bạn đã nhận định rằng ít có khả năng còn nhiều sĩ quan Đức bên trong căn nhà này vì phân nửa quân số trú phòng đã được tung ra lục soát thành phố hoặc ngoại ô trong khu vực xung quanh lâu đài Vygots. Nhưng nếu... chỉ cần một tên lính Đức trong pháo đài lên tiếng báo động, thế là hết.

Mallory nhìn vết phồng trên lưng bàn tay bất giác mỉm cười nhớ lại chiếc xe tải bị chàng đốt. Có lẽ đó là đóng góp duy nhất của chàng vào những thành tích của nhóm trong tối nay. Còn Andrea thì phát hiện ra căn nhà này ở phía tây quảng trường thuộc dãy nhà dành cho các sĩ quan Đức. Đó là đáp số cho vấn đề nan giải của cả nhóm: nếu lọt được vào bên trong, sẽ không lo bị khám xét.

Chính Miller khi nãy đã phải lên tiếng báo động về tình trạng mất ngòi nổ chậm, máy phát điện, máy từ điện và đòi hỏi phải có bằng được một bình ắc quy. Andrea đã tìm cách bít lối đi của một chiếc xe tải, khiến bọn lính Đức đành phải xuống đi bộ tới lâu đài. Anh ta chỉ cần vài giây để uy hiếp tài xế, trói hắn lại và giấu dưới một cái hồ đang khi Miller lo tháo vít để lấy cái bình ắc quy nặng nề, sau đó họ lấy thùng xăng gắn bên dưới cái bậc lên xe, tưới lên máy và cabin. Chiếc xe cháy rụi đã xóa sạch dấu vết bị mất bình ắc quy.

Mallory cảm thấy Miller đụng vào mắt cá chân, chàng quay lại, Miller đưa ngón tay chỉ Andrea đang ra dấu cho hai người. Anh chàng Hy Lạp khổng lồ đã rón rén tới chỗ hai người một cách hết sức nhẹ nhàng đến nỗi Mallory đang bị thu hút bởi những ý nghĩ cũng không biết có Andrea tới. Nhanh như cắt, anh ta đỡ lấy bình ắc quy từ tay Miller, dặn Miller đi gọi Brown và Louki rồi anh ta lại đi trên mái nhà mà không một tiếng động. Đối với Miller thì bình ắc quy nặng ngàn cân, nhưng Andrea ôm nó, trèo qua cửa sập, và leo xuống bên trong nhà một cách dễ dàng như không có nó.

Qua cánh cửa mở, Andrea bước ra bao lơn. Bên dưới ba mươi mét là hải cảng chìm trong bóng tối. Mallory theo sát anh ta và hỏi:

- Không có gì trục trặc chứ?

- Hoàn toàn không, anh Mallory. Không có ai ở nhà. Tôi đã dò xét kỹ hai lần rồi.

- Tuyệt lắm! tôi cho rằng bọn sĩ quan đã lên đường đi truy lùng chúng ta. Họ đâu ngờ chúng ta đang ngồi trong phòng khác của họ.

Mallory tiến sát tới chấn song của bao lơn và đưa mắt nhìn xuống. Chàng rùng mình. Chàng lùi một bước, lắc lư chấn song và hỏi:

- Anh có tin rằng mấy chấn song này còn chắc không?

- Tôi cũng không biết nữa, Andrea nói. Nhưng tôi hy vọng không xảy ra chuyện gì đâu.

- Mặc kệ! Mallory nói. Đằng nào tôi và Miller cũng sẽ leo xuống đây.

Chàng lại cúi người qua chấn song một lần nữa và ngoảnh đầu sang phải. Trong màn mưa đêm, chàng có thể thấy lò mờ cánh cửa ra vào hầm hai khẩu đại bác có lẽ cách chỗ chàng đứng một trăm hai mươi mét và ít nhất là chín mươi mét trên cao vách núi thẳng đứng. Cửa vào hầm thật khó đến gần chẳng khác gì hầm đại bác đó đang ở trên mặt trăng.

Chàng quay đầu lại và nghe tiếng bước chân khập khiễng của Brown.

- Trung sĩ Brown! Anh hãy chốt ở mặt trước ngôi nhà. Hãy đứng gần cửa sổ và đừng khóa cửa chính. Nếu có ai đến, cứ để họ vào.

- Và tôi sẽ đánh gục hoặc đâm họ nhưng không được nổ súng. Có phải thế không, Đại úy?

- Đúng vậy.

- Đại úy có thể yên tâm trao cho tôi nhiệm vụ này, Brown nói xong liền bước đi.

Mallory quay sang Andrea:

- Đồng hồ của tôi bây giờ là chín giờ kém hai mươi ba phút.

- Của tôi cũng thế, chín giờ kém hai mươi ba.

- Chúc may mắn, Mallory nói khẽ.

Và chàng quay sang mỉm cười với Miller.

- Chúng ta đi, Miller. Vở kịch bắt đầu mở màn.

Năm phút sau, Mallory và Miller đã ngồi trong một tửu quán ở phía sau quảng trường. Mặc dù màu xanh sặc sỡ và nhức mắt được tô trên các bức tường, trên bàn, trên ghế và trên cả sàn gỗ - màu xanh dương và đỏ dành cho các quán giải khát, màu xanh lá cây dành cho các hàng mứt kẹo, điều đó hầu như trở thành quy luật trên các hòn đảo - quán này có vẻ âm u, kém ánh sáng, và nghiêm trang như những vị anh hùng trong chiến tranh giành độc lập, với hàm râu oai vệ, mà chân dung được treo trên bốn bức tường.

Mallory mừng thầm vì ánh áng yếu ớt tỏa ra từ hai ngọn đèn dầu. Với bộ màu sậm mà chàng và Miller đang mặc, do Louki cung cấp, áo vét có đường viền, giày boots cao, khăn bịt đầu có tua đen, hai người trông giống hoàn toàn tằm, chín người dân đảo đang hiện diện trong quán. Và lại Louki đã xác nhận với họ rằng chủ quán là một người Hy Lạp yêu nước và ông ta không có tính soi mói về những người khách lạ khi có sự hiện diện của quân Đức trong quán. Và hiện giờ, đang có bốn người lính ngồi quanh một cái bàn ở gần quầy, và vì thế Mallory rất hài lòng vì căn phòng nửa tối nửa sáng này.

Miller đốt một điếu thuốc chế tạo tại địa phương và nhả mặt nói:

- Mùi hắc quá, Đại úy.

- Mùi "hachich" đấy, Mallory nói vẫn tắt. Đó là tai ương của các đảo.

Và chàng hất đầu về phía góc tối nhất bên kia:

- Dân ở đây họ hút loại thuốc này mỗi tối. Hình như có người sống chỉ để hút.

- Chà! Cứ như phải chịu đựng cảnh hun khói thuốc này trong khi họ vừa hút vừa hợp xướng thể kia chắc Toscanini cũng phải ngả mũ chào!

Mallory nhìn nhóm ít người trong góc đang vây quanh chung quanh một người trẻ tuổi đang chơi đàn bonzouko, loại đàn mandoline dài, để đệm những bài hát thương nhớ quê hương của

các tay nghiện thuốc hachich. Có lẽ âm nhạc này có một ma lực buồn và mơ mộng, nhưng trong lúc này, nó càng làm cho thần kinh của chàng và Miller thêm căng thẳng.

- Phải! Nghe thật nhức óc, Mallory nhìn nhận, nhưng nhờ thế mà chúng ta mới nói chuyện với nhau mà không bị chú ý. Chứ nếu bọn người này mà đi khỏi quán...

- Tôi sẽ im lặng ngay, Miller cầu nhàu.

Và anh ta bắt đầu nhẩn nhó ráng nuốt món ăn "hầm bà lằng" trong đĩa gồm có trái ô liu cắt từng lát, gan bò, phó mát và táo. Là người Mỹ chuyên uống rượu bourbon lâu đời của Pháp, Miller không tán thành cái thói quen của người Hy Lạp là vừa ăn vừa uống đồng thời. Bất chợt, anh ta dụi nát điếu thuốc đang hút dở và ngược mắt nhìn Mallory.

- Lạy Chúa! Còn bao lâu nữa Đại úy?

Mallory biết rõ điều mà Miller đang cảm thấy, bởi vì điều lo lắng của Miller cũng là điều lo lắng của chàng và thật khó chịu đựng lâu nổi. Biết bao nhiêu sự việc chỉ tùy thuộc vào vài phút sắp tới. Chính những phút sắp tới này sẽ quyết định rằng mọi gian khổ, công lao của họ là cần thiết hay không, rằng sự hy sinh của Andy Stevens là có ích hay vô ích, rằng một ngàn hai trăm người ở Khéros sẽ sống hay chết.

Mallory lại nhìn nét mặt mệt mỏi, đôi môi mím chặt, đôi bàn tay nóng nẩy của Miller. Chàng nghĩ thầm rằng trừ Andrea ra, trong tất cả những người chàng biết, chỉ có anh chàng người Mỹ này xứng đáng là người bạn đồng hành tối nay của chàng. Đại tá Jensen đã nói rằng anh ta là chuyên viên chất nổ số một của miền Nam Châu Âu. Anh ta từ xa đến đây chỉ để hoàn thành độc nhất nhiệm vụ đó. Đêm nay là đêm cuối của Miller.

Mallory nhìn đồng hồ và nói với Miller:

- Còn mười lăm phút nữa là tới giờ giới nghiêm. Mọi việc sẽ diễn ra trong mười hai phút mà thôi. Chúng ta chỉ còn đợi bốn phút nữa.

Miller gật đầu không nói gì. Anh ta lại rót rượu đầy ly, đốt một điếu thuốc mới. Mallory thấy trên thái dương của anh ta có một sợi thần kinh co giật và chàng tự hỏi còn bao nhiêu sợi khác đang co thắt trên mặt anh ta. Chàng cũng tự nhiên hỏi Casey Brown xoay sở thế nào với cái chân bị thương trong ngôi nhà ở của sĩ quan Đức. Dù sao nhiệm vụ của anh ta không kém phần

nặng nề, và trong trường hợp cực chẳng đã, anh ta đành rút lui khỏi vị trí chốt của cánh cửa chính để trở lên bao lơn. Chỉ cần một bước sơ sẩy trên cao là...

Mallory cảm thấy Miller đang nhìn chàng với vẻ lạ lùng. Chàng mỉm cười với anh ta. Phải thành công bằng mọi giá, bởi vì nếu thất bại... Chàng cố xua đuổi ý nghĩ về những gì sẽ xảy ra nếu thất bại. Lúc này nghĩ đến thất bại là không tốt.

Chàng nghĩ đến Andrea và Louki giờ này đang ở vị trí đã định. Chàng thầm mong cả hai người không gặp trở ngại gì. Chàng hy vọng thế bởi vì quân Đức hiện đang lục soát ở khu vực bên trên.

Chàng lại nhìn đồng hồ: chưa bao giờ kim chỉ giây lại có vẻ chạy chậm đến thế. Chàng đốt một điếu thuốc cuối cùng, rót một ly rượu cuối cùng, nghe nhưng thật ra chẳng chú ý đến bài hát âu sầu vang lên từ trong góc. Khi những người nghiện thuốc hachich thôi hát, những ly rượu đã nốc cạn, Mallory đứng dậy.

- Đã đến giờ hành động! Chàng nói khẽ.

Chàng đi ra cửa, vừa lên tiếng chào chủ quán. Tới ngưỡng cửa chàng dừng lại, thọc tay vào túi ra vẻ tìm vật gì đó mà không thấy, nhưng liếc mắt nhanh ra bên ngoài. Còn đường hoàn toàn không một bóng người, cơn mưa lớn đang nện xuống mặt đường lát bằng đá. Sau một hồi làm bộ lục lọi mà không thấy, chàng nhúu mày chửi đồng lên một tiếng và quay trở lại bàn đã ngồi, bàn tay phải bây giờ đang đút vào túi trong của áo vét. Dusty Miller lúc đó cũng xô ghế đứng dậy. Chỉ cách chín mươi phân cái bàn của bốn người lính Đức. Mallory đứng im và nói nhỏ bằng tiếng Đức, giọng đầy đe dọa tay phải lăm lăm khẩu súng Colt 45 của Hải quân.

- Tất cả ngồi im! Chúng tôi bị dồn vào bước đường cùng. Nếu ai nhúc nhích chúng tôi bắn.

Trong ba giây, những lính Đức ngồi bất động, những cặp mắt mở to vì kinh ngạc. Chợt người lính ngồi sát quầy hàng nhất chớp mắt, vai động dậy trong tư thế định chống cự, nhưng hắn ta chỉ kịp rú lên một tiếng đau đớn, viên đạn từ nòng súng hãm thanh của Miller đã xuyên thủng bàn tay hắn.

- Rất tiếc, đại úy Miller nói với Mallory. Hắn ta phải chịu đau một chút...

Mallory quay sang chủ quán, một người khá cao, mặt gầy trông có vẻ buồn, nhưng oai vệ

nhờ hàm râu. Chàng hỏi bằng thổ ngữ của dân đảo.

- Bọn lính này có biết tiếng Hy Lạp không?

Chủ quán lắc đầu. Hoàn toàn bình tĩnh không mấy may xúc động, ông ta coi việc ẩu đả có vũ khí trong quán rượu là chuyện thường tình. Ông ta trả lời Mallory:

- Không! Chúng biết chút ít tiếng Anh, nhưng không biết tiếng của chúng tôi.

- Tốt! Tôi là sĩ quan Tình báo Anh. Tôi cần một chỗ để nhốt bọn lính này.

- Lẽ ra các anh không nên tấn công họ, chủ quán nói. Bọn Đức sẽ giết tôi vì chuyện này.

- Ồ không! Ông sẽ không chết đâu.

Vừa nói Mallory vừa chĩa súng vào ngực chủ quán, nhưng khẽ nháy mắt ra hiệu ngầm cho ông ta. Tất cả mọi người trong quán kể cả bọn lính đều thấy ông ta bị uy hiếp thô bạo. Mallory nói nhỏ:

- Tôi sẽ trói ông cùng với bọn họ, như thế ông không sợ bọn Đức nghi ngờ nữa.

- Cảm ơn anh. Ở đầu quầy có một cái hầm rượu đầy bằng một nắp gỗ lớn.

- Tốt lắm!

Mallory giả bộ dùng súng đẩy chủ quán chúi nhủi qua một bên. Sau đó chàng tiến về góc nơi tụ tập những người nghiện thuốc. Chàng nói nhanh:

- Tất cả các anh hãy về đi. Vả lại gần tới giờ giới nghiêm rồi. Hãy ra ngoài bằng cánh cửa sau và nhớ rằng các anh không thấy, không biết gì hết. Hiểu chưa?

- Chúng tôi hiểu.

Anh chàng chơi đàn bouzouko trả lời và đưa ngón tay cái chỉ những người ngồi quanh, mỉm cười nói tiếp:

- Họ là những người bê tha nghiện ngập, nhưng đều là người dân Hy Lạp tốt bụng. Chúng tôi giúp hai anh được gì không?

- Không, Mallory trả lời. Các anh hãy nghĩ đến gia đình... À! Bọn lính Đức này chắc biết mặt các anh thường đến đây mỗi tối phải không?

Anh chàng đánh đàn gặt đầu!

- Nếu vậy, tất cả hãy chuẩn về nhà đi! Dù sao tôi cũng cảm ơn nhã ý của các bạn.

Một phút sau, trong hầm rượu soi sáng bằng một ngọn nến, Miller thúc cùi chỏ vào một người lính có khẩu súng ngang tầm anh ta và ra lệnh:

- Cởi quần áo ra!

- Đồ bọn Anh heo mọi! tên lính Đức nhe răng chửi.

- Tao không phải người Anh, Miller cãi lại. Tao cho đúng ba mươi giây để cởi quần áo.

Tên lính Đức vẫn chửi nhưng không tuân lời. Miller thở dài. Tên Boche (tiếng dùng để chỉ người Đức) này thật gan lì, nhưng không thể để mất thì giờ. Miller nhắm vào bàn tay tên lính và bóp cò khẩu súng hãm thanh. Chỉ nghe một tiếng "bộp" và nạn nhân sững sờ nhìn lòng bàn tay đã lủng một lỗ.

- Không nên làm hư bộ quân phục đẹp này phải không? Miller hỏi.

Anh ta đưa khẩu súng lên ngang tầm mắt của tên lính và nói:

- Viên đạn tới sẽ ghim vào trán của anh và lúc đó tôi lột quần áo của anh không khó khăn gì đâu.

Nhưng Miller khỏi cần bắn, tên lính đã cởi đồ vừa găm gù vì tức giận và đau đớn.

Chưa đầy năm phút trôi qua Mallory và Miller, chững chạc trong bộ quân phục Đức, mở cửa quán rượu, cẩn thận liếc nhìn ra bên ngoài. Mưa càng to hơn và không một bóng người bên ngoài. Không cần phải trốn tránh, Mallory và Miller ngang nhiên đi trên đường để qua phía

nam quảng trường cách đó chỉ bốn mươi mét. Khi đi tới ngôi nhà cổ nơi họ đã ẩn núp hồi đầu chiều tối, hai người quẹo trái, vẫn không giảm tốc độ trong khi bàn tay bí mật của Louki ló ra từ sau cánh cửa hé mở, và bàn tay đó đang cầm hai túi vải của quân đội Đức chứa đầy dây, móc và chất nổ cực mạnh.

Đi thêm vài mét xa hơn, Mallory và Miller chợt dừng lại, ngồi chồm hổm đằng sau hai thùng rượu lớn đặt trước một tiệm hớt tóc và nhìn về phía hai người lính Đức vũ trang đứng gác ngay cổng hình cong bán nguyệt của pháo đài cách đó không đầy ba mươi mét. Mallory và Miller đeo hai túi vải mà Louki mới trao lên vai và chờ đợi mật hiệu của đồng đội.

Cả hai chờ không lâu: chỉ gần một giây sau, bàn tay của Mallory nắm chặt sợi dây đeo của túi vải khi một loạt tiếng nổ làm rung chuyển thành phố cách đó hai trăm mét, tiếp theo là một tràng liên thanh, rồi lại những tiếng nổ mới. Andrea thật khéo đánh lạc hướng với những quả lựu đạn và những trái bom chế tạo thô sơ.

Cả hai lùi lại trong khi từ trên nóc pháo đài, một ngọn đèn pha quét trên đầu các bức tường tua tủa những cọc nhọn và những vòng kẽm gai.

Mallory chờ thêm nửa phút, đụng nhẹ cánh tay Miller, chàng đứng lên và chạy như điên xuyên qua quảng trường vừa ép sát cây tre dài dọc theo bên hông. Miller chạy sát đằng sau chàng. Chỉ trong vài giây, họ đã tới cách cổng bằng song sắt của pháo đài. Hai người lính gác vội vã tiến ra.

Tất cả các anh hãy đi ra đường Marches, Mallory ra lệnh bằng tiếng Đức. Bọn khủng bố người Anh đáng nguyên rủa đang cố thủ trong một căn nhà trên đường Marches. Chắc chúng ta phải sử dụng đến súng cối. Đi đi! Tất cả đi đi!

- Nhưng còn cổng! Một người lính gác lên tiếng chúng tôi không thể bỏ trống cổng này!

Người lính gác không chút ngờ vực, đứng trước mặt hắn ta là là một viên sĩ quan Đức, mặc quân phục Đức, nói tiếng Đức và thực tế là phía bên đường Marches vừa vang lên tiếng súng lẫn tiếng nổ dữ dội.

- Đồ ngốc! Mallory giận dữ la lên. Ở đây thì có quái gì mà gác? Bọn heo mọi Anh đang ở trên đường Marches, biết chưa? Phải tiêu diệt chúng. Lạy Chúa! Đi nhanh lên! Nếu chúng mà trốn

thoát một lần nữa, tất cả chúng ta sẽ bị đưa ra mặt trận Nga hết!

Mallory đã đặt tay lên vai người lính gác, định đẩy hẳn đi, nhưng chàng khỏi cần phải làm thế. Cả hai người lính Đức ngoan ngoãn tuân lệnh, chạy ngang qua quảng trường và biến mất trong màn mưa. Vài giây sau, Mallory và Miller đã đột nhập vào bên trong pháo đài Navarone.

Bên trong pháo đài, đang xảy ra cảnh huyên náo. Những khẩu lệnh vang lên, xen lẫn tiếng còi tu huýt, tiếng động cơ xe nổ, các viên trung sĩ Đức chạy qua chạy lại để tránh không bị chú ý nếu cứ tiếp tục đi thong dong trong không khí ồn ào náo nhiệt này.

Họ đi qua hai trại lính ở bên phải, rồi đến trung tâm phát điện ở bên trái, kế đó là kho đạn, ga-ra. Bây giờ họ đang leo lên trong bóng tối, nhưng Mallory biết chắc phải đi đâu. Chàng đã khắc ghi trong óc sơ đồ của ông Vlachos và phối kiểm lại với sự mô tả của Panayis và chàng có thể đi trong bóng tối hoàn toàn mà không bị lạc đường.

- Cái gì thế kia, Đại úy? Miller vừa hỏi vừa chỉ tay về phía một tòa nhà lớn hình chữ nhật nổi lên ở chân trời.

- Hồ chứa nước đấy, Mallory trả lời. Theo lời Panayis thì nó chứa hai triệu lít, nếu cần chữa cháy, sẽ làm ngập cả hầm đạn ở ngay bên dưới, và cửa ra vào hầm thì luôn luôn khóa và được canh giữ nghiêm ngặt.

Bây giờ họ đang đi tới gần khu cư xá dành cho sĩ quan cao cấp, căn phòng của viên tư lệnh ở tầng hai, nhìn ngay ra một cái tháp đồ sộ bằng bê tông cốt sắt, đó là đài chỉ huy hoạt động của hai khẩu đại bác đặt ngay bên dưới. Mallory chợt dừng lại, bocc một nắm bùn chà mặt và bảo Miller làm y như chàng.

- Để nguy trang, chàng giải thích, tuy có vẻ sơ đẳng nhưng cần thiết cho chúng ta trong lúc này. Chỗ này có vẻ hơi sáng đấy.

Mallory bước nhanh lên bậc thềm và đi vội qua các cánh cửa đến nỗi muốn bứt chúng ra khỏi các bản lề. Người chỉ huy có nhiệm vụ giữ tấm bảng treo những chìa khóa ngạc nhiên nhìn chàng và bằng phản ứng tự nhiên hẳn ta dí họng tiểu liên ngay ngực chàng.

- Bỏ súng xuống, đồ ngu! Mallory sửa bằng tiếng Đức. Ngài Tư lệnh đâu? Mau lên thẳng ngốc! Ta có chuyện hết sức khẩn cấp cần báo cho ngài Tư lệnh!

- Ngài... ngài Tư lệnh! Người lính ấp úng. Ngài đã đi rồi mà... Tất cả đã ra đi cách đây một phút.

- Cái gì? Tất cả đều đi? Mallory vừa hỏi vừa nhìn người lính bằng cặp mắt nheo lại và nguy hiểm. Họ đã đi ra ngoài hết rồi sao?

- Vâng, tôi... tôi chắc chắn thế.

Hắn ta chợt ngưng bật khi Mallory đưa tay chỉ qua vai hắn vừa nói:

- Thế thằng nào còn đứng kia?

Người lính quay đầu nhìn lại. Nhanh như cắt, Mallory đã dấn mạnh vào gáy hắn. Trước khi nạn nhân gục xuống, chàng đã vơ vét tất cả xâu chìa khóa gắn trên bảng – có khoảng mười hai cái – và nhét vội vào túi. Chàng còn mất thêm hai mươi giây để nhét giẻ bịt miệng, trói tay chân người lính và nhốt hắn vào trong một cái tủ.

Bây giờ còn một trở ngại thứ ba nữa. Chàng không biết có bao nhiêu người canh giữ hầm đạn. Chàng và Miller bật đèn bấm lên khi đi ngang quan dàn súng phòng không. Thử hỏi có ai dám nghi ngờ hai viên sĩ quan cao cấp đang đi tuần tra thế kia, anh đèn pin lóe lên ngang dọc, một người luôn miệng nói bằng tiếng Đức với người kia có vẻ ít nói.

Chợt Mallory thấy hai bóng đen đang rời khỏi cánh cửa vào hầm đặt hai khẩu đại bác.

- Tốt lắm! Chàng thủ thủ nói với Miller. Chúng tiến lại gần ta và chỉ có hai đứa. Mỗi người chúng ta phụ trách một đứa. Nhớ nhé! Nhanh và không một tiếng động. Chỉ cần một tiếng la hoặc một tiếng súng nổ là hỏng việc hết. Và lạy Chúa, anh đừng dùng đèn bấm mà đánh nó nhé. Bên trong hầm không được soi sáng đâu.

Chàng đổi tay cầm đèn sang trái, tay phải rút trong túi ra khẩu Colt Hải quân, cầm sẵn ngay nòng súng.

- Có chuyện gì đây, Mallory hách dịch hỏi. Có ai tới đây không? Trả lời nhanh lên!

- Dạ, dạ. Không có chuyện gì xảy ra cả. Ngoài kia có gì mà ồn ào vậy, thưa sếp?

-Ồ lại bọn khủng bố quỷ quái người Anh đấy mà! Chúng đã giết lính canh cửa và hiện đã vào pháo đài. Các anh có chắc rằng không ai bén mảng tới đây không? Để tôi kiểm tra xem.

Chàng tiến tới cửa hầm, bật đèn pin soi ngay ổ khóa khổng lồ còn nguyên vẹn.

- Nhờ ơn Chúa, chưa xảy ra chuyện gì! Chàng lăm bắm.

Đoạn chàng quay lại, rọi đèn bấm ngay mắt người lính, giả vờ xin lỗi, tắt đèn đi, nhưng đồng thời bàn tay phải cầm nòng súng giáng mạnh báng súng xuống mang tai, ngay phía dưới mũ sắt của người lính. Người lính thứ hai chồm lên người chàng khi thấy đồng bọn bị sát hại, nhưng bằng một thế võ cận chiến chàng đã đánh gục hắn ngay tức khắc. Chàng bỗng giật mình khi nghe hai tiếng "bộp" khô khan của khẩu súng hãm thanh của Miller.

- Chúng thật quỷ quyết! Đại úy. Chúng còn một tên thứ ba núp trong bóng tối. Tôi chỉ còn cách duy nhất là bắn hạ nó.

- Anh hãy trói chặt hai tên này lại, Mallory vừa nói vừa rút các chìa khóa ra thử.

Thử đến chìa thứ ba thì mở được ổ khóa khổng lồ của hầm đạn. Chàng đưa mắt ra sau một lần chót. Không một bóng người và chỉ nghe tiếng động cơ xe tải cuối cùng đang lăn bánh ra khỏi pháo đài trong khi tiếng súng liên thanh vẫn còn nổ dòn từ xa. Andrea thật xuất sắc với vai trò được giao phó. Miễn sao anh ta đừng làm thái quá... dù sao anh ta cũng phải tính đường rút lui cho kịp lúc...

Mallory bấm đèn và bước vào trong hầm. Miller theo bén gót chàng.

Một cái thang bằng thép, thẳng đứng, đóng sâu vào vách đá, dẫn họ xuống tận hầm đại bác. Ở hai bên thang là những hệ thống mác trục kéo, với những sợi dây bằng kim loại bôi dầu bóng loáng, những đường rãnh bằng thép cũng trơn tru dầu mỡ để các bánh xe của máy kéo lên xuống dễ dàng. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là hệ thống vận chuyển đạn từ hầm lên tận hai khẩu đại bác.

Mallory bước xuống nên hầm đặt đại bác, quay ngọn đèn bấm soi một góc 180 độ. Đây là một hang đá rộng lớn, đúng hơn là một cái hầm nhân tạo đã được khoan sâu vào bên trong tận lòng núi. Bên ngoài cửa hang há miệng như con quái vật ngự trị khắp hải cảng và vùng biển

trước mặt. Hàm đại bác này ăn thông với hai hệ thống vận chuyển đạn lên xuống từ hàm đạn nằm sâu bên dưới trong bóng tối và cạnh đó là một cái thang bằng thép dẫn xuống sâu thẳm. Nhưng điều khẩn cấp bây giờ là dò xét xem có lính gác ở đây không và tính toán luôn đường rút.

Mallory đi dọc theo đường hầm, đèn bấm khi bật khi tắt liên hồi. Phải nói người Đức bậc thầy về gài mìn bẫy, nhất là để bảo vệ những cơ sở tối quan trọng như ở đây. Nhưng Mallory nghĩ rằng chúng không dám mạo hiểm gài mìn bẫy ở trong đường hầm này vì sợ rủi ro làm nổ sập hai khẩu đại bác.

Con đường hầm lúc nào cũng ẩm ướt, lối đi hơi chật hẹp vì choán bởi hệ thống ròng rọc chuyển đạn tới gần đuôi hai khẩu đại bác. Hệ thống ròng rọc cùng với đường hầm chột bẻ quặt sang trái ăn thông ra một hầm rộng hơn. Nóc hầm cao vút chìm đắm trong bóng tối. Còn dưới chân chàng, ánh đèn bấm soi sáng hai cặp đường ray đóng chặt trong nền đá chạy song song đen ngòm của hang đá đang há mồm ra ngoài đại dương.

Đầu các đường ray tận cùng bằng hai giàn thép khổng lồ, nơi dùng làm bệ đặt hai khẩu đại bác. Cả hai giàn đều quay được như một cái trục và cả hai đang nằm bất động như những con quái vật đang rình mồi, chỉ chờ cơ hội để khạc ra lửa.

Mallory tắt đèn bấm, khẩu súng bên tay phải cũng lơ đễnh chúc xuống đất, vì chàng biết chắc không có ai trong hầm này. Chàng bắt giác trở nên chậm chạp. Đó là sự chậm chạp của người đang mơ mộng, đang ngờ vực, không tin vào sự thành công của mình vì đã từ lâu cho rằng sứ mạng không thể hoàn thành được. Đó là sự chậm chạp lúng túng của người cuối cùng đang đứng trước một kẻ thủ đáng sợ, một kẻ thù khiến phải hy sinh bao nhiêu xương máu mới thấy được mặt nó. "Thế là cuối cùng thì tôi ở đây, Mallory lập đi lập lại hàng chục lần. Hai khẩu đại bác thành Navarone đang ở trước mặt tôi, hai khẩu đại bác mà tôi đến để phá hủy".

Vẫn chậm chạp, chàng bước tới gần hai khẩu đại bác, đi nửa vòng quanh cái bệ thép của khẩu bên trái, và chăm chú nhìn ngắm nó trong bóng tối lơ mờ. Chàng ngẩn ngơ kinh ngạc trước chiều dài của nòng súng, chu vi và kích thước mọi thứ bao bọc xung quanh. Hai họng súng thẳng tắp vươn dài, chĩa thẳng ra mảnh trời đêm ngoài lỗ hang. Lạy Chúa tốt lành! Các chuyên gia của tình báo Anh đã ước lượng đường kính của họng súng là chín pouces, nhưng tất cả đã lầm. Khẩu kính của chúng ít nhất là mười hai pouces. Ôi chỉ có người điên, những người mù mới phái tuần dương hạm Sybaris với trọng lượng mười ngàn tấn đến để nổ tan xác vì hai

con quái vật này.

Bất thành linh, giòng suy nghĩ của chàng bị cắt ngang và Mallory hoàn toàn bất động, cố nhớ lại tiếng động đã kéo chàng ra khỏi giấc mơ để trở về với hiện tại. Chàng nhắm mắt lại để nghe cho rõ hơn, những tiếng động đã im bật. Chàng chợt hiểu đó không phải là tiếng động, nhưng sự im lặng như tờ trong hầm đá này như đánh thức trong tiềm thức chàng sự cảnh giác. Ngay bây giờ, bên ngoài thành phố, có lẽ tiếng súng liên thanh đã im tiếng.

Mallory thầm khiển trách mình đã làm mất thì giờ quý báu. Andrea có lẽ đã rút lui và quân Đức sau một thời gian lục soát sẽ hiểu rằng bị đánh lừa. Chúng sẽ vội vã trở về pháo đài. Mallory nhanh nhẹn mở túi vải lấy ra một cuộn dây ruột thẳng bằng kim loại dài ba mươi mét. Dù sao cũng phải tính đến việc rút lui ra khỏi đây.

Cuộn dây trên cánh tay, chàng cẩn thận tiến ra cửa hang. Đi được được ba bước, đầu gối của chàng chợt va mạnh vào một vật cứng. Cố nén tiếng kêu, chàng đưa tay sờ soạng và chợt hiểu đó là một hàng rào sắt cao bằng đầu người chắn ngang cửa hang, mục đích để tránh tai nạn cho các chuyên viên kỹ thuật hoặc lính Đức không bị sẩy chân rớt xuống khoảng không nhất là ban đêm. Lúc trưa nay từ khu rừng cây mình quyết, chàng không thấy rõ chắn song này qua ống nhòm.

Chàng đi dọc theo hàng rào sắt đến tận đầu bên cánh trái, lách người qua và cột chặt sợi dây vào thanh sắt dọc gần vách đá. Chàng từ từ tháo dây dài ra, nắm chặt lấy nó và bước dần ra sát mé bờ hang. Chàng liếc nhìn xuống: ba mươi sáu mét vách đá thẳng đứng xuống tận hải cảng Navarone.

Xa xa, bên phải một hình thù trên mặt nước chỉ có thể là mũi nhọn của dãy Demirei. Thẳng tắp trước mặt chàng, phía bên kia eo biển Maldos. Mallory thấy lấp lánh những ánh sáng có lẽ từ những ngôi nhà của các ngư dân. Phía trên đầu, chàng không thể thấy gì hết, bởi vì vòm núi đá che khuất hơn một nửa bầu trời. Bên dưới là bóng tối sâu thẳm và mặt biển đen như mực. Tuy nhiên chàng biết rằng trong hải cảng có những thuyền dài và hẹp của Hy Lạp và những tàu trinh sát của Đức. Sau mười giây để có cái nhìn bao quát như thế Mallory cúi xuống cột cái nút ghế để có thể ngồi ở đầu dây và đặt sát bờ vực. Nếu vì lý do thoát thân khẩn cấp, chàng chỉ cần đá một cái, là đầu dây sẽ rơi xuống vực và chỉ cách mặt nước chín mét, khoảng cách an toàn để khỏi chạm vào cột buồm của bất cứ tàu nào lưu thông trên cảng. Nếu cần họ phải nhảy từ trên độ cao chín mét xuống một boong tàu nào đấy dù có gãy chân cũng phải liều. Mallory ném một

nhìn lần chót vào màn đêm tối đen như địa ngục và rừng mình thầm cầu xin Chúa đừng để cho chàng và Miller thoát thân theo kiểu đó.

Lúc Mallory từ đường hầm trở lại thì Dusty Miller đang quỳ gối trên đường hầm, gần đỉnh cầu thang thép dẫn xuống kho đạn. Anh ta đứng lên thì thấy Mallory và vừa nói vừa chỉ vào những sợi dây điện, dây chì, những ngòi nổ và những chất nổ đã bị Panayis nén phá hư.

- Tôi nghĩ rằng bọn Đức sẽ hạnh phúc với những quà tặng này.

Anh ta cầm quả mìn tự động mà công tắc đã bị bẻ cong leo xuống thang vừa nói:

- Phải gài quả mìn thối ngay giữa hai hàng núp này.

- Anh muốn đặt đâu thì đặt. Mallory nói. Miễn đừng quá lộ liễu bên ngoài hoặc khó kiếm. Làm như thế nào cho chúng phải vất vả mới phát giác ra được những quả mìn này.

- Vâng, vâng! Miller nói. Chúng ta cứ làm như không biết những vật liệu nổ đã bị gián điệp phá hỏng và vẫn mang ra sử dụng. Khi phát hiện ra điều ấy, chúng sẽ vỗ vai nhau khen ngợi và chúc mừng nhau, không cần tìm tòi những chỗ khác nữa.

- Tốt lắm, Miller. À mà anh có khóa cửa trên đỉnh hầm chưa đấy?

- Ồ! Làm sao tôi quên được. Miller nói bằng giọng trách móc. Đại úy, đôi khi tôi tin rằng...

Nhưng Mallory không bao giờ biết được Miller tin gì bởi vì ngay lúc đó một tiếng động lớn vang lên qua hầm đại bác và hầm đạn. Hai người hốt hoảng nhìn nhau trong khi tiếng động kia lập đi lập lại.

- Chúng ta có khách, Mallory lẩm bẩm, những người khách trang bị bằng búa của thợ rèn. Lạy Chúa! Cầu mong sao cánh cửa sắt kia chịu đựng khá lâu!

Chàng và Miller chạy dọc theo hành lang dẫn ra chỗ hai khẩu đại bác.

- Làm thế nào mà bọn chúng trở về đây sớm thế? Miller hỏi.

- Quỷ bắt tên gián điệp Panayis! Mallory trả lời vừa kéo Miller vượt qua chấn song sắt và ra

ngoài miệng hang. Chúng ta khá ngu dốt nên tin rằng hắn đã nói hết sự thật. Nhưng hắn vẫn cố tình giấu một điều là khi mở cửa đường hầm, chuông báo động sẽ reo lên ở đài trực Sở chỉ huy pháo đài.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

ĐÊM THỨ TƯ

21g15 – 23g45

Nhẹ nhàng, khéo léo, Miller cho sợi dây lõi bằng kim loại tiếp tục trôi xuống, sợi dây mà khi này Mallory đã cột một đầu ở chấn song sắt, trong khi đó Mallory đang ngồi trên cái nút ghế đu xuống dần dần. Mười lăm mét, Miller ước lượng, rồi mười sáu, mười tám và cuối cùng khi sợi dây nhỏ làm hiệu buộc vào cổ tay của anh ta được Mallory giật giật vài cái, anh ta hiểu ý, cúi xuống dùng sức thắt chặt sợi dây kim loại vào chấn song.

Kế đó anh ta nắm chắc dây bằng hai tay, lắc sang trái rồi sang phải, thoát đầu từ từ rồi tốc độ tăng dần. Bên dưới, Mallory ngồi trên nút ghế đu đưa như quả lắc đồng hồ.

Phía sau Miller, những tiếng động cửa vẫn không ngớt vang lên. Bằng hết sức lực của đôi cánh tay rắn chắc, Miller cố làm sao đưa cho Mallory càng lúc càng tới gần sợi dây do Brown từ trên bao lơn của ngôi nhà ném ra.

Bây giờ thì Mallory đang ở lưng chừng giữa miệng hầm đại bác và biển đen thẳm. Chàng vẫn lắc lư qua lại và sự dao động càng lúc càng lớn. Mới khi này, chàng vừa đập đầu vào một chỗ lồi của vách núi làm chàng suýt ngất xỉu và suýt buông dây ra. Vết thương mà mới đây Turzig đã gây cho chàng lại há miệng ra do cú va chạm vừa rồi, máu lại đầm đìa trên mặt chàng.

Tuy nhiên Mallory không bận tâm gì đến vết thương hay đến máu đang chảy cả vào mắt. Điều mà chàng bận tâm là sợi dây của Brown. Nó có đó không? Có điều gì rủi ro xảy ra cho Casey Brown? Nếu không có dây thì mọi hy vọng coi như tắt. Chàng và Miller không còn cách

nào để vượt qua khoảng cách mười hai mét giữa ngôi nhà và vách pháo đài. Đã ba lần khi sợi dây đu đưa qua bên phải, chàng đã giơ thẳng cây sào tre qua bên kia nhưng chỉ nghe nó quào quào vô ích vào đá.

Cuối cùng đến lần thứ bốn, chàng đã với tới đa toàn thân và cánh tay thì cảm thấy móc sắt ở đầu cây sào ăn vào sợi dây. Chàng giật sợi dây làm hiệu buộc ở cổ tay Miller và hai phút sau, chàng đã trở lên lại hầm đại bác. Hoàn toàn mệt mỏi vì đã phải leo lên mười tám mét dây ướt và trơn, chàng nằm sóng soài trên nền hầm trong khi Miller lo tháo nút ghế khỏi chân chàng, nối đầu dây của họ với đầu dây mới của Brown và thả xuống lại vực thẳm. Trong vòng hai phút, sợi dây được kéo lên mang theo bình ắc quy mà Casey Brown đã cẩn thận buộc chặt nhiều vòng, rồi sau đó một cái bao vải được chuyển đến cẩn thận và nhẹ nhàng hơn, đựng toàn bộ phạn nổ, mồi lửa và chất Nitroglycerine.

Mọi tiếng động đã ngưng. Những tiếng búa đập vào cánh cửa thép cũng đã hoàn toàn chấm dứt. Sự im lặng có cái gì đó còn đe dọa hơn sự ồn ào khi nãy. Phải chăng cánh cửa đã bị phá tung? Và phải chăng quân Đức đang lăm lăm những khẩu tiểu liên đợi họ trong đường hầm.

Nhưng Mallory và Miller không có thì giờ để đặt ra những câu hỏi và cân nhắc may rủi. Họ sống hay chết không quan trọng nữa!

Tay cầm khẩu colt 45, Mallory vượt qua chấn song, lặng lẽ đi ngang qua hai khẩu đại bác, đi vào trong đường hầm và đi được nửa đường bật đèn bấm lên. Không có ai trong hành lang và phía trên miệng đường hầm, cánh cửa vẫn còn nguyên vẹn. Chàng leo nhanh lên thang và nghe ngóng đằng sau cánh cửa thép. Hình như chàng nghe có tiếng nói và tiếng xì đều đều bên ngoài cánh cửa, nhưng chàng vẫn không chắc. Chàng cúi đầu tới trước để nghe rõ hơn, nhưng chợt lùi lại cố nén một tiếng đau: lòng bàn tay của chàng khi chạm vào vách cửa ngay gần ổ khóa đã bị hỏng.

Mallory tụt nhanh xuống đường hầm trong khi Miller lão đảo bước tới trên vai vác bình điện.

- Chúng đang đốt lửa, Mallory nói.

- Đại úy có nghe được gì không? Miller hỏi.

- Nghe tiếng xi đều đặn.

- Đó là loại đèn xi Hydro, Miller nói. Chúng đang cắt ổ khóa đấy, nhưng cũng phải mất một thời gian, vì cánh cửa này bọc thép.

- Tại sao chúng không giật nổ cánh cửa nhỉ?

- Chúng không chơi đại đâu, Đại úy. Chúng sợ làm nổ tung luôn căn hầm đại bác này. Đại úy cầm giúp tôi bình ắc quy này nhé.

Dusty Miller lại bị thu hút vào công việc chuyên môn của anh ta. Trong lúc này, Miller hoàn toàn quên nguy hiểm đang đe dọa và đoạn đường rút lui dọc theo vách núi đá. Anh ta chỉ có bốn phút để đặt chất nổ thực thụ. Còn những vật liệu nổ do quân Đức cho gián điệp lén phá hư, anh ta cũng đã gài khi nãy để đánh lạc hướng bọn chúng. Trong khi Mallory dứt cái bình ắc quy dưới sàn của máy trực đạn. Miller đu mình giữa hai đường ray bóng loáng dầu, xem xét kỹ lưỡng đường ray sau để tìm ra chỗ dừng lại của bánh xe máy trực. Miller cẩn thận lấy trong túi vải ra chất nổ TNT, mìn nổ, ngòi nổ và với đôi bàn tay nhà nghề chưa đầy hai phút chàng đã gài xong.

Khi bắt đầu sử dụng hai khẩu đại bác, việc trước tiên là các viên trợ xạ thủ sẽ cho máy trực xuống hầm đạn để trực đạn lên và sau đó vận chuyển đạn bằng hệ thống ròng rọc, lăn theo hai đường ray đến tận đuôi khẩu súng cho các viên xạ thủ. Như Miller đã tính toán, bánh xe sau của máy trực khi lăn theo đường ray đi xuống hầm đạn chỉ chần chạm nhẹ là... cả pháo đài nổ tung.

Mallory vừa rời khỏi hang thì Miller đang ngắm nhìn tác phẩm của mình với vẻ hài lòng. Anh ta lơ đãng vẩy vẩy mũi dao cách sợi dây điện chỉ một phân và nói:

- Đại úy biết không? Tôi chỉ cần chạm nhẹ mũi dao vào sợi dây điện này, cả pháo đài nổ trung trong đó có cả Mallory và Miller.

- Lạy Chúa! Anh hãy tránh xa ngay! Mallory hoảng sợ la lên. Và bây giờ chúng ta phải lo chuồn nhanh. Bọn Đức đã soi thủng ổ khóa được hơn nửa vòng tròn rồi.

Năm phút sau, Miller đã ra ngoài an toàn. Leo xuống đối với anh ta không khó khăn gì lắm bởi vì sợi dây đã được Brown căng một góc 45 độ.

Còn lại Mallory, chàng nhìn lần chót hai khẩu đại bác. Chàng tự hỏi có bao nhiêu xạ thủ, chuyên viên và lính Đức vào vị trí chiến đấu trong hầm này khi bắt đầu sử dụng đại bác. Họ đâu ngờ rằng cái chết đang chờ họ. Nhưng chàng lại nhớ đến một ngàn hai trăm người ở Khéros và các khu trục hạm của Anh sắp đi ngang qua trước khi hai hạm súng khổng lồ này. Không chần chừ hơn nữa, chàng nắm dây tụt xuống trong màn đêm. Đi được nửa đường, chàng nghe phía trên đâu, trong hầm đại bác những tiếng súng tiểu liên vang lên.

Miller giúp chàng leo qua bao lơn trong khi những tiếng súng nổ dồn đã vang lên mái ngói nhà họ đang ẩn náu.

- Nhanh lên Đại úy! Chúng ta phải đi khỏi đây ngay. Chắc chắn không có chuyện gì lành đâu!

- Phía bên kia xảy ra chuyện gì đấy? Mallory chỉ tay về phía cò súng nổ.

- Một toán tuần tiểu của Đức.

- Vậy chúng ta làm sao thoát ra khỏi nơi đây? Còn Andrea đâu?

- Andrea đang ở bên kia quảng trường và chính quân Đức đang bắn vào anh ta đấy.

- Phía bên kia quảng trường? Mallory kinh hãi thốt lên.

Chàng nhìn đồng hồ đeo tay:

- Anh ta làm gì ở đó? Tại sao các anh lại để Andrea đi?

- Tôi vừa mới xuống tới đây thì Andrea đã đi rồi, Miller nói. Hình như Brown đã thấy một toán tuần tiểu Đức đang lục soát từng nhà trên quảng trường này. Họ bắt đầu khám xét từ phía bên kia và kiểm tra hai ba căn cùng một lúc. Andrea dự đoán rằng bọn chúng sẽ đến đây trong hai hoặc ba phút nữa. Vì thế anh ta leo lên mái nhà để băng qua quảng trường.

- Để đánh lạc hướng chúng à? Mallory vừa nói vừa nhìn qua cửa sổ. Đứng kế bên chàng là Louki. Anh ta điên à? Anh ta sẽ bị chúng giết mất! Lính Đức đang bố trí khắp nơi. Ngoài ra chúng không dễ bị đánh lừa nữa. Chúng đã bị Andrea đánh lừa một lần trên núi.

Chàng đứng lặng yên vài giây, đoạn cúi xuống lấy khẩu tiểu liên Schmeisser.

- Andrea khó thoát được. Tôi sẽ đi hỗ trợ cho anh ta.

Nói xong, chàng quay lưng định bước ra bao lơn, nhưng bất ngờ Miller đã chặn ngay cửa.

Bằng giọng kính cẩn anh ta nói:

- Andrea đã dặn hãy để anh ta một mình. Anh ta sẽ tự xoay sở để thoát ra ngoài. Không ai được theo giúp anh ta dù trong trường hợp nào.

- Anh đừng tìm cách cản trở tôi, Miller! Mallory giận dữ la lên.

Chàng chỉ biết Andrea đang gặp nguy hiểm và phải đi cứu anh ta ngay. Cả hai đã từng chiến đấu với nhau từ nhiều năm. Chàng đã chịu ơn cứu sống của Andrea biết bao nhiêu lần.

- Đại úy chỉ làm cản trở anh ta! Miller nói.

Mallory đẩy Miller qua một bên, bàn tay đưa lên định đấm Miller, nhưng hai cánh tay của Louki đã nắm chặt tay chàng, vẻ mặt lo lắng.

- Miller có lý, anh chàng Hy Lạp nhỏ người nói. Đại úy không nên đến đó! Andrea đã nói rằng Đại úy nên dẫn chúng tôi ra hải cảng.

- Các anh hãy đi một mình, Mallory gắt gỏng. Các anh biết đường, các anh có sơ đồ mà!

- Đại úy bỏ chúng tôi sao?

- Tôi bỏ cả thế giới này để đi cứu Andrea. Tôi đã chịu ơn anh ta nhiều.

- Nhưng Đại úy sẽ làm Andrea buồn vì không làm theo lời yêu cầu của anh ta. Anh ta có thể bị thương, kể cả bị giết, và nếu Đại úy ra đó, Đại úy cũng bị giết. Và tất cả đều vô ích.

- Thôi tôi hiểu rồi, Mallory càu nhàu. Lý lẽ của các anh đã thắng.

- Đó là điều Andrea mong muốn, Louki nói thêm, mọi hành động khác sẽ...

- Thôi đừng thuyết giáo tôi nữa! Rõ rồi, quý ông. Tất cả chúng ta cùng đi.

Mallory đã lấy tự chủ. Chàng vạch ra kế hoạch.

- Chúng ta sẽ leo qua các mái nhà. Các anh hãy lấy tro trong bếp trét đầy mặt và tay. Trong bóng tối dày đặc này không được để lộ bất cứ một vật gì màu trắng và nhất là giữ im lặng tuyệt đối?

Đoạn đường năm phút dọc theo bức tường của cảng không gặp biến cố nào. Họ không gặp lính Đức mà cũng không gặp ai cả. Những người dân ở Navarone ngoan ngoãn tuân hành lệnh giới nghiêm và các con đường đều trống vắng. Andrea đã lôi cuốn sự chú ý của toán tuần tiểu về phía anh ta khiến cho chàng và cả nhóm trốn ra hải cảng được bình yên. Nhưng chàng chỉ lo lắng cho anh ta rủi ro bị quân Đức bắt. Khi cả nhóm đã lên bờ biển, chàng lại nghe tiếng súng liên thanh nổ xa hơn, tận bên đường đông bắc thành phố, phía sau pháo đài.

Đứng trước bức tường thấp bao quanh hải cảng Mallory hết nhìn đồng đội mình lại nhìn mặt nước thăm thẳm. Xuyên qua màn mưa vẫn rơi đều chàng cũng phân biệt được những chiếc thuyền dài thả neo tại cảng. Còn xa hơn nữa, chàng không thấy gì hết.

- Tôi không ngờ chúng ta lại chịu ướt một lần nữa. Chúng ta đều bị ướt vì mưa rồi.

Chàng quay sang Louki, cắt ngang lời anh ta lúc anh ta định nói gì về Andrea. Chàng hỏi:

- Anh có chắc tìm thấy nó trong bóng tối không?

Chàng muốn nói đến chiếc tàu trinh sát nhỏ dành riêng cho Tư lệnh Đức ở Navarone, một chiếc tàu trọng tải mười tấn, luôn thả neo tại chỗ đậu riêng, cách bờ biển ba mươi mét. Người thợ máy kiêm luôn bảo vệ ngủ trên tàu.

- Tôi đã nói rồi, Louki quả quyết. Đại úy cứ lấy vải bị mắt tôi thử xem tôi có tìm ra được nó không.

- Tốt! Tốt! Tôi luôn luôn đặt lòng tin vào anh mà. Này Brown, hãy cho mượn cái mũ của anh nhé!

Chàng đặt khẩu súng vào đáy mũ và đội lên đầu. Kế đó, chàng và Louki cùng lặng lẽ trầm

mình xuống nước và bơi bên cạnh nhau.

- Người thợ máy chắc đã thức dậy, tôi nghĩ như thế, Louki nói.

- Tôi cũng nghĩ thế.

Lúc ấy, tiếng súng đại liên lại vang lên từ xa, theo sau là vài tiếng chát chúa của khẩu Mauser, Mallory nói:

- Chỉ trừ phi điếc hoặc chết, tất cả những người dân ở thành Navarone này đều thức dậy. Này! Khi đến gần tàu, anh hãy bơi sau tôi và chỉ đến khi nào tôi gọi nhé!

- Tôi hiểu, Louki gật đầu nói.

Bóng lơ mờ của chiếc tàu viên tư lệnh sừng sững cách họ chưa đầy mười lăm mét. Mallory lặng lẽ tiến tới cho đến khi chàng gặp bóng người đang đứng trên boong, ngay phía sau buồng máy. Hắn ta đang bất động, nhìn về xa xa, hướng về pháo đài và thành phố trên cao. Mallory từ từ bơi vòng ra sau thuyền và dừng lại ở phía sau hắn. Chàng lột nón, lấy khẩu súng ngắn, tay trái vịn vào thành tàu. Khoảng cách chỉ hai mét, chàng biết chắc không thể bắn trật, nhưng chàng không nên bắn. Bởi vì tiếng súng và tiếng nạn nhân ngã xuống nước sẽ báo động bọn lính canh ở cửa biển.

- Nếu anh nhúc nhích tôi bắn, Mallory nói giọng trầm trầm, bằng tiếng Đức.

Người đàn ông giật mình, đứng lặng yên, tay vẫn còn cầm khẩu carabine.

- Hãy bỏ vũ khí xuống và không được quay lại, Mallory nói.

Người đàn ông vâng lời. Chỉ vài giây, Mallory đã leo lên boong, mắt và khẩu súng của chàng không rời khỏi lưng của người Đức. Chàng rón rén tới sau lưng, dùng báng súng đập mạnh vừa đưa tay nhẹ nhàng đỡ nạn nhân quy xuống. Ba phút sau, đồng đội của chàng đã lên tàu.

Mallory bước theo Brown vào buồng máy, nhìn anh ta soi đèn bấm vào động cơ Diesel to lớn với sáu ống xy-lanh bóng lộn dầu.

- Chà! Brown nói với vẻ cung kính. Thế mới đáng gọi là mô-tơ thật đẹp!

- Anh cho máy chạy ngay được chứ!

- Một phút đã, Đại úy. Để tôi liếc mắt xem!

Thong thả có phương pháp, với đức tính kiên nhẫn, tỉ mỉ của người thợ máy, Brown rọi đèn xem xét khắp buồng máy...

Mallory cúi xuống, vỗ vai Brown.

- Mười một giờ hai mươi rồi, Brown. Nếu các khu trục hạm của ta đi qua eo biển sớm, chúng ta có nguy cơ lãnh trọn hàng chục ngàn tấn đá rơi xuống đầu.

- Tôi đã sẵn sàng. Brown tuyên bố.

Và anh ta đưa tay chỉ bảng công tắc gồm nhiều cần, núm điều khiển, những con số và những ký hiệu.

- Loại tối tân!

- Càng hay, Mallory nói. Hãy cho tàu chạy, Brown!

- Nhưng các anh phải kiểm tra xem chỗ đặt đại liên cố định, đèn hiệu, thất lưng an toàn và phao.

Mallory đập tay lên vai Brown và cười lớn.

- Anh là người đại thận trọng. Chúng tôi sẽ kiểm tra lại.

Ba phút sau, chiếc tàu đã từ từ hướng ra biển, tiếng máy nổ rất êm với hai ống xy-lanh hoạt động. Mallory và Miller vẫn mặc quân phục Đức đứng phía trước, trên boong sát buồng lái. Còn cách khoảng chín mươi mét, đèn ở cửa biển bật chớp liên hồi.

Trong buồng lái, Brown đã trao tay lái cho Louki, còn anh ta cũng bấm còi theo tín hiệu morse trả lời đèn hiệu.

- Chà! Cả hai đều có nhiều chuyện để nói với nhau! Miller lắm bầm. Không biết cuộc trao đổi những tín hiệu xã giao này sắp chấm dứt chưa, Đại úy?

- Tôi nghĩ rằng cũng sắp chấm dứt rồi, Mallory trả lời.

Chàng bước vào buồng lái, Brown đã tìm mọi cách trả lời tín hiệu trong khi vẫn cho tàu lướt tới. Anh ta đã đi thêm được một đoạn đường khá lớn. Nhưng bây giờ chỉ còn ba mươi mét, họ không thể mạo hiểm hơn nữa, vả lại họ cũng không biết mật khẩu.

- Hãy cho tàu phóng hết tốc lực, Brown, Mallory nói.

Hai giây sau, chàng trở lại vị trí bên phải thuyền, tay cầm khẩu Schmeisser. Miller đã đứng vào vị trí phía sau khẩu đại liên.

- Đã đến lúc chúng ta phải ra tay, Miller. Hãy bắn tắt hết đèn pha! Đừng cho chúng có cơ hội làm chói mắt chúng ta.

Lúc chàng nói thì đèn hiệu thôi chớp. Hai ánh đèn pha từ hai bên cửa biển chợt lóe lên rồi chợt tắt ngúm ngay bởi loạt đạn bắn ra từ trên tàu.

- Có lẽ hai tên lính giữ đèn pha đã bị trúng đạn liên thanh của chúng ta rồi! Dù sao, chúng ta cũng rất may mắn.

Chàng trở vào buồng lái, Brown đã cầm lại tay lái, còn Louki đang vui vẻ hát mừng.

- Anh giỏi lắm, Brown! Mallory thành thật khen ngợi.

Chợt Louki nói với Brown:

- Anh hãy cho tàu chạy chậm lại, Brown! Andrea đã dặn tôi phải chờ anh ta ở đây. Các anh tưởng rằng anh ta dễ bị dồn vào chân tường trong thành phố sao? Không! Anh ta đã tìm mọi cách để lén ra tận bờ biển.

- Thật vậy sao, Brown? Mallory hỏi.

- Tôi cũng không biết, Brown trả lời. Cả hai người ấy đều nói chuyện với nhau bằng tiếng Hy

Lạp.

- Dĩ nhiên, dĩ nhiên... Mallory lẩm bẩm, và quay sang Louki. Nhưng anh có chắc rằng...

Mallory chưa nói hết câu chợt nghe có tiếng lộ bì bõm. Tất cả chạy dồn ra mạn thuyền và nhìn vào đêm tối. Vài phút sau, họ đã đưa tay kéo Andrea lên thuyền. Andrea đứng trên boong, người ướt đầm, nhưng nét mặt rạng rỡ tươi cười. Mallory kéo anh ta vào buồng lái và bật đèn trần.

- Thật là một phép lạ, Andrea. Chàng cảm động nói. Tôi cứ sợ không gặp lại anh. Chuyện xảy ra thế nào?

- Tôi sẽ kể cho các anh nghe sau, Andrea cười nói.

- Nhưng anh bị thương hả? Miller la lên. Vai của anh bị trúng đạn sao?

Một vệt máu đỏ loang dần trên vai áo ướt của Andrea.

- Thế à? Andrea làm ra vẻ ngạc nhiên. Bây giờ tôi mới biết. Ồ chỉ trầy da sơ thôi.

- Phải! Phải! Anh cho là trầy da thôi sao? Rồi nếu anh bị bắn đứt tay, anh cũng nói vậy sao? Hãy vào ca-bin! Nhân danh cựu y sĩ, tôi...

- Nhưng còn Đại úy...

- Đại úy cũng phải đợi, câu chuyện của anh sẽ kể sau. Viên y sĩ kỳ cựu này không muốn ai làm phiền bệnh nhân của mình. Hãy đi theo tôi! Ngoan ngoãn, Andrea bước theo Miller và để anh ta băng bó vết thương cho mình.

Brown lại cho máy nổ tối đa và hướng mũi thuyền về phía bắc, hầu như đến thật sát mũi vịnh Demirei để tránh tối đa đường đạn đại liên có thể bắn ra từ cảng. Kế đó, anh ta lái tàu sang hướng tây vài dặm, rồi đi về hướng nam và tiến vào eo biển Maidos. Đứng bên Brown, Mallory chăm chú nhìn phía trước. Chợt chàng thấy xa xa nổi lên một màu sáng bạc lấp lánh, chàng đưa tay chỉ và hỏi:

- Có phải đá ngầm không, Brown?

Brown nhìn rất lâu về hướng đó, đoạn anh ta lắc đầu, nói bằng giọng hoàn toàn điềm tĩnh:

- Sóng nước ở mũi tàu. Đại úy! Các tàu khu trục của ta đến rồi!



ĐÊM THỨ TƯ

NỬA ĐÊM

Hải quân Trung tá Vincent Ryan, thuộc Hải quân Hoàng gia, hạm trưởng khu trục hạm Sirdar, đưa mắt nhìn quanh căn phòng bản đồ, vừa vuốt râu vừa nghĩ ngợi. Trừ cái băng cướp mà khi ông còn là sĩ quan trẻ tuổi, cấp bậc nhỏ, phục vụ ở Hồng Kông đã giúp lực lượng an ninh bắt trọn ổ, ông chưa bao giờ thấy những người nào ghê gớm đáng sợ và nguy hiểm như nhóm người này. Đại tá Jensen đã nói với ông ta rằng họ là “những người cừ khôi nhất”.

Đại tá Jensen thật khéo chọn họ.

- Nếu các anh muốn xuống hầm tàu, trung tá đề nghị, ở đó có nước nóng, quần áo khô và giường nằm tiện nghi. Đêm nay chúng tôi không dùng đến.

- Cảm ơn Trung tá rất nhiều, Mallory nói.

Đoạn chàng do dự nói tiếp:

- Chúng tôi muốn được xem diễn biến tình hình sắp tới.

- Tốt lắm! Vậy thì mời các anh lên đài quan sát trên boong, trung tá Ryan vui vẻ nói. Nhưng khá nguy hiểm đấy nhé.

- Trung tá đừng lo! Chúng tôi đều có bùa. Miller nói. Không chuyện xấu nào có thể xảy đến cho chúng tôi được nữa đâu!

Mưa đã tạnh và các vì sao đã lấp lánh giữa những đám mây. Mallory thấy đảo Maidos bên tả mạn thuyền, còn khối đá Navarone lù lù bên cánh phải. Phía sau, cách vài chục thước hai tàu khu trục khác của Anh đang băng băng lướt sóng theo chiếc Sirdar. Quay sang trung tá Ryan, chàng hỏi:

- Không có tàu vận tải sao, thưa hạm trưởng?

- Không có tàu vận tải. Chỉ toàn là khu trục hạm. Phải nói đây là một cuộc đột kích. Tối nay chúng tôi không có thì giờ dạo chơi. Chúng tôi đã khởi hành trễ.

- Phải mất bao lâu mới di tản lính khỏi đảo Khéros, thưa hạm trưởng?

- Nửa tiếng.

- Thế nào? Một ngàn hai trăm người trong nửa tiếng? Mallory hỏi với vẻ ngờ vực.

- Còn nhiều hơn đấy, Trung tá Ryan thở dài. Hơn phân nửa số dân ở Khéros cũng xin đi theo, và chúng tôi sẽ giải quyết cho họ lên tàu luôn.

Mallory gật đầu, đôi mắt quan sát kích thước tàu khu trục.

- Hạm trưởng làm thế nào chở họ hết một lúc được?

- Câu hỏi của anh thật xác đáng, Trung tá Ryan nhìn nhận. Số người này so với chiếc xe điện ngầm năm giờ chiều ở Luân đôn thì có thấm thía gì. Nhưng dù sao chúng tôi cũng sắp xếp cho họ lên tàu hết.

Mallory lại gật đầu và nhìn về phía thành Navarone. Chỉ còn tối đa ba phút nữa sẽ thấy pháo đài. Chàng cảm thấy một bàn tay đung vào cánh tay chàng, Mallory quay lại mỉm cười với anh chàng Hy Lạp nhỏ con, có đôi mắt buồn.

- Không lâu hơn nữa đâu, Louki.

- Nhưng còn dân chúng, Đại úy! Dân chúng sẽ không bị nguy hiểm chứ? Louki hỏi nhỏ.

- Không, anh đừng lo. Miller quả quyết rằng chỉ có khối hầm đá nổ tung và phần lớn mảnh vụn sẽ rơi xuống biển.

- Nhưng còn tàu bè?

- Anh đừng lo! Sẽ không có ai ở trên thuyền cả. Anh biết rằng vào giờ giới nghiêm, họ buộc phải rời khỏi thuyền hết.

- Đại úy Mallory, trung tá Ryan nói. Tôi giới thiệu với anh: Đây là trung úy Beeston, viên xạ thủ đại bác của chúng tôi. Anh ta đang buồn chán lắm đấy.

Giọng nói của trung tá có vẻ lạnh lùng khiến Mallory có cảm giác ông ta không ưa thích viên sĩ quan xạ thủ này lắm.

- Thật thế, tôi rất buồn chán, Beeston nói, giọng cũng lạnh lùng, xa cách nhưng đượm vẻ nể nang. Tôi nghe nói rằng Đại úy đã khuyên hạm trưởng đừng nổ súng.

- Trung úy nói như đặc phái viên của đài BBC^[44], Mallory nói giọng khô khan. Nhưng anh nói đúng. Tôi đã khuyên Trung tá hạm trưởng. Các anh không thể nào dùng đèn chiếu để tìm ra địa điểm hai khẩu đại bác, như thế rất nguy hiểm. Nếu các ông bắn cũng thế, nguy hiểm về phần các ông.

- Tôi không hiểu Đại úy muốn nói gì, trung úy Beeston hỏi, lông mày dựng ngược trong bóng tối.

- Các ông sẽ tự làm lộ vị trí của mình, Mallory kiên nhẫn giải thích. Hai khẩu đại bác sẽ nghiền nát các ông ngay không lâu đâu. Tôi có đầy đủ lý lẽ để tin rằng xạ thủ của họ bắn hết sức chính xác.

- Bộ Tư lệnh Hải quân cũng cùng quan điểm với Đại úy, Trung tá Ryan nói xen vào. Chính viên đạn trái phá thứ ba đã trúng ngay hầm đạn ở đuôi chiếc tuần dương hạm Sybaris.

- Theo Đại úy thì nên giải thích sự chính xác đó như thế nào? Beeston vẫn bướng bỉnh hỏi.

- Đó là những khẩu đại bác được điều khiển bằng ra-đa. Chúng đặt hai cột ăng ten khổng lồ trên pháo đài.

- Chiếc Sirdar của chúng ta cũng vừa mới được trang bị một màn ảnh ra-đa từ một tháng nay. Tôi nghĩ rằng chúng ta cũng có thể bắn trúng mục tiêu nếu...

- Trung úy chỉ tốn công vô ích, Miller nói xen vào...

- Anh... anh là ai? Beeston mất bình tĩnh hỏi vặn.

- Hạ sĩ Miller! Anh chàng người Mỹ trả lời, không chút bối rối. Thưa Trung úy, chính tôi là kẻ tận mắt thấy hai khẩu đại bác nằm trong một hệ thống đường hầm với diện tích mười lăm cây số vuông toàn bằng đá.

Sau một lúc im lặng, Beeston lăm bầm vài tiếng rồi quay lưng bỏ đi.

- Các anh đã chọc giận viên sĩ quan xạ thủ của tôi, hạm trưởng mỉm cười nói, anh ta rất muốn trở tài bắn vào pháo đài Navarone. Nhưng tôi đã ra lệnh cấm nổ súng.

Bầu không khí im lặng bao trùm đài quan sát. Chỉ có tiếng sóng vỗ và tiếng kêu títtít của máy dò tàu ngầm đặt trên khu trục hạm. Mặt trăng vừa ló ra khỏi mây khiến cảnh vật trở nên sáng dần. Không ai nói lẫn cử động. Mallory ý thức sự hiện diện của Andrea bên cạnh chàng, và đằng sau là Miller, Brown và Louki. Chưa bao giờ chàng cảm thấy hạnh phúc còn hơn cả ở nhà như lúc này. Chàng đã có Andrea và các bạn hữu mới xung quanh. Chàng và các bạn vừa hoàn

thành một sứ mạng không thể được... Làm sao mà họ không sung sướng được. Rồi đây mỗi người sẽ trở về với gia đình, chỉ trừ Andy Stevens... Như đoán hiểu ý của chàng, Andrea thì thầm:

- Lẽ ra có cả Andy Stevens ở đây ...

Ngay lúc ấy, Mallory ngược mắt lên trời. Một ánh lửa màu cam vừa mới lóe lên khỏi bức tường thành của pháo đài. Kèm theo đó là một tiếng rít ghê hồn khiến chàng liên tưởng tới một chiếc xe lửa tốc hành vừa ra khỏi đường hầm. Quả trái phá khổng lồ vừa được bắn ra nổ ngay trên mặt biển cách mấy tàu khu trục của Anh không bao xa, Mallory cắn môi đến bật cả máu. Bây giờ mới hiểu được chiếc Sybaris trước đây đã bị xóa sổ như thế nào. Chàng thấy viên trung úy xạ thủ nói điều gì với trung tá hạm trưởng. Và cả hai nhìn chàng và chàng nhìn lại họ bằng cặp mắt đờ đẫn. Chàng bàng hoàng tự hỏi liệu quả đạn thứ hai sắp được bắn ra chưa... Trừ phi... Chàng thấy trong đầu óc hiện lên hình ảnh hầm đạn nằm sâu hút trong lòng núi đá. Nơi đó có những con người đã bị kết án tử hình mà không biết. Chàng thấy những bánh xe ròng rọc đang chuyển động đưa những quả đạn to lớn lên máy trục, chàng lại thấy máy trục từ từ hạ xuống, chàng thấy những sợi dây điện trần trụi trở ra cách bánh xe vài phân, chàng thấy bánh xe bóng loáng lăn từ từ dọc theo đường ray thép và đung khẽ...

Một cột lửa trắng xóa nổi lên, cao hơn trăm mét trong bầu trời đêm, cùng một lúc với tiếng nổ rung chuyển cả hòn đảo. Cột khói trắng như hình nấm chụp trên đầu thành Navarone tiếp theo đó là cả khối núi đá rung chuyển với hàng trăm ngàn tấn đá rơi ầm xuống biển cuốn trôi theo hai khẩu đại bác thành Navarone.

Bên tai họ còn văng vẳng tiếng vang dội huyền bí. Trên trời những đám mây chia tay nhau để lộ ra một vầng trăng tròn, tràn đầy nhựa sống đang thả những làn ánh bạc xuống chiếc khu trục hạm Sirdar. Trước mặt họ, xa xa hòn đảo Khéros đang mơ mộng trên sóng nước, tắm ánh trăng sữa huyền bí và ngọc ngà.

HẾT

[1] S.O.E. (Opérations subversives): chuyên tiến hành những hoạt động phá hoại.

- [2] Caire: thủ đô Ai Cập.
- [3] Alexandrette: thành phố cảng của Thổ Nhĩ Kỳ.
- [4] Alexandrie: thành phố cảng của Ai Cập.
- [5] Crète: tên hòn đảo của Hy Lạp ở Địa Trung Hải.
- [6] Alpes: Dãy núi hùng vĩ nhất châu Âu, trải dài từ Địa Trung Hải lên đến tận Trung Âu.
- [7] Australie: nước Úc
- [8] Groupe d' Action lointaine du désert: Đội quân đặc biệt hoạt động xa ở vùng sa mạc.
- [9] Egée: thuộc Địa Trung Hải, giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.
- [10] Sporades và Dodécanèse: tên các quần đảo của Ai Cập vùng biển Egée.
- [11] Chimbarazo và Catapaxi: Tên hai núi lửa trên dãy núi Andes ở Nam Mỹ.
- [12] Axe: phe Trục gồm phát xít Đức, Nhật, Ý.
- [13] Stuka: loại phóng pháo cơ của Đức chuyên bổ nhào từ trên không xuống mục tiêu.
- [14] Athènes: Thủ đô của Hy Lạp
- [15] Pirée: Hải cảng của Athènes.
- [16] Cyclades: Quần đảo của Hy Lạp trong vùng biển Egée.
- [17] Berlin: thủ đô của Đức Quốc xã.
- [18] Royal Air Force: Hãng Hàng không quân lực Hoàng gia Anh.
- [19] Chypre: Đảo Síp ở Địa Trung Hải.
- [20] Olympe: tên một ngọn núi ở Hy Lạp.
- [21] Castelrosso: tên một hòn đảo nhỏ của Hy Lạp.
- [22] Hydravion (thủy phi cơ): loại máy bay có thể đậu trên mặt nước và bay lên.
- [23] Gin: tên loại rượu chế tại Anh và Hà Lan.
- [24] P.C: Poste de Commendement: Sở chỉ huy.
- [25] Rhodes: tên một hòn đảo của Hy Lạp trong vùng biển Egée.
- [26] Eton và Sandhurst: Tên hai thành phố của nước Anh.
- [27] Tên các loại súng tiểu liên và súng lục.
- [28] Moselle: tên một loại rượu nho của Pháp.
- [29] T.N.T: viết tắt của chữ Trinitrotoluene: loại chất nổ rất mạnh.
- [30] Anatolie (tiếng Hy Lạp) có nghĩa là “mặt trời mọc” tên gọi miền Tiểu Á ở phía tây châu Á và phía nam biển Đen.
- [31] Rommel: Thống chế Đức trong quân đội của Hitler.
- [32]-² Samos và Vathy – tên các hòn đảo trên biển

- [34] SS (Viết tắt của chữ Schutz – Staffel): tên lực lượng cảnh sát đặc biệt của chế độ phát xít Đức, thường quản lý các trại tập trung và các lãnh thổ do Đức chiếm đóng
- [35] Prosit. Auf Wiedersehen: Uống mừng sức khỏe! Chào tạm biệt (tiếng Đức)
- [36] Oscar: Tên giải thưởng điện ảnh lớn tượng trưng bằng một pho tượng nhỏ được trao tặng hàng năm ở Hollywood thuộc Los Angeles (Mỹ) cho những tài năng lớn trong năm.
- [37] Baltimore: tên một thành phố của Mỹ.
- [38] Tổ chức điệp vụ phá hoại (Operations Subversives).
- [39] Himalaya: Dãy núi hùng vĩ nhất thế giới, chiều dài 2700km, chiều rộng giữa Ấn Độ và Tây Tạng là 350km. Trong đó, có ngọn Everest (8882m) cao nhất thế giới.
- [40] Genève: tên một thành phố Thụy Sĩ. Quy ước về tù binh và những người bị thương trong chiến tranh, được ký kết tại đây.
- [41] Alpes: dãy núi hùng vĩ ở châu Âu.
- [42] Transylvanie: tên một dãy núi cao ở Rumani.
- [43] Alpes bernoises : một phần núi Alpes chạy qua Berne (thủ đô của Thụy Sĩ).
- [44] B.B.C (British Broadcasting Corporation): Đài phát thanh Anh quốc.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>